

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Tòa Thánh Tây Ninh

LƯỢC SỬ KHAI ĐẠO
Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Xuất bản lần thứ nhất
Năm 2013 tại Hoa Kỳ



MỤC LỤC

01	Lời nói đầu	05
02	Tiên báo Cao Đài Xuất Thế	06
03	Người Đệ tử đầu tiên	09
04	Thời kỳ xây bàn	15
05	Thời kỳ Phò Ngọc Cơ	21
06	Đại nguyên căn	30
07	Thờ Thiên Nhân	38
08	Hóa độ các Môn đồ	45
09	Thiên phong Chức sắc	48
10	Môn đệ đầu tiên	53
11	Các Đàn cơ Phổ độ	61
12	Chuẩn bị Khai Đạo	65
13	Đại lễ Khai Đạo	75
14	Một năm truyền Đạo	84
15	Danh sách Chức sắc	86
16	Thánh địa Tây Ninh	90
17	Hội Thánh Ngoại Giáo	99
18	Lịch sử xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh	109
19	Đại lễ khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh	115
20	Lễ khánh thành Thánh Thất Nam Vang	117
21	Những huyền diệu trong thời kỳ Khai Đạo	125

PHỤ CHÚ

01	Tôn chỉ Đạo Cao Đài	143
02	Sơ lược về Tổ Chức trong Đạo Cao Đài	150
03	Thờ và Cúng trong Đạo Cao Đài	154
04	Lời Minh Thệ	158
05	Đại Ân Xá kỳ ba	163
06	Phép Giải Oan	170
07	Phép Độ Hồn	174
08	Sơ lược về kinh Tận Độ Vong Linh	180
09	Công quả hành đạo cứu Ông Bà Cha Mẹ	201
10	Những ân huệ trong Đại Ân Xá Kỳ Ba	210
11	Tam Lập	218

Lời Nói Đầu

Vào năm 1930, Tiên Phụ là Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có biên soạn quyển “Đại Đạo Căn Nguyên” nói tóm tắt về diễn tiến của nền Đại Đạo từ lúc mới bắt đầu Xây Bàn cho đến lúc Khai Đạo. Hôm nay, chúng tôi xin triển khai quyển sách ấy bằng cách thêm vào một số chi tiết, với mục đích giúp các Huynh, Tỷ, Đệ, Muội mới bắt đầu tìm hiểu Đạo Cao Đài, có được một khái niệm sơ lược về sự hình thành của nền Đại Đạo này.

Để thực hiện mục đích trên, chúng tôi xin nhờ vào một số dữ kiện từ các tài liệu sau đây :

- Bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển do Hội Thánh ban hành,
- Quyển Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu,
- Bộ Đại Đạo Sử Cương của Hiền Tài Trần Văn Rạng,
- Bộ Đạo Sử Nhứt Ký của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng,
- Quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của soạn giả Đỗ Vạn Lý,
- Quyển Lịch Sử Đạo Cao Đài của soạn giả Lê Anh Dũng,
- Quyển Lịch Sử Đạo Cao Đài của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,
- và một số tài liệu sưu tầm riêng.

Chúng tôi xin thành thật tri ân những soạn giả đã dày công sưu tầm và nghiên cứu mà hôm nay chúng tôi có được những tài liệu quý giá dùng trong sách này mà chúng tôi cũng không liên lạc được để xin phép và cảm ơn.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã giúp đỡ chúng tôi trong việc hoàn thành và in ấn phổ biến sách này. Tuy nhiên có một số tài liệu trích dẫn vẫn chưa được sự kiểm duyệt của Hội Thánh nên khó tránh sai sót, do đó chúng tôi rất mong nhận được sự chỉ giáo của quý bậc cao minh cũng như của quý đồng đạo trong tinh thần đồng môn đùm bọc nhau cùng học cùng tu trong cửa Đạo

Xin thành thật tri ân.

HT Nguyễn Trung Đạo.

TIÊN BÁO CAO ĐÀI XUẤT THẾ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, được khai minh tại Việt Nam vào ngày RẪM THÁNG MƯỜI năm Bính Dần (19-11-1926) tại tỉnh Tây Ninh, bằng huyền diệu cơ bút của Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, mà người tín hữu Cao Đài thường gọi là Đức CHÍ TÔN.

Mặc dầu đến năm 1926 Đức CHÍ TÔN mới cho Khai Đạo, nhưng trước đó, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ để lời tiên tri báo trước khắp nơi, cho biết rằng Đạo Cao Đài sắp được khai minh. Có rất nhiều lời tiên báo. Xin đơn cử ra vài trường hợp điển hình.

1.- Thanh Tịnh Kinh

Trong quyển Thanh Tịnh Kinh thuộc Lão Giáo, có đoạn như sau :

“Thanh Tịnh Kinh hữu di tích. Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ. Thiên mạng phương khá truyền đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

Tạm hiểu : Kinh Thanh Tịnh có lưu lại dấu tích như sau. Công quả đủ sẽ được truyền pháp môn giải thoát. Người có Thiên Mạng khá truyền đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

2.- Kinh Minh Sư

Ngoài bìa của một quyển kinh Minh Sư bên Trung Hoa, xuất hiện vào khoảng cuối đời nhà Minh và đầu nhà Thanh, về sau mới được truyền sang Việt Nam, có ghi hai câu đối như sau :

Cao như Bắc Khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam Phương Đạo thống truyền.

Hai Câu Đối này khởi đầu bằng hai chữ CAO ĐÀI, tiên tri cho biết rằng Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại phương Nam của nước Trung Hoa tức tại nước Việt Nam, và qui hiệp tất cả các tôn giáo khác.

3.- Ngọc Lịch Minh Kinh

Ngọc Lịch Minh Kinh là một quyển kinh rất xưa ở Trung Quốc. Trong phần cuối của quyển kinh này có mấy câu thơ như sau :

Có duyên gặp Tam Kỳ Phổ Độ,
Muôn đời còn tử phủ nêu danh.
Ba ngàn công quả đặng viên thành,
Đơn thơ chiếu hiển vinh Thiên tước...

4.- Đàn Cơ Miếu Nổi

Trong quyển “Đại Đạo Căn Nguyên” của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, có đoạn ghi như sau :

Đàn tại Miếu Nổi (Bến Cát, Gò Vấp, Gia Định), đêm 17 tháng 6 năm Quý Hợi (30 Juillet 1923), Tào Quốc Cựu Đại Tiên giảng cơ dạy như sau :

“ Khá luyện cho nên Đạo kéo uống. Người sanh trong đời khó gặp đặng, vì Đạo là rất báu trong đời, không chi bì kịp. Chư như có phước, có duyên, nên mới gặp Đạo mở kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt chư như có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. ‘Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ Phổ Độ’. Tiên Thánh đều lâm phàm mà độ kẻ nguyên nhân. Chư như là kẻ nguyên nhân. Hễ thành tâm làm Đạo thì tự nhiên đặng”.

5.- Đàn Cơ Chùa Ngọc Hoàng

Cũng trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có ghi : “Đàn tại Đất Hộ (Chùa Ngọc Hoàng ở Dakao) đêm 22-7 năm Quý Hợi (2 Septembre 1923), Huê Quang Đại Tiên giảng cơ như vậy :

Huê phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,
Quang minh tứ hướng thượng tam tài.
Đại phước kim đơn thân đắc ngộ,
Đế quân giảng hạ nhữ vô tai”.

Câu “Tam Kỳ Đạo dĩ khai” có nghĩa là Đạo Kỳ Ba đã mở rồi,

ám chỉ Tam Kỳ Phổ Độ đã mở trước đó, với người đệ tử đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu (năm 1921).

* **Ghi Chú:** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Ngày 5 tháng 6, 1926, Đức Thích Ca Như Lai có dạy như sau :
“Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hồng khai, nơi ‘Tây Phương Cực Lạc’ và ‘Ngọc Hư Cung’ mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi ; ...”¹ .

Tháng 7-1927, Đức Chí Tôn có dạy cho biết như sau : “Thầy có hội chư Tiên, Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt Quốc”.²

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức CHÍ TÔN có dạy như sau :

- “Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn sáu chục năm trước, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn THẦY, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời”.³

- “THẦY chưa giáng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng Vạn Quốc”.⁴

1- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 19 - in năm 1972

2- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 88 - in năm 1972.

3- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 42 - in năm 1972.

4- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 51- in năm 1972.

Ngài Ngô Văn Chiêu NGƯỜI ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN

Người Việt Nam được điểm phúc làm người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Ngọc Đế là Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, biệt hiệu là Ngô Minh Chiêu.

1.- NGHE HỒNG DANH CAO ĐÀI: 1920

Đầu năm 1920 (4-2-1920), lúc còn trấn nhậm tại Tân An (trước khi đổi đi Hà Tiên), trong một đàn cơ thỉnh Tiên, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu được một Đấng Thiêng Liêng giáng cơ xưng tên là Cao Đài Tiên Ông dạy Đạo.

Ngày 1-3-1920 (11-1 Canh Thân), Ngài Ngô Văn Chiêu được thuyên chuyển ra Hà Tiên. Vốn là người mộ Đạo, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu thường lên núi Thạch Động để phò cơ thỉnh Tiên. Một vị Tiên Cô xưng là Ngô Kim Liên giáng cơ khuyên Ngài Ngô Văn Chiêu lo tu, nhưng Ngài chưa thấm nhuần chơn đạo. Vào đêm Trung Thu năm ấy (26-9-1920), đàn cầu Tiên được tổ chức tại nhà ông Lâm Tấn Đức, đồng tử là ông Lâm Tấn Đức và ông Cao Văn Sự. Có một vị Tiên Ông giáng cơ cho bài thơ :

Cao Đài minh nguyệt Ngô Văn Chiêu,
Linh lung vạn học thể Quan Diêu.
Vô thậm Sự Đức nhiệm ngao du,
Bích thủy thanh sơn tương đối tiếu.

Bài thơ điểm danh 4 vị hầu đàn (Chiêu, Diêu, Sự, Đức). Đây là lần thứ hai, Ngài Ngô Văn Chiêu nghe được hồng danh Đức Cao Đài.

Tùng sự tại Hà Tiên được non 8 tháng, ngày 26-10-20, Ngài Ngô Văn Chiêu lại được lệnh đổi ra làm Chủ Quận hải đảo Phú

Quốc, một hòn đảo còn giữ được đức tính của thời cổ xưa là “gia vô bế hộ”, nhà ở không cần làm cửa mà không bao giờ có kẻ trộm. Dinh quận Phú Quốc đặt tại thị trấn Dương Đông. Trên núi Dương Đông có chùa Minh Sư là Quan Âm Tự, cách dinh quận khoảng 500 mét.

2.- NGƯỜI ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN : 1921

Từ khi ra trấn nhậm ở đảo Phú Quốc, Ngài Ngô nhiều lần cầu Tiên trên Quan Âm Tự. Hễ khi Ngài hầu Đàn thì có Tiên Gia giáng cơ liền, không như trước kia phải cầu vài lần Tiên Gia mới giáng một lần. Một hôm vào cuối năm Canh Thân (1920), có một vị Tiên Ông giáng đàn, chẳng chịu xưng danh, bảo rằng nếu Ngài Ngô chịu làm đệ tử thì Tiên Ông sẽ truyền đạo cho, đồng thời dạy Ngài ngưng tụng kinh Minh Thánh. Nhờ sẵn ý từ trước, Ngài Ngô mừng biết gặp đấng Thầy Trời nên nhận lời làm đệ tử Tiên Ông và ngưng tụng kinh Minh Thánh.

Một hôm, Tiên Ông giáng cơ dạy Ngài phải lo tu và ăn chay thêm cho đủ 10 ngày một tháng. Ngài Ngô nghĩ rằng: “Mình đương làm quan, nay người này mời, mai người khác thỉnh, nếu chịu ăn chay 10 ngày, rồi sau rủi quên mà ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy mà được có kết quả thì cũng ráng mà ăn”. Đang phân vân về việc chay lạt, Ngài Ngô định bụng có dịp hầu đàn, sẽ bạch rõ sự tình với Tiên Ông. Lúc ấy vào cuối năm Canh Thân.

Vào đêm mừng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921), một người thợ bạc ở thị trấn có việc muốn lên Quan Âm Tự để cầu Tiên, đến mời Ngài Ngô chứng đàn. Hôm ấy, Ngài chưa kịp bạch hỏi chi thì Tiên Ông đã điểm danh và ban lệnh:

“Chiêu, tam niên trưởng trai”

Ngài Ngô rất bối rối, vì chưa chịu ăn 10 ngày mà nay Tiên Ông lại ra lệnh trưởng trai 3 năm. Ngài mới bạch cùng Tiên Ông:

“ Bạch Tiên Ông, Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng, song xin Tiên Ông bảo hộ đệ tử, chớ trường trai 3 năm lâu quá chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không, và cầu xin Tiên Ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì xin có chứng quả chi mới được” Tiên Ông bảo cứ theo lời dạy rồi sau sẽ rõ.

Như vậy, kể từ mừng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921), Ngài Ngô Văn Chiêu khởi sự trường trai và học đạo cùng Tiên Ông. Và cũng từ mừng 1 Tết Tân Dậu, Ngài Ngô trở thành người đệ tử đầu tiên của Đấng Cao Đài Thượng Đế. Từ đó, Ngài Ngô được lập những đàn cơ riêng biệt (chỉ một mình Ngài dự hầu) để học đạo lý và đạo pháp. Tiên Ông dạy Ngài phải giữ bí truyền, chừng nào tới thời kỳ khai Đạo thì Tiên Ông sẽ dạy.

3.- THIÊN NHÃN XUẤT HIỆN: 1921

Đã là đệ tử của Đấng Cao Đài, nhưng Ngài Ngô chưa biết phải thờ Ngài ra sao. Một hôm Tiên Ông bảo Ngài tìm ra một biểu tượng để thờ. Như đã có ý chọn trước, Ngài Ngô đề nghị thờ “Chữ Thập”. Tiên Ông bảo Chữ Thập cũng được, nhưng dấu hiệu đó một nền Đạo đã dùng rồi. Ngài Ngô xin triển hạn một tuần để suy nghiệm, nhưng hết một tuần vẫn chưa nghĩ ra.

Một buổi sáng giữa tháng 3, năm Tân Dậu (13-3 Tân Dậu, 20-4-1921), vào khoảng 8 giờ, Ngài đang ngồi trên võng phía sau dinh quận, bỗng đâu thấy trước mặt hiện ra một Con Mắt thật lớn, chói ngời hào quang thật linh động, cách Ngài độ vài mét. Sợ hãi, Ngài lấy tay che mắt lại. Lúc sau, mở tay ra nhìn, Con Mắt vẫn còn, lại có phần sáng hơn. Ngài liền chấp tay vái đại ý như sau : “Bạch Tiên Ông, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhãn thì xin cho biến mất đi ”. Ngài Ngô vái xong thì Con Mắt lu dần rồi biến mất. Dù vậy, Ngài Ngô vẫn còn phân vân, chưa họa hình Thiên Nhãn để thờ.

Cách vài ngày sau, Ngài lại thấy Con Mắt hiện ra như lần

trước. Ngài khẩn hứa là sẽ vẽ Thiên Nhân để thờ, CON MẮT mới biến mất.

4.- ĐÂY ĐỦ HỒNG DANH TIÊN ÔNG: 1921

Năm 1921, sau khi thấy Thiên Nhân hiện hai lần, Ngài Ngô cầu cơ hỏi cách thờ phượng, được Tiên Ông dạy vẽ Mắt Trái y như đã thấy mà thờ. Tiên Ông cho phép Ngài Ngô gọi Tiên Ông bằng Thầy, và xưng danh hiệu là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Lần lần Đức Cao Đài truyền đạo cho Ngài Ngô tu. Ngài Ngô quyết chí tu hành, trường trai giới sát và nguyện rằng : Nếu được độ thành Đạo, Ngài sẽ lo độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người.

5.- THẤY CẢNH BÔNG LAI: 1924

Khi Ngài tu được 3 năm, một hôm Tiên Ông động viên Ngài :

Ba năm lao khổ độ nhứt nhưn,
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc.
Thương vì con trẻ hầy còn thơ,
Gắng chí tâm phượng biết Đạo mầu.

Một hôm khác, vào khoảng tháng Giêng năm Giáp Tý (tháng 2-1924), Tiên Ông hỏi Ngài Ngô muốn điều chi, Tiên Ông sẽ thuận cho. Ngài bạch đại ý như sau : “Bạch Thầy, nghe nói cảnh Bông Lai rất đẹp, Thầy có thể nào cho đệ tử thấy cảnh ấy được không”. Tiên Ông không trả lời.

Vài ngày sau, vào một buổi chiều, Ngài Ngô đang ngồi trên một tảng đá ngoài Dinh Cậu, cùng cặp bờ biển Dương Đông. Ngài hóng mát, mắt nhìn ra biển. “Bỗng chốc, Ngài trông thấy từ chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh thật là xinh đẹp. Cảnh ấy vừa khuất lại lộ ra cảnh khác. Sau cùng, Ngài thấy cảnh trên có Thiên Nhân sổ ngay xuống một hàng có Nhứt-

Nguyệt-Tinh cũng đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi coi mê mẩn quên lửng rằng thân còn ở chốn phàm trần. Được chừng 15 phút đồng hồ thì cảnh ấy lu lần lờn rồi biến mất”.

Đêm đó, Ngài hầu đàn cơ thì được Tiên Ông cho biết đó là cảnh Bồng Lai mà Ngài ước nguyện được nhìn thấy. Nhớ lại, đúng 3 năm trước, vào ngày mừng 1 Tết Tân Dậu, Đức Cao Đài ban lệnh : “Chiêu, tam niên trưởng trai” và căn dặn “Cứ làm theo lời dạy, rồi sau sẽ rõ”. Ngài Ngô đã chấp hành nghiêm túc, qua 3 năm tu hành tinh tấn, đến ngày nầy được Tiên Ông cho thấy cảnh Bồng Lai.

6.- CHUYỂN VỀ SÀI GÒN: 1924

Giữa năm Giáp Tý (1924), Ngài Ngô được lệnh chuyển về làm việc ở Sài Gòn. Trước khi rời đảo Phú Quốc, Ngài được Đức Cao Đài ban cho một bài thơ lục bát dài 20 câu, trong đó có những lời khen như sau :

Ba năm lòng sáng như son,
Trèo non xuống biển vương tròn công phu.

Và:

Giờ nầy Thầy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên.

Lời tiên tri “cõi rồng về nguyên” về sau được ứng nghiệm, khi Ngài Ngô liễu đạo trên một nhánh sông Cửu Long, lúc Ngài đang trên phà Mỹ Thuận vượt sông Tiền, vào năm 1932.

Rời đảo Phú Quốc ngày 29-7-1924 (28-6 Giáp Tý), Ngài Ngô Văn Chiêu về đến Sài Gòn ngày hôm sau 30-7-1924.

Ở Sài Gòn, Ngài Ngô sống kín đáo giữa chốn phồn hoa đô hội, hằng ngày đi làm ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ, tan sở về nhà tu luyện âm thầm, tứ thời tụng niệm. Phải chăng Ôn Trên chuyển Ngài Ngô về Sài Gòn để làm nhân tố xúc tác, trong lúc Thiêng

Liên tiếp tục ban điễn lành cho Ngài, để một năm sau, tại đây, cũng vào cuối tháng 7 dương lịch, Đức Chí Tôn khai mở nguồn đạo thứ nhì với các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang,...

Ngài Ngô vẫn là người rất nên dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ Ngài khuyên việc tu hành ; vì vậy mà mối Đạo ít người biết rõ. Ngài lựa trong bạn đồng chí những vị nào có ít nhiều đạo đức mà khuyên thờ Đức Cao Đài và chuyên việc tu tâm dưỡng tánh. Chư vị ấy là :

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ,
- Ông Phán Nguyễn Văn Hoài,
- Ông Phán Võ Văn Sang,
- Ông Đốc Học Đoàn Văn Bản.

Tuy nhiên, Ngài Ngô không truyền thụ pháp môn tu luyện cho các vị ấy, vì chưa có lệnh của Thầy.

Thời Kỳ XÂY BÀN

Vào đầu thập niên 1920, ở miền Nam Việt Nam có phong trào xây bàn, cầu cơ, tiếp chuyện với các vong linh ở cõi vô hình để họa thi, vịnh phú, hoặc lập đàn thỉnh Tiên để xin thuốc chữa bệnh.

1.- CÁC BUỔI XÂY BÀN ĐẦU TIÊN

Vào năm Ất Sửu (1925) quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang cùng làm việc ở Saigon, đêm đêm thường họp nhau ở một chỗ, khi đèn tịch, lúc ngâm thơ, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử lúc bấy giờ. Lối tháng Sáu năm Ất Sửu (5-6 Ất Sửu, 25-7-1925), do gợi ý của Ngài Cao Quỳnh Cư, ba Ngài và vài vị nữa trong gia đình, bắt đầu tập xây bàn theo kiểu Thần Linh Học ở Âu Châu, tại nhà Ngài Cao Hoài Sang, ở phố Hàng Dừa đường Arras (nay là đường Cống Quỳnh), gần chợ Thái Bình, Sài Gòn.

Trong việc xây bàn, ban đầu quý Ngài được người thân, cùng bạn bè đã qui vị, giảng diễn về chuyện trò cùng làm thơ xướng họa, rồi lần lần có các Đấng Thiêng Liêng giảng diễn ban cho thơ văn rất hay để dẫn lần vào con đường Đạo.

- Đêm đầu tiên (5-6 Ất Sửu), có nhiều vong linh nhập bàn, nhưng không có kết quả cụ thể.

- Đêm thứ nhì (6-6 Ất Sửu), có Chơn Linh Cao Quỳnh Lượng, con trai của Ngài Cao Quỳnh Diêu, nhập bàn chuyện văn một hồi, rồi sau đó đi mời Chơn Linh Cao Quỳnh Tuân đến.

- Chơn Linh Cao Quỳnh Tuân, thân phụ của hai Ngài Cao Quỳnh Diêu và Cao Quỳnh Cư, nhập bàn giảng diễn ban cho một bài thơ Đường Luật kể về chuyện gia đình của Ngài, rất

cảm động, làm cho tất cả quý vị có mặt phải mủi lòng, không cầm được nước mắt.

2.- CÔ ĐOÀN NGỌC QUẾ

Đêm 10-6 Ất Sửu (30-7-1925), có một Chơn Linh nữ giáng điển, xưng danh là Đoàn Ngọc Quế và cho một bài thơ tự thuật rất hay.

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai ?
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những nghề trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủ nợ xuống tuyền đài.
Dường sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai ?

ĐOÀN NGỌC QUẾ

Có một điều nên chú ý: Ngày 10-6 Ất Sửu (30-7-1925) Cô Đoàn Ngọc Quế giáng điển ban thơ, là đúng 1 năm sau Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú Quốc về đến Sài Gòn (30-7-1924).

Ngài Cao Quỳnh Cư thấy Cô làm thơ Đường quá hay nên mời Cô thường đến để xướng họa thơ văn. Cô gõ bàn trả lời bằng lòng. Buổi xây bàn có kết quả tốt đẹp nên ba Ngài hết nghi ngờ và tin tưởng là có Chơn Linh nơi cõi vô hình. Cả ba Ngài đều rất thích thơ Đường, nên sẵn có bài thơ của Cô Đoàn Ngọc Quế, mỗi vị liền làm một bài họa lại bài thơ của Cô.

Qua đêm 12-6 Ất Sửu (1-8-1925), Chơn Linh cô Đoàn Ngọc Quế tiếp tục giáng điển, chuyện văn một hồi rồi 3 Ngài xin kết nghĩa anh em với Cô. Cô bằng lòng và kính :

- Ngài Cao Quỳnh Cư làm Trưởng Ca,
- Ngài Phạm Công Tắc làm Nhị Ca,
- Ngài Cao Hoài Sang làm Tam Ca.

Phần Cô Đoàn làm Tứ Muội (Em gái thứ tư).

Tình cảm thân thiết ấy khiến các Ngài muốn tìm hiểu thêm về lai lịch của Cô Đoàn Ngọc Quế. Cuối cùng, Cô liệu khó giấu, nên phải cho biết tên thật lúc sanh tiền là V.T.L., sanh năm 1900, học trường Sainte Enfance, trình độ trung học Pháp, qui vị năm 1918 vì bệnh, an táng tại nghĩa trang vườn Bà Lớn.

Rạng sáng ngày sau, ba Ngài đi đến nghĩa trang vườn Bà Lớn và tìm được nhà mồ của Cô, rất nên đẹp đẽ, rõ ràng có tên của Cô là Vương Thị Lễ (đúng với 3 chữ mà Cô viết tắt V.T.L.) đề trên mộ bia. Máy Ngài mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ khấn vái với Cô, xin Cô theo về nhà, có ý thử coi ban ngày Chơn Linh Cô có thể giáng điển được hay không. Về đến nhà, ba Ngài đem bàn ra mà cầu Cô. Quả thật có Cô đến đàm luận, rồi nhìn nhận cái mộ mà ba Ngài đã viếng đúng là nơi xác cô an nghỉ, và cảm ơn ba Ngài đã viếng mộ Cô. Tất cả ba Ngài đều rất phấn khởi trong việc làm có kết quả tốt đẹp, và hiểu được sự bí mật vô hình mà ít người biết đến. Cô Vương Thị Lễ là con của ông Bà Vương Quan Trân, Cháu ngoại của Ông Bà Tổng Đốc Phương, và Cô kêu ông Vương Quan Kỳ là chú ruột.

Về sau, các Ngài được biết rằng Cô Đoàn Ngọc Quế chính là Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì, có nhiệm vụ dùng văn chương thi phú để dẫn dắt các Ngài vào đường Đạo.

Khi ấy, Ngài Cao Hoài Sang nói :

- Cô là Tiên, chúng tôi là phàm, vì không biết nên mới nhận Cô là Tứ Muội, xin Cô tha lỗi.

Thất Nương đáp :

- Sau này khi ngộ Đạo, Thiên Phẩm của ba Anh còn cao hơn Em nhiều. Chừng đó sợ Em không xứng đáng làm Tứ Muội của ba Anh.

Thật ra, lúc đầu, mấy Ngài cũng chưa tin mấy, người này tưởng

người kia giả mạo gạt mình. Nhưng về sau có nhiều điều huyền diệu thấu phục được lòng tín ngưỡng của các Ngài. Thấy rõ sự linh hiển và huyền diệu trong việc tiếp xúc với các Chơn Linh trong cõi vô hình, ba Ngài say mê trong việc xây bàn, đêm nào cũng hiệp nhau xây bàn cho tới khuya.

Về sau, những buổi xây bàn kế tiếp thường được tổ chức tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư ở đường Bourdais Sài Gòn (nay là đường Calmette). Có khi tổ chức ở hai bên cùng một lúc.

3.- CÁC ĐẮNG THIÊN LIÊM KHÁC

Sau Chơn Linh Cô Đoàn Ngọc Quế, có nhiều Chơn Linh khác cũng giáng điển cho thơ, và góp phần hướng dẫn các Ngài lần lần vào con đường Đạo, như là:

- Bát Nương Diêu Trì Cung (Hồn Liên Bạch),
- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình),
- Ông Quý Cao, một Chơn Linh đang tu học ở Cõi Trên,
- Lục Nương Diêu Trì Cung,
- Ông Cao Hoài Ân, thân phụ của Ngài Cao Hoài Sang,
- Nhân Âm Đạo Trưởng,
- Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt,
- Liêu Huê Tiên,
- Hồn Thọ Đình Hầu (Quan Vũ),
- Đại Thi Hào Lý Thái Bạch,...v.v...

GHI CHÚ:

Trong khoảng thời gian này, khi quý vị Tiên Khai dâng lễ khẩn vái vị Tiên hoặc Thánh nào thì được vị Tiên hoặc Thánh ấy giáng điển xuống chuyện vãn và cho thơ. Ấu cũng là sự an bày của Thượng Đế để thấu phục các vị Tông Đồ đầu tiên.

Đầu vậy, Ngài Cao Hoài Sang cũng rất thận trọng để đặt niềm tin cho đúng chỗ. Một hôm quý vị khẩn vái vong linh cụ Cao Hoài Ân (thân sinh của Ngài Cao Hoài Sang), tức thì có Cụ Cao

Hoài Ân giáng đàn. Ngài Cao Quỳnh Cư yêu cầu Cụ Cao Hoài Ân làm một bài thơ theo vận “Từ Thứ Qui Tào”, tức là theo vần : voi, mòi, còi, roi, thoi. Vận này rất khó họa. Chơn Linh cụ Cao Hoài Ân liền giáng điển cho bài thơ sau đây :

Thuyền khơi gió ngược khá nường voi,
Vận thối hầu nên đã thấy mòi.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rở,
Rừng tùng buổi trước một cây còi.
Hồng nường dặm gió chi sồn cánh,
Ngựa ruổi đường hoè khá nhọc roi.
Nín nấp chờ qua cơn bã cực,
Thìn lòng chúng có lượng đôi thoi.

Quý Ngài có mặt đều hết sức phục tài làm thơ của Chơn Linh Cao Hoài Ân. Từ đó Ngài Cao Hoài Sang mới thật tin nơi các Đấng Thiêng Liêng qua việc xây bàn và quyết tâm theo tiếng gọi thiêng liêng mà hành đạo.

4.- ĐẮNG AẢẢ

Sau một tháng kết mối duyên thơ, vào đêm 10-7 Ất Sửu 28-8-1925, khi ba Ngài vừa đặt tay lên bàn thì có một Đấng Thiêng Liêng giáng điển xưng tên là AẢẢ, rồi cho một bài thơ đầy ẩn ý :

Ớt cay, cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Khi Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi tuổi, thì Đấng AẢẢ gõ bàn mãi, đếm không xuể. Mọi người nói rằng chắc ông AẢẢ là một Đấng Thiêng Liêng ngôi vị lớn lắm, và không dám hỏi nữa.

Kể từ đó, Đấng AẢẢ thường giáng điển giảng dạy 3 Ngài nhiều điều rất thâm thúy. Khi có điều gì không hiểu nổi thì ba

Ngài cầu Đấng AĂĂ về, Đức Ngài giải thích rất rõ ràng khiến mọi người đều kính phục.

Một hôm, Đấng AĂĂ giảng diễn dạy rằng :

“ Muốn cho Bản Đạo đến thượng, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bản Đạo như sau :

- Một là đừng kiếm biết Bản Đạo là ai,
- Hai là đừng hỏi đến Quốc Sự,
- Ba là đừng hỏi đến Thiên Cơ.

Ba vị đều hứa giữ đúng theo 3 điều kiện trên. Kể từ đó, ba Ngài thường cầu Đấng AĂĂ về để học hỏi về thi văn.

Ghi Chú:

AĂĂ là danh xưng tạm của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng

Đế khi giảng diễn xuống các buổi Xây Bàn để tiếp xúc và cảm hóa các môn đồ đầu tiên của Ngài, trong khoảng thời gian từ hạ tuần tháng 7 năm 1925 đến ngày Noel 25-12-1925 (Ất Sửu). AĂĂ là 3 nguyên âm đầu tiên của vần quốc ngữ Việt Nam, tượng trưng Tam Thiên Vị, là khởi đầu của CKVT. Đó là Thượng Đế Ba Ngôi :

A là ngôi Thái Cực chúa tể Càn Khôn Vũ Trụ,

Ă là ngôi Dương chưởng quản Dương Quang,

Â là ngôi Âm chưởng quản Âm Quang.

Thời Kỳ PHỒ NGỌC CƠ

Xây Bàn là cách giao tiếp giữa người sống và các vong linh nơi cõi vô hình, theo cách thức của Thần Linh Học bên Tây Phương. Việc xây bàn đạt được kết quả rất chậm, rất lâu mới được một bài văn.

Do đó, sau khi Quý Vị Tiền Khai xây bàn một thời gian, Thất Nương Diêu Trì Cung mới hướng dẫn Quý Vị sử dụng Ngọc Cơ theo cách thỉnh Tiên của Tiên Giáo bên Tàu truyền qua.

1.- LỄ HỘI YẾN DIÊU TRÌ

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch (cuối tháng 9-1925), Thất Nương cho ba Ngài (Cư, Tắc, Sang) biết về Diêu Trì Cung: “Trên có Cửu Thiên Nương cai quản, dưới có Chín Tiên Nương mà Cô là Thất Nương, Hồn Liên Bạch là Bát Nương”. Ngoài ra, Cô còn chỉ các Ngài cách sử dụng Ngọc Cơ, và khuyên các Ngài ăn chay 3 ngày để cầu Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương vào đêm Rằm Trung Thu.

Đến ngày 15 tháng 8 âm lịch (2-10-1925), nhà Ngài Cao Quỳnh Cư được dọn dẹp khang trang, xông trầm hương trọn ngày cho tinh khiết. Đêm đến, các Ngài đều tụ lại đông đủ để làm lễ tiếp rước Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương (tức Đức PHẬT MẪU) và Cửu vị Tiên Nương.

Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương giá lâm, để lời chào mừng các Ngài có mặt. Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh ngày 15-8 Kỷ Sửu (6-10-1949) có thuật lại buổi lễ đó như sau: “Tuy buổi ban sơ mà dường như khối óc đã nhiễm nhiều rồi, nên Đức CHÍ TÔN mới ra lệnh biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt tiệc ấy để đãi 10 Đấng vô hình: Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Phần hữu hình có 3 người (Thượng Sanh, Thượng

Phẩm và Hộ Pháp). Sắp đặt tiệc ấy do tay Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu, vâng mạng lệnh tạo thành một cái tiệc, trên là Bàn Thờ Đức Phật Mẫu, ở dưới sắp 9 cái ghế như có người ngồi vậy. Chén dĩa, muổng đĩa, bất cứ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy, duy có ba người xác thịt là Thượng Sanh, Thượng Phẩm, Hộ Pháp.

Bần Đạo mới hỏi, tiệc ấy là tiệc gì ?

Ngài nói là : - Hội Yến Diêu Trì.

Bần đạo nghe nói vậy thì hay vậy chớ không biết giá trị của Hội Yến Diêu Trì là gì cả. Nghĩ chắc cũng có ảnh hưởng gì cần yếu đến tương lai của Đạo mà vâng lệnh thôi, chớ không hiểu nghĩa lý cho cùng cạn hết.

Ba người sống đồng ngồi ăn, còn Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu gấp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên Bàn Thờ cho Đức PHẬT MẪU cũng như người sống vậy”.

Đây là một việc hi hữu mà cả thế giới và các Tôn giáo trước kia chưa hề có : đó là một buổi tiệc giữa người và các Đấng Thiêng Liêng. Trong Đạo Cao Đài gọi đây là Lễ Hội Yến Diêu Trì.

Sau tiệc Hội Yến Diêu Trì, Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương giáng cơ cảm ơn ba Ngài, và sau đó mỗi Vị giáng cho một bài thơ 4 câu để làm kỷ niệm buổi Hội Yến đầu tiên. Các bài thơ này về sau được dùng làm bài Thái hiến lễ Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương trong lễ Hội Yến Diêu Trì Cung hằng năm tại Báo Ân Từ ở Tòa Thánh Tây Ninh, vào ngày Rằm Trung Thu (Rằm tháng 8 âm lịch).

Ngày Rằm tháng 8 Ất Sửu (2-10-1925) là ngày Lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu đầu tiên, và cũng là ngày Lễ Hội Yến Diêu Trì đầu tiên trong lịch sử Đạo Cao Đài.

Hằng năm, vào đêm Rằm Trung Thu (15 tháng 8 âm lịch), tại

Báo Ân Từ, Đền Thờ Phật mẫu trong Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh có tổ chức một buổi lễ long trọng gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, trong đó có một tiệc Dâng Tam Bửu (Hoa, Rượu, Trà) lên Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương và ba vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh. Đồng Đạo ở địa phương và ở các tỉnh về dự Lễ rất đông, đông đến đổi cơm và thức ăn phục vụ phải nấu bằng chảo đun (chảo rất lớn) và trộn bằng xoong xúc đất.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo đã nhiều lần nói về Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì Cung.

“Giờ phút này, Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tận thế gian này để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát. Ấy là Bí Pháp Thiêng Liêng, duy có tay Ngài (Đức Chí Tôn) định pháp ấy mới được”.

Ghi Chú:

Từ khi hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc cầu được các Đấng bằng Ngọc Cơ rồi thì hai Ngài thường dùng Ngọc Cơ hơn là xây bàn, vì phò Ngọc Cơ tiếp nhận Thánh Giáo rất mau, mau hơn rất nhiều so với xây bàn. Đó là bên nhà Ngài Cao Quỳnh Cư. Còn bên nhà Ngài Cao Hoài Sang thì hai Ngài Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu vẫn cầu các Đấng bằng lối xây bàn như lúc trước.

2.- VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO

Ngày 27-10 Ất Sửu (12-12-1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức Phật Mẫu) giảng dạy rằng :

“Mùng 1 này, tam vị Đạo Hữu Vọng Thiên Cầu Đạo”.

Ba Ngài (Cư,Tắc,Sang) cầu hỏi Thất Nương “Cầu Đạo” là gì, Thất Nương đáp :

- Không phải phận sự của Em, xin hỏi ông AẢẢ.

Ngày hôm sau, có các Đấng giáng về, ba Ngài hỏi nữa thì các Đấng ấy cũng trả lời :

- Không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông AẢẢ.

Đêm 30-10 Ất Sửu, Đức AẢẢ lâm đàn, dạy ba Ngài đêm mai mừng 1-11 Ất Sửu (16-12-1925) hãy vọng bái Đức Cao Đài Thượng Đế mà Cầu Đạo. Đây là lần đầu tiên ba Ngài nghe được danh CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ.

Vâng theo lời dạy của Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức PHẬT MẪU) và của Đức AẢẢ, đêm Mừng 1-11 Ất Sửu, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân trước nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, mỗi vị cầm 9 cây nhang nguyện rằng :

“Ba tôi Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh”.

Ba Ngài tịnh tâm van vái trước sự chứng kiến của thi sĩ Bồng Dinh tình cờ tới và của đông đảo khách qua đường. Đúng 12 giờ, thời Tý, ba Ông đồng xông trầm cho tinh khiết rồi ngồi vào bàn cơ. Đức Thượng Đế giáng cơ ban cho một bài thơ đầy ẩn ý :

Vọng niệm phân thù sự sự phi,
Cá lý thiên tâm thương thế nhĩ.
Thiên tâm thu hưởng cá trung cầu,
Quân vấn thiên tâm mạc tri tường.

Không hiểu ý nghĩa của bài thơ, ba Ngài mới cầu Đức AẢẢ xin giảng dùm. Đức AẢẢ giải thích : “Đức Cao Đài Thượng Đế nói tam vị chưa đủ đức tin về Ngài nên hỏi gạn lại. Tam vị phải nghĩ cho thấu”. Đức AẢẢ còn cho bài thơ sau đây để khuyên nhủ:

Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy cành dương hưởng đạo nhân.

Theo quyển Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc của soạn giả Thừa Sử Lê Quang Tấn thì cũng trong đêm Vọng Thiên Cầu Đạo, Đức Thượng Đế có giảng cơ phán dạy :

“Muốn được TA truyền Đạo phải gọi TA bằng THẦY cho tiện bề đối đãi, và TA gọi lại bằng Các Con. THẦY muốn dùng Các Con mà Khai Đạo, Các Con dám lãnh trọng trách ấy chăng ?”.

Ngài Phạm Công Tắc bạch: Thầy dạy bảo thì chúng con tuân lệnh, song chúng con từ bé chí trưởng chẳng thông đạo lý chi, duy nhờ THẦY dạy bảo bấy lâu thì sự hiểu biết chưa đặng trong muôn một, e chẳng xứng đáng mà thọ lãnh trách nhiệm lớn lao này.

Đức Cao Đài Thượng Đế phán : “Chi chi có THẦY gần bên Các Con, miễn là Các Con khứng chịu, gắng để trọn tấm lòng thành thì chẳng hề chi ”.

Cả ba đồng vâng chịu và xin Đức Cao Đài Thượng Đế chỉ bảo về phương thức thờ phượng. Sau đó ba Ngài hết lòng tôn kính Đức Cao Đài và lo dưỡng tánh tu tâm chuyên bề đạo đức.

Sau đêm Vọng Thiên Cầu Đạo, để củng cố đức tin và đạo tâm cho ba Ngài, Đức Thượng Đế cho các Đấng thường xuyên giảng dạy. Từ đây ý tứ trong các bài Thánh Giáo luôn luôn hướng về khuyến tu, giúp cho các Ngài thấm nhuần đạo lý. Tình đạo càng nồng sẽ khiến cho men đời càng phai nhạt.

- Ngày 4-11 Ất Sửu (19-12-1925), Đức AẤẤ giảng ban cho 2 bài thơ :

Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài,

Bởi đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc,
Gìn lòng tu tánh chớ đờn sai.

Có cơ có thể có tinh thần,
Từ đây Thần Tiên dễ đặng gần.
Dưỡng tánh tu tâm tua gắng sức,
Ngày sau toại hưởng trọn Thiên Ân.

Hai bài thơ trên cho biết rằng Đấng Cao Đài Thượng Đế đã chấp nhận lời khẩn cầu VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO của ba Ngài.

Cùng ngày, Đức Minh Nguyệt Tiên Ông (một tá danh của Đức Chí Tôn) ban cho bài thơ :

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một đạo tức một cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau một chữ hòa.

- Ngày 7-11 Ất Sửu (22-12-1925), Thất Nương tái ngộ với bài thơ đầy ý nghĩa và tình cảm :

Đã cùng nhau trót mấy lời giao,
Cách mặt mà lòng chẳng lãng xao.
Đường Đạo càng đi càng vững bước,
Cõi Thiên sau ắt hội cùng nhau.

- Ngày 8-11 Ất Sửu (23-12-1925), Lục Nương và Bát Nương cùng đến với những lời thơ thân mật và tự nhiên như bạn bè nơi cõi trần.

Bài của Lục Nương :

Cha chã hèn lâu chẳng viếng thăm,
E chư huynh trưởng trách em thăm.
Tuy xa cách mặt lòng không cách,
Buồn dỡ thơ hòa đọc lại ngâm.

Hai bài của Bát Nương :

Lửa lòng rưới tắt mướt nhành dương,
Vì nghĩa sơ giao phải đến thường.
Còn gánh đồ thơ tua vẹn giữ,
Bút dây oan trái chớ riêng thương.

*

Mừng nay Thanh Thủy giải dây oan,
Đường Đạo từ đây bước vững vàng.
Tình ái nhành dương đem rưới tắt,
Nắm tay điu dất cõi Tiên Bang.

(Thanh Thủy là hiệu của Ngài Cao Hoài Sang)

3.- GIÁNG SINH 1925

Đêm Giáng Sinh 24-12-1925 (9-11 Ất Sửu), trong khi các giáo đường rộn rịp đón mừng Lễ, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang lặn lẽ họp nhau tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để lập đàn cầu cơ.

Thất Nương giáng cơ truyền ba Ngài phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, ba Ngài nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giáng như vậy:

“ NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI
TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đăng

thấy đệ tử kính mến Ta như vậy.

Nhà này sẽ đầy ơn Ta. (Nhà Ngài Cao Quỳnh Cư)

Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”.

Đến đây, ba Ngài thắc mắc nên có lời bạch, cầu xin cho biết Đức AẢẢ là ai. Đức Cao Đài vui vẻ nói :

“Trước vẫn hứa lời không tìm biết danh Đại Tiên, sao nay còn hỏi”.

Tuy nhiên, đến ngày cuối năm dương lịch 31-12-1925 (16-11 Ất Sửu) thì các Ngài được biết AẢẢ là một tá danh của Đức Cao Đài Thượng Đế. Đức Cao Đài dạy :

“Bấy lâu THẦY vẫn tá danh AẢẢ là cốt để điều dắt các con vào đường đạo đức hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp THẦY mà Khai Đạo. Các con thấy THẦY khiêm nhường dưỡng nào chưa? Các con nên bắt chước THẦY trong mảy mún thì mới xứng đáng là con người có đạo đức”.⁵

Vào ngày 13-01-1926 (29-11 Ất Sửu) ba Ngài tái ngộ với Thất Nương, và có lời trách :

- Anh trách Em sao không nói thật AẢẢ là Ông Trời, Em thấy ba Anh như mù mà Em cứ gạt hoài.

Thất Nương: - Trời là Trời, Em là Em, Em rõ biết nhưng không dám lậu, nay ba Anh đặng vậy Em mừng.

Lục Nương an ủi và mừng ba Ngài đã hiểu Đạo :

Mừng nay đường Đạo đã êm chơn,
Vàng ngọc công khanh chẳng dám hơn.
Rượu cúc Bàn Đào chờ hội ẩm,
Thuốc Tiên lò tào giữ sanh tồn.
Bồng lai vắng mặt Tiên buồn nhớ,

5- Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn.Trung Hậu.

Dinh đảo nghiêng tai Thánh khải đờn.
Trước chẳng giữ ngôi, ngôi mới mất,
Cân phân thế tục phẩm chi hơn.

- Ngày 27-01-1926 (14-12 Ất Sửu), sau khi Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương đến độ ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang trong 7 tháng, xong rồi giao lại cho Đức AÃÃ, Quý Cô phải đi phổ độ nơi khác, nên Thất Nương lâu giáng. Hôm nay Thất Nương đến với bài thơ có đượm nét buồn như sau :

Bạc tình chi lắm hỡi ai ơi !
Bảy tháng chung vui đã mất rồi.
Khi hững trắng thơ khi gió sách,
Đền khuya nay luống một mình thôi.

Em tưởng ba Anh quên Em rồi chớ, buồn quá ! Trước sao thì sau vậy, lòng thương tưởng ba Anh, Em chẳng quên, Em buồn là từ đây ít đặng gần gũi nhau nữa. Em mắc lo cứu độ nơi khác, phận sự phải vậy. Em xin kiếu...

Cái bông Phù Dung sớm còn tối mất còn hơn một kiếp con Người, vì nó sống ngắn ngủi đường ấy mà buổi sống còn có cái sắc, chớ đời người sinh ra chỉ để thọ khổ mà thôi, chung qui ngó lại dầu sống trăm tuổi cũng chưa được một điều đặc chí, chết là hết, cái đời tạm nầy, sách Phật gọi là khổ hải.

Ghi Chú: - Cái đời tạm nầy, Phật Bà Quan Âm gọi là chốn đọa đày, Kinh Thiên Đạo gọi là biển trần khổ :

Giải thi lánh chốn đọa đày,
Chờn linh trong sạch ra ngoài Càn Khôn...

Kinh Hạ Huyệt

Biển trần khổ với với Trời nước,
Ánh Thái Dương gội trước phương đông...

Bài Khai Kinh

ĐẠI NGUYÊN CĂN

Mãi đến cuối năm 1925, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang mới được cho biết:

-Đấng AẢẢ chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ngoài ra, Ông Trên sắp xếp như sự cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thật là kỳ diệu. Các “Đại Nguyên Căn” với khả năng cần thiết được Ông Trên cho ổn định vị trí trong xã hội. Chừng đúng ngày giờ, các vị ấy mới ra nhận lấy nhiệm vụ Khai Đạo. Có rất nhiều trường hợp, ở đây chúng tôi chỉ nêu ra vài trường hợp điển hình về cách chuyển tâm Quý Vị Tiền Khai vào cửa Đạo.

1. NGÀI TRƯỞNG HỮU ĐỨC

Ngài Trương Hữu Đức là bạn cùng làm chung Sở Hỏa Xa với Ngài Cao Quỳnh Cư. Thuở còn xây bàn, Ngài có đôi lần đến nhà Ngài Cư để tham dự.

Ngài có tính hay nghi hoặc, nên để độ Ngài, Đức Chí Tôn cho Ngài trực tiếp nhận huyền diệu ân điển.

Trong bản tiểu sử tự viết của Ngài có những chi tiết như sau :

“ Trong lúc các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang bày cuộc xây bàn thì Đức còn hoài nghi cho rằng mấy ông bạn giả ngộ chơi nên không tin; về nhà, một mình Đức đem bàn ra, đặt tay lên xây thử để xin thi, tức thì có vong linh người anh nhập, nhưng thay vì cho thi lại cho hai vị thuốc. Đức uống thuốc ấy lành bệnh hậu trên 20 năm.

Qua ngày kế, vào lúc đúng Ngọ, trong khi thanh tịnh, Đức bắt chước ông Tắc chấp bút một mình và cầu nguyện xin thi. Có vị Minh Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho bài thi như sau :

Mình Đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn ao ước cái không hay.
Mừng cầu Âu Á càng thêm mặt,
Mừng nậu côn đồ đã chịu chay.

Đức chỉ xin được một bài thi đó thôi, sau chấp hoài cũng không được. Đức hết lòng tin tưởng, ăn chay luôn, phụng thờ Đức Cao Đài và hiệp cùng các đồng đạo đi phổ độ khắp nơi”.

Về sau, ngài Trương Hữu Đức hợp với Ngài Nguyễn Trung Hậu thành một cặp phò loan truyền Đạo, làm tướng soái đặc lực của Đức Chí Tôn.

“ Cặp cơ Hậu-Đức có nhiệm vụ chấp cơ truyền Đạo, mà mỗi đêm thứ bảy phải chấp cơ tại Thánh Thất Cầu Kho (Thánh Thất tạm nơi nhà Ông Đốc Bản) để cho thiện nam tín nữ đến hầu Đàn cầu Đạo. Đồng thời mỗi đêm khác đều phải đi phổ độ các nơi thôn quê sau khi mãn giờ làm việc, vì lúc ấy, Ông Hậu làm Giám Đốc trường Tư Thục, còn Đức thì làm công chức cho chánh phủ Pháp. Lắm khi phải đi suốt đêm, sáng về điểm tâm rồi đi làm việc luôn, nhưng vì sự tin tưởng nên không biết nhọc. Có nhiều đêm, Đức phải đi lên Gò Kén (Tây Ninh) để chấp cơ tại đó cho nhơn sanh nhập môn cầu Đạo. Lúc Đạo mới mở, Đức Chí Tôn chẳng những giảng cơ độ rồi nhơn sanh mà còn ban điển lành cho các đồng tử để chữa bệnh cho bốn đạo...”.

2. NGÀI NGUYỄN TRUNG HẬU

Ngài Nguyễn Trung Hậu, bút hiệu Thuần Đức, là một nhà giáo, và là một nhà thơ danh tiếng thuộc nhóm Ngũ Giang Thi Xã, cùng với cố thi sĩ Quý Cao (tên là Huỳnh Thiên Kiêu).

Vì Ngài Nguyễn Trung là bạn thơ của cố thi sĩ Quý Cao nên, để độ Ngài, Đức Chí Tôn dùng Chơn Linh Quý Cao để qua thơ văn tao nhã dẫn dắt Ngài vào đường Đạo.

Nghe tin Chơn Linh Quý Cao giáng đàn họa thơ của Cô Hồn Liên Bạch (Bát Nương), Ngài Nguyễn Trung Hậu từ Bình Hòa Xã tìm đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư ở phố Hàng Dừa, để thấp hương khấn vái bạn thơ quá vãng, liền được Chơn Linh Quý Cao giáng điển về và cùng với Ngài xướng họa thi chương.

Qua một buổi hầu Đàn khác, Ngài Nguyễn Trung Hậu được Đức AĂĂ điểm danh bằng một bài thơ tứ tuyệt :

Thuần văn chất Đức tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Đến hồi múa bút giục cờ mao.

(Có tài liệu ghi là: Đến hồi múa Việt giục cờ Mao. Theo thủ bút của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu thì là múa bút).

Một hôm khác, Ngài Nguyễn Trung Hậu bạch cùng Đức AĂĂ như vậy:

- Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được. Xin đem ra cho Ngài đối chơi.

Đức AĂĂ liền đáp :

- Bần Đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối ra không chững, quý vị chớ cười và niệm tình Bần Đạo mà chấn chỉnh lại cho.

Câu đối Ngài Hậu ra : “Ngồi yên ngựa đừng bò con nghé !”

Đức AĂĂ đối lại : “Cỡi lưng trâu chớ khỉ thằng tê !”

Câu đối Ngài Hậu ra : “Ngựa chạy mang lạc”

Đức AĂĂ đối lại : “Cò bay le bè”

Từ đấy Ngài Nguyễn Trung Hậu mới phục tài Đức AĂĂ, và hết lòng tin tưởng có người khuất mặt cũng như có các Đấng Thiêng Liêng thần thông quảng đại trong cõi vô hình. Chẳng bao lâu sau, Ngài trở thành đệ tử của Đức Cao Đài.

Sau đó ít lâu, nghe lời dạy của Đức Chí Tôn, Người xả thân đi

hành đạo cùng với các Ngài Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc, Lê Văn Trung, Trương Hữu Đức,...

3. NGÀI LÊ VĂN LỊCH

Ngài Lê Văn Lịch tu theo Minh Đường đến phẩm Dẫn Ân, đạo hiệu là Lê Xương Tịnh. Thân phụ của Ngài là cụ Lê Văn Tiếng, trụ trì Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, tu đến phẩm Thái Lão Sư, đạo hiệu Lê Đạo Long, đã đắc đạo phẩm Như Ý Đạo Thoàng Chơn Nhơn tại Tây Phương Cực Lạc.

Ngài Lê Văn Lịch đã tu theo Minh Đường, vì vậy mà để độ Ngài, Thượng Đế chỉ cần dạy cố thân phụ của Ngài là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn chuyển Ngài từ Minh Đường qua Cao Đài.

Đêm 22-11 Ất Sửu (6-1-1926), Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem Ngọc Cơ xuống Vĩnh Nguyên Tự để lập đàn cơ cho Đức Chí Tôn dạy đạo Ngài Lê Văn Lịch. Khi còn ở thế, Ngài Lê Văn Tiếng (thân phụ Ngài Lê Văn Lịch) có di chúc tiên tri rằng :

“ Ngôi Vĩnh Nguyên Tự, sau này sẽ có Thập Nhị Khai Thiên đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ”.

Vì vậy mà Ngài Lê Văn Lịch tiếp nhận lời dạy của Đức Chí Tôn một cách dễ dàng và vui lòng theo Đạo.

4. NGÀI LÊ VĂN TRUNG

Ngài Lê Văn Trung là một nhân vật chánh trị nổi tiếng binh vực quyền lợi cho dân chúng. Ngài được chánh phủ Pháp thưởng cho Bắc Đẩu Bội Tinh Độ Ngũ Đẳng, và sau đó cử lên làm Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương.

Đối với Ngài Lê Văn Trung là một người giàu sang danh vọng và có quyền chức, chỉ có bệnh tình nguy ngập mới để làm Ngài tỉnh ngộ hồi tâm.

Kể từ năm 1920, công việc làm ăn của Ngài Lê Văn Trung ngày càng thất bại. Ngày 06-10-1925, Ngài từ chức ở Thượng Nghị Viện Đông Dương. Lúc ấy, đôi mắt của Ngài lần lần bị yếu đi. Vì buồn bực thất chí, Ngài lại vương thêm tệ nghiện á phiện, bệnh mắt lại trầm trọng thêm.

Trong một đàn cơ thỉnh Tiên xin thuốc chữa bệnh ở Chợ Gạo, thuộc Chợ Lớn, Ngài được Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên khuyên nhủ lo tu hành, Ngài mới bắt đầu ăn chay và được Ôn Trên phù hộ bỏ được thuốc phiện và làm cho đôi mắt hết lòa. Vừa lúc Ngài khởi sự tin tưởng vào Trời Phật thì đột nhiên đàn Chợ Gạo được linh bế cơ.

May duyên đưa đến khi Ngài được nghe những huyền diệu từ nhóm xây bàn. Đêm 27-11 Ất Sửu (11-1-1926), Ngài tìm đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để xin hầu đàn, và được Đức Cao Đài ban cho một bài thơ tứ tuyệt :

Già trí đừng lo trí chẳng già,
Lương tâm mình biết hỏi chi xa.
Thêm đầu Trời ngó lòng như đạo,
Hư thiệt rồi nay cũng biết mà.

Ngày 5-12 Ất Sửu (18-1-1926), Đức Thượng Đế giảng cơ dạy các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem Ngọc Cơ vào nhà Ngài Lê Văn Trung, ở đường Quai Testard, Chợ Lớn (nay là Châu Văn Liêm) để Thượng Đế giảng cơ dạy việc. Ngài Lê Văn Trung rất hân hoan và vội vã sắp xếp thiết đàn.

Đức Thượng Đế giảng cơ dạy đạo và khuyên Ngài Lê Văn Trung nên lo tu hành. Ngoài ra Đức Thượng Đế còn cho biết rằng chính Thượng Đế đã sai Đại Tiên Lý Thái Bạch ban ơn chữa bệnh cho Ngài và diu dắt Ngài nơi đàn Chợ Gạo, xong nhiệm vụ, đàn này giải tán. Đức Thượng Đế lại dạy:

“ Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự

sáng mắt của con mà suy lấy ”(Đại Đạo Căn Nguyên).

Ngày 18-12 Ất Sửu (31-1-1926), Ngài Lê Văn Trung làm Lễ Thượng Thánh Tượng thờ THẦY tại nhà. Đức CHÍ TÔN giảng cơ chỉ cách sắp đặt vị trí thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Lý Thái Bạch và Đức Quan Thánh.

Trong dịp Khai Đàn này, Đức Chí Tôn có ban cho Ngài Lê Văn Trung bài thơ tứ tuyệt như sau :

Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên Thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên.⁶

Từ đấy, vâng theo Thánh ý của Đức Thượng Đế, Ngài Lê Văn Trung thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành đạo, hợp với hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đặng lo việc mở Đạo.

5. NHỮNG ĐỆ TỬ KHÁC

Việc Đấng Thượng Đế giảng diễn cho thơ và dạy về nhiều vấn đề, được loan truyền nhanh chóng trong giới trí thức và giới tu sĩ, khiến cho dư luận lúc bấy giờ rất xôn xao. Do đó, trong 7 tháng cuối năm Ất Sửu (Tính từ ngày 5-6 Ất Sửu, ngày khởi sự xây bàn), có nhiều vị lui tới nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để tìm hiểu về cơ bút, tuy chưa trở thành môn đệ của Đức Cao Đài, nhưng vẫn có nhiều thiện cảm, tin phục, và có thể sẽ lần lượt nhập môn sau này. Ngoài trường hợp của 4 vị kể trên đã trở thành đệ tử của Đức Cao Đài, xin kể ra sau đây những trường hợp khác.

1. Ngài Cao Quỳnh Diêu và hai người con là Cao Quỳnh Đức và Nguyễn Văn Thân tham gia xây bàn từ ngày đầu tiên (Thân là con nuôi, hiệu Huệ Chương). Là anh của Ngài Cao Quỳnh Cư, Ngài Cao Quỳnh Diêu về sau được Đức Chí Tôn ân phong

6- *Đạo Sử, Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, Quyển 1, trang 52&53.*

phẩm Bảo Văn Pháp Quân.

2. Bà Hương Hiếu (Hiền nội của Ngài Cao Quỳnh Cư) tham gia với nhiệm vụ thơ ký, lo việc nấu nướng, phụ trách may Thiên Phục, và dạy Đồng Nhi đọc kinh, về sau đắc phong phẩm Đầu Sư.

3. Ba ông Vương Hồng Sển, Nguyễn Văn Xuân và Đoàn Ngọc Quế (ông Đoàn Ngọc Quế trùng tên với cô Đoàn Ngọc Quế) vào đêm 11-6 Ất Sửu (31-7-1925) có đến quan sát việc xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang, và bắc ghế ngồi quanh bàn chung với 4 Ngài (Cư, Tắc, Sang, Diêu).

4. Hai ông Lê Thế Vĩnh và Phạm Minh Kiên là phóng viên nhà báo đến hầu đàn (đêm 26-9 Ất Sửu, tức 12-11-25) tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư. Đức AÃÃ cho hai người chung một bài thơ ngụ ý nói về nghề làm báo của hai ông. Về sau, Ngài Lê Thế Vĩnh đắc phong phẩm Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài.

4. Thi sĩ Bồng Dinh đến viếng nhà Ngài Cao Quỳnh Cư (đêm 29-10 Ất Sửu, tức 14-12-1925) để tìm hiểu về các Đấng vô hình. Ông có làm sẵn một bài thơ “Vịnh Mai” rồi đốt. Đức AÃÃ giảng diễn họa đúng vận và đúng ý, làm cho thi sĩ Bồng Dinh hoàn toàn khâm phục và tin tưởng về các Đấng vô hình.

5. Ông Yết Ma Luật (thế danh Nguyễn Văn Luật) chủ chùa Hội Phước Tự ở Cần Giuộc tìm đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để thử (vào ngày 2-11 Ất Sửu, tức 17-12-1925). Ông để một bài thơ 4 câu 3 vần ở trong túi áo, rồi vái Đấng AÃÃ linh hiển họa bài thơ của ông. Đấng AÃÃ giảng cơ họa đúng vận, đúng ý. Ông Yết Ma mới hoàn toàn trọn tin nơi Đấng Thiêng Liêng.

- Bài thơ của Ông Yết Ma Luật :

Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Cố đầu Tiên Phật giảng trần gian.

Văn hay chữ giỏi bài thi phú,
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.

- Bài họa vận của Đấng Thượng Đế :

Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùng, Tiên Phật giáng phạm gian.
Chẳng ai hay giỏi bài thi phú,
Chính thật Ta đây, Đấng Ngọc Hoàng.

7. Ông Phan Khắc Sửu, một nhà chánh trị nổi tiếng, đến hầu đàn (cùng ngày 17-12-1925) với một bài thơ 8 câu 5 vần mà 2 vần trên khác với 3 vần dưới. Ông đốt bài thơ trước đàn và xin Đấng AẤẤ họa vận. Đấng AẤẤ giáng điển họa lại, hoàn toàn đúng vần của ông Phan Khắc Sửu, làm ông hết nghi ngờ về sự huyền diệu của cơ bút. Về sau, ông nhập môn làm đệ tử của Đấng Cao Đài Thượng Đế.

- Hai câu đầu bài thơ của Ông Phan Khắc Sửu :

Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ơi !
Linh hiển sao không cứu giống nòi.

- Hai câu đầu bài họa của Đấng Thượng Đế :

Cơ Trời khó hiểu lắm con ơi !
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.

THỜ THIÊN NHÂN

Đã là đệ tử của Đấng Cao Đài Ngọc Đế, gọi Đức Ngài bằng Thầy và xưng là Con, Quý Vị Tiên Khai muốn lập tran thờ Đức Ngài, nhưng chưa biết phải thờ ra sao.

1.- HỢP VỚI NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU

Trong đàn cơ ngày 7-12 Ất Sửu (20-1-1926), các Ngài Trung, Cư, Tắc, Sang,... bạch với Đức Thượng Đế :

- Xin Thầy chỉ cho các con cách thờ phượng Thầy.

Đức Thượng Đế đáp :

- Mấy con phải đến Phủ Chiêu chỉ cách cho, vì Phủ Chiêu đã thờ Thầy lâu rồi. Chừng nào mấy con đến Chiêu thì đem Ngọc Cơ theo để Thầy giảng dạy việc.

Khi các Ngài đến nhà Ngài Ngô Văn Chiêu (lầu 2, số 110 đường Bonard, nay là Lê Lợi, Sài Gòn) thì được Ngài Ngô đón tiếp niềm nở. Ngài Ngô hướng dẫn cách thức thờ Thiên Nhân mà Đức THƯỢNG ĐẾ đã cho Ngài được thấy vào năm 1921. Kế đó quý vị lập đàn cầu Đức CHÍ TÔN. Đức Chí Tôn giảng cơ dạy các Ngài Trung, Tắc, Cư, Sang, Đức, Hậu,... phải hiệp với Quan Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi việc chi đều phải do Ngài Chiêu là Anh Cả.

Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà.

Đêm 15-12 Ất Sửu (28-01-1926), Ngài Lê Văn Trung tổ chức tại tư gia của Ngài một buổi tiệc họp mặt thân mật, gồm 13 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn và 14 vị khác nữa có hầu đàn nhiều lần nhưng chưa được chánh thức là môn đệ của Thầy.

Mười ba vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn là :

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 1. Ngô Văn Chiêu | 8. Cao Quỳnh Cư |
| 2. Vương Quan Kỳ | 9. Phạm Công Tắc |
| 3. Đoàn Văn Bản | 10. Cao Hoài Sang |
| 4. Lê Văn Giảng | 11. Lê Văn Trung |
| 5. Nguyễn Văn Hoài | 12. Trương Hữu Đức |
| 6. Lý Trọng Quý | 13. Nguyễn Trung Hậu |
| 7. Võ Văn Sang | |

Sau khi dự tiệc xong, quý vị lập đàn cơ cầu Thầy, và được Thầy ban thơ :

Một ngày thỏn mỗn một ngày qua,
 Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa.
 Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ,
 Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.

2.- KHAI ĐÀN THƯỢNG TƯỢNG

Để chánh thức trở thành môn đệ của Đức Cao Đài, trước tiên là phải nhập môn cầu Đạo và thiết lập Thiên Bàn thờ Đức Ngài qua biểu tượng Thiên Nhân. Quý vị Tiền Khai gọi việc lập bàn thờ tại tư gia là “Khai Đàn Thượng Tượng”. Trong những buổi An Vị Thánh Tượng đầu tiên, quý vị Tiền Khai thường lập đàn cơ tại chỗ để cầu xin Ông Trên ban ơn lành cho gia chủ.

2.1- KHAI ĐÀN TẠI NHÀ NGÀI CAO QUỲNH CƯ

Ngày 14-12 Ất Sửu (27-01-1926), các vị Tiền Khai làm lễ Khai Đàn Thượng Tượng tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, ở số 134 đường Bourdais, Sài Gòn (nay là đường Calmette, quận 1). Đức Cao Đài ban ơn cho gia đình Ngài Cao Quỳnh Cư hai bài thơ :

Đã để vào tòa một sắc hoa,
 Từ đây đàn nội tử như nhà.
 Trung thành một dạ chờ Cao sắc,
 Sống có Ta, thác cũng có Ta.

*

Đài sen vui nhánh trở thêm hoa,

Một đạo như con ở một nhà.
Hiếu nghĩa tương lai sau tự hội,
Chủ trung Từ Phụ vốn là Ta.

2.2- KHAI ĐÀN TẠI NHÀ NGÀI LÊ VĂN TRUNG

Ngày 18-12 Ất Sửu (31-01-1926), các vị Tiền Khai làm lễ Khai Đàn Thượng Tượng tại nhà Ngài Lê Văn Trung, ở đường Quai TesTard, Chợ Lớn (nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5). Đức Cao Đài giảng cơ chỉ cách sắp đặt vị trí thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch và Đức Quan Thánh Đế Quân:

“Trung ! Con thờ Thầy trên hết là phải. Con đem tượng Quan Vân Trường qua bên tay trái Thầy, còn Quan Âm bên mặt. Con thờ Lý Thái Bạch dưới Thầy”.

Trong dịp này Đức Cao Đài ban cho Ngài Lê Văn Trung một bài thơ 4 câu :

Một trời, một đất, một nhà riêng,
Dạy dỗ nhưn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên.

2.3- KHAI ĐÀN TẠI NHÀ NGÀI VƯƠNG QUAN KỶ

Cùng ngày 18-12 Ất Sửu (31-01-1926), các vị Tiền Khai làm lễ Khai Đàn Thượng Tượng tại nhà Ngài Vương Quan Kỳ, ở số 80 đường La Grandière, Sài Gòn (nay là đường Lý Tự Trọng, quận 1). Nhưn dịp này, Đức Cao Đài ban cho bài thơ :

Cao mấy từng mây lối mặt trời,
Đài sen vui nở nhánh bông tươi.
Đạo mẫu cây già truyền nhưn sự,
Dạy trẻ cho an lấy đạo đời.

2.4- THỜ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Buổi ban sơ chỉ có thờ Thiên Nhân, về sau mới có thờ thêm Tam Trấn Oai Nghiêm là các Đấng vừa thay mặt cho Tam Giáo vừa trực tiếp điều hành đại cuộc Tam Kỳ Phổ Độ, gồm có:

- Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch, thay mặt cho Đạo Lão,
- Nhị Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, thay mặt cho Đạo Phật,
- Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thánh Đế Quân, thay mặt cho Đạo Nho.

3.- THỈNH KINH Ở CHI MINH LÝ

Vào ngày 16-12 Ất Sửu (29-1-1926), Ngài Vương Quan Kỳ hướng dẫn các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang đến Minh Lý Thánh Hội để xin thỉnh một số kinh, được Ngài Âu Minh Chánh Chủ Trưởng của Minh Lý trao cho những bài kinh sau đây :

- Kinh Niệm Hương,
- Bốn bài Chú,
- Bài Khai Kinh,
- Kinh Sám Hối, cũng gọi là Kinh Nhơn Quả,
- Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối,
- Kinh Cầu Siêu, cũng gọi là Sám Cầu Siêu,
- Bài Xưng Tụng Công Đức Thần Thánh Tiên Phật.

4.- GIAO THỪA TẾT BÍNH DẦN

Đêm 30 Tết Bính Dần (12-2-1926), theo lời dạy của Đức Cao Đài, một bộ phận thông công được thành lập, gồm có :

- Ngài Ngô Văn Chiêu chứng đàn,
- Hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò loan,
- Ngài Nguyễn Trung Hậu làm đọc giả.
- Ngài Tuyết Tân Thành làm điển ký.

Đoàn lần lượt đến từng nhà của quý vị sau đây: Võ Văn Sang,

Cao Quỳnh Cư, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Văn Hoài, Phạm Công Tắc, Đoàn Văn Bản, Lý Trọng Quý, Lê Văn Trung. Tại mỗi nhà, bộ phận thông công thiết đàn cơ và từng gia chủ được Đức Cao Đài ân ban một bài thơ tứ tuyệt.

Giao Thừa Tết Bính Dần, sau khi đi một vòng thành phố, quý vị Tiền Khai trở về hội tụ tại nhà Ngài Lê Văn Trung. Tất cả mọi người cúng Thầy, xong thiết đàn cầu Thầy. Đức Chí Tôn giáng điển ban lời Thánh Giáo đầu năm Bính Dần, dạy quý vị Tiền Khai khởi sự đi truyền Đạo phổ độ nhơn sanh.

THẦY

Chư đệ tử nghe !

Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ đui dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó...

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

Đắc, con phải hiệp vào đây đặng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo.

Đức, tập cơ. Hậu, tập cơ. Sau theo mấy anh con đặng độ người. Nghe và tuân theo.

Trong quyển “Đại Đạo Căn Nguyên”, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết :

“Ấy là lời Thánh Giáo đầu tiên, ấy là kỷ niệm ngày Khai Đạo: mừng một giờ Tý năm Bính Dần vậy”.

Theo quyển Đại Đạo Truy Nguyên của soạn giả Huệ Chương (Con của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, thường

tham gia xây bàn) thì vào giờ Tý ngày Mùng Một tháng Giêng năm Bính Dần, Đức Chí Tôn có giảng dạy như sau :

“Thầy cho các con hiểu rằng : Buổi tạo Thiên lập Địa Thầy sanh loài người ra nhằm ngày Dần ‘Nhân sanh ư Dần’. Vậy từ đây, Thầy dùng các con làm tay chơn mà gây dựng nền Chánh Giáo, lại cũng kể từ ngày này là ngày phát khởi nguồn Đại Đạo, lấy hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

5.- BÀI THƠ ĐIỂM DANH

Tết Nguyên Đán Bính Dần trôi qua, vào đêm Mùng 9 tháng Giêng (21-2-1926), quan phủ Vương Quan Kỳ thiết lễ Vía Trời tại nhà của ông ở số 80 đường Lagrandière (nay là đường Gia Long). Đêm ấy có mời Chư Nhu và mấy vị Đạo Hữu hầu đàn. Sau phần cúng lễ, các vị lập đàn cơ : hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò loan, Ngài Ngô Văn Chiêu chứng đàn. Đức Cao Đài giảng cơ dạy như sau :

“Bửu tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp ráng vun nền đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng ta.

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn các con thuận hòa cùng nhau hoài, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo danh Đạo Thầy... ”.

Câu thứ nhứt cho thấy: Buổi đầu tuy còn trong thời kỳ tiềm ẩn, nhưng nhân sự mỗi ngày một tăng thêm, mỗi vị được ví như một đóa hoa trở thêm cho cây Cao Đài vừa mới được vun trồng nhưng rất sun sê tươi tốt.

Trong bầu không khí vui vẻ tưng bừng, ấm áp của mùa xuân, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Cao Đài lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức CHÍ TÔN liền

ân ban bài thơ sau đây (bài thơ này được in ở trang đầu của Bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển) :

CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
HUỒN MINH MÂN đão thủ đài danh.

Đức Cao Đài lại phán thêm : Huồn, Minh, Mân sau sẽ rõ.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên như sau :

“ Nguyên 12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 13 vị môn đệ trước hết của Thượng Đế (có hai tên Sang : Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang). Còn ba chữ lớn ở câu chót vẫn là tên của ba vị hầu đàn ”.

1. CHIÊU: Ngài Ngô Văn Chiêu, người Đệ Tử đầu tiên.
2. Kỳ: Ngài Vương Quan Kỳ, chú của Cô Vương Thị Lễ.
3. TRUNG: Ngài Lê Văn Trung, Thượng Đầu Sư Q. Giáo Tông.
4. HOÀI: Ngài Nguyễn Văn Hoài, Giáo Sư phái Thượng.
5. BẢN: Ngài Đoàn Văn Bản, Giáo Sư phái Thượng.
6. SANG: Ngài Cao Hoài Sang, Thượng Sanh HTĐ ⁷
7. QUÍ: Lý Trọng Quý, về sau tu theo Ngài Ngô Văn Chiêu.
8. GIẢNG: Ngài Lê Văn Giảng, Giáo Hữu phái Thượng.
9. HẬU: Ngài Nguyễn Trung Hậu, Bảo Pháp HTĐ
10. ĐỨC: Ngài Trương Hữu Đức, Hiến Pháp HTĐ
11. TẮC: Ngài Phạm Công Tắc, Hộ Pháp Chứng quản Hiệp Thiên Đài.
12. CƯ: Ngài Cao Quỳnh Cư, Thượng Phẩm HTĐ
13. SANG: Ngài Võ Văn Sang, về sau ít đi hành đạo.

Do đó mà ông Võ Văn Sang không được kể trong số môn đệ ban đầu của Đức Chí Tôn. Vậy số môn đệ ban đầu của Đức Chí Tôn chính thức chỉ là 12 người.

7- HTĐ viết tắt của chữ Hiệp Thiên Đài.

HÓA ĐỘ CÁC MÔN ĐỒ

Đức Chí Tôn hóa độ các Môn Đồ để sắp xếp như sự cho nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thật là kỳ diệu. Xin nhắc lại các sự kiện sau đây.

1.- HÓA ĐỘ NGÀI NGÒ VĂN CHIÊU

* Khởi từ năm 1920, Đức Chí Tôn hóa độ Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, lần đầu tiên giảng cơ xưng danh là Cao Đài Tiên Ông để dạy Đạo. Đầu năm 1921, Ngài Ngô Văn Chiêu trở thành người Đệ Tử Đầu Tiên của Đức Cao Đài. Khi Ngài Ngô tu được 3 năm, một hôm Tiên Ông động viên Ngài:

Ba năm lao khổ độ nhưt nhưn,
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc.
Thương vì con trẻ hầy còn thơ,
Gắng chí tầm phương biết Đạo mầu.

Giữa năm 1924, Đức Chí Tôn mới chuyển Ngài về làm việc ở Sài Gòn. Trước khi rời đảo Phú Quốc, Ngài được Đức Chí Tôn ban cho một bài thơ lục bát dài 20 câu, trong đó có những lời khen như sau :

Ba năm lòng sáng như son,
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.

Rời đảo Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu về đến Sài Gòn ngày hôm 30-7-1924. Ngài Ngô vẫn là người rất nên dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ Ngài khuyên việc tu hành ; vì vậy mà mối Đạo ít người biết rõ. Ngài lựa trong bạn đồng chí những vị nào có ít nhiều đạo đức mà khuyên thờ Đức Cao Đài và chuyên việc tu tâm dưỡng tánh. Chư vị ấy là :

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ,
- Ông Phán Nguyễn Văn Hoài,

- Ông Phán Võ Văn Sang,
- Ông Đốc Học Đoàn Văn Bản.

2.- HÓA ĐỘ CÁC VỊ PHỒ LOAN

* Đúng một năm sau, vào ngày 30-7-1925, tại Sài Gòn, Đức Chí Tôn bắt đầu hóa độ các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang,... Đêm 10-6 Ất Sửu (30-7-1925), Thất Nương Diêu Trì Cung tá danh Đoàn Ngọc Quế, theo lệnh Đức Chí Tôn, qua xây bàn, giảng diễn ban thờ văn cho các Ngài rồi lại kết nghĩa anh em với các Ngài, để dẫn lần các Ngài vào con đường Đạo. Hỗ trợ cho Thất Nương có nhiều vị Tiên Thánh khác như là : Hầu hết các Vị Tiên Nương của Cung Diêu Trì, Nhân Âm Đạo Trưởng, Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt, Hồn Thọ Đình Hầu (Đức Quan Thánh Đế Quân), Đại Thi Hào Lý Thái Bạch (Đức Lý Đại Tiên Trưởng),...v.v... Sau cùng, ngay cả Đức Phật Mẫu tá danh là Cửu Thiên Huyền Nữ và Đức Chí Tôn tá danh là AẢẢ cũng giảng cơ để dạy Đạo cho các Ngài, xây dựng nền tảng cho Đạo Cao Đài. Mãi đến cuối năm 1925, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang mới được Đức Chí Tôn cho biết :

-Đấng AẢẢ chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Sau khi thấu nhận thêm được vài Môn Đệ nòng cốt như các Ngài Trương Hữu Đức, Nguyễn Trung Hậu, Lê Văn Trung,... trong đàn cơ ngày 7-12 Ất Sửu (20-1-1926), Đức Chí Tôn dạy các Ngài đến gặp Quan Phủ Ngô Văn Chiêu để được chỉ cách lập trang thờ Thầy :

“ Mấy con phải đến Phủ Chiêu chỉ cách cho, vì Phủ Chiêu đã thờ Thầy lâu rồi. Chừng nào mấy con đến Chiêu thì đem Ngọc Cơ theo để Thầy giảng dạy việc”.⁸

8- *Đạo Sử Nhứt Ký- Hiền Tài .Nguyễn Văn Hồng, Trang 98.*

3.- HỢP NHỨT CÁC MÔN ĐỘ

* Đến nhà Ngài Ngô Văn Chiêu, các Ngài được Ngài Ngô đón tiếp rất niềm nở. Ngài Ngô hướng dẫn cách thức thờ Thiên Nhân mà Đức Thượng Đế đã cho Ngài được thấy vào năm 1921.

Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức Thượng Đế được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà.

Đầu năm Bính Dần, trong đêm Vía Trời (9-1 Bính Dần tức 21-2-1926), trong bầu không khí vui vẻ tưng bừng, ấm áp của mùa xuân, Ngài Ngô xin Đức Chí Tôn lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức Chí Tôn liền ân ban bài thơ sau đây (bài thơ này được in ở trang đầu của Bộ Thanh Ngôn Hiệp Tuyển) :

CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN ĐẠO khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
HUỖN MINH MÂN đảo thủ đài danh.

Đức Cao Đài lại phán thêm : Huồn, Minh, Mân sau sẽ rõ.
Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên như sau :

“ Nguyên 12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 13 vị môn đệ trước hết của Thượng Đế (có hai tên Sang : Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang). Còn ba chữ lớn ở câu chót vẫn là tên của ba vị hầu đàn ”.

4.- HÓA ĐỘ CÁC ĐẠI NGUYÊN CĂN

* Xin nhắc lại: Ngoài ra, đối với các “Đại Nguyên Căn” Đức Chí Tôn cho ổn định vị trí trong xã hội. Chừng đúng ngày giờ, các vị ấy mới ra nhận lấy nhiệm vụ Khai Đạo. Có rất nhiều trường hợp, ở đây chúng tôi chỉ nêu ra vài trường hợp điển hình

về cách chuyển tâm Quý Vị Tiên Khai vào cửa Đạo.

- Đối với Ngài Trương Hữu Đức có tính hay nghi hoặc, nên để độ Ngài, Đức Chí Tôn cho Ngài trực tiếp nhận huyền diệu ân điển.

- Đối với Ngài Nguyễn Trung Hậu là bạn thơ của cố thi sĩ Quý Cao nên, để độ Ngài, Đức Chí Tôn dùng Chơn Linh Quý Cao để qua thơ văn tao nhã dẫn dắt Ngài vào đường Đạo.

- Đối với Ngài Lê Văn Lịch đã tu theo Minh Đường, vì vậy mà để độ Ngài, Thượng Đế chỉ cần dạy cố thân phụ của Ngài là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn chuyển Ngài từ Minh Đường qua Cao Đài.

- Đối với Ngài Lê Văn Trung là một người giàu sang danh vọng và có quyền chức, chỉ có bệnh tình nguy ngập mới để làm Ngài tỉnh ngộ hồi tâm.

THIÊN PHONG CHỨC SẮC

Từ đầu năm Bính Dần, Đức Chí Tôn đã chuẩn bị cho việc hình thành một nền Tân Tôn Giáo. Rải rác qua các đàn cơ, Đức Ngài đã dạy cho Quý Vị Tiên Khai những điều căn bản trọng yếu để xây đắp nền móng tôn giáo.

1.-NỀN MÓNG CHO MỘT TÔN GIÁO

Để từng bước xếp đặt việc hình thành Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế đã dạy Quý Vị Tiên Khai cách thức thờ Thiên Nhân (qua Ngài Ngô Văn Chiêu) và những nghi thức cúng kiếng lễ bái:

- Cách bắt Ấn Tý và cách lạy,
- Cách niệm Danh Thầy : Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,
- Thiết Đại Lễ phải dâng Tam Bửu : Hoa, Rượu, Trà.
- Cách may Thiên Phục cho Đầu Sư phái Thượng, Ngọc,

- Cách may Thiên Phục Giáo Tông, mào Giáo Tông,...

Để cho việc điều hành nền Đạo được nghiêm chỉnh, Đức Cao Đài hoạch định nên cơ cấu Chức Sắc hầu chuẩn bị việc lập Hội Thánh.

* Ngày 13-1-Bính Dần (25-2-1926), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ có dạy như sau :

“ TRUNG vô giữa bái lễ cho THẦY coi ...

Con làm lễ trướng, song mỗi gập, con nhớ niệm câu chú của THẦY : Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Từ nay, (25-2-1926), 13 tháng Giêng năm Bính Dần, con phải may riêng bộ áo lễ, tay rộng, cổ trích như áo Đạo, nhưng giải gài chín mối, màu xanh da Trời. Con nhớ mang giày gai đặng hầu THẦY, còn nhứt nhứt đều để chơn không hết ”⁹.

(Lời soạn giả : Đức Chí Tôn ban cho bài Thánh Ngôn này coi như Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Văn Trung phẩm Đầu Sư phái Thượng: Thiên Phục màu xanh).

* Về Thiên Phục Đầu Sư phái Ngọc, ngày 8-4-1926 (26-2 Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê Văn Lịch như sau:

“... Phải mặc y phục như Trung mà màu hồng”¹⁰.

Trong Đàn Cơ ngày 28-2-Bính Dần (10-4-1926) tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn ban cho Ngài Lê Văn Lịch 4 câu thơ như sau :

Đầu Sư phái Ngọc hiệp quần nho,
Tam giáo qui nguyên dẫn ngã đồ.
Vạn tải vô tư đương hội ngộ,
Đại thành chí khởi cập gia tô.¹¹

9- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 10 - in năm 1972.

10- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 13 - in năm 1972.

11- Đạo Sử Nhứt Ký, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Quyển 1, trang 144.

* Trong khoảng ba tháng đầu năm Bính Dần, Đức Cao Đài phát họa cho Chư Vị Tiền Khai tạm hiểu về thứ bậc Chức Sắc trong Đạo Cao Đài, theo đó thì từ trên xuống dưới có:

- Phẩm vị Giáo Tông
- Đầu Sư ba phái : Thái, Thượng, Ngọc,
- Các phẩm vị khác sẽ được qui định sau.

Ôn Trên dự kiến sắp xếp như sau :

- Ngài Ngô Văn Chiêu sẽ nhậm phẩm Giáo Tông,
- Ngài Lê Văn Trung sẽ nhậm phẩm Đầu Sư phái Thượng,
- Ngài Ngọc Lịch Nguyệt sẽ nhậm phẩm Đầu Sư phái Ngọc.
- Đầu Sư phái Thái và các cấp Chức Sắc khác sẽ được định sau.

Đức Cao Đài chọn ngày Rằm Tháng Ba năm Bính Dần (26-4-1926) làm ngày hành lễ “Thọ Thiên Phong Chức Sắc”, tổ chức tại tư gia Ngài Lê Văn Trung, ở Chợ Lớn.

2.- NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU TÁCH RIÊNG

Mọi việc đang tiến hành tốt đẹp trong niềm hân hoan của toàn thể Quý Vị Tiền Khai, thì một điều không hay xảy đến cho Cơ Đạo: Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng ra.

Trong Quyển Đại Đạo Căn Nguyên, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có thuật lại như sau :

“Ông Trung vẫn vâng theo Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bề tự giác, ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “Ngô thân bất độ, hà thân độ” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 13 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý. Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau, vì một đảng (Ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mối Đạo, một đảng (Ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng

Đế ”.

Thật là một mất mát rất lớn lao cho nền Đạo đang trong lúc
phôi thai!

3.- LỄ THIÊN PHONG CHỨC SẮC LẦN 1

Đêm 11 và 12 tháng Ba Bính Dần (22 và 23-4-1926), Đức Ngọc
Hoàng Thượng Đế, dạy cuộc sắp xếp Thiên Phong. Đức Ngài
chọn ngày Rằm tháng Ba Bính Dần (26-4-1926) làm ngày hành
lễ Thọ Thiên Phong Chức Sắc.

“ Đạo phát triển một ngày là một ngày hại hơn sanh. THẦY nôn
nóng nhưng mà Thiên cơ chẳng nghịch đặng,... ” .

Vào thời Tý ngày Rằm tháng 3 Bính Dần (26-4-1926), Quý Vị
Tiền Khai tề tựu đông đủ tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung ở
Chợ Lớn để tham dự Lễ Thiên Phong Chức Sắc.

Đầu tiên, Chư Vị thiết đàn cơ thọ phong Chức Sắc. Đức Chí
Tôn giáng cơ dạy :

“ Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ
Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương ...

- Đức Hậu phong vị Tiên Đạo phò cơ Đạo Sĩ.

- Cư phong vị tá cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

- Tắc phong vị Hộ Giá Tiên Đồng tá cơ Đạo Sĩ.

- Trung Lịch đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo sắc mạng Ta.

- Kỳ phong vị Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo
Giáo Sư.

- Bản phong vị Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư ¹²”

Sau khi xả đàn, chư vị phân làm ba ban để tiến hành Lễ Thọ
Phong Chức Sắc :

Đức Chí Tôn nhập thân vào xác phàm của Ngài Cao Quỳnh Cư,
chấp bút nhang trần thân các bộ Thiên Phục và những chiếc
ngai..., chấp bút nhang làm phép trục xuất Chơn Thần của

12- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 17 - in năm 1972.

Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn Thần của Đức Phật Vi Hộ Pháp nhập vào xác của Ngài. Sau đó là phần minh thể của chư vị Chức Sắc Tiền Khai.

Kể từ sau buổi lễ ấy, Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp (tức Phật Hộ Pháp) giáng ngự nơi thân thể Ngài Phạm Công Tắc. Xin nhắc lại là trong bài Kinh Đại Tường có câu :

Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Đến ngày 18-5-Bính Dần (27-6-1926), Đức CHÍ TÔN dạy về Nhạc Lễ và cách tổ chức Cúng Đại Đàn, có đoạn như sau:

“ Ba con phải nhớ lời Thầy dặn cho kỹ nghe. Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy : Nghĩa, Đức đứng xương ngoài, là tại bàn thờ Hộ Pháp ; rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó; kế ba con, sau rốt hết : Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái...”.¹³

Tuy Đức Chí Tôn không nói phong chức, nhưng theo vị trí đứng hành lễ “Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái” thì gián tiếp, Đức CHÍ TÔN đã phong Ngài Phạm Công Tắc, Ngài Cao Quỳnh Cư và Ngài Cao Hoài Sang vào 3 phẩm : Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh.

Ngày Khai Đạo 15-10 Bính Dần (19-11-1926) có thể coi là ngày Đức CHÍ TÔN chánh thức phong ba Ngài vào các phẩm Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh.

Trong Bản Tuyên Dương Công Nghiệp Đức Thượng Sanh Chương Quản Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, do Ngài Hiến Pháp tuyên đọc tại Đền Thánh ngày 4-4 Tân Hợi, có đoạn ghi như sau : “ Ngày 15-10 Bính Dần, Ông Cao Hoài Sang đặc phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư ”.

13- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 22 - in năm 1972.

MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN

Trong bảy tháng cuối năm Ất Sửu đã có nhiều vị lui tới nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để tìm hiểu về cơ bút, tuy chưa trở thành môn đệ của Đức Cao Đài, nhưng vẫn có nhiều thiện cảm, tin phục, và có thể sẽ lần lượt nhập môn sau này. Số khách vãng lai thì đông, nhưng số người nòng cốt thường xuyên lui tới và đã trở thành môn đệ đầu tiên trong nhóm Phổ Độ thì chỉ có 6 vị, đó là các Ngài : Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu. Những vị này đã được Đức Cao Đài thường xuyên dạy bảo và giao phó phận sự rõ ràng.

Từ đầu năm Bính Dần, Đức Chí Tôn thân phục được thêm nhiều môn đệ khác thuộc đủ loại thành phần trong xã hội.

1.- TRƯỚC NGÀY LÀM LỄ THIÊN PHONG

Trước ngày làm Lễ Thiên Phong Chức Sắc, Đức Thượng Đế đã thân phục được nhiều môn đệ có học thức và danh giá, có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán, Cai Tổng, Công chức, Giáo viên, Thương gia, Yết Ma,... Tất cả đều là trang rường cột trong nền Đại Đạo. Xin kể ra vài trường hợp.

1. Ngày 11-1 Bính Dần (23-2-1926), Đức Chí Tôn thân Ngài Trần Duy Nghĩa, sau đắc phong phẩm Khai Pháp. Đức Chí Tôn có ban cho Ngài 4 câu thơ :

Đạo tâm rõ rờ sáng như ngày,
Hiệp cũng may mà gặp cũng may.
Đã mộ trong lòng thân cũng mộ,
Một lòng một Đạo chớ nên sai.

2. Đêm 14-1 Bính Dần (26-2-26), Ngài Lê Văn Trung và hai Ngài Cao Quỳnh Cư - Phạm Công Tắc lên lập đàn nơi chùa

Linh Quang Tự ở Gò Vấp để Đức Chí Tôn độ Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Quang đang trụ trì tại đây. Đấng Thượng Đế dạy Ngài Trần Đạo Quang nhiều điều, Ngài Trần Đạo Quang cũng bạch hỏi Đức Chí Tôn nhiều điều, và được Đức Chí Tôn trả lời rất xác đáng, khiến Ngài Trần Đạo Quang phải tâm phục và bằng lòng làm môn đệ của Đức Chí Tôn, nhưng Ngài xin có thời gian để chuẩn bị tham gia độ tận chúng sanh. Có nhiều tín đồ Minh Sư theo Ngài gia nhập Cao Đài. Về sau, Ngài Trần Đạo Quang đặc phong phẩm Quyền Chưởng Pháp phái Thượng, sau là Ngọc Chưởng Pháp Chánh vị.

3. Ngày 15-1 Bính Dần (27-2-1926), tại nhà Ngài Tri Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Chủ quận Cần Giuộc, Ngài Lê Văn Trung lập đàn cầu Thầy, hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Đức Chí Tôn giáng cơ giảng dạy và thu phục được các Ngài sau đây :

- Nguyễn Ngọc Tương, sau đặc phong phẩm Qu.Đầu Sư,
- Ngài Phạm Văn Tươi, sau đặc phong phẩm Hiến Đạo,
- Ngài Phạm Tấn Đãi, sau đặc phong phẩm Khai Đạo.

4. Ngày 20-1 Bính Dần (04-3-26), các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc lên lập đàn tại Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, có sự hiện diện của Ngài Chủ Quận Nguyễn Ngọc Tương. Đức Chí Tôn giáng cơ dạy Ngài Lê Văn Lịch:

“ Hảo Thánh tâm ! Hảo Thánh Tâm !

Lịch, Ta thu nạp người làm môn đệ...

Lịch, Ta cho Tiếng là cha của người nhập cơ ”.

Sau đó, Ngài Lê Văn Tiếng về cơ dạy Ngài Lê Văn Lịch bằng chữ Nho, xin tạm dịch ra như sau :

“ Lịch, hãy nghe ta. Ta là cha của người, nhận mạng lệnh của Đấng Cao Đài Tiên Ông gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy đạo ở nước Việt Nam.

Ngày trước, ta thọ giáo nơi Minh Đường. Đại Đạo là một vậy.

Trong Ngũ Chi Đại Đạo, ta được thọ phong từ Trung Quốc làm chức Đại Lão. Muốn thọ ơn Trời, vì không được chơn truyền, ta luyện đạo theo giáo pháp thường tình của thế gian.

Đạo thì vô vi, tức là có Đấng vô hình chỉ dạy các việc. Ta không gặp vậy, nên không được chơn truyền.

Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế cảm xúc công quả của ta rất nhiều, không để ta luân hồi trở lại thế gian, giao cho Thái Ất Chơn Quân độ dẫn ta, nên ta được sắc phong Như Ý Đạo Thoàng Chơn Nhơn tại cõi Tây Phương Cực Lạc.

Người gặp minh sư dạy tu luyện, hãy thỉnh cầu Ngài giáo hóa cho vậy. Chỉ có một Thầy là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Hãy kính vâng theo. Khá cầu dạy đạo. Rất mừng! Rất mừng !”.

Sau đó ít lâu, Ngài Lê Văn Lịch đặc phong Ngọc Đầu Sư.

Nhận xét: Ngài Lê Văn Tiếng luyện Đạo mà không đặc đạo là vì : Tam Giáo đã thất Chơn Truyền, và bị bế lại, tu hữu công mà thành thì không thành. Nhưng Ngài Lê Văn Tiếng lại có được nhiều công quả: Ngài đã dạy dỗ nhưn sanh cải ác tùng thiện, ăn chay niệm Phật tu hành. Nhờ công quả nầy mà Đức Chí Tôn ban cho Ngài phẩm vị cao trọng là bực Chơn Nhơn.

Ngài đặc vị là do công quả chớ không phải do luyện đạo. Cái công tu luyện của Ngài trở thành vô ích (Theo tài liệu của Hiền tài Nguyễn Văn Hồng).

5. Ngày 21-2 Bính Dần (03-4-1926), Đức Chí Tôn độ Ngài Ca Minh Chương, ban cho 4 câu thơ :

Thế thượng hê vô bá tuế nhân,
Thất tuần dĩ định vấn thời quân.
Ưu tư mặc vọng thường vô lộ,
Nghiệp trái tùy căn định số phần.

Về sau, Ngài đặc phong Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài.

Trong số Thập Nhị Thời Quân, Ngài Ca Minh Chương lớn tuổi

hơn hết và đăng Tiên sớm hơn tất cả (1850 – 1928).

2.- SAU NGÀY LÀM LỄ THIÊN PHONG

Sau ngày làm Lễ Thiên Phong Chức Sắc, Đức Thượng Đế tiếp tục thân phục thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội.

Xin kể ra vài trường hợp của các Ngài:

- Hoà Thượng Như Nhãn: Đắc phong Thái Chưởng Pháp,
- Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương: Đắc phong Thượng Chưởng Pháp.
- Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (Thế danh Trần Văn Thụ): Đắc phong Ngọc Chưởng Pháp,
- Hòa Thượng Như Nhãn: Đắc phong Thái Đầu Sư,
- Lê Bá Trang: Đốc Phủ Sứ, đắc phong Qu. Ngọc Đầu Sư,
- Nguyễn Ngọc Thơ: Nghiệp chủ, đắc phong Qu. Thái Đầu Sư,
- Bà Lâm Ngọc Thanh: Nghiệp chủ, truy phong Nữ Đầu Sư,
- Ngài Lê Thiện Phước: Đắc phong Bảo Thế Hiệp Thiên Đài,
- Nguyễn Văn Kinh: Tu theo Minh Sư từ lúc 13 tuổi,
- Lê Văn Hóa: Tri Phủ, Chủ Quận Cần Đước,
- Nguyễn Văn Tường: Thông ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn,
- Ngô Tường Vân: Thông Phán Sở Tào Tác, Sài Gòn,
- Huỳnh Văn Giới: Thông phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn,
- và các Ngài Lâm Quang Bính...v.v...

Về chư vị Phò Loan, ngoài năm vị Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu, lại thêm được các vị: Cao Quỳnh Diêu, Ca Minh Chương, Phạm Tấn Đãi, Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Trạng, Phạm Văn Tươi, Nguyễn Thiêng Kim, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên.

* Trường Hợp Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ

Một ngày vào đầu năm Bính Dần, Ngài Phạm Tấn Đãi chấp bút để học Đạo, thì được lệnh Đức Chí Tôn dạy như sau: “Con hiệp cùng Trung đi độ Thơ”.

Vâng lệnh Đức Chí Tôn, vào đầu tháng 6 năm Bính Dần (1926),

Ngài Phạm Tấn Đãi từ Cần Giuộc đi lên Sài Gòn, đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để hỏi thăm Ngài Lê Văn Trung thì được Bà Cao Quỳnh Cư đáp : “Ông Trung có ra đây, vừa mới đi lên nhà Ông Nguyễn Ngọc Thơ”.

Ngài Phạm Tấn Đãi hỏi thăm địa chỉ nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ, rồi đi lên Tân Định tìm được nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ, và gặp Ngài Lê Văn Trung tại đó.

Ngài Phạm Tấn Đãi trình bày về Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, thì Ngài Nguyễn Ngọc Thơ nói : “Tôi muốn làm sao hai Ông cầu nguyện thế nào cho tôi chấp bút được thì tôi mới tin”. Ngài Lê Văn Trung nhận lời và bảo Ngài Nguyễn Ngọc Thơ phải ăn chay 3 ngày, đồng thời hai Ngài Lê Văn Trung và Phạm Tấn Đãi cũng ở đó hiệp nhau cầu nguyện.

Ngài Nguyễn Ngọc Thơ chấp bút thành công và thông công được với các Đấng, nên Ngài bằng lòng theo Đạo. Ngoài ra, Ngài còn nói: Xin làm thế nào độ luôn vợ của Ngài là Bà Lâm Ngọc Thanh đang ở Vũng Liêm, để cùng theo Đạo luôn cho thuận một đường. Ngài Lê Văn Trung cầu nguyện, và được Ông Trên cho biết hiện giờ Bà Lâm Ngọc Thanh đang làm việc gì ở Vũng Liêm, cho biết đến từng chi tiết. Ngài Nguyễn Ngọc Thơ ghi chép, xong đánh điện kêu Bà lên Tân Định.

Khi Bà Lâm Ngọc Thanh lên tới Tân Định, Ngài Nguyễn Ngọc Thơ mới hỏi Bà về các việc Bà làm trong ngày hôm qua, thì Bà nói đúng như Ông Trên đã cho biết. Thế là hai Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đều tin tưởng và bằng lòng theo Đạo. Về sau, cả hai Ông và Bà đều được Đức Chí Tôn ân phong phẩm Đầu Sư : Đầu Sư Thái Thơ Thanh và Đầu Sư Hương Thanh.

***Trường Hợp Ngài Lê Thiện Phước**

Ngài Lê Thiện Phước nghe đồn tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ có cơ bút linh hiển, nên liền tìm đến xem cho biết.

Mỗi người hầu Đàn được phép biên tên họ mình để lên bàn thờ rồi chờ Ông Trên giáng cơ định phận. Ngài Lê Thiện Phước được Đức Chí Tôn giáng cơ cho bài thi như vậy :

Cang nhu tình thế lắm đua tranh,
Danh lợi là bia kẻ giựt giành.
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt,
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đàn.

Đức Chí Tôn dạy Ngài Lê Thiện Phước ăn chay mỗi tháng 10 ngày và thượng Thánh Tượng thờ Thầy. Tuân lệnh Đức Chí Tôn, vào cuối tháng 6 năm Bính Dần (1926), Ngài Lê Thiện Phước mới mời các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và vài quan khách đến nhà làm Lễ Thượng Thánh Tượng và nhập môn vào Đạo.

Về sau, Ngài Lê Thiện Phước được Đức Chí Tôn ân phong phẩm Bảo Thế Hiệp Thiên Đài.

3.- VÀI TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

* Đức Chí Tôn Độ Ông Vương Quan Trân

Ngày 20-1 Bính Dần (4-3-1926), hai ông Vương Quan Trân và Vương Quan Kỳ cùng vài thân nhân khác, đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư xin cầu Cô Vương Thị Lễ giáng đàn, vì Cô Vương Thị Lễ là con của ông Vương Quan Trân và gọi ông Vương Quan Kỳ là chú ruột. Cô Vương Thị Lễ giáng đàn :

Vương Thị Lễ

“Đại lụy ! Đại Ca và Nhị Ca chịu phiên nghe.

Xin phụ thân ngồi và chú ngồi.

Biểu Huynh, em chào bà con hết thủy ...

Xin phụ thân nín nấp, đoạn còn gặp gỡ, vì thăm con mới lụy mình, luật chung của Trời đã định vậy. Con xin cha phải tin tưởng sau mới trùng phùng. Con đã cầu lụy Đấng Thượng Đế Ngọc Hoàng độ cha.

Xin đừng nghi nan chi hết, từ đây con thường về hầu cha. Con xin kiếu. Thăng”.

Về sau, Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy đạo để độ ông Vương Quan Trân, nhưng ông vẫn không chịu theo Đạo, nên khi chết, linh hồn bị đọa nơi Âm Phủ.

Thất Nương (thế danh Vương Thị Lễ) phải xuống Âm Phủ cứu độ, ông mới được siêu thăng.

* Đức Chí Tôn độ ông Tư Mất theo Đạo

Ông Tư Mất, tên thật là Nguyễn Phát Trước, là người cầm đầu một nhóm dân anh chị đứng bến xe thời bấy giờ, bị cảnh sát Pháp liệt vào hạng “bandit dangereux, chef de société secrète” (tạm dịch : Kẻ cướp nguy hiểm, trùm xã hội đen) muốn biết tin tức về người cha đã mất, nên thường đến hầu đàn, có ý muốn biết linh hồn cha ông có siêu thăng hay không.

Ngày 25-1 Bính Dần (09-3-1926), Đức Chí Tôn giảng cơ dạy ông Tư Mất.

THẦY

Mất ! Nghe dạy.

Trước vốn Hỏa Thần ở Ngọc Cung,
Giúp Nam không đặng phận tôi cùng.
Nước đời lấm nổi chua cay bấy,
Còn đợi chi mong thế vầy vùng.

“Người muốn biết đặng cha người thế nào, hỏi nơi người. Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ. Người là hiếu hạnh, chẳng lẽ để cha người chịu đọa A-Tỳ. Nghe mà ăn năn sám hối... Người muốn hiểu cha người thế nào, ấy là hiếu hạnh, Ta khen đó. Người làm tội, chớ cha người là người trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, nhưng mà bị tội giáo tử bất nghiêm để đến đổi hại sanh linh đã lấm, nên bị tội liên can đó mà thôi, phải ở tại ngục Ngươn Tiêu mà đợi người đến. Người

phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó, và ngày sau đặng qui vị mà khỏi đọa luân hồi. Nghe và tuân lệnh dạy.

Thành tâm của người mới đặng mà thôi.

Người muốn vậy, làm lành lánh dữ. Ngày nào đặng vậy, Ta sẽ cho cha người về nói lại cho người biết ”.

Ông Tư Mất giác ngộ và nhập môn theo Đạo Cao Đài. Ông được Thầy phong là Lễ Sanh Thái Mục Thanh (đổi chữ Mất ra chữ Mục), sau lại được phong làm Phụ Đạo Chưởng Nghiêm Pháp Quân.

Ngày 23-10 Bính Dần Thầy giảng cơ dạy ông Tư Mất :

“ Mất ! Thầy dặn con cứ nghe lời Thầy, con nghe. Thầy giúp con làm công quả đặng chuộc tội cho cha con và Cửu Huyền Thất Tổ của con, song tùy theo con chớ Thầy cũng phải giữ lẽ công. Chừng nào con làm đủ âm chất, Thầy sẽ cho cha con nhập cơ mà hội diện với con, nghe à. Cười... ”.

Nhận xét:

Tuy ông Tư Mất đã theo Đạo và được Đức Chí Tôn phong Chức Sắc, nhưng tánh tình nóng nổi và hung dữ vẫn còn, nên thiếu suy nghĩ, sau này gây ra bạo động, xô đuổi và đe dọa bắt bỏ Đức Cao Thượng Phẩm nếu Ngài không chịu ra khỏi Tòa Thánh, đi về Thảo Xá Hiền Cung,...

Đó là ông Tư Mất phạm Thiên Điều nên bị trừng phạt: Đền măn xông phụt cháy khiến ông bị chết cháy thê thảm (Theo tài liệu của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng).

CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ

Kể từ Lễ Thiên Phong Chức Sắc 15-3 Bính Dần (20-4-1926) trở về sau, số người nhập môn cầu Đạo ngày càng nhiều. Nguyên ban đầu, các Ngài Trung, Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu, Kỳ, Bản, Giảng mỗi đêm đều tụ lại khi ở nhà Ngài Lê Văn Trung (Chợ Lớn), khi ở nhà Ngài Cao Quỳnh Cư (Sài Gòn), khi ở nhà Ngài Đoàn Văn Bản (Cầu Kho) để cầu Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo. Mà hễ mỗi lần có chư nhu đến xin nhập môn, Thượng Đế lại dạy đến Đàn Cầu Kho. Vì vậy mà nhà Ngài Đoàn Văn Bản trở thành một cái Đàn Lệ, rồi gọi là Tiểu Thánh Thất.

1.- THÁNH THẤT CẦU KHO

Thánh Thất Cầu Kho ban đầu rất chật hẹp: đồ đạc thiếu trước hụt sau, vì chủ nhà lúc bấy giờ đang ở trong vòng bản chặt, không đủ sức sắm đồ vật để thờ cho xứng đáng.

Bàn Thờ chỉ là một cái bàn nhỏ bằng cây ‘giá tị’. “Thiên Nhân” chỉ được vẽ trên một mảnh giấy cao chừng 3 tấc, ngang độ 2 tấc tây. Chiều đệm cũng không đủ trải mà lạy. Tình cảnh nghèo mà mấy chục bốn đạo không hổ, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn.

Không bao lâu lại được nhiều vị đạo tâm lo sửa sang Thánh Thất lại cho có chút vẻ vang.

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ lo chưởng quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo.
- Các Ngài Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành và Lê Thế Vĩnh lo sửa sang dọn dẹp nơi Thánh Thất cho có trang nghiêm.
- Các Ngài Lê Văn Giảng, Giáo Hiến cùng một ít đạo hữu nữa lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thánh Thất.

2.- CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ

Đương khi ở Thánh Thất Cầu Kho, Quan Phủ Vương Quan Kỳ cùng mấy vị vừa kể trên đây lo thiết đàn giảng đạo, Ngài Lê Văn Trung lại cùng với các Ngài Cư, Tắc, Nghĩa xuống miệt Cần Giuộc lập đàn, khi thì ở chùa Vĩnh Nguyên, khi thì ở chùa Hội Phước. Thêm có Quan Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Quan Phủ Lê Văn Hóa, Ngài Lê Văn Lịch và Ngài Ngô Văn Kim giúp sức vào, nên trong mấy quận Cần Giuộc, Cần Đức, thiên hạ nhập môn nườm nượp, mỗi lần thiết đàn số người cầu đạo kể được hàng trăm.

Danh xưng của nền Tân Tôn Giáo đã được Thượng Đế đặt xong là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đại Ngọc Cơ cũng đã có, Đức Thượng Đế mới bắt tay vào Đạo Sự chánh là phổ độ nhưn sanh: Ra lệnh cho tổ chức một số Đàn Cơ Phổ Độ để Thượng Đế giáo Đạo và trực tiếp thu nhận Tín đồ trong đại chúng.

Có tất cả 8 Đàn do Thượng Đế dạy lập thường xuyên, trong đó có hai Đàn dùng để Ôn Trên dạy riêng chư vị Tiên Khai về công việc hành Đạo, ít thu nhận tín đồ. Đó là:

1.- Đàn Phổ Hàng Dừa: Tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư.

Phò Loan : Các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

2.- Đàn Chợ Lớn: Lập tại nhà Ngài Lê Văn Trung.

Phò Loan : các Ngài Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

Chứng Đàn : Các Ngài Lê Văn Trung và Lê Bá Trang.

Các Đàn Phổ Độ khác được phân bố đều trong nội thành Sài Gòn Chợ Lớn và những vùng lân cận.

3.- Đàn Cầu Kho: Lập tại nhà Ngài Đoàn Văn Bản.

Phò Loan : Các Ngài Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

Chứng Đàn: Ngài Vương Quan Kỳ, sau có mấy Ngài Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với Quan Phủ Kỳ để luân phiên nhau mà lo việc cúng kiếng.

Lo sắp đặt việc lễ có mấy Ngài : Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường.

4.- ĐÀN TÂN KIM: Lập tại nhà Ngài Nguyễn Văn Lai, ở Cầu Giuộc (Ngài Nguyễn Văn Lai về sau đắc phong Chánh Phối Sư phái Thượng).

Phò Loan : Các Ngài Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi.

Chứng Đàn : Các Ngài Lê Văn Lịch và Nguyễn Ngọc Tương.

Lo sắp đặt việc lễ có các Ngài : Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỉ, Võ Văn Kinh.

5.- ĐÀN LỘC GIANG: Lập tại chùa Phước Long, ở Chợ Lớn. Chủ chùa là Ngài Yết Ma Trần Văn Giống.

Phò Loan : Các Ngài Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng.

Chứng Đàn : Các Ngài Mạc Văn Nghĩa và Yết Ma Giống.

6.- ĐÀN TÂN ĐỊNH: Lập tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ.

Phò Loan : Các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

Chứng Đàn : Ngài Nguyễn Ngọc Thơ.

7.- ĐÀN THỦ ĐỨC: Lập tại nhà Ngài Ngô Văn Điều.

Phò Loan: Các Ngài Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

Chứng Đàn: Ngài Ngô Văn Điều.

8.- ĐÀN CHUYÊN TRỊ BỆNH: Lập tại nhà ông Trần Văn Tạ.

Đức Chí Tôn ban cho ông Trần Văn Tạ phép huyền diệu để cứu chữa bệnh nhơn, nhất là để giải bệnh tà. Công quả ấy thuộc về phần ông Trần Văn Tạ, vợ của ông là bà Trương Thị Tròn và con của ông là Trần Văn Hoằng. Ông Tạ nguyên trước kia là một nhân viên mật thám của Pháp được giao nhiệm vụ trà trộn theo dõi các hoạt động tại Đàn Cầu Kho, nhưng ông được Đức Chí Tôn gọi tên, độ dẫn nên trở thành một tín đồ trung kiên của Đạo.

Tại đàn Cầu Kho, ngày 20-7 Bính Dần (27-8-1926), Đức Chí Tôn dạy ông Trần Văn Tạ như sau :

“ Tạ, Thầy giao khổ bệnh nhơn sanh cho con, Thầy lấy nhà con

mà làm Thánh Thất của Thầy ”.

Nhà của ông ở đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo) khoảng gần hẻm 237 vô nhà ông Nguyễn Văn Tường. Ông và gia đình của ông đều làm công quả trị bệnh bằng cách cho bệnh nhưn quì trước Thiên Bàn, thành tâm cầu nguyện, sau đó cho uống nước Âm Dương lấy từ Thiên Bàn. Rất nhiều người khỏi bệnh một cách huyền diệu. Những người nhờ đức tin và duyên phước, sau khi lành bệnh chẳng những xin nhập môn theo Đạo Cao Đài mà còn tích cực truyền bá rộng rãi về sự huyền diệu của một nền Đạo mới xuất hiện.

Về sau, ông Trần Văn Tạ tích cực hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh với chức trách Hộ Đoàn Pháp Quân cho đến khi liễu đạo vào ngày 23-12 Kỷ Hợi (1960). Nhục thể của ông được an táng tại nghĩa trang “Cực Lạc Thái Bình” thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

***- Các Đoàn Không Thường Xuyên**

Ngoài các đàn lệ thường xuyên hoạt động được kể trên, quý Vị Tiền Khai còn có thiết thêm các đàn không thường xuyên ở nhiều nơi khác để giúp vào việc phổ thông Thiên Đạo, như là :

***- Đoàn Vĩnh Nguyên Tự:** Lập tại Cần Giuộc.

- Có nhận tín đồ nhập môn nhưng không nhiều.

- Đoàn này, Ông Trên dành để dạy riêng chư vị Tiền Khai về kinh sách, nội luật, nhưt là về tu học pháp môn thiền định buổi đầu. Từ khi qui hiệp về Đạo Cao Đài, Vĩnh Nguyên Tự tiếp nhận nhiều Thánh Giáo quan trọng, làm căn bản cho cơ Đạo buổi đầu. Ngày 3-2 Bính Dần (16-3-1926), Đức Chí Tôn dạy 3 Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc xuống ở Vĩnh Nguyên Tự một tuần để học đạo thêm.

***Đàn Long Thành Tự :** Lập tại chợ Rạch Kiến, Cần Đước.

Phò Loan: Các Ngài Phạm Tấn Đãi và Nguyễn Thiêng Kim.

Chứng Đàn : Tri Phủ Lê Văn Hóa, thường có các vị sau đây hầu đàn : Lại Văn Hành, Lê Văn Gia, Phan Văn Sách,... Đàn này được thiết lập vào các ngày 14, 15 và 30 hay 29, mùng 1.

***- Đàn Giồng Ông Tố:** Lập tại nhà ông Đỗ Văn Vâng

Phò Loan : Bộ phận phò loan không cố định, thông thường do hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phụ trách.

Hầu Đàn : Thường có các vị: Hồ Văn Đình, Hồ Văn Nhựt, Huỳnh Văn Nhẫn,...

***- Đàn Hội Phước Tự:** Ngày 22-7 Bính Dần (29-8-1926), trong đàn cơ có mặt các Ngài Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Thơ, Đức Chí Tôn thân nhận Hội Phước Tự làm Thánh Thất, và ban cho Yết Ma Luật phẩm Giáo Sư phái Thái. Tương tự, trước đó vài ngày (vào ngày 15-7 Bính Dần, tức 22-8-1926), Đức Chí Tôn cũng đã thân nhận Vạn Phước Tự và phong Yết Ma Nhung là Giáo Sư Thái Nhung Thanh.

CHUẨN BỊ KHAI ĐẠO

Đến tháng 8 Bính Dần (tháng 9-1926), số đồng đạo qui tụ đã được khá đông, lên đến cả ngàn. Lúc bấy giờ, Ngài Lê Văn Trung đã là Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, sau khi lấy ý kiến chung và được mọi người nhất trí, mới kính bạch lên Đức Chí Tôn xin cho công khai hóa hoạt động truyền Đạo.

Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phải họp các huynh đệ lại để thảo luận thật kỹ về bản văn Khai Đạo, sau đó dâng lên cho Đức Chí Tôn duyệt trước khi gửi cho chánh quyền Pháp. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lời dạy của Đức Chí Tôn :

“ Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin Khai Đạo. Phải làm đơn dâng lên cho Thầy xem xét sửa trước nghe! ¹⁴ ”.

14- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 40, - in năm 1972.

1.- TỜ KHAI ĐẠO 23-8 BÌNH DÂN

Vào ngày 23-8 Bình Dân (29-9-1926), theo lời dạy của Đức Chí Tôn, cuộc họp các môn đệ được tổ chức tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, ở hẻm số 237 đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo). Buổi chiều hôm ấy, đột nhiên trời đổ mưa rất lớn, kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ, làm ngập đường sá, giao thông bị bế tắc. Nhờ điều kiện thời tiết trợ giúp mà buổi họp không bị lính mật thám Pháp quấy rầy, và cũng đồng thời loại được những người hiếu kỳ chỉ muốn đến xem cho vui.

Buổi họp được bắt đầu vào khoảng 7 giờ 30 tối, dưới sự hướng dẫn của các Ngài Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch và Cao Quỳnh Cư. Văn bản dự kiến của Tờ Khai Đạo được đọc lên cho toàn thể môn đồ có mặt được nghe và góp ý. Sau khi đại hội thống nhất nội dung tờ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung chịu trách nhiệm soạn ra văn bản bằng tiếng Pháp để gửi lên chánh quyền Pháp. Đại hội kết thúc vào khảng 9 giờ tối, và lúc đó trời cũng bắt đầu tạnh mưa. Đồng đạo lần lượt bình an ra về, như đã được Ông Trên hộ trì.

Hiện diện trong buổi họp đếm được 247 vị, nhưng ký tên vào danh sách chỉ thấy có 244 vị, vì có một vị ghi lộn số thứ tự và 2 vị chưa kịp ký tên.

Sau khi Ngài Lê Văn Trung viết xong TỜ KHAI ĐẠO bằng tiếng Pháp thì Quý Ngài lập đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét sửa chữa.

Đức Chí Tôn giảng cơ, bảo Ngài Cao Quỳnh Diêu đọc tên từng người trong danh sách, khi cơ gõ tên người nào thì đưa tên người ấy vào Tờ Khai Đạo. Tổng cộng Đức Chí Tôn điểm danh 28 vị. Xong, Đức Chí Tôn dạy :

“Thầy dặn con, Trung: Nội thứ năm tuần tới, phải đem đến Le

Fol mà khai cho kịp nghe ”.

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật vâng lệnh Thầy, chờ đến thứ năm tuần sau là ngày 1-9 Bính Dân (7-10-1926), đích thân Ngài lên dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho ông Thống Đốc Le Fol, được ông tiếp nhận một cách lịch sự.

Tiếp nhận Tờ Khai Đạo, một bản tuyên ngôn chánh thức về việc thành lập Đạo Cao Đài, ông Thống Đốc Nam Kỳ đã hành xử rất khôn khéo : vui vẻ tiếp nhận văn kiện nhưng không cam kết công nhận chánh thức mối Đạo.

*** Nhận Xét:**

- Tờ Khai Đạo không phải là Đơn Xin Phép Khai Đạo, mà là Bản Tuyên Ngôn chánh thức của một số tín đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp biết là có một số người đứng ra thành lập một nền tôn giáo mới.

**DANH SÁCH 28 MÔN ĐỆ
KÝ TÊN TỜ KHAI ĐẠO**

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ ở Vũng Liêm.
2. Lê Văn Trung, cựu Thượng nghị viện, thợ Ngũ đẳng Bửu tinh, Chợ Lớn.
3. Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
4. Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định.
5. Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
6. Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ, Sài Gòn.
7. Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
8. Vương Quan Kỳ, Tri Phủ Sở Thuế Thân, Sài Gòn.
9. Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định.
10. Ngô Tường Vân, Thông Phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn.
11. Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp Chủ, Sài Gòn.
12. Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cỏ, Cần Giuộc.

13. Đoàn Văn Bản, Đốc Học trường Cầu Kho, Sài Gòn.
14. Lê Văn Giảng, Thơ ký kế toán hãng Ippolito, Sài Gòn.
15. Huỳnh Văn Giải, Thông Phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn.
16. Nguyễn Văn Tường, Thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn.
17. Cao Quỳnh Cư, Thơ ký Sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
18. Phạm Công Tắc, Thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.
19. Cao Hoài Sang, Thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.
20. Nguyễn Trung Hậu, Đốc Học trường Tư Thục Dakao, Sài Gòn.
21. Trương Hữu Đức, Thơ ký Sở Hỏa Xa, Sài Gòn.
22. Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ, Chợ Đuối, Sài Gòn.
23. Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng, Chợ Lớn.
24. Lại Văn Hành, Hương Cả, Chợ Lớn.
25. Nguyễn Văn Trò, Giáo viên, Sài Gòn.
26. Nguyễn Văn Hương, Giáo viên, Dakao.
27. Võ Văn Kính, Giáo tập, Cần Giuộc.
28. Phạm Văn Tỉ, Giáo tập, Cần Giuộc.

- Ông Pierre Bernardini (người Pháp), trong luận án Tiến Sĩ, đã gọi Tờ Khai Đạo này là : “Déclaration officielle adressée par les fondateurs du Caodaisme à M. Le Fol, Gouverneur de la Cochinchine” (Tạm dịch : Tuyên Ngôn chánh thức được những người sáng lập Đạo Cao Đài gửi tới ông Le Fol, Thống Đốc Nam Kỳ).

2.- CHUẨN BỊ LỄ KHAI ĐẠO

Số người nhập môn theo Đạo mỗi lúc mỗi đông, nên cần phải làm một Lễ Khai Đạo để ra mắt quốc dân và thế giới. Tờ Khai Đạo không phải là đơn xin, nên không có việc chờ đợi nhà cầm quyền Pháp chấp thuận và cho phép. Do đó, sau khi gửi tờ Khai Đạo lên Thống Đốc Le Fol, những vị đứng tên xin Khai Đạo lo gấp rút chuẩn bị cho Ngày Khai Đạo.

Đức Chí Tôn cho lệnh làm Đại Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm Hạ

Ngươn năm Bính Dần (19-11-1926). Tờ Khai Đạo được gửi cho Thống Đốc Nam Kỳ vào ngày 1-9 Bính Dần (7-10-26). Như vậy, chỉ còn non một tháng rưỡi mà có nhiều việc quan trọng cần phải làm song song với nhau :

- Mở rộng việc phổ độ ở các tỉnh để thu nhận thêm tín đồ,
- Chuẩn bị cơ sở vật chất cho Lễ Khai Đạo,
- Chuẩn bị công việc cho Ngày Khai Đạo, gồm có: Lễ, Khách, Thân và Xuất.

1.- Phổ Độ Lục Tỉnh

Ngay sau khi Tờ Khai Đạo đã được Thống Đốc Nam Kỳ tiếp nhận, Ngài Lê Văn Trung giao cho Ngài Cao Quỳnh Cư biên soạn “ PHỔ CÁO CHÚNG SANH ” để ban hành trong giới Chức Sắc và tín đồ khắp nơi, thông báo cho biết Đạo Cao Đài đã được công khai trên mặt pháp lý để các tín đồ yên tâm thờ phượng và hành đạo, đồng thời gián tiếp báo cáo cho các cấp chánh quyền địa phương biết Đạo Cao Đài đã được Thống Đốc Nam Kỳ hoan nghênh và khen rằng: Vì chữ thiện mà khuyến dân, ấy là chủ nghĩa cao thượng.

Quý vị Tiền Khai phân ra thành ba nhóm để đi truyền Đạo ở các tỉnh.

* **Nhóm 1:** Quý Ngài Lê Văn Trung, Trần Đạo Quang, Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Hương Thanh, Lê Văn Giảng,... lo phổ độ trong mấy tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

Phò Loan: Các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

* **Nhóm 2:** Quý Ngài Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, Lê Văn Hóa,... lo phổ độ trong mấy hạt: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Phò Loan: Các Ngài Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

* **Nhóm 3:** Quý Ngài Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung, Trần Văn Liêng,... lo phổ độ trong mấy hạt: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Sa Đéc.

Phò Loan : Các Ngài Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

Hỗ trợ cho ba nhóm trên, còn có một bộ phận Giảng Đạo do Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương và ông Nguyễn Văn Kinh, là những vị rõ thông đạo lý, từ Minh Sư quy nhập Cao Đài.

Kết quả cuộc phổ độ này rất khả quan : chỉ có một tháng mà độ được cả vạn người nhập môn cầu Đạo (1 vạn = 10 000).

Đến ngày mùng 10 tháng 10, công việc phổ độ các tỉnh phải tạm ngưng để tập trung về Thánh Thất “Từ Lâm Tự” Gò Kén, Tây Ninh), chuẩn bị cho Đại Lễ Khai Đạo.

Trong số những vị nhập môn cầu Đạo trong giai đoạn này có nhiều nhân sĩ, trí thức, như là :

- Ông Bà Tổng Đốc Phạm Văn Tươi,
- Ông Bà Tổng Đốc Huỳnh Thái Thông,
- Ông Bà Luật Sư Dương Văn Giáo,
- Ông Đốc Phủ Nguyễn Văn Ca,
- Ông Tri Huyện Nguyễn Dư Hoài,
- Ông Cai Tổng Trương Vinh Qui,
- Ông nghị viên Nguyễn Phan Long,
- Ông nghị viên Cao Triều Phát,
- Bác sĩ Lê Văn Hoạch,
- Bác sĩ Nguyễn Thế Vinh,
- Giáo sư Trần Văn Quế,
- Nhà thầu khoán Lê Kim Ty,
- Ông Nguyễn Văn Phùng (Sở Hỏa Xa).
- Ông Latapie (Sở Thương Chánh)...vân.vân...

Đặc biệt, trong giai đoạn này, Đức Chí Tôn thân nhận thêm được 4 vị phò loan, gồm các Ngài: Lê Thiện Phước, Lê Thế

Vĩnh, Nguyễn Văn Mạnh và Thái Văn Thâu. Bốn vị này về sau được Đức Chí Tôn phong là 4 vị Thời Quân thuộc Chi Thế.

2.- Từ Lâm Tự Địa Điểm Hành Lễ

Trong lúc trụ trì tại chùa Giác Hải ở Chợ Lớn, Sư Thích Từ Phong có quyên tiền trong bốn đạo để lập một cảnh chùa tại Gò Kén lấy tên là Từ Lâm Tự. Trong số bốn đạo, hai Ông Bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đóng góp nhiều hơn cả. Sau khi được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ thuyết phục Ngài Như Nhãn (tức Sư Thích Từ Phong) vào Đạo. Ngài Như Nhãn cũng được Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, và sau đó được Thiên Phong phẩm Chưởng Pháp phái Thái (29-7 Bính Dần : 5-9-1926).

Sau đó, Ngài Như Nhãn tự nguyện hiến chùa Từ Lâm cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất để tổ chức Lễ Khai Đạo. Chùa Từ Lâm xây cất chưa hoàn thành, chỉ vồn vẹn có ngôi chánh điện, chưa có các cơ sở phụ thuộc như Đông Lang, Tây Lang, nhà Tăng, nhà khách. Đường sá vào chùa cũng chưa hoàn tất.

Có được địa điểm để làm Lễ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung làm đơn xin phép với chánh quyền thuộc địa. Một sự trùng hợp ngộ nghĩnh: Giấy phép được cấp vào ngày 7-11-1926, đúng một tháng sau ngày nộp Tờ Khai Đạo là 7-10-1926.

Về công việc chuẩn bị Đại Lễ, một mặt Ngài Lê Văn Trung lo lập danh sách mời các quan khách, một mặt ông bà Nguyễn Ngọc Thơ - Lâm Hương Thanh gấp rút tiến hành công việc sửa chùa.

- Quan khách mời gồm có: Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ, Chánh Tham Biện tỉnh Tây Ninh, nhiều quan chức cao cấp Pháp và Việt, đại biểu các đoàn thể tôn giáo, giới thượng lưu trí thức, giới phóng viên báo chí, thương gia, kỹ

nghệ gia, v.v... đồng thời thông báo cho dân chúng biết là họ được tự do đến dự lễ và cúng kiếng.

- Về công việc sửa chữa chùa, ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh cho sơn phết, phát quang chung quanh, đổ đá làm đường cho rộng rãi từ quốc lộ vào tới sân chùa, để xe hơi chạy vô được tới sân chùa, cất thêm các dãy nhà xung quanh để có chỗ làm việc, nơi tiếp khách, phòng trừ, nhà nghỉ, v.v...

Công việc rất nhiều, phải mượn thêm thợ từ Sài Gòn đem lên mới có thể hoàn tất đúng thời hạn. Các phí tổn cho công việc này rất lớn, ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và Lâm Ngọc Thanh đều chịu phần công quả.

Công việc sửa chữa, xây dựng thêm, lập các nghi thờ, tạc tượng Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa đi tầm Đạo, quan hầu cận Xa-nặc chạy theo sau, tất cả đều được Đức Chí Tôn giáng cơ chỉ dẫn từng chi tiết.

Trong nội diện Thánh Thất, Đức Chí Tôn cũng chỉ dạy cách sắp xếp từng chi tiết. Qua Thánh Giáo ngày 17-9-1926 tức 12-8 Bính Dần (Theo lịch Vạn Niên là 11-8 Bính Dần) :

- Đức Chí Tôn dạy ông Nguyễn Văn Kiệt như sau :

“Kiệt - Con phải giúp Thơ trong việc lập Thánh Thất.

Thầy giao cho con phải săn sóc, mượn thợ làm bảy cái ngai: một cái trọng hơn cho Giáo Tông, ba cái cho ba vị Chưởng Pháp, ba cái cho ba vị Đầu Sư; Nhứt là cái ngai cho Giáo Tông phải làm cho kỹ lưỡng, chạm trổ tứ linh. Những chỗ hai tay dựa phải chạm trổ hai con Rồng, còn cửa Chưởng Pháp chạm hai con Phụng, cửa Đầu Sư chạm hai con Lân... nghe à!..¹⁵.

- Đức Chí Tôn dạy ông Lâm Quang Bính như sau :

“Bính - Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn; con hiểu gì

15- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 38 - in năm 1972.*

không?...Cười...Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy. THẦY kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế Giới thì đều là Tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con gỡ sách thiên văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt THẦY; hiểu chăng?... Nghe à !”.

Còn chư Phật, chư Tiên, Thánh, Thần đã lên cốt, thì để dài theo dưới, hiểu không con ?” .¹⁶

- Đức Chí Tôn dạy Ngài Nguyễn Ngọc Thơ là khi đem trái Càn Khôn về phải làm một cái cốt xây, đặng để trái Càn Khôn lên Đại Điện, dạy Con Mất ra ngoài. Rồi lại lấy tượng Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử để dựa dưới. Kế ba vị ấy là tượng của Đức Quan Thế Âm, Đức Lý Thái Bạch và Đức Quan Thánh. Kế nữa, ngay dưới Đức Lý Thái Bạch là tượng Đức Chúa Jésus. Kế Đức Jésus là tượng Đức Khương Tử Nha... Trước khi sắp đặt phải vẽ họa đồ cho Đức Chí Tôn chế sửa.

Như vậy thì trên Thiên Bàn có đủ: Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi.

Tam Giáo:	Đức Phật Thích Ca Đức Lão Tử Đức Khổng Tử.
Tam Trấn:	Đức Lý Đại Tiên Trưởng Đức Quan Âm Như Lai

16- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 38 - in năm 1952.

Đức Quan Thánh Đế Quân.

Ngũ Chi:

Phật Đạo : Đức Phật Thích Ca

Tiên Đạo : Đức Lý Đại Tiên Trưởng

Thánh Đạo : Đức Chú Jésus

Thần Đạo : Đức Khương Tử Nha

Nhơn Đạo: Tượng trưng bằng 7 Cái Ngai.

Ghi Nhớ Tôn Chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là :

“ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt ”.

3.- Công Việc trong ngày Khai Đạo

Có thể nói, hầu hết những chi tiết của Ngày Đại Lễ, từ hình thức đến nội dung, nghi thức trong ngoài, từ số lượng Đồng Nhi Lễ Sĩ đến việc tiếp rước quan khách, xuất nhập thu chi ... tất cả đều do Ông Trên giảng cơ chỉ dạy từng chi tiết.

* **Về đối ngoại**, Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ cho Ngài Lê Văn Trung : Lập danh sách mời quan khách, mở cửa rộng cho dân chúng mọi giới tự do đến tham dự.

* **Về phân công nhơn sự**, Đức Chí Tôn cũng giảng cơ chỉ dạy từ chút:

- Về Lễ: Thầy giao chánh sự cho Trang, phó sự cho Nhung, phụ sự có Ý ...

- Về Khách: Khách thì Tương là chánh sự, Luật là phó sự ... Voi là phụ sự ...

- Về Thâu: Về Thâu thì Thơ, Như Nhãn, Đạo Quang.

- Về Xuất: Xuất thì Lịch, Xài, Hóa (Phủ Hoá Cần Đước).

Nói chung mọi việc sắp xếp , từ việc lớn đến việc nhỏ, chi chi cũng đều do Đức Chí Tôn sắp đặt.

Trần Cờ Ngũ Phương: Tại Đông Phương, Tây Phương, Nam Phương, Bắc Phương, lựa 12 đứa Đồng Nhi cầm cờ, còn ở giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.

ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO

Đại Lễ Khai Đạo được tổ chức tại Thánh Thất Gò Kén thuộc làng Long Thành (nay thuộc huyện Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Cuộc Lễ được dự kiến cử hành trong 3 ngày 14, 15, 16 tháng 10 năm Bính Dần, nhằm các ngày Thứ năm, Thứ sáu, Thứ bảy 18, 19, 20 tháng 11 năm 1926, nhưng vì bá tánh thập phương đến tham dự quá đông đảo nên phải kéo dài đến 3 tháng.

Địa điểm hành Lễ cách xa Sài Gòn khoảng một trăm cây số, và mặc dù đường sá lúc bấy giờ chưa được thuận tiện, nhưng từ ngày 13-10 Bính Dần, bốn đạo và dân chúng khắp nơi đều đổ về chùa Gò Kén để tham dự Lễ, bằng nhiều loại phương tiện vận chuyển khác nhau như : xe ngựa, xe bò, xe trâu, ghe tàu đậu nơi Bến Kéo,... nhiều người đi bộ đến chùa, người ta chen chúc nhau tìm chỗ tạm nghỉ dưới các tàn cây phía sau chùa để chờ giờ hành lễ. Dân chúng tới đây có đủ các giai cấp thành phần, người có tín ngưỡng tôn giáo cũng có, người hiếu kỳ muốn xem chuyện lạ cũng có. Có nhiều người Tần Mun và người Miên, kể cả các sư sãi Miên, từ tỉnh Soài Riêng nước Miên băng rừng xuống đây đánh lễ.

Các Chức Sắc có phận sự tiếp đãi quan khách rất ân cần và chu đáo, mời dùng cơm nước đầy đủ. Ban tổ chức thông báo nhiều lần là không thu tiền bạc của ai hiến hết, chỉ nhận quả phẩm và đồ cúng tế mà thôi.

1.- NGÀY 14-10 BÍNH DẦN

Đêm 14-10, đúng giờ Tý là khởi đầu Đại Lễ Khai Đạo. Các vị Chức Sắc Thiên Phong đều mặc Đại Phục, rất mới lạ đối với tất cả các quan khách và dân chúng, nhưng cũng rất đặc sắc và tốt đẹp theo văn hóa cổ truyền Việt Nam khi xưa, lại có tính

cách thiêng liêng như những vị Tiên, vị Thánh của cõi Trời đi xuống cõi phàm trần.

Chức Sắc Thiên Phong với đạo phục áo mào rực rỡ màu sắc, đứng trật tự trước giờ hành lễ, như là để ra mắt nhơn sanh, trong khung cảnh trang nghiêm, dưới ánh đèn điện sáng rực giữa chốn thôn quê sần dã. Đúng 12 giờ (0 giờ), khởi đầu Đại Lễ cúng Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật trong chánh điện của Thánh Thất.

Tiếp theo phần Đại Lễ là đàn cơ. Đức Chí Tôn giáng cơ để lời chào mừng các môn đệ. Sau đó, Đức Chí Tôn ban Tịch Đạo Nữ Phái và Thiên Phong một vài Chức Sắc Nữ Phái.

***- Cơ Thử Thách Đầu Tiên**

Đêm ấy, vì đông người mà cuộc hành lễ hóa ra thất nghiêm, nên Đức Thượng Đế giáng cơ, chỉ để ít lời rồi thăng. Tà Quái thừa dịp Đức Thượng Đế và chư Thần Thánh Tiên Phật thăng rồi, liền nhập vào quấy phá.

Một con tà nhập vào cô Vương Thanh Chi (con của Ngài Vương Quan Kỳ) làm cô nhảy dựng lên, xưng là Quan Âm Bồ Tát. Một con tà khác nhập vào ông Lê Thế Vĩnh cũng làm ông nhảy dựng lên, xưng là Tề Thiên Đại Thánh.

Ban đầu, bốn đạo còn tin thiệt, hết dạ kính thành, sau lần lần xem hành động của chúng nó lấy làm lộng, chừng ấy mới phân biệt chánh tà. Lúc đó, Ngài Cao Quỳnh Cư liền đi lên Thiên Bàn, thỉnh Nước Thánh đem xuống rải vào hai người bị tà nhập thì hai con tà mới chịu xuất ra, và hai người mới lần lần tỉnh lại, mặt ngơ ngơ ngác ngác, không biết việc gì đã xảy ra.

Một số ít Chức Sắc và tín đồ, nhẹ tánh thì gãi đầu chắc lưỡi, ngần ngẩn, ngơ ngơ. Một số người tham dự đứng bên ngoài

Thánh Thất, mất lòng tin, lần lượt bỏ ra về. Nhưng đa số những người biết đạo vẫn bình tĩnh lưu lại tiếp tục theo dõi diễn tiến của cuộc Lễ.

Thấy tình hình như vậy, Đại Úy Monet ở nán lại để gặp quý vị Chức Sắc trong ban tổ chức, có lời an ủi và khuyên giải như sau :

“ Công việc các ông làm đây là rất phải, các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà vội ngã lòng thất chí. Tôi cho là thường tình bởi vì bên Pháp, trong mấy đàn thỉnh Tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có lời khuyên các ông là từ rày sắp lên, hễ có cầu cơ thì chớ hiệp nhau đông đảo, vì cần phải cho thanh tịnh, mà khi đông người thì một là mất bề thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng, không tương ứng nhau được, thì sự cầu cơ không linh nghiệm”.

Những lời châu ngọc của ông Monet được quý vị Chức Sắc tiếp thu với đầy cảm mến và biết ơn sâu sắc.

2.- NGÀY 15-10 BÍNH DẦN

Ngày Rằm tháng 10 là ngày Chánh Lễ đối với nhơn sanh ngoài Đạo, Đại Lễ vẫn tiếp tục theo đúng chương trình đã định. Số người đến tham dự đông không thể tưởng tượng được, đông đến đổi khoảnh đất 5 Mẫu Tây của Thánh Thất Gò Kén không đủ chỗ chứa. Người đến tham dự phải chen sát cánh nhau, chật nghẹt cả sân Thánh Thất. Ngoài người Việt và người Pháp ra, hiện diện còn có người Huê Kiêu, Ấn Độ, Chàm, Lào, Thượng, Kampuchia, nhứt là người Tần Mun, các đoàn thể tôn giáo bạn, người Việt đến từ các nơi ở Hậu Giang Lục Tỉnh và từ Miền Trung nước Việt. Nhưng phải nói : số người rộn rịp nhứt là người Kampuchia.

Người Kampuchia vượt biên giới bất chấp lệnh cấm của Hoàng

Gia họ. Họ đến rất đông, lượt này đến lượt khác, không ngày nào là không có. Sở dĩ có sự việc như thế là họ nghe Sãi Cả của họ báo tin có thấy Đức Phật đã cỡi ngựa trắng chạy về phương Nam : “Đức Phật đã cỡi ngựa chạy về phương Nam rồi, không còn ở xứ ta nữa”. Khi người Kampuchia nghe như thế họ kêu nhau rần rần rộ rộ vượt biên giới chạy xuống Tây Ninh, gần sát biên giới của nước họ. Đến Thánh Thất Gò Kén, thấy tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta cỡi ngựa trắng, có người hầu Xa-Nặc chạy theo sau, họ bèn la lên : “Đây rồi ! Đức Phật đây rồi !”, và ùn nhau chạy vào Thánh Thất làm lễ hàng loạt, loạt này xong đến loạt kia. Thật là ồn ào náo nhiệt, mà cũng rất vui !

Người Thượng và người Chàm cũng kéo nhau đến bằng xe trâu, xe bò, với tất cả gia đình của họ, mang theo nào là nồi niêu gáo thóc, nấu nướng, ăn ngồi dưới bóng các cây chung quanh chùa, dầm mưa dãi nắng lưu lại cho đến ngày mãn lễ mới chịu lên đường trở về quê quán.

Các quan khách từ Sài Gòn lên dự Lễ theo giấy mời cũng rất đông, xe hơi đậu đầy sân Thánh Thất ra đến quốc lộ, những chiếc đi sau phải đậu trên quốc lộ. Trong thời kỳ đó mà có cả trăm xe ô-tô đến dự lễ là một việc hết sức lạ thường, một quang cảnh hiếm thấy được trong thời kỳ đó ở miền Nam xứ Việt. Các quan khách đến tham dự Lễ đều rất sang trọng, ăn mặc chỉnh tề. Thật là một quang cảnh tấp nập long lẫy mà từ trước đến nay nơi vùng thôn quê hẻo lánh này chưa từng xảy ra.

Quang cảnh ở Gò Kén hôm đó là một rừng người, một rừng màu sắc : áo vàng nghệ của phái Trì Bình Khất Thực, áo màu đà của Cổ Sơn Môn, áo màu tím và màu đen huyền của người Việt, áo dài trắng khăn đóng đen của người Cao Đài, áo Tây trắng của số đông quan khách. Đông như thế mà chẳng có việc gì đáng tiếc xảy ra, ai ai cũng đều nhã nhặn, trật tự và hòa nhã, không một tiếng cãi cọ. Thật là lạ, là huyền diệu. Thế mới gọi

là Thánh Địa (Theo quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của soạn giả Đỗ Vạn Lý).

Trong số quan khách danh dự có : Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ, Đại Uý Monet (người Pháp, có cảm tình với Đạo), nhiều quan chức cao cấp Pháp và Việt, đại biểu các đoàn thể tôn giáo, giới thượng lưu trí thức, giới phóng viên báo chí, thương gia, kỹ nghệ gia, .v.v...

Ngài Lê Văn Trung và quý vị Chức Sắc tiếp đón quan khách một cách hết sức lịch sự và niềm nở, ân cần mời khách vào đúng vị trí làm Lễ. Buổi Lễ tổ chức rất tốt đẹp, thành công mỹ mãn, các quan khách đều rất hài lòng.

Trưa lại, sau thời cúng Đức Chí Tôn, Quý Vị Chức Sắc lập đàn cầu Đức Chí Tôn, hỏi về cuộc biến đêm hôm rồi. Thầy giảng:

THẦY

Cả chư môn đệ Thầy lập phép để làm chi ?

Thầy dạy sắp đặt lễ làm không trúng.

..... Thầy dùng phép thử Thánh mặc dầu, chẳng lẽ một vị Thiên tước mà rẻ rúng đặng vậy, nhưng các con lại đặng hiểu rõ Tà Quái quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi.

Thầy lấy làm tức cười mà lại đau thảm cho những kẻ vô phước bị ngã vì bận thử thách nên vậy

TÁI CẦU :

THẦY

Các con, cười

Thầy chẳng biết đến chừng nào Thầy dạy các con hiểu Thánh ý Thầy đặng ... Cười

Thầy dặn, Lịch nghe dạy :

“ Phải trấn đàn tứ phía góc Thánh Thất, chớ chẳng phải nội

giữa mà thôi, rồi làm Đại Lễ như buổi tại Vĩnh Nguyên Tự. Nhớ đừng phát cờ lộn nữa nghe à ! Bởi con mà ra đến đỗi, hiểu à !

Thầy dặn con một điều này nữa, từ nay khá làm theo lời Thầy dặn, đừng biến cải nghe à !”.....

Trong bài Thánh Ngôn trên, Đức Chí Tôn cho biết, Tà Quái nhập vào đàn phá khuấy là do Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, khi trấn đàn, trấn sót một cửa và phát lộn cờ, nên theo cửa đó mà Tà Quái nhập vào đàn phá khuấy. Thầy biết trước việc này nhưng đành để vậy cho Tà Quái thử thách các môn đệ Thầy theo lẽ công bình.

Cuộc thử thách đem lại các hiệu quả sau đây :

- Một là để loại bỏ những người theo Đạo do xu thời, trong lòng còn mờ hồ kém đức tin.

- Hai là Đức Chí Tôn lập Đạo xong để cho Quỷ Vương phá xem coi có tiêu diệt được Đạo Thầy hay không.

- Ba là để cảnh giác các Chức Sắc, phải hết sức thận trọng trong việc hành lễ.

- Bốn là để nhà cầm quyền Pháp xem Đạo Cao Đài như là một nhóm đồng bóng mê tín dị đoan, không phải là một tổ chức chánh trị, không đáng ngại, không cần làm khó dễ, dần dần Đạo này cũng tự tan rã mà thôi.

- Năm là mượn tay báo chí loan tin, bình phẩm từ Sài Gòn đến Hà Nội, Huế, Nam Vang, sang kinh đô Paris nước Pháp và toàn cả Âu Châu, một nền Đạo mới là Đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Thượng Đế xuất hiện ở Việt Nam, vì đề tài “Quỷ Nhập Trùng” rất hấp dẫn độc giả. Báo chí sẽ mô tả tỉ mỉ, bàn tán, phê phán gắt gao, nhưng tất cả những thứ đó chỉ có tác dụng ngược lại là quảng cáo giùm cho Đạo Cao Đài, làm cho nhiều người quan tâm đến, dành thì giờ tìm hiểu mối Đạo mới này.

3.- NGÀY 16-10 BÍNH DẦN

Ngày 16-10 âm lịch là ngày chót trong chương trình chánh thức đã ấn định. Tuy bị khảo đảo nặng nề, cuộc lễ vẫn tiếp tục tiến hành vì nhơn sanh vẫn đông đảo kéo đến Thánh Thất để xin nhập môn cầu Đạo.

Trong hai đêm 16 và 17 tháng 10, Đức Chí Tôn giảng cơ ban cho Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài nam phái.

- Đêm 16, Thầy ban cho Pháp Chánh Truyền từ phẩm Giáo Tông đến phẩm Lễ Sanh, rồi Thầy thăng.

- Đêm 17, Thầy ban tiếp phần công cử các phẩm cấp Chức Sắc từ Lễ Sanh đến Giáo Tông.

Tất cả các đàn cơ trong những ngày Khai Đạo đều do hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt chứng đàn, hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Theo lời Ngài Nguyễn Trung Hậu kể lại: Thầy giảng cơ viết Pháp Chánh Truyền rất nhanh, đến độ điển ký là ông Sơn viết không kịp, nên Thầy phải biểu Ngài Nguyễn Trung Hậu viết tiếp.

Chương trình Đại Lễ Khai Đạo dự kiến đến hết ngày 16 âm lịch là chấm dứt, nhưng vì nhơn sanh từ các tỉnh vẫn tiếp tục kéo đến Thánh Thất để cầu Đạo, nên ban tổ chức vẫn lo cơm nước đãi đàng nhơn sanh và kéo dài cuộc Lễ đến 3 tháng, tức là tới ngày 15-1 Đính Mão, Đức Chí Tôn mới ra lệnh chấm dứt.

Đức Chí Tôn lập Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái theo đó thì trên hết có một phẩm Giáo Tông là Anh Cả trong Đạo, kế đến là các phẩm : Chưởng Pháp, Đầu Sư,...

Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam Phái gồm có :

1 vị Giáo Tông: Phật vị

3 vị Chưởng Pháp: Tiên vị (3 Phái : Thích, Đạo, Nho)

3 vị Đầu Sư: Tiên vị (3 Phái : Thái, Thượng, Ngọc)

36 vị Phối sư: Thiên Thánh (mỗi phái có 12 vị)

72 vị Giáo Sư: Nhơn Thánh (mỗi Phái có 24
3000 Giáo Hữu: Địa Thánh (mỗi Phái có 1000 vị).

Lễ Sanh: Thiên Thần (ba Phái không hạn định số lượng).
Về Phối Sư, mỗi phái có một vị Chánh Phối Sư. Các phẩm cấp
Chức Sắc từ Giáo Tông đến Giáo Hữu phù hợp với lời dạy sau
đây của Đức CHÍ TÔN vào ngày 4-10-1926 tức 27-8 Bính Dần
(Theo lịch Vạn Niên là 28-8 Bính Dần).¹⁷

“ Còn nay THẦY giảng thế thì chọn đến :

Nhứt Phật
Tam Tiên
Tam thập lục Thánh
Thất thập nhị Hiền
Tam thiên Đồ Đệ

Các con coi đó mà hiểu rằng : các con có sự mà thiên hạ từ tạo
thiên đến chừ, chưa hề có chẳng?... Các con có cả ba chánh
đạo là Tam Giáo, các con biết tôn trọng; ngày nay lại thêm
chánh đạo nữa, các con biết ít nước nào đặng vậy? ”.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhất Trấn Oai Nghiêm lập Pháp
Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ Phái chỉ có 7 phẩm, từ phẩm
cao nhất là Nữ Đầu Sư đến hàng phẩm Nữ Tín đồ.

4- TRƯỜNG CÔNG KÍCH

Dù bị Tà Quái khuấy phá, dù bị dư luận của một vài tờ báo mỉa
mai, dù bị một số người đời chê bai, dù rằng có một vài Chức
Sắc ngã lòng thối bước, nhưng các người đến cầu Đạo mỗi
ngày cũng vẫn rất đông, chỉ trong 3 tháng sau Ngày Khai Đạo,
số người nhập môn vào Đạo lên đến hàng chục ngàn người.

Nhiều người hiểu biết, quan tâm về tôn giáo, càng nghe nhiều
lời công kích chừng nào càng quan sát về Đạo chừng nấy, thành
thử những người công kích lại chính là những người giới thiệu
Đạo Cao Đài cho nhiều người biết, tự những người đứng ra

17- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 42, in năm 1972.

công kích cũng phải nhìn nhận như vậy.

Chư vị Chức Sắc cao cấp của Đạo thấy nhưn sanh nược nược đến Thánh Thất cầu Đạo, mỗi ngày có đến hàng trăm người, đôi khi đến hàng ngàn người, thì trong lòng được an ủi rất nhiều, lần lần hết phiền muộn, đức tin thêm vững chắc, càng hết lòng phụng sự nền Đạo.

Như vậy, có một điều xem là nghịch lý nhưng đó lại là sự thật đối với nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn : Càng gây khó khăn cho Đạo, càng muốn tiêu diệt Đạo chừng nào thì Đạo lại phát triển nhanh chừng nấy, đúng như lời Đức Chí Tôn đã dạy: “ Muốn khuấy rối bao nhiêu, Đạo lại càng phát mau bấy nhiêu”¹⁸ .

5.- ĐỨC LÝ KIÊM NHIỆM GIÁO TÔNG

Kể từ ngày 24-4-1926 (13-3 Bính Dần), ngày mà Quan Phủ Ngô Văn Chiêu tách ra khỏi Nhóm Phổ Độ để lo bề tự giác, ngôi Giáo Tông chưa có người nhận.

Đến ngày 29-11-1926 (25-10 Bính Dần), nghĩa là sau ngày Khai Đạo 10 ngày, Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm, cầm quyền Giáo Tông, điều khiển nền Đạo.

Trong bài Thánh Giáo ngày 29-11-1926 , Đức Chí Tôn dạy như sau:

“... THẦY thấy các con bị phép thử thất ba Trấn lập thành, thì đã hiểu nhiều đũa bị hành. THẦY ngậm đau, nuốt thắm ngòi nhìn. THẦY chẳng để thử thất ba Trấn trách THẦY vì yêu mến quá lẽ mà làm hết công bình, nhứt là Thái Bạch kê nài hơn hết. Dầu Quan Âm và Quan Thánh xin cũng chẳng đặng. Nhứt là buổi thử thất ấy, lại nhằm ngày khai Thánh Thất, thì các con

18- Theo quyển Đại Đạo Nhứt Kỳ của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng (Đức Chí Tôn: 5-11 Bính Dần).

đủ hiểu là hại dường nào, song phải dần lòng chịu vậy...

Vậy từ đây, quyền thưởng phạt đã giao vào tay Lý Thái Bạch. Các con liệu mình mà cầu rỗi nơi Người. Thầy dạy dỗ, các con không nghe, đợi có hình phạt thì các con chịu lấy”.

Trong phần TÁI CẦU, Đức Lý giảng cơ dạy như sau :

“ Hỉ chư Đạo Hữu – Thiên Phong bình thân.

Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bản Đạo, vậy các Đạo Hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền Đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên Cơ mà bước lên địa vị cao thượng, chớ sứt sè ôm thói mờ hồ, thì đã uống công trình cực nhọc từ bấy lâu nay, lại thêm chẳng đặng theo Thánh ý của Thầy là bậc Chí Tôn đã hết sức nhọc nhằn cùng sanh chúng.

Mở một mối đạo không phải là sự thưởng tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn đặng lòng tà vạy ¹⁹ ”

MỘT NĂM TRUYỀN ĐẠO

Xin nhắc lại : Giao Thừa Tết Bính Dần, quý vị Tiên Khai hội tụ tại nhà Ngài Lê Văn Trung để làm lễ cúng Thầy, xong thiết đàn cầu cơ. Đức Chí Tôn giảng điển có ra lệnh cho Quý Vị Tiên Khai khởi sự đi truyền Đạo phổ độ nhơn sanh. Đức Chí Tôn dạy như sau:

“Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ điu dắt cả môn đệ TA vào đường đạo đức ...

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo ...v.v... ”.

19- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 47 - in năm 1972.

Trong quyển “Đại Đạo Căn Nguyên”, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết :

“Ấy là lời Thánh Giáo đầu tiên, ấy là kỷ niệm ngày Khai Đạo : mừng Một giờ Tý năm Bính Dần vậy”.

Ngày Mừng 9 tháng Giêng Tết Bính Dần (21-2-1926), Quan Phủ Vương Quan Kỳ thiết lễ Vía Trời tại nhà của ông. Sau phần cúng lễ, các vị Tiên Khai có lập đàn cơ. Trong bầu không khí vui vẻ tưng bừng, ấm áp của mùa xuân, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Cao Đài lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức CHỈ TÔN liền ân ban bài thơ sau đây :

“ CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
HUỒN MINH MÂN đáo thủ đài danh.

Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của 12 người môn đệ trước hết của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế²⁰... ”.

Một năm sau, vào ngày 1-1 Đinh Mão tức 1-2-27 (Theo lịch Vạn Niên là 2-2-27), Đức Chí Tôn giảng cơ dạy như sau :

“ Các con,... Mừng các con.

Trung, Cư, Tắc, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào ? Còn nay thế nào chăng ?...

Thầy lập Đạo năm rồi ngày này thì Môn Đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà 4 đứa đã vào nơi tay Chúa Quỉ, còn lại tám. Trong 8 đứa thì lại còn một đôi đứa biếng nhác mà không hành đạo. Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiết lớn giáng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi độ hơn bốn muôn sanh linh nhờ tay 6 đứa Môn Đệ trong một năm cho đặng bao giờ.

20- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang đầu, in năm 1972.

Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết thầy bốn muôn Môn Đệ của Thầy ... Thầy giở cơ lên, các con đều chung ngang qua cho Thầy ban Phép Lành ²¹...”

Ghi Chú:

Trong bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Chú Thích (Quyển 1, trang 244), Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng có ghi như sau :

Tết năm trước, tức Tết Bính Dần, Đức Chí Tôn điểm danh 12 Môn Đệ đầu tiên.

Tết năm nay là Tết Đinh Mão, Đức Chí Tôn nói : Chỉ nhờ có 6 Môn Đệ lo hành đạo trong một năm mà độ được hơn 40 000 Tín Đồ.

Đây là lần đầu tiên :

Đức Chí Tôn ban phép lành cho các Môn Đệ.

Ghi Chú:

Chỉ trong vòng một năm mà trong 12 Chức Sắc Tiền Khai, 12 vị Môn Đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, có đến 4 vị bị khảo phải rơi vào nơi tay Chúa Quỷ !!!

DANH SÁCH CHỨC SẮC TÍNH ĐẾN LỄ KHAI ĐẠO

.Chưởng Pháp phái Thái: Hòa Thượng Như Nhãn.

Chưởng Pháp phái Thượng: Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương.

Chưởng Pháp phái Ngọc: Thái Lão Sư Trần Văn Thụ.

Đầu Sư phái Thái: Thái Minh Tinh (Hòa Thg. Thiện Minh).

Đầu Sư phái Thượng: Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung).

Đầu Sư phái Ngọc: Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch).

CÁC VỊ PHỐI SƯ

Chánh Phối Sư phái Thái: Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ).

Chánh Phối Sư phái Thượng: Thượng Tương Thanh (Nguyễn

21- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 73-74 - in năm 1972.

Ngọc Tương).

Chánh Phối Sư phái Ngọc: Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang).

Phối Sư phái Thượng: Thượng Hóa Thanh (Lê Văn Hóa).

CÁC VỊ GIÁO SƯ

Thái Nhung Thanh: Yết Ma Nhung (Chợ Lớn).
Thái Luật Thanh: Yết Ma Luật (Phước Hậu).
Thái Bính Thanh: Lâm Quang Bính (Rạch Giá).
Thượng Kỳ Thanh: Vương Quan Kỳ (Sài Gòn).
Thượng Chức Thanh: Nguyễn Văn Chức (Chợ Lớn).
Thượng Kim Thanh: Ngô Văn Kim (Cần Giuộc).
Thượng Hành Thanh: Lại Văn Hành (Chợ Lớn).
Thượng Vinh Thanh, Chợ Lớn.
Thượng Định Thanh: Tống Quốc Định (Sài Gòn).
Ngọc Vân Thanh: Ngô Tường Vân (Sài Gòn).
Ngọc Đạt Thanh: Nguyễn Phát Đạt (Sài Gòn).
Ngọc Mùi Thanh: Nguyễn Văn Mùi.
Ngọc Kinh Thanh: Nguyễn Văn Kinh (Gia Định).
Ngọc Thông Thanh: Bùi Văn Thông.

Quý vị thọ phong sau ngày 15-10 Bính Dần:

Giáo Tông (vô vị): Đức Lý Đại Tiên Trưởng
Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm

CÁC VỊ GIÁO SƯ

Thượng Hoài Thanh: Nguyễn Văn Hoài (Sài Gòn).
Thượng Hoài Thanh: Dương Văn Hoài (Bến Tre).
Thượng Hoài Thanh: Nguyễn Tấn Hoài (Cần Đước).
Thượng Lai Thanh: Nguyễn Văn Lai (Tân Kim).
Thượng Bút Thanh: Hà Văn Bút (Sài Gòn).
Thượng Châu Thanh: Lê Văn Sơn (Thầy đổi Sơn ra Châu).
Thượng Viễn Thanh: Phạm Trí Viễn (Trà Vinh).
Thượng Tín Thanh: Ngô Trung Tín (Rạch Giá).

Thượng Nhơn Thanh: Nguyễn Văn Nhơn.

CÁC VỊ GIÁO HỮU

Thượng Giới Thanh: Huỳnh Văn Giới (Sài Gòn).
Thượng Bản Thanh: Đoàn Văn Bản (Sài Gòn).
Thượng Lâm Thanh: Nguyễn Ngọc Lâm.
Thượng Thấp Thanh: Phạm Văn Thấp.
Thượng Sơn Thanh: Huỳnh Văn Sơn.
Thượng Cúc Thanh: Lê Văn Cúc.
Thượng Phương Thanh: Nguyễn Văn Phương.
Thượng Kính Thanh: Võ Văn Kính (Cần Giuộc).
Thượng Thiên Thanh: Bùi Văn Thiên.
Thượng Cúc Thanh: Nguyễn Văn Cúc.
Thượng Nghi Thanh:

NỮ PHÁI

Nữ Giáo Sư Hương Thanh: Lâm Ngọc Thanh (14-10 B.D).
Phó Giáo Sư Hương Thế: Ca Thị Thế (14-10 Bính Dần).

CÁC VỊ LỄ SANH

Trần Văn Tạ: thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Trần Văn Hoàng: thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Cao Quỳnh Diêu: thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Nguyễn Phát Trước: thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Trần Văn Tạ sau đắc phong Hộ Đoàn Pháp Quân.
Cao Quỳnh Diêu sau đắc phong Bảo Văn Pháp Quân.
Nguyễn Phát Trước (Thái Mục Thanh) sau đắc phong Phụ Đạo
Chưởng Nghiêm Pháp Quân, bất kính với Đức Cao Thượng
Phẩm, bị chết thảm thương.

CÁC VỊ PHÒ LOAN

Phạm Công Tắc: Hộ Pháp, Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.
Cao Quỳnh Cư: Thượng Phẩm, Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.
Cao Hoài Sang: Thượng Sanh.

TIÊN ĐẠO PHỒ CƠ ĐẠO SĨ

Trương Hữu Đức	-	Nguyễn Trung Hậu
Trần Duy Nghĩa	-	Trương Văn Tràng
Phạm Văn Tươi	-	Ca Minh Chương
Phạm Tấn Đãi	-	Nguyễn Thiêng Kim*
Huỳnh Văn Mai*	-	Võ Văn Nguyên*
Nguyễn Văn Mạnh	-	Lê Thiện Phước

Vào ngày Lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài 12-1 Đinh Mão (13-2-1927), 12 vị Phồ Loan được Đức Chí Tôn Thiên Phong là Thập Nhị Thời Quân, tức 12 vị Tướng Soái của Đức Chí Tôn.

Trong ngày này, ba vị Kim, Mai, Nguyên vắng mặt, nên Đức Chí Tôn bổ sung thêm ba vị khác là Lê Thế Vĩnh, Thái Văn Thân và Cao Đức Trọng.

Riêng Ngài Cao Đức Trọng thọ phong sau cùng, vào ngày 29-6 Đinh Mão (27-7-1927), tại Nam Vang.

Pháp Chánh Truyền HIỆP THIÊN ĐÀI

Sau ngày Khai Đạo non 3 tháng (vào ngày 12-1 Đinh Mão, tức 13-2-1927), Đức Chí Tôn giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, nội dung tóm lược như sau.

Hiệp Thiên Đài được đặt dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm.

Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba Chi : Chi Pháp, Chi Đạo và Chi Thế.

* Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Chưởng quản Hiệp Thiên Đài, kiêm chưởng quản Chi Pháp, dưới có 4 vị Thời Quân :

- Bảo Pháp: Nguyễn Trung Hậu

- Hiến Pháp: Trương Hữu Đức
- Khai Pháp: Trần Duy Nghĩa
- Tiếp Pháp: Trương Văn Tràng.

* Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư chưởng quản Chi Đạo, dưới có 4 vị Thời Quân thuộc Chi Đạo :

- Bảo Đạo: Ca Minh Chương
- Hiến Đạo: Phạm Văn Tươi
- Khai Đạo: Phạm Tấn Đãi
- Tiếp Đạo: Cao Đức Trọng*.

* Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang chưởng quản Chi Thế, dưới có 4 vị Thời Quân thuộc Chi Thế :

- Bảo Thế: Lê Thiện Phước
- Hiến Thế: Nguyễn Văn Mạnh
- Khai Thế: Thái Văn Thâu*
- Tiếp Thế: Lê Thế Vĩnh*.

Ba vị Chưởng Đài có tuổi lần lượt là : Tý, Sửu, Dần.

Mười hai vị Thời Quân có tuổi lần lượt là 12 con giáp trong Thập nhị Địa Chi: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Không có vị nào trùng tuổi với vị nào.

THÁNH ĐỊA TÂY NINH

Trong lúc Đức Chí Tôn gầy dựng nền Đạo chưa được bao lâu, chưa có nhiều môn đệ, và chánh quyền Pháp lại lăm le đàn áp, thì trong năm Bính Dần, năm đầu tiên của cơ Đạo, phải chịu hai việc đau buồn.

- Việc thứ nhất: Trong khi vào cuối năm Ất Sửu, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ hòa hợp với nhau trong tình huynh đệ vô cùng mật thiết, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà, với Ngài Ngô Minh Chiêu là Anh Cả, thì vào giữa tháng 3 năm Bính Dần, Ngài Ngô lại tự ý tách ra

khỏi Nhóm Đệ Tử Đầu Tiên để lo bề tự giác, ngôi Giáo Tông chưa có người nhận.

- Việc thứ nhì: Trong đêm đầu tiên của Đại Lễ Khai Đạo, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trấn đàn sót một cửa nên Tà Quái thừa dịp theo cửa đó nhập vào để quấy phá, thử thách môn đệ của Đức Chí Tôn, làm cho một số môn đệ kém đức tin phải lui bước.

Trong số những người kém đức tin đó có Hòa Thượng Như Nhân, Hòa Thượng Thiện Minh và những đệ tử Phật Giáo của hai Ngài. Do đó một tháng sau, dưới áp lực của đệ tử Phật Giáo và xúi giục của nhà cầm quyền Pháp, Hòa Thượng Như Nhân nhứt định dời chùa Gò Kén lại, không hiến cho Đạo Cao Đài, buộc Hội Thánh phải dọn đi nơi khác, nếu không ông sẽ kiện ra Tòa để yêu cầu chánh quyền trực xuất. Thấy khó lòng nài nỉ, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhứt xin cho gia hạn 3 tháng sẽ dọn đi, Hòa Thượng Như Nhân đồng ý.

Như vậy, sau đó Hội Thánh phải lo đi kiếm đất để mua. Có nhiều nơi hiến đất cho Đạo cất Tòa Thánh, nhưng Đức Chí Tôn không chịu nhận và khẳng định rằng : “ Chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi ”.

1.- TÌM ĐẤT THÁNH ĐỊA

Kể từ 15-10 Bính Dần (1926) đến 15-1 Đinh Mão (16-2-27) là đúng thời hạn 3 tháng phải trả chùa Gò Kén, nhưng Hội Thánh chưa trả chùa lại được, vì chưa kiếm được đất. Phần Hòa Thượng Như Nhân thì cứ hối Hội Thánh dọn đi để lấy chùa lại.

Ngày 19-1 Đinh Mão (20-2-1927), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ tại chùa Gò Kén, dạy Hội Thánh lo trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhân, rồi dạy đi chọn đất để mua cất Tòa Thánh, phải chọn đất tại Tây Ninh này mà thôi, vì Tây Ninh là Thánh

Địa, vả lại phong thổ thuận tiện cho nhiều nước ngoài quốc đến đây học đạo.

Hôm sau, 20-1 Đinh Mão (21-2-1927), cũng tại chùa Gò Kén, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy như sau :

“ Các con nghe !

Nơi nào Thầy ngự thì nơi ấy là Thánh Địa ...

Còn Tòa Thánh thì muốn để có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước ...

Các con phải chung hiệp nhau mà chung lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng ở Tây Ninh này mà thôi ”.

Qua ngày sau 21-1 Đinh Mão (22-2-1927), Hội Thánh đi tìm đất để mua, Ngài Thái Thơ Thanh cho mượn một chiếc xe hơi, và Bà Lâm Hương Thanh cho mượn một chiếc. Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng gồm : Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật, các Ngài Thái Thơ Thanh, Thượng Tướng Thanh, Ngọc Trang Thanh và vài vị Chức Sắc khác ngồi trên hai chiếc xe hơi. Ngày đầu đi tìm nhưng chưa thấy cuộc đất nào thích hợp, tối lại cầu hỏi Đức Lý Giáo Tông. Đức Lý dạy : “ Mai này chư Hiền Hữu lên đường trên gọi là đường Dây Thép nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ, coi Hiền Hữu có thấy đặng chằng cho biết. Lão đã nói rằng : mỗi sự chi đều bày trước mắt nhơn sanh hết ”.

Sáng ngày 22-1 Đinh Mão (23-2-1927), theo lời chỉ dẫn của Đức Lý, khi xe chạy tới Cửa Số Hai (hồi trước còn rừng rậm) cạnh góc ngã ba có cây vừng, Đức Thượng Phẩm thấy nơi cây vừng có tấm bảng treo đề tên Cao Văn Điện. Ông này là bạn học của Đức Thượng Phẩm lúc còn nhỏ. Đức Thượng Phẩm nói với Hội Thánh : Để tôi nhờ bạn tôi là Cao Văn Điện điềm chỉ giùm. Nhờ vậy mà Hội Thánh mua được một sớ rừng do một người Pháp tên là Aspar làm chủ, tọa lạc ở làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, nay là Nội Ô Tòa Thánh. Ngài Thái Thơ Thanh

xuất tiền cho Hội Thánh mượn để mua đất.

2.- THÁNH ĐỊA TÂY NINH

Ngày 23-1 Đinh Mão (24-2-1927), Đức Lý vui vẻ dạy tiếp như sau :

“ Hỷ chư Đạo Hữu, chư Đạo Muội.

Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa, tưởng chư Hiền Hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa tại sao cuộc đất ấy là Thánh Địa?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trũng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trũng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHỒ ẤN. Ngay miếng đất đặng 3 đầu : Một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi lăm ngàn đồng ”.

Khi đã mua được đất, Hội Thánh lo dọn đất để di dời đồ đạc, đặc biệt là Trái Càn Khôn và tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta về cơ sở mới. Hội Thánh quyết định sẽ giao trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhãn vào ngày 20-2 Đinh Mão (23-3-1927). Công việc di dời về Thánh Địa do Đức Cao Thượng Phẩm phụ trách.

Trước khi di dời, Đức Lý Giáo Tông giảng dạy như sau :

“ Bính Thanh, Hình Phật Thích Ca trước Hiệp Thiên Đài đó, phải làm thế nào cho đừng hư gãy, vì Chí Tôn đã trấn thần chính nơi tay Người, nghe ! Quả Càn Khôn cũng vậy ; khi tháo rời ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra, phải cầu Lão đưa Thần một đổi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à !

Dặn đến Thánh Thất Mới phải cầu Chí Tôn trấn thần lại nữa. Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn Hiệp Thiên Đài tạm cất trước Thánh Thất tạm ”²²

22-Đạo Sử Nhật Ký, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, trang 346-347.

Quả Càn Khôn rất lớn nhưng nhẹ nên cũng dễ di chuyển, như là vào lúc ban đêm, đường rất vắng. Tượng của các Đấng tuy nặng nhưng gọn, dễ di chuyển, chỉ có tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta và ngựa Kiên Trắc thì rất lớn, dài và rất nặng vì làm bằng xi măng cốt sắt. Đức Cao Thượng Phẩm phải kết hai chiếc xe bò lại, để thỉnh cốt Phật lên. Khi thỉnh cốt Phật về tới nơi, cả Chức Sắc và công quả người Miên đều mệt đuối, nên nhào xuống đồng lá khô trong rừng nằm nghỉ.

3.- CÔNG VIỆC PHÁ RỪNG

Việc di chuyển mọi thứ từ Gò Kén về Thánh Địa được hoàn tất rất tốt đẹp, Quả Càn Khôn cũng như tượng Phật Thích Ca cũng được an toàn.

Công việc tiếp theo là : Người phá rừng, đánh gốc bứng chồi, kê đổ gỗ, đánh tranh, dựng tạm một lều tranh che cốt Phật và Quả Càn Khôn.

Buổi ban sơ mới dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm tạm sửa cái nhà bò của chủ đất để lại, chia làm ba ngăn, một ngăn để cho công quả người Miên ở nghỉ ngơi, một ngăn làm kho chứa dụng cụ để khai phá rừng, ngăn còn lại thì làm kho chứa gạo và thực phẩm, một bên thì để hai Ngài ở tạm, dùng cây rừng làm hai cái chõng, trên lót bố tời để nằm cho đỡ đau.

Ngày nào hai Ngài cũng dẫn công quả đi chặt cây chỗ này, đốn cây chỗ kia, dọn cho trống vắng cất Tòa Thánh tạm. Năm 1947, một hôm vui miệng, Đức Hộ Pháp có kể câu chuyện như sau :

“ Việc khai phá rừng già không phải là việc dễ. Nghèo công phải đương đầu với muôn ngàn nỗi gian lao khổ ải. Khó chịu nhất là bệnh sốt rét chới nước. Chư Tín Hữu người Việt ở Lục Tỉnh lên làm công quả không chịu nổi với trận giặc rét này. Công quả

được ít ngày thì các vị ấy lần lượt xin về hết. Nếu tình thế ấy cứ liên tục thì không biết đời nào mới khai phá xong khu rừng !

Nhưng may thay, Ôn Trên chuyển số người Tần Nhơn (Cao Miên) đến làm công quả có đến vài trăm người. Họ là những người lực lưỡng, chịu nắng, chịu mưa giỏi, lại quen với thú sống trong rừng, nên họ làm việc đắc lực lắm. Có điều này đặc biệt là trong số hai trăm nhơn công ấy lại có một người là cốt của một vị Thần. Mỗi buổi sáng, đến giờ làm việc, vị Thần nói trên nhập vào cốt, mặt đỏ phừng phừng, tay cầm cây gỗ to, nhảy lên đám cây Dầu to đến cả ôm người và dài đến mười mấy thước bị đốn ngã nằm ngổn ngang, và rất uy nghi ra lệnh cho đàn nhơn công khiêng các cây súc ấy sắp lại ngay hàng thẳng lối. Công việc mỗi ngày đều như thế cả, không sai chạy ! Như thế mà vị Thần không biết mệt,...” (Theo quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của soạn giả Đỗ Vạn Lý).

Mỗi ngày Đức Cao Thượng Phẩm cầm thước đi đo những cây vừa đốn được để xem coi cây nào dùng làm cột, cây nào dùng làm kèo, làm xiên,...v.v... rồi cho công quả đem về để thợ mộc lớp cửa, lớp đẹo dựng cất Tòa Thánh tạm và các cơ sở khác.

Phần Bà Nguyễn Thị Hiếu, hiền nội của Đức Cao Thượng Phẩm, thì chỉ huy công quả nữ phái, lo nấu ăn, hễ phá rừng tới đâu thì dọn cơm tới đó, ăn xong dọn dẹp gánh về nhà bò mà rửa cất. Ngày hai bữa đều như vậy.

4.- TÒA THÁNH TẠM

Từ Lâm Tự là một ngôi chùa Phật ở Gò Kén, vừa mới xây cất bởi Hòa Thượng Như Nhãn. Vị Hòa Thượng này đã cải giáo để nhập vào Đạo Cao Đài. Nhưng sau Đại Lễ Khai Đạo, những tín đồ Phật Giáo đã góp tiền cho Hòa Thượng xây chùa, không được Hòa Thượng tham khảo ý kiến trước về sự hiến cho Đạo

Cao Đài, nên đòi hỏi giao hoàn chùa lại cho cố chủ. Mặt khác, ngôi chùa quá nhỏ, khoảnh đất xây chùa lại quá chật hẹp, khó có thể sử dụng làm Tòa Thánh cho một nền Tân Tôn Giáo đang phát triển với một tương lai vĩ đại.

Theo chỉ dẫn của Đức Lý Đại Tiên Trưởng, khoảnh đất mà trên đó xây dựng Đền Thờ Tạm đã được chọn và mua để xây dựng Tòa Thánh, tọa lạc tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, khá rộng gần 100 hec-ta (1 hec-ta = 10 000 mét vuông) đủ đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai.

Với hai bàn tay cứng rắn, không một cơ giới, chỉ với một lòng quyết tâm cùng nhiệt tình vì Thầy vì Đạo, người tín hữu Cao Đài đã san bằng nhiều chục mẫu rừng hoang vu, nhường chỗ cho ngôi Tòa Thánh Tạm từ từ mọc lên. Tuy bằng gỗ, lá, tranh, nhưng ngôi Tòa Thánh Tạm cũng có đủ Lầu Chuông, Lầu Trống, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, và Bát Quái Đài cao vòi vọi gần bên khu Rừng Thiên Nhiên. Lối kiến trúc phi thường thẩm mỹ làm cho du khách rất kinh ngạc, bởi công trình do quyền Thiêng Liêng hướng dẫn từ lúc khởi sự cho đến lúc hoàn thành.

Khi Tòa Thánh Tạm cất xong thì Chức Sắc tụ về đông đảo, kế tiếp cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù, Trường học (tất cả đều bằng tranh), và đào giếng (hiện giờ còn di tích mấy cái giếng gần Tòa Nội Chánh). Lúc bấy giờ, người Miên đồn với nhau là tại Tòa Thánh Tây Ninh có thờ ông Phật của họ tức là Đức Phật Thích Ca, nên họ kéo xuống nhập môn mỗi ngày một đông. Khi họ đến, nếu ban ngày thì dọn ăn ban ngày, nếu ban đêm thì dọn ăn ban đêm. Ấy là phận sự của người cai quản Phòng Trù là Bà Nguyễn Thị Hiếu đó vậy. Rút kinh nghiệm, buổi chiều nào Bà cũng nấu dự bị hai chảo cơm lớn và đồ ăn, nghĩ vì họ ở xa xôi đi tìm Đạo, đường xa ngàn dặm, đi cả ngày chịu đói khát, cho nên đầu Bà và nhưn viên Phòng Trù có cực khổ thế nào cũng ráng lo thu xếp đãi cho họ được vui lòng.

Ngôi Đền Thánh Tạm được kiến tạo khang trang cho nhưn sanh thờ phượng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, hoàn thành trong một thời gian ngắn ngủi là nhờ các Đấng Thiêng Liêng vận chuyển cho công việc chóng thành, và nhờ số công thợ, công quả nhiệt tình, đặc biệt là những người Miên, ngày đêm dầm sương trải nắng gấp rút để đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn thể bốn Đạo.

Nhưng, cũng như tất cả các tôn giáo khác vào buổi đầu, Đạo Cao Đài cũng có những kẻ chống đối mà những lời chỉ trích của họ thường rất nghiêm khắc, luôn luôn bị xúi giục bởi những đầu óc thiếu khách quan. Trong lúc đó, những vị lãnh đạo Đạo Cao Đài, vâng theo lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, cố gắng giữ mình và hoàn thiện trong nền Đại Đạo, bằng cách chỉ quan tâm đến lợi ích về đạo đức và tinh thần của nhưn loại. Đó là câu trả lời duy nhất mà Quí Ngài được phép dùng để đối phó với những kẻ công kích, vì tất cả tín đồ chơn chánh phải giữ nghiêm khắc với chính mình.

Trong việc di dời về Thánh Địa, và trong công việc đốn cây phá rừng, xây cất Tòa Thánh tạm cùng các cơ sở phụ thuộc, Đức Cao Thượng Phẩm là người đứng đầu công trong Hội Thánh. Trong giai đoạn này, Bà Nguyễn Thị Hiếu (về sau được phong Đầu Sư Chưởng quản Nữ Phái Cửu Trùng Đài) có thuật lại như sau :

“ Ông Chánh Tham Biện người Pháp (Tỉnh Trưởng Tây Ninh) thấy việc làm quá đông người nên có ý nghi ngờ, tụ tập đông đảo để gây rối an ninh trật tự, nên đòi Đức Thượng Phẩm ra tòa bố để tra hỏi.

Sau đây là phần đối đáp giữa Ông Tham Biện và Ngài Cao Quỳnh Cư :

- Ông làm gì mà đông người như vậy ?
- Tôi mua miếng đất đó dựng trồng cao su.

- Ông trồng mấy mẫu ?

- Tôi trồng hết số đất tôi mua, phá tới đâu trồng tới đó.

Ngày nay trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm, bị người Pháp cật vấn đủ điều, đến nỗi tới giờ cúng cũng không vô được Chánh Điện để cúng, buộc phải rào song ly ngăn lại. Trong Chánh Điện chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi, còn ở ngoài có vài ba ông thợ mộc quì trên dăm bèo lạy vô Bửu Điện, vì lúc này chánh phủ Pháp nghi ngờ Đạo, bố buộc không cho tụ họp đông đảo. Như vậy mà ông Chánh Tham Biện còn mời Đức Cao Thượng Phẩm ra tòa bố ngày một

Ghi Chú : Ông Trần Văn Xường nhập môn tại Thánh Thất Gò Kén vào ngày 23-10 Bính Dần (27-11-1927). Đức Chí Tôn ban cho ông 4 câu thơ, và dạy như sau như sau :

Phôi gan xử thế nét anh hùng,

Xấu mặt mà lòng thiết rất trung.

Thầy để một lời khuyên trẻ nhỏ,

Không duyên thôi chịu mạng nghèo cùng.

Thầy dạy con phải nghe, dầu con ham mến sự đời lại càng khổ cực. Thầy cho con chức Lễ Sanh, ở tại Thánh Thất tu hành, nghe à.

Việc di dời Thánh Thất từ Gò Kén đến làng Long Thành được thực hiện vào tháng 3 năm 1927. Nơi Thánh Thất Tạm mới xây dựng, số tín đồ tiếp tục tăng lên đáng kể. Những cuộc hành hương đến Thánh Thất mới đáng được ghi nhận: mỗi ngày đón tiếp cả ngàn người. Rốt cuộc, sau 4 năm hiện hữu, Đạo Cao Đài đã có được khoảng nửa triệu tín đồ. Mặc dầu có rất nhiều trở ngại gieo rắc trên bước đường phát triển Đạo, quý vị Tiên Khai luôn luôn tiếp tục tiến bước và đắc thắng đến mục đích mà Đấng Thượng Đế đã đặt ra : Sự Phục Hưng Nhơn Loại trong nền hòa bình thế giới.

HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

Sau khi Đức CHÍ TÔN ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926), Đức Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn xin nghỉ làm việc 6 tháng để lo việc Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất Gò Kén, đến cuối tháng 3 năm Đinh Mão (1927) là hết hạn. Khi ấy, Đức Hộ Pháp bạch hỏi Đức Chí Tôn :

- Con nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay trở lại làm việc nơi Sở Thương Chánh của chánh quyền Pháp ?

Đức Chí Tôn đáp :

Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay ”.

Đức Hộ Pháp trở lại Sở Thương Chánh trình diện, xin tái phục vụ, thì Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Ngài Thượng Trung Nhựt mới bạch với Đức Chí Tôn là việc Đức Hộ Pháp đi Nam Vang có phải là Thánh ý chăng.

Đức Chí Tôn cười và bảo :

- “ Chẳng nét nào không nơi Thầy đặng, nó cũng nên an lòng : Sau sẽ thấy máy huyền vi... ”.

1.- THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

Đầu tháng 4 năm Đinh mão (1927), Đức Hộ Pháp đi Nam Vang (thường gọi là Kim Biên), ở đậu nơi nhà Ngài Cao Đức Trọng (anh ruột của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang) trong một dãy phố 8 căn. Những người ngụ trong dãy phố này đều là công tư chức người Việt Nam, hằng đêm thường tụ tập trước sân nhà Ngài Cao Đức Trọng để chuyện trò. Ban ngày, Đức Hộ Pháp đến Sở Thương Chánh làm việc như các công chức khác. Ban đêm, Đức Hộ Pháp tụ tập với bạn bè trước sân nhà Ngài Cao Đức Trọng. Trong dịp này, Đức Hộ Pháp thuật lại việc xây bàn

thỉnh Tiên, những sự huyền diệu, những điều tiên tri về nước Việt Nam, làm cho quý vị nơi đây rất thích thú và muốn được chứng kiến các việc này.

Thế là Đức Hộ Pháp cùng với Ngài Cao Đức Trọng tổ chức xây bàn tại nhà Ngài Cao Đức Trọng, rồi lần lần chuyển qua cầu bằng Tiểu Ngọc Cơ cho mau hơn.

Trong những bận đến chơi, có người xin hỏi về gia đạo, về tương lai, về việc nước, ... Tất cả đều được Ông Trên giáng điển trả lời bằng một bài thơ 4 câu hoặc 8 câu. Những vị được cho thơ, đọc đi đọc lại, tự biết việc mình, thấy Ông Trên nói rất trúng, nên khen ngợi vô cùng, cho là rất linh thiêng, tỏ vẻ rất kính trọng. Tiếng đồn lan rộng nên càng lúc càng có nhiều người đến cầu hỏi mỗi đêm.

Đức Hộ Pháp nảy ra ý kiến : Những người muốn cầu hỏi điều chi thì phải viết điều cầu hỏi lên một tờ giấy rồi đội lên đầu cầu khẩn khi hầu đàn. Cơ giáng thì kêu tên từ người ấy và cho thơ trả lời việc cầu hỏi.

Huyền diệu thay ! Mỗi kỳ đàn như vậy có đến một hai chục người cầu hỏi, làm sao biết tên họ hết của mỗi người, mà mỗi bài thơ trả lời đều có gọi tên người đó ở đầu bài thơ, và bài cơ tiếp được trả lời đúng theo sở cầu của mỗi người, nên họ hết sức bái phục.

Đó là bước đầu để tạo đức tin về cơ bút cho các Nguyên Nhân tại Kim Biên, sau đó Đức Chí Tôn dẫn lần vào đường Đạo.

Trong đàn cơ ngày 29-6 Đinh Mão (27-7-1927) tại Kiêm Biên, Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Đức Trọng phò cơ, Đức Chí Tôn ân phong các vị sau đây vào hàng Chức Sắc :

- Lễ Sanh Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử)
- Lễ Sanh Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh)

- Lễ Sanh Thái CỬA Thanh (Phạm Kim CỬA)
- Giáo Hữu Thượng BẢY Thanh (Lê Văn BẢY)
- Giáo Hữu Thượng LẮM Thanh (Nguyễn Văn LẮM)
- Giáo Hữu Ngọc SỰ Thanh (Võ Văn SỰ)
- Giáo Hữu Hương PHỤNG (Bà Batria Trần Kim PhỤNG)
- Giáo Hữu Hương HUÊ (Hiền nội của ông Lê Văn BẢY)
- Giáo Hữu Hương HẠT (Thân mẫu của ông CHỮ)
- Lễ Sanh Hương TRỌNG (Hiền nội của ông CHỮ)
- Tiếp Đạo Hiệp Thiên ĐÀI : Cao Đức TRỌNG.

Đức Chí Tôn chỉ ban phẩm, rồi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng đàn chấm phái.



Quý vị Chức Sắc nam nữ trên đây là những Chức Sắc đầu tiên của Đạo Cao Đài tại Nam Vang. Nhờ số Chức Sắc này, Đức Hộ Pháp lập thành Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, thường được gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo, trụ sở đặt tại Nam Vang, có nhiệm vụ truyền bá Đạo Cao Đài nơi Ngoại Quốc, đặc biệt là độ nhơn sanh ở Nam Vang gồm có: Việt Kiều, Hoa Kiều và người Cao Miên

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển vô vi của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo), với chức vụ Chương Đạo do Đức Chí Tôn phong, và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

Cũng trong năm 1927, Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang. Nhờ có Hội Thánh Ngoại Giáo, việc truyền Đạo tại Nam Vang có kết quả nhanh chóng, chỉ trong vòng một năm, số tín đồ

nhập môn vào Đạo Cao Đài có đến hơn mười ngàn người.

Năm 1937, Giáo Hữu Thượng Bửu Thanh được thăng lên Giáo Sư, rồi được Hội Thánh bổ đi truyền Đạo tại Hà Nội. Năm sau, Ông đi truyền Đạo ở nước Trung Hoa nhưng không thành công.

GHI CHÚ:

Theo quyển Hồi Ký của Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh thì Đức Hộ Pháp lưu lại Nam Vang chừng 1 năm, trở về Tòa Thánh vào thượng tuần tháng 4 năm 1928. Nhưng theo Bộ Thánh Ngôn Sư Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng thì Đức Hộ Pháp có phò loan với Đức Cao Thượng Phẩm vào ngày 7-2 Mậu Thìn (27-2-28) và trong những lần kế tiếp nữa; như vậy Đức Hộ Pháp lưu lại Nam Vang chỉ vào khoảng không quá 10 tháng.

Vì những hoạt động truyền giáo tại Nam Vang mà Đức Hộ Pháp lại bị chánh quyền Pháp chuyển trở về Việt Nam, rồi lại định đỏi ra Trung. Đức Hộ Pháp mới đưa đơn xin từ việc và về Tòa Thánh Tây Ninh phết đời hành đạo kể từ đó.

Xin nhắc lại lời Đức Chí Tôn dạy Đức Hộ Pháp trước khi Đức Hộ Pháp lên đường đi Nam Vang :

“ Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay ...

Chẳng nét nào không nơi Thầy đặng, nó cũng nên an lòng : Sau sẽ thấy máy huyền vi ... ”.

Chuyện Hay và Máy Huyền Vi là việc thành lập được Hội Thánh Ngoại Giáo Nam Vang.

2.- THÁNH THẮT NAM VANG

Sau khi Giáo Sư Thượng Bửu Thanh được Hội Thánh bổ đi truyền Đạo ở Hà Nội, Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, đang làm việc ở Nam Vang, được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội

Thánh Ngoại Giáo.

Thời gian về sau, nối tiếp theo Ngài Cao Tiếp Đạo, quý vị sau đây lần lượt được Hội Thánh bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang, kể từ năm 1937 đến năm 1941:

- Bà Giáo Sư Hương Phụng,
- Giáo Sư Thượng Chử Thanh,
- Giáo Sư Thượng Vinh Thanh,
- Giáo Sư Thái Gấm Thanh,
- Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

Năm 1937, Hội Thánh Ngoại Giáo làm Lễ Khánh Thành Thánh Thất Nam Vang trong ba ngày 21, 22, 23 tháng Năm. Lễ Khánh Thành gây được nhiều tiếng vang trong giới báo chí Đông Dương.

Nhật báo La Presse Indochinoise ngày 22-5-1937 nói về cuộc viếng thăm Thánh Thất Cao Đài Nam Vang như sau :

“ Thánh Thất Cao Đài Nam Vang tọa lạc gần góc đại lộ Pasquier và đường Verdun. Khi xưa, cách nay 8 năm, Thánh Thất này chỉ là một ngôi nhà lá đơn giản làm chỗ trú ngụ cho những nhà truyền giáo đầu tiên.

Sau nhiều cố gắng đáng khen của việc truyền giáo, số tín đồ Cao Đài tại Nam Vang có được hơn hai chục ngàn người nam nữ, trong đó đếm được nhiều người Âu Châu và cả ngàn người Tàu.

Nhờ lòng hy sinh và thiện tâm của tất cả tín đồ mà ngôi thờ hôm nay trở thành một tòa nhà lộng lẫy ... Ở giữa là Chánh Điện trang nghiêm, sắp đặt một cách giản dị, không trang trí thừa, có một Quả Càn Khôn bằng giấy, một Con Mắt vẽ lên trên, kế đó, theo thứ tự đẳng cấp, sắp đặt các tượng của Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jésus, các vị Thánh. Bên phải của

chúng tôi là tượng Quan Công với gương mặt đỏ tươi đang đọc sách, bên trái của chúng tôi là tượng của Đức Phật Bà Quan Âm đang cầu nguyện... ”.

3.- PHÁ VỠ THÁNH THẤT NAM VANG

Vào hạ tuần tháng 7 năm Tân Tỵ (1941), Giáo Sư Thượng Bửu Thanh tự trở về Nam Vang tiếp tục cầm quyền cơ Đạo cho đến ngày Thánh Thất Nam Vang bị chánh phủ bảo hộ Pháp sung công và phá vỡ vào năm 1943.

Năm 1951, Hội Thánh lập Bộ Đạo, kiểm điểm số tín đồ chính thức của Hội Thánh Ngoại Giáo Nam Vang, kết quả như sau:

Người Việt Nam: 64.954 người

Người Cao Miên: 8.210 người

* Tổng cộng: 73.164 người

***Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn Từ Chức**

Sau khi Đức Hộ Pháp tự lưu vong sang Cao Miên thì vào ngày 13-8 Bính Thân (17-9-1956), Đức Ngài cùng Ngài Hồ Bảo Đạo phò loan tại Báo Ân Đường Nam Vang, Đức Quyền Giáo Tông Tông giáng cơ cho biết : Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đã từ bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo vì một số vị trong Hội Thánh bất lực và bội phản Đức Hộ Pháp.

Sau khi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn từ bỏ chức vụ Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo, Đức Hộ Pháp giải tán Hội Thánh Ngoại Giáo và thành lập Tông Đạo Kim Biên.

Ghi Chú :

Nước Cao Miên (Campuchia) có thủ đô là Phnom-Penh, phiên âm ra tiếng Việt là Nam Vang, nhưng trong Đạo Cao Đài thường gọi Nam Vang là Kim Biên, nước Cao Miên là Tần Quốc, người Cao Miên là Tần Nhơn.

* Tái Lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại

Vào ngày 3-7 Quý Sửu (1-8-1973), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Chủ tịch Ủy ban Hiệp Thiên Đài, ra Thánh Lệnh số 65/TL tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, và cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa làm Chủ Trưởng Cơ Quan này. * * *

Tìm Hiểu Về ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN (1802 – 1885)

* * *

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là Đạo hiệu của một Đấng Thiêng Liêng ở Bạch Vân Động. Ngài nhận lệnh Đức Chí Tôn làm Chủ tịch Đạo cầm quyền điều khiển Hội Thánh Ngoại Giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1.- BẠCH VÂN ĐỘNG

Bạch Vân Động là một Động Thánh nơi cõi thiêng liêng, là nơi ở của các vị Thánh mà Động chủ là Bạch Vân Hòa Thượng, Thánh danh là Thanh Sơn Đạo Sĩ. Bạch Vân Hòa Thượng chuyển kiếp làm dân Việt Nam với tên là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Đức Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động như sau :

“Từ cổ, thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Cung Quảng Hàn). Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt Cầu là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt Cầu ít lâu để liên lạc với Địa Cầu và với các Thần Linh ở Địa Cầu, để quen lặn với đời sống ở thế gian này... Như vậy Bạch Vân Động là Cung Trăng hay Mặt Trăng, mà Mặt Trăng là vệ tinh của Địa Cầu, nên nó là trạm chuyển tiếp từ Địa Cầu đi vào Càn Khôn Vũ Trụ, hay từ các cõi của Càn Khôn Vũ Trụ đi đến Địa Cầu. Trên Cung Trăng không có sinh vật sống, nên chỉ làm nơi trú ngụ cho các Đấng Thiêng Liêng mà thôi...”

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các vị Thánh của Bạch Vân Động lãnh linh Đức Chí Tôn giáng trần để Chí Tôn lập thành Hội Thánh giúp Chí Tôn khai đạo, làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế mà hồng dương Chánh Pháp, giúp tay vào công cuộc Chuyển Thế, gọi là Nho Tông Chuyển Thế...”.

2.- ĐẠI VĂN HÀO VICTOR HUGO

Đức Hộ Pháp thuyết đạo có cho biết Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một vị Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng. Ngài có một kiếp giáng trần ở bên Pháp là Đại Văn Thi Hào Victor Hugo (1802-1885).

Victor Hugo sanh tại Besancon, Pháp Quốc, vào ngày 26-2-1802 (đầu thế kỷ 19) và liểu đạo vào ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Năm 1852, Victor Hugo tới đảo Jersey và tham gia vào các cuộc xây bàn. Có một Chơn Linh giáng điển bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng Danh Nhân của thời trước. Kể từ đó, Victor Hugo rất tin tưởng những vấn đề về siêu hình học, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần Linh.

Ngoài ra, Victor Hugo là một đại Văn Thi Sĩ có thiên tài độc đáo nhất của nước Pháp vào thế kỷ thứ 19. Khi hay tin Victor Hugo qui liểu, cả Thượng Viện và Hạ Viện đều ngưng họp để tưởng niệm Ông. Nước Pháp làm lễ Quốc Táng cho Ông, linh cữu được đặt tại Khải Hoàn Môn và được an táng trong Đền Panthéon, là nơi an nghỉ của những danh nhân có công lớn với dân tộc Pháp.

Khi Victor Hugo thoát xác thì Chơn Linh của Ngài trở về Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung) nơi cõi thiêng liêng vì Ngài là một vị Thánh ở trong động đó, hiệu là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

3.- ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

A.- Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam vào năm 1926, thì qua năm 1927, Đức Hộ Pháp bị Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Ngài lợi dụng hoàn cảnh này để mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đó, trụ sở đặt tại Thánh Thất Nam Vang.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lãnh lĩnh Đức Chí Tôn làm Chưởng Đạo cầm quyền điều khiển Hội Thánh Ngoại Giáo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q2, trg189, in năm 1972), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ có dạy như sau :

“Bần Đạo khi đắc lĩnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của CHÍ TÔN, mở rộng thế cho Nhơn Sanh dâng công đổi vị. Bần Đạo chẳng kể là Nguyên Nhân, Hóa Nhân hay là Quỷ Nhân, ví biết lập công thì thành Đạo”.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thường giảng cơ điều hành Hội Thánh Ngoại Giáo và chuyện văn cùng Đức Hộ Pháp. Những điều Đức Hộ Pháp thắc mắc thường được đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và được Đức Ngài giải đáp thỏa đáng.

Vào năm 1935, vâng lĩnh Đức Chí Tôn, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 6 bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo sau đây :

- | | |
|-----------------------------|-------------------------|
| 1. Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối | 2. Kinh Khi Đã Chết Rồi |
| 3. Kinh Tản Liệm | 4. Kinh Đưa Linh Cữu |
| 5. Kinh Tắm Thánh | 6. Kinh Hôn Phối. |

Ngoài ra, Đức Nguyệt Tâm còn giúp chỉnh văn 10 bài Kinh Thế Đạo do Đức Hộ Pháp ban cho.

B.- Victor Hugo và Hai Người Con

Năm 20 tuổi, Victor Hugo cưới vợ là cô Adèle Foucher. Hai người con trai của Ông Bà Victor Hugo là: Charles Hugo và Francois Hugo. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, hai người con của Ông Bà Victor Hugo đầu kiếp ở Việt Nam.

- Charles Hugo đầu kiếp là Ông Đặng Trung Chử, Đạo hiệu Ngạn Sơn, về sau đắc phong Phối Sư Thượng Chử Thanh

- Francois Hugo đầu kiếp là Ông Trần Quang Vinh, Đạo hiệu Hiến Trung, về sau đắc phong Phối Sư Thượng Vinh Thanh.

Ngày 16-2-1933, tại tư gia của Ngài Cao Tiếp Đạo ở Nam Vang, Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, Bà Victor Hugo nhũ danh Adèle Foucher có về cơ nói chuyện với hai con là Charles Hugo và Francois Hugo, tức Thượng Chử Thanh và Thượng Vinh Thanh.

C.- Tượng Tam Thánh

Trước mỗi Thánh Thất, trong Tịnh Tâm Điện, đối lưng với bàn Hộ Pháp, có một bức họa rất lớn, gọi là Tượng Tam Thánh Ký Hòa Ước. Đó là ba Vị Thánh của Bạch Vân Động, gồm có :

- **Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ**, tức **Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm**, chép Thiên Nhơn Hòa Ước bằng chữ Hán :

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ - CÔNG BÌNH BÁC ÁI.

- **Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo)** chép Thiên Nhơn Hòa Ước bằng chữ Pháp :

DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE.

- **Đức Tôn Trung Sơn**, tức **Tôn Văn** hay **Tôn Dật Tiên**, nhà cách mạng của nước Trung Hoa, cầm cái nghiên đựng mực Tàu. Bản Hòa Ước này được gọi là **Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước**, tức là bản hòa ước thứ ba giữa Trời và Người.

Trong bài Kinh Xưng Tụng Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có các câu :

Đầu vọng bái Tiên Hiền Chưởng Đạo,
Chứng lễ thành lòng thảo chúng sanh,
Ban ơn nhỏ phước dân lành,
Vun trồng cây Đạo, trở ngành đơm bông.

Vun trồng Cây Đạo trong giai đoạn hiện nay tại hải ngoại quả là một việc làm lớn lao mà sức người lại bé nhỏ, do đó chúng con hết lòng cầu khẩn Đức Ngài Chưởng Đạo ban cho chúng con ý thức cao độ với tấm lòng bao dung để biết nương tựa vào nhau mà chung lo vun trồng Cây Đạo tại hải ngoại mỗi ngày mỗi thêm tốt tươi.

Lịch Sử Xây Dựng TÒA THÁNH TÂY NINH

Về việc xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy tất cả chi tiết, kích thước trong họa đồ xây dựng, nhưng lúc đầu Đạo còn quá nghèo, số tín đồ chưa đủ đông, nên việc xây cất Tòa Thánh bằng vật liệu kiên cố chưa thể thực hiện được. Do vậy, Hội Thánh chỉ xây cất Tòa Thánh Tam bằng mái tranh, vách ván, để có nơi thờ cúng Đức Chí Tôn, và gấp rút dời Tòa Thánh từ chùa Gò Kén về đây để trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhãn.

Mãi đến năm 1931, Hội Thánh mới bắt đầu khởi công xây cất Tòa Thánh với vật liệu kiên cố. Nhưng vì có nhiều khó khăn về tài chánh, và phần khác có rạn nứt trong nội bộ Hội Thánh, nên việc xây cất phải bị nhiều lần ngưng trệ. Phải chờ đến kỳ xây dựng lần thứ tư khởi từ 1-11 Bính Tý (14-2-36) việc xây cất mới được liên tục cho đến lúc hoàn thành.

1). Kỳ Xây Dựng Thứ Nhất 1931.

Tháng 10 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thái Thơ Thanh (lúc đó còn ở phẩm Chánh Phối Sư) đứng ra khởi công đào móng làm nền, đào hầm Bát Quái. Công việc không được tiến triển nhiều, rồi vì thiếu thốn tiền bạc nên phải tạm ngưng.

2). Kỳ Xây Dựng Thứ Nhì 1933.

Năm Quý Dậu (1933), Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật hiệp cùng Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh tiếp nối công trình, làm thêm được một ít rồi cũng phải ngưng lại. Kế đó Đức Quyền Giáo Tông lâm bệnh và đăng Tiên ngày 13-10 Giáp Tuất (1934).

3). Kỳ Xây Dựng Thứ Ba 1935.

Năm Ất Hợi (1935), Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh vận động tiền bạc, nhờ Bác Vật Phan Hiếu Kinh từ Sài Gòn lên làm cố vấn, khởi làm được lầu Hiệp Thiên Đài, đúc cột đỡ plafond được chút ít nữa, rồi cũng phải ngưng công việc lại.

4). Kỳ Xây Dựng Thứ Tư 1936.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên, Đức Hộ Pháp được giao nắm quyền Hội Thánh, chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài : Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, Đức Ngài mới trù tính kế hoạch tiếp tục xây cất Tòa Thánh cho đạt thành công.

Đức Ngài huy động được 500 công thợ hiến thân nơi Phạm Môn làm lực lượng nòng cốt, khởi công tiếp nối việc xây cất Tòa Thánh vào ngày 1-11 Bính Tý (14-2-1936).

Đức Ngài buộc các thợ làm công quả, Nam và Nữ, phải lập hồng thệ, trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh, không được cưới vợ hay lấy chồng, dặng đủ tinh khiết mà tạo tác Tòa Thánh. Ngoài ra, Đức Ngài ban lệnh cho các Châu Đạo và Tộc Đạo Hành Chánh và Phước Thiện, Nam Phái và Nữ Phái, nỗ lực lo tiền bạc, vật liệu, lương thực, gửi về Tòa Thánh liên tục để công cuộc tạo tác Tòa Thánh không bị gián đoạn.

Nhờ khéo tổ chức như thế, nên công việc tạo tác Tòa Thánh được tiến hành liên tục trong suốt 4 năm rưỡi, thì Đạo Cao Đài bị chánh quyền Pháp khủng bố, vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp ngày 4-6 Tân Tỵ (28-6-1941) và đày đi hải đảo Madagascar ở Phi Châu.

Công việc tạo tác Tòa Thánh đã hoàn thành phần căn bản, chỉ còn đắp vẽ trang trí nữa là xong, nhưng tất cả đều phải ngưng lại, vì nhà binh Pháp chiếm đóng Tòa Thánh làm nhà xe và chỗ ở cho lính Pháp, đuổi các công thợ và Chức Sắc ra khỏi Tòa Thánh.

Sau hơn 5 năm bị lưu đày nơi hải ngoại, ngày 4-8 Bính Tuất (30-8-1946), Đức Hộ Pháp được chánh quyền Pháp đưa về Tòa Thánh.

Ngay sau đó, Đức Hộ Pháp liền huy động số thợ công quả trở lại để sửa chữa những chỗ hư hỏng của Tòa Thánh do lính Pháp gây ra, rồi lo đắp vẽ, sơn phết, trang trí, gấp rút hoàn thành nội trong năm Bính Tuất, tức là đến Tết Đinh Hợi phải xong.

***Lễ Bàn Giao 1947.**

Ngày 3-1 Đinh Hợi (24-1-1947), Tòa Thánh được hoàn thành. Tổng Giám Lê Văn Bằng, các Phó Tổng Giám và Tá Lý, đại diện các công thợ nam nữ làm Lễ Bàn Giao Tòa Thánh cho Hội Thánh, được Hội Thánh tiếp nhận vô cùng hoan hỷ.

***Lễ Trấn Thần.**

Ngày 6-1 Đinh Hợi (27-1-1947), tức là 3 ngày sau khi làm Lễ Bàn Giao, Đức Hộ Pháp làm Lễ Trấn Thần Tòa Thánh.

*Đại Lễ Khánh Thành.- Tám năm sau, Đại Lễ Khánh Thành Tòa Thánh và các Dinh Thự trong Nội Ô được tổ chức rất long trọng trong vòng 11 ngày, từ Mùng 6 đến 16 tháng Giêng Đinh Hợi, tức từ 29-1 đến 8-2 năm 1955.

Những Sự Kỳ Diệu Của TÒA THÁNH TÂY NINH

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc vĩ đại và kỳ diệu của Đạo Cao Đài.

- Kỳ diệu về phương diện vị trí,
- Kỳ diệu về kiểu cách hình dáng,
- Kỳ diệu về phương pháp kiến trúc.

1.- Kỳ Diệu về Vị Trí.

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc kỳ diệu về phương diện vị trí xây cất, bởi vì được xây cất ngay trên cuộc đất Lục Long Phò Ấn. Đó là Thánh Địa, là đất linh trở sanh các bậc Thánh, Tiên, Phật, là nơi mà Thượng Đế lựa chọn để làm Đền Thờ cho Ngài đến ngự.

Ngày 23-1 Đinh Mão (24-2-1927), Đức Lý vui vẻ dạy như sau: “Lão cắt nghĩa tại sao cuộc đất ấy là Thánh Địa?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trũng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trũng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHÒ ẤN. Ngay miếng đất dạng 3 đầu : Một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi ngàn đồng ”.

2.- Kỳ Diệu về Kiểu Cách Hình Dáng.

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc kỳ diệu về kiểu cách hình dáng, bởi vì Đức Chí Tôn có nói : Đức Lý Đại Tiên Trưởng cất Tòa Thánh theo kiểu vở của Thiên Đình.

*Kiểu cách hình dáng của Tòa Thánh là một sự phối hợp hài hòa của các văn minh kiến trúc của các nền tôn giáo lớn trên thế giới:

-Thiên Chúa Giáo.- Khi mới thoạt nhìn vào Tòa Thánh, chúng

ta thấy nổi bật hai Lầu Chuông Trống cao chót vót, tương tự như hai tháp chuông của các nhà thờ bên Thiên Chúa Giáo.

-Phật Giáo.- Ở giữa hai tháp có tượng Đức Phật Di-Lạc ngự trên nóc với những mái ngói đỏ cong cong chập chùng, tương tự như kiểu dáng các chùa Phật bên Trung Hoa.

-Hồi Giáo.- Nghinh Phong Đài thì bên dưới hình vuông, bên trên hình tròn, chóp tròn, có dáng như những cái tháp của những đền thờ Hồi Giáo.

-Nho Giáo.- Ngoài ra, Nghinh Phong Đài còn gợi cho chúng ta hình ảnh Trời tròn Đất vuông, với những liên tưởng về Vũ Trụ Quan trong Kinh Dịch của Nho Giáo. Các Nhà Dịch Học, nếu nghiên cứu sâu vào các con số về kích thước của Tòa Thánh và những bố trí bên trong, sẽ thấy được những điều kỳ diệu bất ngờ trên những con số Dịch Học. Trong Cửu Trùng Đài có 9 cấp bậc từ thấp dần lên cao, giống như 9 bậc phẩm của quan lại trong triều đình vua chúa theo Nho Giáo thời xưa ở nước Trung Hoa.

-Tiên Giáo.- Bát Quái Đài có hình dáng làm chúng ta liên tưởng đến Bát Quái Đồ của Đạo Tiên.

-Bà-La-Môn Giáo.- Trên nóc Bát Quái Đài có 3 pho tượng của 3 Vị Phật mà Đạo Bà-La-Môn tôn thờ, đó là : Brahma Phật, Civa Phật và Christna Phật.

Tóm lại: Tất cả những hình thức trên thể hiện rất rõ Tôn Chỉ của Đạo Cao Đài là : Qui Nguyên Tam Giáo, Phục Nhứt Ngũ Chi.

3.- Kỳ Diệu về Cách Thức Kiến Trúc.

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kỳ diệu về cách thức kiến trúc, bởi vì sự tạo tác Tòa Thánh không giống bất cứ một công trình xây dựng lớn lao nào của người đời.

Thông thường, trước khi xây dựng một công trình lớn, người ta

phải nhờ kiến trúc sư vẽ kiểu dáng tổng quát, những việc trang trí chi tiết, nghiên cứu nền móng và những kết cấu bê tông, tính toán chọn lựa các thứ vật liệu xây dựng đúng chất lượng cần thiết...v.v... rồi phải xin phép cơ quan nhà nước cấp giấy phép xây dựng.

Đối với Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng không có một đồ án chi tiết nào vẽ ra trên giấy hết, cũng như không có sự tham dự của một kiến trúc sư hay kỹ sư xây dựng nào, cũng không có một thứ máy móc nào giúp đỡ, chỉ toàn trông cậy vào hai bàn tay với sức lực của con người, những người thợ nam nữ làm không lãnh tiền công, ăn chay trường với cháo rau đạm bạc và đặc biệt có lập thệ là không được cưới vợ hay lấy chồng trong suốt thời gian xây dựng Tòa Thánh, để có đủ tinh khiết trong việc xây dựng Đền Thờ, cũng không có xin phép xây dựng với một chánh quyền nào hết (cũng tương tự như khi lập Tờ Khai Đạo), bởi vì đây là mối Đạo Trời, mối Đạo của Thượng Đế, chỉ có Thượng Đế cho phép mà thôi.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng giảng cơ dạy Đức Hộ Pháp vẽ vị trí xây cất Tòa Thánh, về kích thước tổng quát : bề dài, bề ngang, bề cao. Đức Hộ Pháp cứ theo đó mà chỉ bảo lại cho công thợ làm, chỉ tới đâu làm tới đó, không biết gì thêm. Hết phần đó rồi, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ dạy tiếp, hoặc Đức Hộ Pháp ban đêm xuất chơn thần đi lên gặp Đức Lý để nhờ Đức Lý chỉ dạy trực tiếp, hay Đức Hộ Pháp vào Bạch Ngọc Kinh quan sát tỉ mỉ kiểu vở, ghi nhớ để về bắt chước làm giống theo.

Làm như thế trong suốt gần 5 năm, công trình mới hoàn tất. Tòa Thánh trở thành một kỳ quan về kiến trúc của Việt Nam.

Sau khi xây dựng Tòa Thánh xong, Ban Kiến Trúc mới đo đạc kích thước, vẽ lại họa đồ kiến trúc Tòa Thánh theo đúng qui định của khoa Đại Học Kiến Trúc ngoài đời.

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc độc đáo, duy nhất, có sự phối hợp giữa Trời và Người, Thiên khiến Nhơn

tạo, nên được mệnh danh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, xứng đáng tiêu biểu nền Đại Đạo của Đức Thượng Đế cứu thế Kỳ Ba.

Cho nên Tòa Thánh Tây Ninh là một nơi rất thiêng liêng huyền diệu, hấp dẫn được các bậc chơn tu khắp nơi trên thế giới đến chiêm ngưỡng và lễ bái. Quý vị này, sau khi thiển định trong Tòa Thánh một khoảng thời gian ngắn để dùng huệ nhãn quan sát sự linh thiêng của Tòa Thánh, họ đều nhìn nhận rằng hồng ân của Thượng Đế bao phủ đầy đủ Tòa Thánh, và điển lành từ cõi thiêng liêng ban rải xuống cho Tòa Thánh liên tục không ngắt, hơn hẳn các Tòa Thánh khác làm Đền Thờ Đấng Thượng Đế trước đây ở các nơi trên thế giới.

Đại Lễ Khánh Thành TÒA THÁNH TÂY NINH

Đại Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh và các Dinh Thự trong Nội Ô Tòa Thánh được tổ chức rất long trọng trong vòng 11 ngày, từ mùng 6 đến 16 tháng Giêng năm Ất Hợi, tức từ 29-1-1955 đến 8-2-1955.

Sau đây là tóm lược chương trình của Lễ Bàn Giao Tòa Thánh cho Hội Thánh và Đại Lễ Khánh Thánh Tòa Thánh.

A.- LỄ BÀN GIAO TÒA THÁNH (1947)

***- Mừng 3-1 Đính Hợi (24-1-1947)**

- Tòa Thánh được hoàn thành.
- Đại Diện công thợ nam nữ làm Lễ Bàn Giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

***- Mừng 6-1 Đính Hợi (27-1-1947)**

- Đức Hộ Pháp làm Lễ Trấn Thần Tòa Thánh.

***- Mừng 8-1 Đính Hợi**

- Lễ Rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về thờ nơi Bát Quái Đài

***Mùng 9-1 Đinh Hợi**

- Lúc 0 giờ : Cúng Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.
- Tám năm sau mới làm Lễ Khánh Thành Tòa Thánh.

B.- LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH (1955)

(Tóm Lược Chương trình từ Mùng 6 đến 16 tháng Giêng Ất Mùi - 1955)

***- Mùng 6-1 Ất Mùi**

- 8 giờ toàn thể Đồng Đạo tề tựu tại Đại Đồng Xã.
- 8 giờ 40 : Lễ Thượng Phước trước Tòa Thánh và Đền Thờ Phật Mẫu.
- Triển lãm các gian hàng và trò chơi.

***- Mùng 7-1 Ất Mùi**

- Các trò chơi giải trí: Thơ văn, đánh cờ, đốt lửa trại, diễn kịch, ...

***- Mùng 8-1 Ất Mùi**

- Toàn thể các cơ quan tề tựu tại Đại Đồng Xã.
- Tiếp rước quan khách Nội và Ngoại Quốc.
- Quan khách đi xem các gian hàng.
- Tiệc Chay đãi khách.
- Cộ Bông, đốt Pháo Bông.
- 12 giờ khuya: Đức Hộ Pháp cắt dây băng mở cửa Đền Thánh, khởi hành Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

***- Mùng 9 đến 16 tháng Giêng Ất Mùi**

- Lễ Xuất Quân Quân Đội Cao Đài.
- Cắt băng mở cửa Đền Thờ Phật Mẫu.
- Cộ Bông, đốt Pháo Bông.
- Thiếu Nhi Quân biểu diễn các cuộc vui.
- Một số sinh hoạt khác

.....

***- Ngày 15 tháng Giêng Ất Mùi.**

- Lúc 0 giờ : Đại Lễ Thượng Ngươn tại Đền Thánh.
- Lễ Thiêu xác các Thánh Tông Đồ.
- Lúc 12 giờ trưa : Cúng Đức Phật Mẫu, Đại Lễ Thượng Ngươn.

.....

Lập tại Tòa Thánh, ngày 1-12 Giáp Ngọ (1954)

QUYÊN NGỌC CHÁNH PHỐI SỬ

Khai Đạo Phạm Tấn Đãi

(ấn ký)

**Lễ Khánh Thành
Thánh Thất Nam Vang²³**

Lễ Khánh Thành long trọng Thánh Thất Nam Vang được tổ chức vào Thứ bảy, ngày 22 tháng 5 năm 1937, trong đó bài diễn văn của Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, Phó Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài (Phật giáo canh tân) là phần chánh.

Sau đây là vài trích đoạn của bài diễn văn nói trên:

“ Khi Hội Thánh chỉ định tôi mở lời hôm nay như dịp chúng tôi sắp khánh thành Thánh Thất đầu tiên được xây dựng trong thủ đô Vương quốc Cao Miên, đã từ lâu tôi ngần ngại nhận lãnh cái danh dự đặc biệt này, sợ rằng không đủ sức cho một sứ mạng nhiều khó khăn và tế nhị.

“ Phải cần có sự khẩn khoản của tất cả các hiền huynh trong Hội Thánh, đặc biệt của vị niên trưởng, Giáo Sư Thượng Bửu Thanh, là người đáng kính của chúng tôi, có công đầu trong Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân, đã chỉ định tôi xuất hiện hôm nay trước đông đảo quan khách để

23- Bài này được trích từ quyển Lịch Sử Đạo Cao Đài của Soạn giả Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

cảm kích và được chọn lựa.

Nói tiếng Pháp còn chưa chắc chắn và nhất là không quen lên diễn đàn, tôi yêu cầu quý vị khoan hồng đối với tôi...”.

Chính năm 1927, vị lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài hiện nay, Ngài Phạm Công Tắc, đã đến xứ Cao Miên và chọn linh Victor Hugo giảng đàn trước tiên nhờ việc xây bàn, kế đó là nhờ một miếng ván nhỏ làm cơ và sau cùng là cây Ngọc cơ. Nhờ đó thiết lập được Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài mà chọn linh Victor Hugo trở thành Chưởng Đạo thiêng liêng của chúng tôi. Nhờ những lời giáo huấn của Ngài, chúng tôi truyền bá giáo lý mới, trước tiên là trên lãnh thổ Cao Miên, kế đó sang Pháp, rồi Lào, sau đó là Trung Kỳ và Bắc Kỳ...

Không một Ngôi nhà Thượng Đế nào sánh được với Ngôi nhà Thượng Đế của chúng tôi, bởi vì người Âu châu cũng như người Á châu, người có tín ngưỡng cũng như người không tín ngưỡng, đều có thể nâng cao linh hồn của họ lên đến cái mức hy vọng ưa thích nhất của họ, kể thì tôn thờ Đức Chúa Jêsus, người thì tôn kính Đức Phật Thích Ca, kể thì chiêm ngưỡng Đức Khổng Tử (như những người tự do tư tưởng ở Tây phương).

“Hãy nói cho chúng tôi biết, hiện nay quý vị thấy ở nơi nào, có sự tổng hợp tâm linh đó? trong cái thế giới bị chia rẽ bởi vật chất, nóng sốt bởi thù hận, đổ máu bởi chiến tranh.

Không một nơi nào có thể hơn Thánh Thất Cao Đài, vì nơi đây, người ta làm việc trong tình huynh đệ của con người, trong tình thân hữu của các chủng tộc, trong sự liên hiệp các lục địa trong một tập hợp rộng lớn của con người, viết lên lá cờ linh hai chữ ~ tâm linh - Hòa bình, sáng chói của những người thiện tâm. Thế nên chúng tôi dám nói thẳng với người phương Tây rằng : Chúng tôi vì hòa bình.”

Cuộc lễ khánh thành này gây được nhiều tiếng vang trong giới

báo chí Đông Dương.

Nhật báo La Presse indochinoise ngày 22-5-1937 nói về cuộc viếng thăm Thánh Thất Cao Đài Nam Vang:

“ Thánh Thất Cao Đài Nam Vang tọa lạc gần góc đại lộ Pasquier và đường Verdun. Khi xưa, cách nay 8 năm, Thánh Thất này chỉ là một ngôi nhà lá đơn giản làm chỗ trú ngụ cho những nhà truyền giáo đầu tiên.

Sau nhiều cố gắng đáng khen của việc truyền giáo, số tín đồ Cao Đài tại Nam Vang có được hơn hai chục ngàn người nam nữ, trong đó đếm được nhiều người Âu Châu và cả ngàn người Tàu.

Nhờ lòng hy sinh và thiện tâm của tất cả tín đồ mà ngôi đền thờ hôm nay trở thành một tòa nhà lộng lẫy...

Ở giữa là chánh điện trang nghiêm, sắp đặt một cách giản dị, không trang trí thừa, có một quả Càn Khôn bằng giấy, một Con Mất vẽ lên trên, kế đó theo thứ tự đẳng cấp, sắp đặt các tượng của Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jésus, các vị Thánh. Bên phải chúng tôi là tượng Quan Công với gương mặt đỏ tươi đang đọc sách, bên trái chúng tôi là tượng của Đức Phật Bà Quan Âm đang cầu nguyện . . .”

Tờ báo L'Opinion ngày 24-5-1937 thuật lại Lễ Khánh Thành như sau :

“ Theo chương trình dự thảo, Thánh Thất Cao Đài Nam Vang được khánh thành vào ngày Thứ sáu bởi nhiều cuộc lễ, chúng tôi sẽ trở lại những cuộc lễ này, bởi vì trên tờ báo hôm nay chúng tôi thiếu chỗ đăng bài tường thuật chi tiết. Tuy nhiên đây là bài diễn văn ngắn của Ngài Thượng Chử Thanh, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài trong ngày lễ đầu tiên :

“ Tôi hoàn toàn tri ân quý vị đến dự đông đảo lễ Khánh Thành Thánh Thất đầu tiên của Đạo Cao Đài tại Cao Miên, mà cũng là ngày lễ kỷ niệm hằng năm của vị Chứng Đạo thiêng liêng của chúng tôi: Victor Hugo.

Nhơn danh Hội Thánh Đạo Cao Đài, tôi xin gửi đến quý Bà quý Ông lời cảm tạ nồng nhiệt nhất của chúng tôi đối với tấm lòng chiếu cố tốt đẹp của quý vị.

Có lẽ quý vị đã biết sự phát sinh của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân bởi những đường lối công khai khác của chúng tôi. Quý vị đã thấy cái nguồn gốc của nó được phát sinh từ sự liên hiệp của triết lý Đông phương và triết lý Tây phương. Đó là sự tổng hợp tất cả đức tin của thế giới...”

Tờ báo La Presse indochinoise ngày 25-5-1937, với một phóng sự khá dài trình bày chi tiết những giai đoạn quan trọng của cuộc lễ, chúng tôi chỉ trích ra vài nhận thức mới :

“ Lễ Khánh thành Thánh Thất Cao Đài Nam Vang, đã cử hành từ ba ngày qua, đạt được thành công rực rỡ trong dân chúng của thủ đô Cao Miên và là dấu ấn của tính chất vĩ đại và long trọng. Hàng ngàn khán giả, hàng ngàn tín đồ, đến từ Nam Kỳ và các vùng hẻo lánh của Cao Miên, tràn ngập hoàn toàn ngôi đền thờ và phạm vi của nó trở nên quá hẹp để chứa đám đông không ngừng lớn thêm...”

Tiếp theo bài diễn văn khai mạc là bài thuyết đạo có ý nghĩa cao siêu của **Ngài Phạm Công Tắc**, đọc bằng tiếng Việt Nam. Ngài hiện diện từ lúc đầu làm cho cuộc lễ thêm phần long trọng. Sau bài thuyết đạo mà các tín đồ lắng nghe là sự hoan hô rất lâu bởi những thính giả hâm mộ.

Thật vậy, lễ Khánh thành này đánh dấu một thành công tốt đẹp của những tín đồ Cao Đài tại Nam Vang, đã tận dụng hết sức mình để làm cho đền thờ, trước đây là ngôi nhà lá bình thường, thành một Thánh Thất xứng đáng và đáng kính phục...”

Tờ báo La Dépêche ngày 26-5-1937 cũng có bài tường thuật khá chi tiết mà chúng tôi chỉ thuật lại vài đoạn chỉ rõ những hình dạng mới của cuộc lễ :

“ Trên đại lộ Pierre Pasquier, trong khu phố mà một cộng sự viên của chúng tôi mới đây đặt tên là “Cư xá trên hồ của Nam Vang”, tại vị trí của một ngôi nhà thờ nhỏ bằng lá hiến làm đền thờ cho Phật giáo canh tân, những tín đồ Cao Đài tại Cao Miên xây dựng lên một Thánh Thất lộng lẫy mà kiểu vở giống một cách lạ lùng kiểu vở của Thánh đường Saint-Mexmes ở Chinon. ”

Sau khi mô tả chi tiết Đền thờ, chúng ta đọc tiếp :

“ Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã rời Tòa Thánh Tây Ninh đến Nam Vang, ngụ tại một ngôi nhà cất trong phạm vi Thánh Thất, đến giờ hành lễ, Ngài đi đến Thánh Thất, mặc đại phục Hộ Pháp, được che dưới những cây tàn vàng, đi trước Ngài là một dàn nhạc và theo sau là đoàn tùy tùng đông đảo.

Tại cửa vào Thánh Thất, Đức Hộ Pháp được tiếp đón bởi vị Chủ trưởng của Hội Thánh Ngoại Giáo, bao quanh bởi các Chức sắc địa phương. Ngài được hướng dẫn đến một cái bục danh dự đặt sau cửa chánh, trên đó, Ngài đứng suốt buổi lễ cúng đàn, tay cầm cây Kim tiên làm cho bọn tà thần yêu quái sợ hãi lánh xa nơi thờ phượng thiêng liêng.

Khói của các cây nhang cắm trong lư hương bay lên làm như tấm màn trước Quả Càn Khôn và các Đấng thiêng liêng. Những Chức sắc mặc áo rộng đỏ, xanh, vàng ; những tín đồ trong đạo phục trắng, quì trên những chiếc chiếu theo hàng dài, chiếm gian giữa và hai gian bên của Thánh Thất.

Những người xướng lễ cất cao giọng xướng lên những câu khác nhau trong buổi lễ cúng đàn.”

Khi lễ cúng đàn chấm dứt, Đức Hộ Pháp được đưa về nhà nghỉ với cùng một nghi thức như lúc rước.

Khi ấy, Ngài được nhật báo La Dépêche mở một cuộc phỏng vấn nhanh :

“ Đức Hộ Pháp là một trí thức tinh anh, Ngài nói và viết tiếng Pháp một cách đáng khen. Ngài đọc nhật báo La Dépêche khi chúng tôi được ông Khâm Trấn đưa vào phòng khách. Tức thì Ngài đứng dậy bắt tay chúng tôi như một vị quý phái, và nụ cười trên môi, Ngài chỉ ghé mời chúng tôi ngồi.

Đối với Ngài, Đạo Cao Đài là một tôn giáo có năng lực hòa hợp và hòa bình xã hội. Sự tiếp đãi tử tế mà các tín đồ Cao Đài Việt Nam đã thấy được ở Cao Miên, làm cho Ngài cảm động sâu xa. Ngài hết lòng mong ước những đồng bào của Ngài biết bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối với nhà cầm quyền bản xứ và tiếp tục làm việc nơi đây hay những nơi khác trong sự tôn trọng luật pháp và phong tục bản xứ.

Ông Thượng Chử Thanh, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, trụ sở tại Nam Vang, mở lời trước để thông báo: Bà Lâm Ngọc Thanh, một Chức sắc cao cấp nữ phái của Đạo Cao Đài đã tắt hơi tại Vũng Liêm và yêu cầu những vị hiện diện một phút mặc niệm...

Buổi chiều, lúc 16 giờ 30 phút, lễ rước các Đấng thiêng liêng diễn ra trong châu vi Thánh Thất. Dẫn đầu đám rước là lân, tiếp theo là rồng, đi theo thứ tự là cộ Đức Phật Di-Lạc mà tượng của Ngài với nụ cười cởi mở điềm nhiên nơi Cực Lạc Niết Bàn, bàn thờ Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, chơn dung của Victor Hugo, tượng Cô Jeanne d'Arc, chơn dung của Cao Quỳnh Cư, của Tôn Dật Tiên, người sáng lập nước Cộng hòa Trung hoa, và sau cùng là một cái cộ lớn có một ngọn núi thiêng, trên đó có tượng của nhà đại hiền Lý Thái Bạch ngự

trên ngai, bên phải có Nữ Bồ Tát Quan Âm, và bên trái có tượng của vị anh hùng Quan Công.

Dưới chân núi ấy là Cố Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đang ban phép lành cho đám đông.

Đoàn cộ đi trước, theo sau là những dàn nhạc huyền ảo, đi biểu diễn ba vòng chung quanh Thánh Thất, đi ngang qua khán đài, nơi đó có Đức Hộ Pháp, các nhân vật và các Chức sắc của Đạo.

Trong một phần của khán đài, chúng tôi để ý thấy nhiều phụ nữ Trung hoa mới nhập môn vào đạo mặc đạo phục trắng như những người Việt Nam, với những cổ pháp và phù hiệu theo phẩm tước...”

Ở bên Pháp tờ báo **Le Fraterniste**, ở Cao Miên tờ báo **La Vérité** ngày 20-10-1937 đăng cảm tưởng tổng quát :

“ Những tranh ảnh của các báo, những ảnh in trên báo, dưới mắt tôi, chứng tỏ rằng cái vẻ huy hoàng hiếm có của các buổi lễ đã diễn ra dưới sự chủ tọa của Đức Hộ Pháp.

Hàng ngàn tín đồ lớp lớp từ các nơi đổ về : 15, 20, 25 ngàn người? Khó mà thẩm định có bao nhiêu người trong đám đông Á châu như thế.

Những bài diễn văn đã được đọc và truyền trên đài phát thanh, như của “ Charles ”, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, của “ Francois ”, người chủ chốt của phong trào. Các diễn văn này phản ánh một số tư tưởng làm cho tôi chú ý để ghi lại.

Vào lúc mà ít nhiều người lấy lại công thức độc đoán và các lời bài xích của thời trước :“Các người chỉ có thể được cứu vớt tại đây.” Đường như tốt đẹp để nhắc lại rằng, cả với người điếc, điều đó không bao giờ chấm dứt những trò đùa đáng thương hại

của nghi thức: điều quan hệ duy nhất không phải là tín điều, mà là hành động. Allan Kardec phát biểu một cách minh bạch: Ngoài phước đức, không có gì cứu vớt.

Tinh thần hòa bình và chủ trương hòa bình của Đạo Cao Đài đáng được khen ngợi. Những tín đồ Cao Đài phản đối sự phân biệt các chủng tộc, các tôn giáo, các màu da, muốn có sự hòa hợp các chính phủ và chấm dứt chiến tranh, điều đó luôn luôn được tuyên bố bởi các chính phủ.

Đối diện với Tây phương, tín đồ Cao Đài kêu lên : Chúng tôi vì hòa bình; tình huynh đệ giữa con người, tình thân hữu giữa các dân tộc, sự hợp tác giữa các chủng tộc. Chúng tôi tránh xa chánh trị tàn ác của các nước độc tài, của người ác (đen, nâu hay đỏ), và những người liều mạng bị mua chuộc trong mỗi nước, tìm cách bắt chước bọn Badinguet mới.

Người ta thấy sự tổng hợp về tâm linh là đáng kính phục, nơi đó người không tín ngưỡng cũng tìm thấy thức ăn tinh thần, bởi vì trong một Thánh Thất Cao Đài, người ta có thể cầu xin các nguyên tắc hướng dẫn của triết gia Khổng Tử, hay hiền triết Lão Tử.

Thật vậy, Thánh Thất Cao Đài không thừa nhận những kho châu báu tâm linh. Chúng tôi xa lánh những người chuyên dán nhãn hiệu, những môn phái, những phe đảng nhỏ của các quan chức và phó quan chức lạc hậu, vô giá trị.”

* Ông Charles Bellan, cựu Thống sứ Pháp tại Cao Miên, từ Ba-lê gửi đến cho chúng tôi ngày 1-9-1937 cảm tưởng tổng quát của ông :

“ Tôi có đọc một cách rất thích thú các tài liệu mà quý bạn đã gửi cho tôi, về lễ Khánh Thành Thánh Thất Cao Đài tại Nam Vang. Tôi có trao tài liệu ấy cho vài thân hữu và nhân sĩ, mà họ

chú ý đến phong trào này với khuynh hướng thống nhất các tôn giáo và tình huynh đệ đại đồng thế giới...

Tình thân ái huynh đệ.”
(Ký tên : Charles Bellan).

NHỮNG HUYỀN DIỆU TRONG THỜI KỲ KHAI ĐẠO

Trong thời kỳ Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã ban cho Quý Vị Tiên Khai nhiều huyền diệu thấy rõ, để tạo niềm tin nơi các Ngài, rồi lần lần dẫn các Ngài vào con đường Đạo, để cuối cùng các Ngài trở thành những Tướng Soái của Đức Chí Tôn, có nhiệm vụ khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chúng tôi xin ghi lại sau đây vài trường hợp điển hình.

1.- THIÊN NHÃN VÀ CẢNH BÔNG LAI

Vào năm 1921, khi ngồi trên võng phía sau dinh quận Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu thấy trước mặt hiện ra một CON MẮT thật lớn, chói ngời hào quang thật linh động, cách Ngài độ vài mét. Sợ hãi, Ngài liền chấp tay vái đại ý như sau:

“Bạch Tiên Ông, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhãn thì xin cho biến mất đi”.

Ngài Ngô vái xong thì Con Mắt lu dần rồi biến mất. Chưa kịp họa hình Thiên Nhãn để thờ thì vài ngày sau, Ngài lại thấy y như vậy một lần nữa. Ngài khẩn hứa sẽ vẽ Thiên Nhãn để thờ, CON MẮT mới biến mất.

Sau đó, Ngài Ngô cầu cơ hỏi cách thờ phượng, thì được Tiên Ông dạy vẽ Mắt Trái y như đã thấy mà thờ. Tiên Ông cho phép Ngài Ngô gọi Tiên Ông bằng Thầy, và xưng danh hiệu là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Nghe lời dạy của Tiên Ông, Ngài Ngô giữ trường trai và lo tu hành. Sau khi Ngài tu được 3 năm, một hôm Tiên Ông hỏi Ngài Ngô muốn điều chi, Tiên Ông sẽ thuận cho. Ngài bạch đại ý như sau:

“ Bạch Thầy, nghe nói cảnh Bồng Lai rất đẹp, Thầy có thể nào cho đệ tử thấy cảnh ấy được không”. Tiên Ông không trả lời.

Vài ngày sau, vào một buổi chiều, Ngài Ngô đang ngồi trên một tảng đá ngoài Dinh Cậu, cùng cặp bờ biển Dương Đông. Ngài hóng mát, mắt nhìn ra biển. “Bỗng chốc, Ngài trông thấy từ chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh thật là xinh đẹp. Cảnh ấy vừa khuất lại lộ ra cảnh khác. Sau cùng, Ngài thấy cảnh trên có Thiên Nhân số ngay xuống một hàng có Nhật-Nguyệt-Tinh cũng đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi coi mê mẩn quên lửng rằng thân còn ở chốn phàm trần. Được chừng 15 phút đồng hồ thì cảnh ấy lu lẩn dần rồi biến mất”.

Góp ý: Ngài Ngô Văn Chiêu là người duy nhất có diễm phúc là người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế, và đã được Đức Thượng Đế cho thấy huyền diệu 3 lần bằng đôi mắt thường (không phải bằng huệ nhãn hay trực giác).

2.- CÔ VƯƠNG THỊ LỄ

Vào giữa năm Ất Sửu (1925), trong các buổi xây bàn, các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang,... được Chơn Linh Cô Đoàn Ngọc Quế giảng diễn cho nhiều bài thơ Đường Luật rất hay. Sau đó Cô Đoàn đồng ý kết nghĩa huynh-muội với ba Ngài, và cuối cùng cho biết tên thật lúc còn sanh tiền là Vương Thị Lễ, sanh năm 1900, học trường Sainte Enfance, trình độ trung học Pháp, qui vị năm 1918 vì bệnh, an táng tại nghĩa trang vườn Bà Lớn. Ngoài ra, Cô còn chỉ rõ nơi an nghỉ của Cô nơi nghĩa trang.

Rạng sáng ngày sau, ba Ngài đi đến nghĩa trang và tìm được

nhà mồ của Cô, rất nên đẹp đẽ, rõ ràng có tên tuổi của Cô đề trên mộ bia. Mấy Ngài mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ khấn vái với Cô, xin Cô theo về nhà, có ý thử coi ban ngày Chơn Linh Cô có thể giáng điển được hay không. Về đến nhà, ba Ngài đem bàn ra mà cầu Cô. Quả thật có Cô đến đàm luận, rồi nhìn nhận cái mộ mà ba Ngài đã viếng đúng là nơi xác cô an nghỉ, và cảm ơn ba Ngài đã viếng mộ Cô. Tất cả ba Ngài đều rất phấn khởi trong việc làm có kết quả tốt đẹp, và hiểu được sự bí mật vô hình mà ít người biết đến.

Từ đó, ba Ngài hết hoài nghi và tin tưởng rằng trong thế giới vô hình có những Chơn Linh đang sinh hoạt, đặc biệt là Chơn Linh của các vị Tiên Nữ, như Cô Đoàn Ngọc Quế (tức Thất Nương Diêu Trì Cung), Cô Hồn Liên Bạch (tức Bát Nương Diêu Trì Cung),...v.v...

Góp ý: Quý vị Tiền Khai (Cư, Tắc, Sang,...) lần đầu tiên nhận thấy được huyền diệu trong việc tìm được mộ của Cô Vương Thị Lễ do Cô chỉ dẫn trong lúc xây bàn.

3.- CÂU ĐỐI CHẾT

Câu đối chết là những câu rất khó đối, từ trước đến giờ chưa ai đối được. Thí dụ như câu :

“ Da trắng vỗ bì bạch ”.

Vào khoảng gần cuối năm 1925, nghe đồn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư có Tiên giáng điển cho thơ rất hay, Ngài Nguyễn Trung Hậu là một nhà giáo rất giỏi về thơ Đường Luật, tìm đến có ý muốn thử.

Qua một lần hầu Đàn, Ngài Nguyễn Trung Hậu được Đức AÃÃ điểm danh bằng một bài thơ tứ tuyệt, điểm đúng bút hiệu Thuần Đức của Ngài. Ngài biết rằng những vị xây bàn không ai biết được bút hiệu của Ngài, Ngài lấy làm thích thú nhưng cũng còn bán tín, bán nghi.

Một hôm khác, Ngài Nguyễn Trung Hậu bạch cùng Đức AẢẢ như vậy :

- Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được. Xin đem ra cho Ngài đối chơi.

Đức AẢẢ liền đáp :

- Bản Đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối ra không chuẩn, quý vị chớ cười và niệm tình Bản Đạo mà chấn chỉnh lại cho.

Câu đối Ngài Hậu ra : “Ngồi yên ngựa đừng bò con nghé !”

Đức AẢẢ đối lại liền : “Cỡi lưng trâu chớ khỉ thằng tê !”

Câu đối Ngài Hậu ra : “Ngựa chạy mang lạc”

Đức AẢẢ đối lại liền : “Cò bay le bè”.

Tất cả quý vị có mặt đều hững hờ, hết sức khen Đức AẢẢ. Từ đấy Ngài Nguyễn Trung Hậu mới phục tài Đức AẢẢ, và hết lòng tin tưởng có người khuất mặt cũng như có các Đấng Thiêng Liêng trong cõi vô hình. Chẳng bao lâu sau, Ngài trở thành đệ tử “yêu dấu” của Đức Cao Đài, và sau đó xả thân đi hành đạo.

Ngoài ra, có lần Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu làm câu đối để ghi trước Thuyền Bát Nhã, như sau :

- Vạn sự viết vô, nhục thể ký qui tam xích thổ.

- Thiên niên tự hữu, linh hồn trực đáo Cửu Trùng Thiên.

Hai câu đối này rất hay. Nhưng khi dâng lên Đức Lý Giáo Tông, Đức Ngài chỉnh lại đoạn sau càng tuyệt diệu hơn nữa :

- Vạn sự viết vô, nhục thể THỔ SANH HOÀN TẠI THỔ.

- Thiên niên tự hữu, linh hồn THIÊN TỬ PHẢN HỒI THIÊN.

Ngĩa là:- Muôn việc đều không, xác thịt đất sanh hoàn lại đất.

- Ngàn năm tự có, linh hồn Trời ban trở về Trời.

Rõ ràng, Đức Lý đã chỉnh câu đối lại, làm cho câu đối trở nên rất hay thêm nhiều. Không thể một người phạm nào trong khoảnh khắc mà làm giỏi như vậy được.

4.- NGÀI YẾT MA LUẬT THỬ CƠ BÚT

Nghe tin có Tiên giáng ở Sài Gòn cho thi rất hay, ông Yết Ma Nguyễn Văn Luật chủ chùa Hội Phước Tự ở làng Phước Hậu, quận Cần Giuộc, cho rằng mấy ông phò cơ ý mình văn hay chữ giỏi mới bày đặt ra chuyện Tiên Phật giáng điển cho thi phú, chớ Tiên Phật đâu mà giáng trần gian. Ngày 2-11 Ất Sửu (17-12-1925), ông từ Cần Giuộc lên Sài Gòn tìm đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, với ý định thử coi cơ bút có thật là linh hay không, và có thật là Tiên Phật giáng điển hay không.

Ông Yết Ma Luật làm sẵn một bài thơ 4 câu để trong túi áo, rồi ông vái Thượng Đế linh hiển họa bài thơ của ông.

Đấng Thượng Đế giáng cơ họa vận như sau :

Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùng, Tiên Phật giáng phàm gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,
Chính thật Ta đây, Đấng Ngọc Hoàng.

Nhận được bài thơ họa vận, lúc đó ông Yết Ma Luật hết hồn, mới trợn tin nơi cơ bút và sự hiện diện của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ông cho xem bài thơ của ông như sau :

Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giáng trần gian.
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa dạng thơ đây mới Ngọc Hoàng.

Sau đó, ông Yết Ma Luật nhập môn theo Đạo, và vào ngày 22-7 Bính Dần (29-8-1926), ông được Đức Chí Tôn ân phong phẩm Giáo Sư phái Thái : Thái Luật Thanh.

5.- NGÀI PHAN KHẮC SỬU THỬ CƠ BÚT

Cũng trong việc tìm hiểu và thử thách sự huyền diệu của các Đấng Tiên Phật giáng cơ, một nhà chánh trị nổi tiếng là ông Phan Khắc Sửu, Nguyên Quốc Trưởng của nước Việt Nam, đến

hầu đàn nơi nhà Ngài Cao Quỳnh Cư. Ông âm thầm làm sẵn một bài thơ 8 câu 5 vần mà 2 vần trên khác với 3 vần dưới. Ông đem đến đốt bài thơ này trước đàn cơ và xin Đấng Thiêng Liêng giáng điển họa vận (tài liệu không ghi rõ ngày tháng mà ông Phan Khắc Sửu đến hầu đàn để thử sự huyền diệu của cơ bút).

Đấng Cao Đài Thượng Đế đang giáng điển dạy về giáo lý, liền ngưng lại để họa bài thơ của ông Phan Khắc Sửu. Nguyên văn bài thơ của ông Phan Khắc Sửu đề xướng là như sau :

Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ơi !
Linh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điêu linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi mời diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt não lòng.
Nạn nước ách dân như thế ấy,
Ngồi mà tu niệm có yên không.

Phan Khắc Sửu

Mặc dầu hai vị phò loan không hề biết gì về nội dung bài thơ của ông Phan Khắc Sửu, bài thơ họa của Đấng Cao Đài Thượng Đế qua trung gian của hai vị phò cơ rất thuyết phục, nội dung như sau :

Cơ Trời khó hiểu lắm con ơi !
Nghiep quả tiền khiên của giống nòi.
Bối luyến môi thơm cam cá chậu,
Vì ganh tiếng gáy chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,
Đất dậy phong ba cứ vững lòng.
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.

Cao Đài Thượng Đế

Khi đọc xong bài thơ họa của Đấng Cao Đài Thượng Đế, ông Phan Khắc Sửu hết sức phục tài Đấng Cao Đài và hết nghi ngờ sự huyền diệu của cơ bút.

Đức Thượng Đế cho thêm ông Phan Khắc Sửu 4 câu thơ tỏ ý khuyên ông chớ nên chần chừ, hãy sớm giác ngộ lo tu hành.

Đường Đạo tìm vào mới rõ cơ,
Cơ mầu giải khổ chớ chần chờ.
Chờ cho trễ bước xa thuyền bến,
Bến tục thoát vòng hết ước mơ.
Cao Đài Thượng Đế

Nhờ vậy, ông Phan Khắc Sửu hoàn toàn tin tưởng nơi Đức Chí Tôn, và sau đó ông xin nhập môn cầu Đạo, làm môn đệ của Đức Chí Tôn.

6.- NGƯỜI ĐẠO THIÊN CHÚA THỬ CƠ BÚT

Đêm 17-11 Ất Sửu (1-1-1926), ông bà Đốc Phủ Chi (là người theo đạo Thiên Chúa) đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư muốn thử xem cơ bút có phải thật sự do Thượng Đế giáng điển xuống hay không. Ông bà nói với Ngài Cao Quỳnh Cư :

“ Xin cho tôi để trên bàn cầu cơ hình Đức Chúa Jê-sus và một cây Thánh Giá. Nếu Đức Cao Đài là Thượng Đế thiết thì mới giáng cơ được, bằng là Quỷ Vương thì khi thấy hai vật báu ấy tự nhiên phải tránh ”.

Ngài Cao Quỳnh Cư bằng lòng cho thử, đoạn hai Ngài Cư và Tắc ngồi lại cầu cơ. Trước hết có Thánh Pierre giáng cho 4 câu thơ.

SAINT PIERRE

Thiên Đàng giữ cửa góc trời tây,
Truyền đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã gần hai ngàn tuổi,

Cao Đài phú thác dất dìu bầy.
Tiếp theo, Đấng Thượng Đế giảng cơ như sau.

THẦY

Các con có hiểu Jésus là ai chẳng ?
Trước Ta đổ máu cho loài người vì thương yêu.
Nay Ta đến cứu loài người cũng vì thương yêu.
Bây đủ thương yêu Ta dường ấy chẳng ?
Ta cần bầy biết ăn năn hầu cứu chữa bầy.....

Sau đàn cơ, ông bà Đốc Phủ Chi phải nhìn nhận rằng đây chính là Đấng Thượng Đế thật giảng điển, và hết lòng kính phục.

7.- BÀI THƠ HUYỀN DIỆU

Ngày Mừng 9 tháng Giêng Tết Bính Dần (21-2-1926), quan phủ Vương Quan Kỳ có thiết lễ Vía Trời tại nhà của ông ở đường Lagrandière (nay là đường Gia Long). Sau phần cúng lễ, các vị lập đàn cơ : hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò loan, Ngài Ngô Minh Chiêu chứng đàn. Đức Cao Đài giảng cơ dạy Đạo và cho thơ.

Trong bầu không khí vui vẻ tưng bừng, ấm áp của mùa xuân, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Cao Đài lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức CHÍ TÔN liên ân ban bài thơ sau đây (bài thơ này được in ở phần đầu của Bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển) :

Chiêu kỳ trung độ dẫn hoài sanh,
Bản Đạo khai sang quý giảng thành.
Hậu đức tặc cư thiên địa cảnh.
Hườn minh mên đáo thủ đài danh.

Bài thơ trên xin tạm dịch ra nôm như sau :

Cờ phất lên tận độ Chúng sanh,

Đạo Trời nay đã rõ đành rành.
Khéo tu sau sẽ về Tiên cảnh,
Cứng cỏi, thông minh giữ được danh.

Tạm hiểu nghĩa như sau :

- Phất cờ lên tận độ chúng sanh (tận độ đến thai nhi trong bụng mẹ),
- Mối Đạo của Ta (của Đức Chí Tôn) nay giống lên tiếng chuông phổ độ, truyền giáo đến khi thành tựu.
- Ai lập được nhiều công đức chắc chắn cuối cùng sẽ được về cõi Trời,
- Người sáng suốt, biết gắng sức hành Đạo, khi hoàn tất nhiệm vụ sẽ được nêu danh trên đài danh vọng.

Trong 28 chữ của bài thơ Tứ Tuyệt trên có đến 15 chữ là tên của 15 vị tham dự Đàn cơ (có hai vị trùng tên là Sang : Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang). Xin viết lại bài thơ trên với những chữ lớn là tên các Vị hiện diện trong Đàn cơ :

CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
HUỖN MINH MÂN đáo thủ đài danh.

Đức Cao Đài lại phán thêm : HUỖN, MINH, MÂN sau sẽ rõ. Mười hai chữ lớn và đậm trong 3 câu trên là tên của 13 vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Còn 3 chữ xiên lớn trong câu chót là tên 3 vị hầu Đàn. Tên của 13 vị môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, theo thứ tự trong bài thơ là :

CHIÊU : Ngô Văn Chiêu, Đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài.
KỶ : Vương Quan Kỳ, sau đắc phong Thượng Giáo Sư.
TRUNG : Lê Văn Trung, sau đắc phong Thượng Đầu Sư, rồi được thăng Quyền Giáo Tông.
HOÀI : Nguyễn Văn Hoài, tức là ông Phán Hoài.

BẢN : Đoàn Văn Bản, sau đắc phong Thượng Giáo Sư.

SANG : Cao Hoài Sang, sau đắc phong Thượng Sanh.

SANG : Võ Văn Sang, về sau ít nghe nói đến.

QUÍ : Lý Trọng Quý, tức là ông Phán Quý.

GIẢNG : Lê Văn Giảng, sau đắc phong Thượng Giáo Hữu.

HẬU : Nguyễn Trung Hậu, sau đắc phong Bảo Pháp.

ĐỨC : Trương Hữu Đức, sau đắc phong Hiến Pháp.

TẮC : Phạm Công Tắc, sau đắc phong Hộ Pháp.

CƯ : Cao Quỳnh Cư, sau đắc phong Thượng Phẩm.

Các ông HUỖN, MINH, MÂN chưa vào Đạo, nhưng được Đức Chí Tôn tiên tri “đáo thủ đài danh”, tức sẽ vào Đạo và sẽ được nêu danh trên đài cao long trọng.

Nếu coi các chữ lớn là danh từ riêng chỉ tên của các vị hiện diện trong Đàn cơ, thì có thể tạm hiểu bài thơ trên như sau:

Câu 1: CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,

Bốn vị Chiêu, Kỳ, Trung, Hoài có phận sự độ dẫn như sanh, độ cả thai nhi trong bụng mẹ (trong Kinh Di-Lạc có câu : “Nhược như đương sanh, nhược như vị sanh,... v.v...”),

Câu 2: BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.

Nền Đạo do Ta (Đức Chí Tôn) mở ra nhờ bốn vị Bản, Sang, Quý, Giảng mà đặng thành tựu.

Câu 3: HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,

Bốn vị Hậu, Đức, Tắc, Cư sẽ được lên cõi Trời,

Câu 4: HUỖN MINH MÂN đáo thủ đài danh.

Ba vị Huồn, Minh, Mân đến giữ cái đài danh vọng.

Huyền Diệu: Trong khoảnh khắc, làm một bài thơ bốn câu 28 chữ mà phải dùng đến 15 chữ qui định trước và:

-Có thể hiểu theo ít nhất là hai cách khác nhau, với nhiều ý nghĩa cao sâu, thì

- Chỉ có Đức Chí Tôn mới làm được mà thôi.

8.- TỜ KHAI TỊCH ĐẠO VÀ THỐNG ĐỐC NAM KỲ

Trong quyển Lịch Sử Đạo Cao Đài do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo biên soạn có đoạn nói về Tờ Khai Tịch Đạo như sau.

Có một câu chuyện về Ngài Ngô Văn Chiêu thường được Đạo trưởng Huệ Lương kể cho chư huynh đệ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam nghe. Câu chuyện tuy không thuộc về chính sử nhưng xin ghi lại đại ý :

“ Tháng 10-1926, Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol tiếp nhận tờ Khai Tịch Đạo do Ngài Lê Văn Trung đại diện gửi đến; thời gian ấy, ông cũng nhận được nhiều báo cáo bất lợi cho Đạo từ các cấp dưới trình lên.

Ông Le Fol phân vân cân nhắc.

Biết được Ngài Ngô Văn Chiêu làm việc tại dinh Thống Đốc, thờ Đức Cao Đài, lại không có tên trong Tờ Khai Tịch Đạo, một hôm, ông bà Le Fol tự đến tư gia Ngài Ngô Văn Chiêu tìm hiểu. Khi nghe Ngài Ngô cho biết về huyền diệu cơ bút, do hiểu kỳ cũng như muốn tự thử nghiệm, ông bà Le Fol đề nghị được chính mình phò loan. Ngài Ngô chấp nhận và làm pháp đàn trợ diễn.

Lúc cơ lên, ông bà Le Fol mê man. Đến khi tỉnh lại, tiếp được một bản văn bằng Pháp ngữ, ý cho biết trong vài ngày tới ông bà sẽ nhận được tin buồn. Quả thật, sau đó ít ngày có tin từ Pháp qua, theo đó, cha của ông Le Fol đã mất.

Như trên đã nói, câu chuyện tuy không thuộc vào chính sử nhưng phần nào chứng minh được phản ứng im lặng của dinh Thống Đốc Nam Kỳ trước tờ Khai Tịch Đạo, cũng là một dịp

Ngài Ngô hỗ trợ gián tiếp cho công cuộc phổ độ²⁴...

9.- TƯỚNG SOÁI CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

Theo Pháp Chánh Truyền thì Chức Sắc Hiệp Thiên Đài gồm có 15 vị :

- 3 vị Chưởng Đài là Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và Đức Thượng Sanh,

- 12 vị Thời Quân, gọi chung là Thập Nhị Thời Quân.

Tất cả 15 vị trên đều là Tướng Soái của Đức Chí Tôn, lãnh lĩnh Ngọc Hư Cung giáng trần để Khai Đạo.

Một điều kỳ diệu lý thú là tuổi ba vị Chức Sắc Cao Cấp của Hiệp Thiên Đài (3 vị Chưởng Đài) là Tý, Sửu và Dần. Sách có câu : “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”.

Đức Cao Thượng Phẩm tuổi Tý (Mậu Tý).

Đức Cao Thượng Sanh tuổi Sửu (Tân Sửu).

Đức Phạm Hộ Pháp tuổi Dần (Canh Dần).

Như vậy, Khai Đạo Kỳ Ba, Đức CHÍ TÔN đã giao cho Ba Vị Tướng Soái của Hiệp Thiên Đài nắm giữ Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn.

Một điều kỳ diệu lý thú nữa là : Mặc dầu 12 vị Thời Quân được Đức CHÍ TÔN chọn từ các địa phương khác nhau, trong những thời điểm khác nhau, nhưng khi họp lại thì mới biết quý vị có tuổi thuộc 12 con giáp khác nhau, không vị nào trùng tuổi với vị nào :

Tý:	Khai Pháp	Ngọ :	Hiến Thế
Sửu:	Khai Đạo	Mùi :	Bảo Thế
Dần:	Hiến Pháp	Thân:	Hiến Đạo
Mẹo:	Tiếp Thế	Dậu:	Tiếp Đạo
Thìn:	Bảo Pháp	Tuất :	Bảo Đạo
Tỵ :	Tiếp Pháp	Hợi:	Khai Thế

24- Trích Lịch Sử Đạo Cao Đài, trang 214

Không thể nào có sự trùng hợp ngẫu nhiên như vậy được, như định là phải có sự sắp xếp của Ông Trên.

10.- CHỖN LINH ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Đêm 26-2 Quý Dậu (21-3-1933), nơi Giáo Tông Đường, Đức Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh phò loan, hầu đàn có : Đức Q.Giáo Tông, Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, hầu bút : Sĩ tử Võ Thành Quốc. Bà Đoàn Thị Điểm về cơ.

Đức Q.Giáo Tông hỏi : Có phải Bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chăng ?

Bà Đoàn Thị Điểm đáp: Phải. Tùng Thất Nương.

- Anh em tôi rất mừng Bà và sẵn đây xin Bà cho thi dạy Nữ phái.

- Xin nghe: NỮ TRUNG TÙNG PHẬN.

Kể từ đó, qua nhiều lần Quý Vị Tiền Bối phò loan ở Giáo Tông Đường hoặc ở Hộ Pháp Đường, Bà tiếp tục viết quyển Nữ Trung Tùng Phận, viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ không viết được nữa.

Đức Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đời, bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân thuộc chi Đạo phò loan Bà mới viết được. Do đó, Đức Hộ Pháp hỏi Bà để đánh điện tín qua Nam Vang mời Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng về Tòa Thánh phò loan cho Bà viết tiếp, thì Bà trả lời là khỏi cần đánh điện tín, ngày mai Cao Tiếp Đạo sẽ về tới Tòa Thánh. Quả thật, chiều hôm sau, Ngài Cao Tiếp Đạo về tới Tòa Thánh, và ngay tối hôm đó, Ngài Cao Tiếp Đạo bắt đầu phò loan với Đức Hộ Pháp.

Trong những ngày kế tiếp, Bà viết Nữ Trung Tùng Phận cho

đến hết, gồm tất cả 1041 câu thơ song thất lục bát, hoàn thành một tác phẩm vô cùng giá trị.

11.- THẦY GÔNG THỬ CƠ

Có một ông Thầy gông theo đạo “Mẹ Sanh” dao chém không đứt. Ông định đến thử cơ coi chơn hay giả. Đến một đàn cơ nọ, khi cơ vừa lên, ông đọc thần chú lằm bằm trong miệng, có ý trấn ếm ngăn điển nhập cơ. Tức thì cơ viết tên ông, bảo ông vào thử cơ.

Được dịp may để thử cơ, ông tỏ ra rất thích thú, lên cầm cơ ngay, không ngần ngại mà cũng không lễ bái chi cả. Khi tay ông vừa cầm cây cơ, tức thì cơ quây vun vút, ngoài sức điều khiển của ông. Tay thì quây vù vù, miệng thì cười ha hả như điên, như dại, không ngừng nghỉ được. Cơ quây thật lâu, ông ta cười cho đến lã người mà cơ vẫn không ngừng. Ông cứ cười, cười như thế một hồi lâu, đến lúc ông quá đuối sức thì cơ mới ngừng.

Ông sợ quá, bèn quì xuống bạch với Ông Trên xin bỏ đạo “Mẹ Sanh” và xin nhập môn Đạo Cao Đài liền nơi đó. Ông được Ông Trên thâu nhận.²⁵

12.- TOÀN QUYỀN PIERRE PASQUIER

Đạo Cao Đài được khai dưới thời Toàn Quyền Đông Dương tên là Varenne (1925-1928). Ông này chủ trương Pháp Việt đề huề, nên thỉnh thoảng Đức Q.Giáo Tông có nhắc đến hai tiêu ngữ này. Sau đó, Pháp thay đổi chánh sách, Ông Pasquier sang Đông Dương làm Toàn Quyền (1928-1934). Ông này dùng chánh sách cai trị đàn áp, khất khe đối với các đảng phái và tôn giáo (Đông Dương gồm có 3 nước : Việt, Miên, Lào).

Ngày 3-9-1931, tờ báo La Griffe số 36 và các số kế tiếp, có tố

25- Trích trong “*Huyền Diệu Cơ Bút*” của Đạo Trưởng Thiện Trung.

cáo thái độ của viên Khâm Sứ Pháp ở Cao Miên đe dọa ông Lê Văn Bảy (một Chức Sắc của Đạo Cao Đài tại Nam Vang) và thẳng tay lên án các viên chức thuộc địa. Tờ báo này còn đả kích việc Toàn Quyền Pasquier dùng Phật Giáo Tiểu Thừa để chống lại Đức Quyển Giáo Tông Lê Văn Trung.

Toàn Quyền Pasquier nghiên cứu giáo lý Cao Đài rất kỹ, biết được Đức Thượng Đế đã dạy Đức Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung là “sống chết do nơi Thầy”. Thế nên, ông làm sẵn bom nổ chậm ép trong một đôi đèn bạch lạp (đèn sáp trắng), chế làm sao cho vừa dứt bài Ngọc Hoàng Kinh là bom nổ lên để làm cho Ngài Lê Văn Trung phải chết, chết vì Thượng Đế muốn rước về chỗ không phải mật thám Pháp giết.

Nhưng Đức Thượng Đế đâu để ông Pasquier lộng hành như vậy. Khi Đức Qu. Giáo Tông nhận đôi đèn bạch lạp, nhiều vị Chức Sắc khuyên Đức Qu. Giáo Tông không nên đốt, vì Đức Qu. Giáo Tông quì rất gần đôi đèn bạch lạp. Đức Qu. Giáo Tông cũng nhắc lại lời Đức Chí Tôn dạy “sống chết do nơi Thầy”. Ngài nhứt định đốt đôi đèn bạch lạp trong ngày lễ Vía Đức Chí Tôn, và chính Ngài quì chứng Đền. Đôi đèn cháy sáng đều, sắp dứt bài Ngọc Hoàng Kinh thì nghe tiếng xì lớn: Khói bay phủ Đại Điện. Đức Qu. Giáo Tông ra lệnh cho cuộc lễ vẫn tiếp tục như không có điều gì xảy ra.

Thua keo này bày keo khác, Toàn Quyền Pasquier dùng thủ đoạn mua chuộc một số người cầm viết bán rẻ lương tâm, chạy theo danh lợi, không ngần ngại viết sách báo vu khống, nói xấu Đạo Cao Đài, như quyển “Cái Án Cao Đài” chẳng hạn. Họ cố ý chụp mũ một số Chức Sắc Cao Đài làm chánh trị bằng cách gom góp một số tài liệu rồi phóng đại lên. Số hồ sơ này được Pasquier đem về trình với chánh phủ Pháp, với mục đích xin phép tiêu diệt Đạo Cao Đài.

Chẳng may chiếc phi cơ chở vợ chồng Pasquier khi về gần

tới phi trường thì bị nổ cháy trên không trung. Các tài liệu vụ
khống cũng cháy theo luôn.

Sự việc này đã được Đức Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm tiên
tri bằng Sấm Ký.

SẤM KÝ

Nước Nam từ họ Hồng Bàng
Biển dâu cuộc thế giang san đổi dời.

.....
Tiền ma bạc quỷ trao tay,

Đồ Môn Nghệ Thái dấy đầy can qua

Giữa năm hai bảy mười ba,

Lửa đâu mà đốt Tám Gà trên mây.

Tám gà: Hán văn là bát kê, tức Pasquier.

Sự việc xảy ra đúng vào năm âm lịch nhuận 2 tháng Bảy, tức
năm đó có mười ba tháng, đúng vào câu “hai bảy mười ba”.
Toàn Quyền Pasquier bị chết cháy giữa không trung, đúng vào
câu “Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây”.

Nhắc lại, vào năm 1934, Toàn Quyền Pasquier tìm đủ mọi
phương cách dựng tài liệu giả, cho lính mật thám chụp hình các
Đàn Lê, các buổi nhóm họp của Đạo Cao Đài trong toàn quốc,
rồi sắp xếp làm hồ sơ giả, phúc trình về Pháp, và do chính Toàn
Quyền Pasquier mang về Pháp, có gia đình đi chung, làm cho
cả gia đình đều chết, riêng ông rơi vào ống khói nhà máy cơ khí
Messageries Métallurgiques de France.

Một thời gian sau, chơn linh ông Pasquier có về cơ:

Ngày 2-7 Bính Tý (18-8-1936)

Phò loan : Hộ Pháp - Tiếp Thế.

PIERRE PASQUIER

“ Oh, salue Hautes Âmes, tôi xin nói tiếng An Nam.

Tôi đã cầm đặng một cuốn sách Nho, học thông đạo lý. Cái tư

tưởng của tôi buổi nọ nó thiên về bên Khổng Giáo, chớ không phải hưởng qua bên Phật Đạo.

Tôi càng suy xét thì lấy làm lạ vì cơ nào tôi lại dựng nhà Thiên toan phá Đạo Cao Đài buổi nọ. Quái dị thay ! Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ Nho phong, kinh truyện văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót chẳng hiểu đặng rằng Nho Giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu Tân Thế.

Sự lầm lạc ấy do đâu mà có ?

Ôi quan trường, ôi nha lại, vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn, Thiên Điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trừ mạng linh hồn mà chớ. Gớm thay ! Ghê thay !

THI:

Vương bá bửu ngôi thị ngục hình,
Thiên lao như thử tấc công khanh.
Đồ lưu Pháp phối cầm vận mạng,
Y phục đai cân thị tử thành.

THĂNG

Sau khi ông Pasquier chết thì ông Robin sang làm Toàn Quyền (1934-1936), tiếp tục đường lối cai trị của ông Pasquier để củng cố chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, để xoa dịu Đức Q. Giáo Tông, ông Robin tổ chức cuộc gặp Đức Ngài để điều đình về “tự do tín ngưỡng” của Đạo Cao Đài. Không khí lắng dịu cho đến khi Đức Ngài qui Thiên.

GHI CHÚ: Ông Paul Doumer là một chánh trị gia của nước Pháp, làm Toàn Quyền Đông Dương khoảng 7 năm (1897-1902), làm Chủ tịch Thượng Nghị Viện năm 1927, và Tổng Thống Cộng Hòa Pháp năm 1931, bị ám sát chết tại Paris năm 1932 (Theo Tự Điển Larousse).

Lúc sanh tiền, Ông có những hoạt động bất lợi cho Đạo Cao

Đài, nên sau khi chết ông có về cơ tử về rất hối hận, và cho biết là đã bị giảm kỷ 12 tuổi.

Ngày 3-8 Giáp Tuất (11-9-1934)

Phò loan : Hộ Pháp - Tiếp Thế.

Hiện diện : Q.Giáo Tông, Giáo Sư Thượng Chử Thanh.

Trích dịch ra Việt Văn :

PAUL DOUMER

... Tôi đã thiếu một bốn phần mật thiết trước khi chết, đó là không chấp thuận đúng lúc sự tự do tín ngưỡng của quý Ngài...

Sự thiếu sót bốn phần thiêng liêng ấy đối với Thượng Đế làm tôi trả giá 12 năm của đời sống của tôi...

Tôi đến chỉ nói với quý Ngài như thế.

Xin cáo biệt.

PHỤ CHÚ

I- TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, là một nền Tôn Giáo đã được Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dùng huyền diệu cơ bút sáng lập tại Việt Nam vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần, dương lịch 19-11-1926, tại tỉnh Tây Ninh.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài được ghi rõ ở phần đầu của bài Sớ Văn Thượng Tấu, nội dung như sau:

“ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt ”

Tam Giáo gồm có : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm có : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Chữ NGUYÊN có nghĩa là gốc, chữ NHỨT có nghĩa là một, nhưng cả hai chữ đều chỉ Đức Thượng Đế, vì Ngài là gốc của các nền tôn giáo, và là một ngôi Thái Cực tuyệt đối.

- Tam Giáo qui nguyên là ba nền tôn giáo đều trở về một gốc. Cái gốc đó là chơn lý tuyệt đối hằng hữu, tức là Đức Thượng Đế.

- Ngũ Chi phục nhứt là năm nhánh Đạo trở lại thành một. Một đó là Đại Đạo, mà một đó cũng là Thái Cực, tức Đức Thượng Đế.

Nói Tam Giáo qui nguyên là nói trong phạm vi Á Đông, nơi mà ba nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) được mở ra để giáo hóa nhơn sanh trong vùng này.

Nói Ngũ Chi phục nhứt là nói trên toàn thể thế giới, gồm tất cả các Tôn Giáo trong đó có Tam Giáo.

Tóm lại: Câu Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt có nghĩa là 3 nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) ở vùng Á Đông và 5 nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) ở toàn thế giới đều qui về một Gốc là Đức Thượng Đế.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài cũng đã được Quý vị Tiên Khai nói lên trong Tờ Khai Đạo gửi cho Nhà Cầm Quyền Pháp trước ngày làm Lễ Khai Đạo, nội dung tóm lược như sau.

Vốn từ trước, ở Việt Nam có ba Tôn Giáo là Thích Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo (tức Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo). Tiên Nhơn chúng ta sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các vị Chưởng Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu “ Gia vô bế hộ, lộ bất thập di ” chỉ nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến ban đêm ngủ không cần đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cơ sau đây :

1. Những người tu hành đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một, là làm lạnh lách dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa,
2. Lại canh cải mối chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chơn truyền,
3. Những dư luận phản đối nhau về Tôn Giáo mà ta thấy hằng ngày cũng tại bả vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra. Nên chi người Việt Nam bấy giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện, tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Việt Nam vì căn bản, vì tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May thay cho chúng sanh, Thiên tùng nhưn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ tại cõi Nam này. Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Ân Xá lần thứ ba. Những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy chúng ta đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tôn Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết :

-Luân lý cao thượng của Đức Khổng Tử,
-Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành, lánh dữ, thương yêu nhưn loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc ly loạn giặc giã.

Vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng 2500 năm, ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo là :

- Đức Khổng Tử : Giáo Chủ của Đạo Nho,
- Đức Phật Thích Ca : Giáo Chủ của Đạo Phật,
- Đức Lão Tử : Giáo Chủ của Đạo Tiên tức Lão Giáo.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, cách nay khoảng hơn 85 năm, để tránh sự chia rẽ giữa các Tôn Giáo, Đức Thượng Đế hiệp cả 3 Tam Giáo trên lại thành một nền Đại Đạo, lấy tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, do chính Đức Thượng Đế làm Giáo Chủ. Đức Thượng Đế giao cho Đức Phật Mẫu đảm đương công việc này, do vậy mà trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu :

Hiệp vạn chủng nhưn môn đồng mạch,
Qui thiên lương quyết sách vạn trù.
Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.

Tạm hiểu: Đức Phật Mẫu đem cái thiên tánh tốt đẹp của con người trở về với con người, rồi hiệp các chủng tộc của nhưn loại thành một nhà, cùng chung một tín ngưỡng, một Đạo, không phân biệt quốc gia dân tộc. Lấy biểu hiệu của Tôn Giáo, như

Kinh Xuân Thu của Đạo Nho, Cây Phất Chủ của Đạo Tiên, Bình Bát Vu của Đạo Phật, Đức Phật Mẫu hiệp cả ba Tam Giáo lại thành một nền Đại Đạo (tức là Qui Nguyên Tam Giáo) để tìm cho ra chơn pháp.

Do vậy mà Giáo Lý của Đạo Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý Tam Giáo và Ngũ Chi đã có từ xưa, hiệp với Thánh Giáo ngày nay của Đức CHỈ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lập thành một nền Tân Giáo Lý, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh.

Người ta tìm thấy trong giáo lý của Đạo Cao Đài có một ít giáo lý của các tôn giáo khác, như là :

- Của Phật Giáo, thì có: Ngũ Giới cấm, Giới Luật ăn chay, Thuyết Luân Hồi, về hình thức thì có dùng chuông mõ để tụng kinh,...

- Của Tiên Giáo, thì có: luyện Tam Bửu Tinh-Khí-Thần, về hình thức thì có dùng cơ bút để thông công với các Đấng Thiêng Liêng,...

- Của Nho Giáo, thì có: Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức, thờ cúng Ông Bà, về hình thức thì có Lễ Sĩ để dâng phẩm vật lên các Đấng Thiêng Liêng,...

- Của Thiên Chúa Giáo, thì có : tôn thờ Đức Thượng Đế, cách tổ chức Giáo Hội từ trung ương đến địa phương, về hình thức thì có dùng nhạc trong Thánh Đường,...

Ngoài ra, Đức Thượng Đế còn giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài một số đặc ân trong Đại Ân Xá Kỳ Ba như là : Giáo Lý về Vũ Trụ Quan và Nhơn Sinh Quan, những Bí Tích về Phép Giải Oan và Phép Độ Hồn, những Bài Kinh Tận Độ Vong Linh, v.v...

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đứng làm Giáo Chủ Đạo Cao Đài, nhưng Ngài giao quyền chưởng quản Cơ Đạo về mặt vô vi cho ba Đấng

Thiên Liêng gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm, gồm có:

-Nhứt Trấn Oai Nghiêm là Đức Lý Đại Tiên Trưởng thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên Giáo,

-Nhị Trấn Oai Nghiêm là Đức Phật Bà Quan Âm thay mặt Đức Phật Thích Ca, cầm quyền Phật Giáo,

-Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thánh Đế Quân thay mặt Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho Giáo.

Vậy Tam Trấn Oai Nghiêm là Ba Đấng có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn, thay mặt Ba Đấng Giáo Chủ cầm quyền Tam Giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ.

*Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm thủ cơ truyền Đạo, lập luật pháp nghị định chơn truyền, công thưởng tội trừng, vô tư vô vị, chấp chưởng cơ quan, tạo thời cải thế, đương kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*Đức Quan Âm Nhị Trấn Oai Nghiêm là vị Bồ Tát nghe biết được tiếng kêu cứu của chúng sanh nơi cõi trần để hiện thân đến cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh. Hầu như nhưn sanh khắp các nước Đông Nam Á đều tin tưởng và ngưỡng vọng nơi sự cứu độ nhiệm mầu của Ngài mỗi khi gặp tai biến trong mọi trường hợp. Ý nghĩa này được thể hiện trong câu thơ sau đây:

Nhứt niệm Quan Âm thùy bảo mạng.

(Bài thi về Tịch Đạo nữ phái)

Tạm hiểu: Một lần niệm danh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thì được Bồ Tát rủ lòng thương xót bảo vệ mạng sống.

Trong Quyển Luật Tam Thế có ghi là đêm 10 tháng Giêng Nhâm Thìn (5-2-1952), Bát Nương Diêu Trì Cung giáng cơ có dạy như sau :

“ Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về

Cơ Giáo Hóa cho vạn linh, ngoài ra còn có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ Độ mà Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu ”.

*Đức Quan Thánh Đế Quân Tam Trấn Oai Nghiêm đại diện cho Nho Tông Chuyển Thế. Ngài thừa mạng linh Đức Ngọc Đế giáng trần vào thời Tam Quốc. Ngài giữ trọn Tam Cang, Trung, Nghĩa, chánh trực, công bình. Đến buổi qui vị Ngài hiển Thánh, nhờ Phổ Tịnh Thiên Sư đến khai linh, nên đặng siêu thăng yết kiến Đức Thượng Đế, mới được đặc hàng phẩm Phật Đà Lam. Nay trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài nắm luật công bình, diệt trừ những kẻ tà tâm phản loạn chớ truyền phân phe lập phái.

Thờ Tam Trấn Oai Nghiêm còn có ý nghĩa là thờ ba thể tánh :
Bi, Trí, Dũng :

- Đức Quan Âm tượng trưng thể Bi: thương xót.
- Đức Lý Đại Tiên tượng trưng thể Trí: sáng suốt.
- Đức Quan Thánh tượng trưng thể Dũng: Ý chí mạnh mẽ.

TÓM LẠI: Tuy Đạo Cao Đài là một Tôn Giáo mới được khai sanh, còn non trẻ so các với nền Tôn Giáo khác, nhưng Đạo Cao Đài có được một Giáo Lý rất cao thâm mà từ trước đến giờ chưa có một Tôn Giáo nào có được, đó là nhờ vào Thánh Giáo của Đức Thượng Đế và sự thống nhất giáo lý của ba Tam Giáo lớn là Nho, Thích, Đạo, nghĩa là Đạo Nho của Đức Khổng Tử, Đạo Tiên của Đức Lão Tử và Đạo Phật của Đức Thích Ca Mâu Ni. Sự thống nhất này tưởng chừng như không thể nào dung hòa được, vì từ trước đến giờ các Tôn Giáo thường hay tranh luận sự thấp cao, hơn kém, Tôn Giáo nào cũng cho rằng Đạo mình là hơn, mà không rõ được sự huyền vi ở chỗ các Tôn Giáo đều có chung một nguồn là Đạo. Tam Qui Ngũ Giới của Phật, Tam Bửu Ngũ Hành của Tiên, Tam Cang Ngũ Thường của Thánh vẫn qui nhứt về một chữ Đạo mà thôi, nên trong

kinh Đạo Cao Đài có câu “ Một cột sanh ba nhánh in nhau”.

GHI CHÚ:

PHẬT Tam Qui : Qui y Phật, Qui y Pháp, Qui y Tăng
Ngũ Giới: Bất: Sát Sanh, Du Đạo, Tà Dâm, Tửu Nhục,
Vọng Ngữ.

TIÊN Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần.
Ngũ Hành: Kim, Mộc Thủy, Hỏa, Thổ.

THÁNH Tam Cang: Quân Thần cang, Phụ Tử cang, Phu Thê cang.

Ngũ Thường: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- Bất Sát Sanh là Nhân.
- Bất Du Đạo là Nghĩa
- Bất Tà Dâm là Lễ
- Bất Tửu Nhục là Trí.
- Bất Vọng Ngữ là Tín.

Ở Việt Nam, từ các thời Đinh, Lê, Lý, Trần đều lấy Tam Giáo Qui Nguyên làm nền tảng Quốc Học. Ngoài đời, nhân dân thờ cúng Tổ Tiên (Đạo Nho), tụng Kinh Phật và tin tưởng luật Nhơn Quả Luân Hồi (Đạo Phật), dùng Cơ Bút để thông công với các Đấng vô hình (Đạo Tiên), một số người tin vào Thầy Bùa Thầy Pháp (một biến thể của Đạo Tiên). Thế thì việc Tam Giáo Qui Nguyên đã có từ thời xưa, nhưng ngày nay Đức Thượng Đế mới lấy đó làm Giáo Lý của Đạo Cao Đài và thêm vào đó những Thánh Giáo thích hợp với thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Giáo Qui Nguyên đã được phổ truyền trong nhơn loại, nay Đức Thượng Đế qui nguyên Tam Giáo và phục nhứt Ngũ Chi, là có ý thức tỉnh nhơn loại rằng : Các Tôn Giáo hiện hữu tuy có khác nhau về hình thức, về danh từ, nhưng bên trong thì Tôn Giáo nào cũng thờ Một Đấng Cao Cả, tượng trưng Chúa Tế Càn Khôn Thống Trị vạn vật. Đó cũng là một cách bày tỏ cho

nhơn loại hiểu rằng : Cả nhơn loại tuy có khác nhau về màu da, sắc tóc, tiếng nói, song cả loài người đều là con cái của một Đấng Tạo Hóa.

Thiết tưởng cả loài người đều nhìn nhau là con một Cha thì tình tương thân tương ái sẽ được thực hiện. Như vậy lời cầu nguyện hằng ngày của người Tín Đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Tứ Nguyện Thiên Hạ Thái Bình” sẽ không còn là xa vời nữa.

II- SƠ LƯỢC VỀ TỔ CHỨC TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đức Ngọc Hoàng Thượng đế dùng huyền diệu cơ bút để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần. Chính Đức Ngài ban cho Đạo Cao Đài Pháp Chánh Truyền là Hiến Pháp của Đạo.

1.- CHÁNH THỂ ĐẠO CAO ĐÀI

Ngày 24-4-1926, trước khi làm Lễ Khai Đạo, Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy :

“ THẦY nhứt định đến chính mình THẦY độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn có nhỏ đặt để thế cho các con đi dất lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo ²⁶ ” .

Chánh Thể của Đạo là hình thức tổ chức các cơ quan để cầm quyền nền Đạo, điều hành các việc trong Đạo cho có trật tự, có hệ thống duy nhứt.

2.- TÂN LUẬT - PHÁP CHÁNH TUYÊN

Sau ngày Khai Đạo, Đức CHÍ TÔN giảng cơ ban cho Pháp Chánh Truyền, là Hiến Pháp của Đạo Cao Đài.

26- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 16.

Trong buổi đầu Khai Đạo, vâng lệnh Đức CHÍ TÔN, Quý vị Chức Sắc Tiên Khai dựa theo Pháp Chánh Truyền để soạn thảo Luật Tu cho Đạo Cao Đài, gọi là Tân Luật, rồi dâng lên cho Thiêng Liêng duyệt.

Như vậy Luật Pháp Đạo Cao Đài có hai văn kiện quan trọng nhất là : Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.

Pháp Chánh Truyền là bộ Hiến Pháp của Đạo Cao Đài do chính Đức CHÍ TÔN và Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai Nghiêm giáng cơ ban cho.

Công việc lập Pháp Chánh Truyền gồm có 3 giai đoạn:

- Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái: 20-11-26,
- Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ Phái: 10-2-1927,
- Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài: 13-2-1927.

Tân Luật là luật tu của Đạo Cao Đài, thích hợp với đà tiến hóa của Nhơn sanh ngày nay. Tân Luật duy trì các điều luật căn bản của Tam Giáo ngày xưa, đồng thời thêm vào những điều luật mới, thích hợp với thời Tam Kỳ Phổ Độ.

3.- BA ĐÀI PHÂN LẬP

Giáo Chủ của Đạo Cao Đài là Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ. Về phần vô vi, Đức Ngài giao quyền chưởng quản Cơ Đạo cho ba Đấng Thiêng Liêng gọi chung là Tam Trấn Oai Nghiêm.

- Nhứt Trấn Oai Nghiêm : Đức Lý Đại Tiên Trưởng, cầm quyền Tiên Giáo.
- Nhị Trấn Oai Nghiêm: Đức Quan Âm Bồ Tát, cầm quyền Phật Giáo.
- Tam Trấn Oai Nghiêm : Đức Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho Giáo.

Về phần hữu vi, Đạo Cao Đài được chưởng quản bởi HỘI THÁNH gồm có quý vị Chức Sắc Thiên Phong, do chính Đức

CHÍ TÔN hoặc Đức Lý Đại Tiên Trưởng thay mặt Đức CHÍ TÔN giáng cơ ban phẩm. Ban phẩm cho những Chức Sắc Thiên Phong, Đức CHÍ TÔN không phải căn cứ trên địa vị xã hội nơi mặt thế mà căn cứ trên nguyên căn của Chơn linh mỗi vị khi lãnh lĩnh Ngọc Hư Cung đầu kiếp xuống trần.

Theo Pháp Chánh Truyền, Đức CHÍ TÔN lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm có ba đài : Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

1.- Cửu Trùng Đài là phần Hữu hình, là Thể xác của Đạo, gồm có Chức Sắc Thiên Phong, Chức Việc và Tín đồ. Cửu Trùng Đài có nhiệm vụ phổ độ Nhơn sanh đưa vào cửa Đạo, đui dắt Tín đồ cho khỏi trái bước và trọn vâng theo luật lệ của Đạo. Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam Phái được chia ra làm 3 Phái:

- Phái Thái là phái Phật, phẩm phục màu vàng,
- Phái Thượng là phái Tiên, phẩm phục màu Xanh,
- Phái Ngọc là phái Nho, phẩm phục màu Đỏ.

Các phẩm Chức Sắc Cửu Trùng Đài từ cao xuống thấp gồm có: Giáo Tông, Chưởng Pháp, Đầu Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh, Chức Việc và Tín Đồ.

2.- Hiệp Thiên Đài là phần Bán Hữu hình, là Chơn thần của Đạo, gồm có những vị Chức Sắc cao cấp với hai nhiệm vụ chánh :

- Nhiệm vụ phàm trần là quản lý và bảo vệ luật pháp chơn truyền của Đạo,
- Nhiệm vụ thiêng liêng là phò cơ bút để làm trung gian giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài.

Hiệp Thiên Đài gồm có 3 chi : chi Pháp, chi Đạo và chi Thế.

- Chi Pháp nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, lo bảo hộ luật Đạo và luật Đời, gìn giữ cho Đạo khỏi qui phạm.

- Chi Đạo lo về phần Tịnh Thất và các Thánh Thất, chăm sóc chư Môn Đệ của THẦY, binh vực chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đặng.

- Chi Thế lo về phần Đời, nắm luật thế nơi tay mà dìu dắt cả chúng sanh vào cửa Đạo. Mỗi sự chi thuộc về Đời thì về quyền của Chi Thế.

Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài là Đức Hộ Pháp, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Mỗi Chi của Hiệp Thiên Đài có 4 vị Thời Quân, tính chung là 12 vị gọi là Thập Nhị Thời Quân.

3.- Bát Quái Đài là phần Vô hình, là Linh hồn của Đạo, đặt dưới quyền chưởng quản của Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ với sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

* Liên Quan Giữa Ba Đài

Cửu Trùng Đài hữu hình (Thể xác) và Bát Quái Đài vô hình (Linh hồn) liên lạc được với nhau là nhờ có Hiệp Thiên Đài bán hữu hình (Chơn thần) dùng cơ bút làm trung gian.

PHỤ CHÚ :

1.-Bộ Pháp Chánh trực thuộc Chi Pháp Hiệp Thiên Đài. Tám phẩm cấp của Bộ Pháp Chánh gồm có từ thấp đến cao là :

1. Luật Sự
2. Sĩ Tải
3. Truyền trạng
4. Thừa Sứ
5. Giám Đạo
6. Cải Trạng
7. Chưởng Ấn
8. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

2.-Cơ Quan Phước Thiện trực thuộc Chi Đạo Hiệp Thiên Đài, sau được nâng cấp lên thành Hội Thánh Phước Thiện. Thập

Nhiệm Đẳng Cấp Thiêng Liêng của Hội Thánh Phước Thiện gồm có từ thấp đến cao là:

1. Minh Đức
2. Tân Dân
3. Thính Thiện
4. Hành Thiện
5. Giáo Thiện
6. Chí Thiện
7. Đạo Nhơn
8. Chơn Nhơn
9. Hiền Nhơn
10. Thánh Nhơn
11. Tiên Tử
12. Phật Tử

3.- Ban Thế Đạo được Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập ra ngày 07-01-1954. Ban Thế Đạo trực thuộc Chi Thế Hiệp Thiên Đài, có bốn phẩm Chức Sắc từ thấp đến cao là:

Hiền Tài,
Quốc Sĩ
Đại Phu
Phu Tử.

III- THỜ VÀ CÚNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

1.- TÔN CHỈ ĐẠO CAO ĐÀI

Mở đầu bài Sớ Văn Thượng Tấu, có các hàng chữ như sau :

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Bát Thập Bát Niên)

TAM GIÁO QUI NGUYÊN NGŨ CHI PHỤC NHỨT

Hàng chữ trên cho biết tôn chỉ của Đạo Cao Đài là “ Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt ”

Tam Giáo gồm có : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm có : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Do theo Tôn Chỉ đã đặt ra, trên Thiên Bàn hoặc Bửu Điện thờ trong Đạo Cao Đài, có hình vẽ hoặc Long Vị tượng trưng cho:

- Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ,
- Các Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo,
- Các Đấng đại diện cho Ngũ Chi Đại Đạo.

* Kinh Nhứt Tụng mà người Tín Đồ Cao Đài đọc để cúng hằng ngày có nội dung chánh là xưng tụng công đức của Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ và các Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo

2.- CÁCH THỜ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Trên Thiên Bàn hoặc Bửu Điện thờ trong Đạo Cao Đài, có hình vẽ hoặc Long Vị tượng trưng cho các Đấng Thiêng Liêng như sau:

* Trên hết là **THIÊN NHÃN** tượng trưng cho Đức **CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ**.

* Kế đến là **Ba Đấng Giáo Chủ** của Tam Giáo:

- Đức Phật Thích Ca, Giáo Chủ Đạo Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ
- Đức Lão Tử, Giáo Chủ Đạo Tiên thời Nhị Kỳ Phổ Độ,
- Đức Khổng Tử, Giáo Chủ Đạo Nho thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

* Tiếp theo là **Ba Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm** thay mặt Ba Đấng Giáo Chủ cầm quyền Tam Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ:

- Nhứt Trấn : Đức Lý Đại Tiên Trưởng cầm quyền Tiên Giáo,
- Nhị Trấn : Đức Phật Bà Quan Âm cầm quyền Phật Giáo,
- Tam Trấn : Đức Quan Thánh Đế Quân cầm quyền Nho Giáo.

* **Các Đấng đại diện Ngũ Chi Đại Đạo** gồm có:

- . Đức Phật Thích Ca đại diện Phật Đạo,

- . Đức Lý Đại Tiên đại diện Tiên Đạo,
- . Đức Chúa Jêsus Christ đại diện Thánh Đạo,
- . Đức Khương Thượng đại diện Thần Đạo,
- . Ngôi Giáo Tông Đại Đạo đại diện Nhơn Đạo.

3.-KINH NHỰT TỤNG

Kinh nhựt tụng trong Đạo Cao Đài được gọi là Kinh Cúng Tứ Thời, vì mỗi ngày cúng bốn thời, vào các thời : Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, tức 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, và 6 giờ chiều. Thường ngày cúng Tứ Thời Đức Chí Tôn, người Tín Đồ Cao Đài tụng các bài sau đây :

1.-Niệm Hương.- Trong bài Niệm Hương, Đồng Đạo dâng hương để cung thỉnh Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giáng xuống chứng kiến buổi lễ và ban ân điển cho Đàn Cúng.

2.-Khai Kinh.- Bài Khai Kinh là bài mở đầu cho 4 bài Kinh quan trọng gồm có Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế và 3 bài Kinh Tam Giáo. Bài Kinh còn đặt vấn đề về giáo lý Tam Giáo (Nho,Thích,Đạo) : Đức Khổng Thánh dạy đạo Trung Dung, Đức Phật dạy lòng Từ Bi, còn Đạo Tiên thì dạy phép Tu Chơn.

3.-Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế : Nội dung bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế xưng tụng công đức của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế : Là Đấng Vua Trời chưởng quản cõi Vũ Trụ bao la vô tận, Đức Thượng Đế sanh hóa và nuôi dưỡng các loài sinh vật, thống lãnh và cai trị vạn vật một cách ổn định.

4.-Kinh Thích Giáo : Nội dung bài Kinh Thích Giáo xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Giáo Chủ Đạo Phật thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

5.-Kinh Tiên Giáo : Nội dung bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân, Giáo Chủ Đạo Tiên thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, và của Đức Lão Tử, Giáo Chủ Đạo Tiên Thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

6.-Kinh Nho Giáo : Nội dung bài Kinh Nho Giáo xưng tụng công đức của Đức Văn Xương Đế Quân và Đức Khổng Khánh Tiên Sư là Giáo Chủ Đạo Nho thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

7.-Dâng Tam Bửu.- Đức Hộ Pháp thuyết đạo, có dạy như sau: “Trong một thời cúng, Bần Đạo đã căn dặn nhiều phen, trọng hệ hơn hết là khi Dâng Tam Bửu. Dầu cho tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi Dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thần mật niệm dâng Ba Bửu trọng hệ cho CHÍ TÔN,...”²⁷ .

Dâng Tam Bửu là Dâng Hoa, Rượu và Trà lên Đức Chí Tôn .

- Hoa tượng trưng cho TINH tức Mảnh hình hài,
- Rượu tượng trưng cho KHÍ tức Chơn thần,
- Trà tượng trưng cho THẦN tức Linh hồn.

*Dứt bài Dâng Hoa, cúi đầu cầu nguyện Đức Chí Tôn : “Con xin dâng Mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

*Dứt bài Dâng Rượu, cúi đầu cầu nguyện Đức Chí Tôn : “Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

*Dứt bài Dâng Trà, cúi đầu cầu nguyện Đức Chí Tôn : “Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Xong, niệm tiếp: “Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài của con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”²⁸Trí Não (hay Trí thức và Tinh Thần) tượng trưng cho Chơn Thần.

* Kế đến là phần Dâng Sớ, xong tụng Ngũ Nguyện.

8.-Ngũ Nguyện.- Chữ Nguyện trong hai câu đầu phải được

27- *Quyển Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trang 23.*

28- *Bí Pháp - Lời dạy của Đức Hộ Pháp, trang 89-90.*

hiểu theo nghĩa tích cực là mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được. Chử Nguyên trong ba câu sau được hiểu theo nghĩa tiêu cực là cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Có thể hiểu bài Ngũ Nguyên như sau:

- Con quyết tâm làm cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được mở mang rộng khắp, và cứu giúp tất cả chúng sanh được giải thoát.

- Con cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội cho chúng con, phù hộ cho tất cả chúng sanh được sống yên ổn hòa bình, phù hộ toàn cả Hội Thánh và tín hữu đều được an ninh.

4.-LỜI DẠY CỦA ĐỨC QUAN ÂM BỒ TÁT.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy Quý vị Chức sắc Tiên khai như sau :

“ Các em phải lo cúng kiếng thường.

- Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh ... (TNHT.II.193 - in năm 1972).

IV- LỜI MINH THỆ

1.- NỘI DUNG LỜI MINH THỆ

Bước đầu tiên để một người thường trở thành Tín Đồ Cao Đài là phải Nhập Môn Cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng có giá trị tâm linh rất quan trọng. Người xin nhập môn phải quì trước Bàn Thờ Đức CHÍ TÔN (Đức THƯỢNG ĐẾ) dưới sự hướng dẫn của một vị Chức Sắc hay Chức Việc và đọc lên lời minh thệ như sau:

Tên gì ? ... Họ gì ? ...

“Thề rằng : Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục ”.

Lời Minh Thệ trên được Hiền Tài Bác Sĩ Bùi Đắc Hùm dịch ra Anh Ngữ, cũng gồm 36 chữ, như sau :

I, (name) ,

“Vow that from now on, I will follow the CaoDai faith Unswervingly, united harmoniously with all disciples and following CaoDai laws. If I change my mind, I will be destroyed by the Sky and the Earth.”

- Lời Minh Thệ trên do chính Đức Chí Tôn dạy cho, chớ không phải do Hội Thánh đặt ra, cho nên Lời Minh Thệ có hiệu quả thiêng liêng rất quan trọng.

- Lời Minh Thệ gồm có 36 chữ, in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I (trang 15 – in năm 1972). Con số 36 là bội số của 12, mà số 12 là số riêng của Đức CHÍ TÔN.

- Người Tín đồ Cao Đài giữ trai kỳ 10 ngày thì khi qui vị sẽ được hưởng trọn vẹn Kinh Tận Độ, được làm Phép Xác để tẩy trừ Chơn Thần, được hưởng phép Đoạn Căn để cắt đứt 7 Dây Oan Nghiệt cho Chơn Thần dễ dàng lìa khỏi xác trần, và được hưởng phép Độ Thăng để đưa Chơn Thần lên cõi thiêng liêng hầu được xét công ban thưởng.

Bước vào cửa Đạo, người Tín đồ Cao Đài đọc lời minh thệ với 36 chữ. Khi đã lập đủ công đức, công viên quả mãn, Linh Hồn được lên 36 tầng Trời để rồi được đưa vào Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức CHÍ TÔN, như lời dạy của các câu kinh sau đây :

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

... ..

Tiên phong Phật cốt mỹ miều,

Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều CHÍ LINH.

2.- Ý NGHĨA LỜI MINH THỆ

Ngày 27-1 Tân Mão (04-3-1951), Hội Thánh có ban hành một văn bản chánh thức dẫn giải về Lời Minh Thệ, đại ý như sau:

Ý nghĩa Lời Minh Thệ trên là: Lời tuân hứa nhứt quyết cùng Đấng Thượng Đế, để trọn tâm thi hành Thiên Đạo và cam kết làm tròn phận sự y theo Lời Minh Thệ.

Điều thứ nhứt: Biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế,

Là trọn nhìn nhận Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn, ngoài ra không đặng xu hướng theo ngoại giáo, tà quyền, lập nên phe đảng, chia rẽ tâm lý, gây nên rắc rối chia ly làm mất đức tin trong cửa Đạo.

Điều thứ nhì: Hiệp Đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài,

Là phải hòa hợp với Đồng Đạo để cùng nhau gìn giữ luật lệ của Đức Chí Tôn lập ra, gồm có : Tân Luật, Đạo Luật, Pháp Chánh Truyền,... và thi hành các qui điều giáo huấn của Hội Thánh để làm tròn phận sự mình.

Điều thứ ba: Như sau có lòng hai thì Thiên Tru Địa lục.

Là nếu về sau ăn ở hai lòng, dối Thầy phản bạn, làm những việc trái với luật lệ của Đại Đạo, hiềm khích giữa tình đồng đạo và manh tâm bội nghịch cùng Hội Thánh, thì sẽ chịu luật công bình của Trời Đất tru giết (giết phạt).

Ghi Chú: Tru là giết chết, Lục cũng là giết chết.

Thiên tru Địa lục: Trời giết Đất giết, không thể chạy trốn đâu cho khỏi bị giết chết.

3.- ÍCH LỢI CỦA VIỆC MINH THỆ

Việc Môn Đệ lập Minh Thệ là rất quan trọng. Về mặt hữu hình, nó chứng tỏ người cầu đạo quyết tâm tu hành, tự nguyện giữ

đúng giới luật của Đạo ; về mặt thiêng liêng, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật mới nhìn nhận người đó là Môn Đệ của Đức Chí Tôn, nên mới hộ trì trên bước đường tu niệm.

Xin ghi lại đây một đoạn Thánh Giáo có liên hệ đến việc Minh Thệ.

Ngày 1-7 Bính Dần (9-8-1926, trước ngày Khai Đạo), Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy như sau :

“Thơ, con dắt mấy em đi Cần Giuộc, vì Tà Mị muốn nhiều hại Môn Đệ Thầy ở dưới. Quan Thánh và Quan Âm đợi các con xuống ... Đi lập tức ”.

(Các Ngài Thơ, Hậu, Nghĩa, Trùng, Cư, Tắc, Sang xuống tới Cần Giuộc hồi 1 giờ rưỡi, vì không thấy sự chi động tịnh cần kíp nên trì huấn cho tới 3 giờ chiều mới cầu Thầy mà nghe dạy).

TÁI CẦU (lần thứ nhì)

Mấy đứa nhỏ chơi hoài há ?

Thầy biểu xuống đây dựng có việc cần, mà các con trì huấn, thì không biết có phải nghịch với Thánh Ý Thầy không há ?

(Ngài Thơ, lạy Thầy từ bi thứ tội ...)

Thơ, không phải lỗi nơi con đâu.

Tương, con tức cấp đòi cho cả mấy em con là Môn Đệ Thầy hội cho đủ mặt.

Thơ, con ngồi đại tịnh, đừng tối nay nghe Thầy dạy việc.

TÁI CẦU (lần thứ ba)

“ Hỉ chư Môn Đệ ... Các con nghe Thầy dạy :

Tương, con không hiểu ngày nay là thế nào ?

Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cả thấy đều nao động cũng vì các con. Quỷ Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác ; chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con ; nên Thầy sai Quan

Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con; nhưng phần đông chưa lập Minh Thệ, nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận.

Vì vậy, Thầy sai mấy đứa nhỏ xuống đặng chung hiệp cùng con, mà tức cấp lập thành, và luôn dịp phong Thiên Ân cho Tương, Kim và Thơ ... Vậy con phải kêu chúng nó hội đủ mặt đêm nay”.

TÁI CẦU (lần thứ tư)

Trong Tam Kỳ Phổ Độ và Qui Tam Giáo này,

- Phật thì có Quan Âm,
- Tiên thì có Lý Thái Bạch,
- Thánh thì có Quan Thánh Đế Quân Khai Đạo.

Vậy con lập đủ ba Trấn chứng đàn ; con phải lập bàn Ngũ Lôi, như Thầy dạy lúc trước ; phải có bùa Kim Quan Tiên, còn con viết bùa Giám Ma Xử để bàn vọng Hộ Pháp ; rồi Cờ chấp bút nhang cho Thầy triệu Ngũ Lôi đến ; rồi nó xuống đứng gần bàn Hộ Pháp với Tắc và Sang ; còn mấy đứa nhỏ phò loan đứng vòng theo đó.

Con biểu Tương, Kim, Thơ thề y như buổi trước; chư Môn Đệ thề như buổi Thiên Phong. Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới đặng, vì có cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chứng đàn.

(Sau buổi lễ Minh Thệ, Ba Đấng Tam Trấn là Đức Lý, Đức Quan Âm và Đức Quan Thánh, đều về cơ ban cho thơ, mỗi Vị ban một bài thơ Tứ Tuyệt).²⁹

Ghi Chú: Ngũ Lôi là năm vị Lôi Công, tức là năm vị Thần coi về sấm sét.

29- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 31-34 - in năm 1972.*

V- ĐẠI ÂN XÁ KỶ BA

Trước khi đi vào chủ đề, chúng tôi xin nói qua về ý nghĩa của hai từ ngữ Nguơn và Chuyển.

Nguơn và Chuyển là hai từ chỉ những khoảng thời gian rất dài trong sự hình thành Càn Khôn Vũ Trụ và sự tiến hóa của Nhơn loại. Mỗi chuyển được chia thành 3 Nguơn : Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn.

Tam Chuyển	Thượng Nguơn
	Trung Nguơn
	Hạ Nguơn
Tứ Chuyển	Thượng Nguơn
	Trung Nguơn
	Hạ Nguơn

Theo giáo lý Cao Đài, Nhơn loại hiện đang ở vào Hạ Nguơn của Chuyển thứ ba tức là vào Hạ Nguơn Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Như vậy, quả địa cầu 68 của Nhơn loại chúng ta hiện nay đã trải qua 3 Chuyển : Nhứt Chuyển, Nhị Chuyển và Tam Chuyển. Khi đến Đại Hội Long Hoa và lập đời Thánh Đức thì bắt đầu Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Quả địa cầu 67 đứng trên quả địa cầu của chúng ta một bậc đã trải qua 7 Chuyển nên tiến hóa hơn quả địa cầu của chúng ta rất nhiều, do đó, Đức Chí Tôn có nói: “ Đứng bậc Đế vương nơi trái địa cầu này chưa bằng vào bậc chót nơi trái Địa cầu 67³⁰ ”

Bây giờ chúng tôi xin tìm hiểu: Tại sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ

30- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 60 - in năm 1972.

Độ, tức Đạo Cao Đài, được gọi là Đại Ân Xá.

Đức Thượng Đế mà người Tín Đồ Cao Đài thường gọi là Đức Chí Tôn, với lòng Từ Bi tha thiết, thương con cái của Đức Ngài, không nỡ để cho chìm đắm trong sông mê bể khổ, nên cuối mỗi Ngươn Hội, Đức Ngài đều có mở một kỳ Phổ Độ để cứu vớt Nhơn Sanh và rước các Nguyên Nhơn xuống trần, trở về ngôi vị cũ.

Như thế trong mỗi kỳ Phổ Độ đều có mở một cuộc ân xá, mở cửa dễ dàng cho các Đấng Chơn Hồn có đủ phương lập vị. Chỉ trong hai tiếng Phổ Độ cũng đủ cho thấy rõ ý nghĩa của cuộc ân xá : Phổ là phô trương bày bố ra cho mọi người đều biết, còn Độ là độ rồi cứu vớt sanh chúng cho thoát khỏi chốn u ám tối tăm sa đọa để đem về cảnh thanh nhàn hạnh phúc.

- Cuối đời Thượng Ngươn cách nay khoảng 6000 năm, Đức Chí Tôn cho mở Nhất Kỳ Phổ Độ với các Đấng Giáo Chủ là : Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Thái Thượng Đạo Quân, Đức Văn Tuyên Đế Quân, ...

- Cuối đời Trung Ngươn cách nay khoảng hơn 2500 năm, Đức Chí Tôn cho mở Nhị Kỳ Phổ Độ với các Đấng Giáo Chủ là : Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Gia Tô Giáo Chủ ...

- Cuối đời Hạ Ngươn cách nay khoảng 85 năm, Đức Chí Tôn cho mở Tam Kỳ Phổ Độ với một tôn giáo duy nhất là Đạo Cao Đài, do chính Đức Ngài làm Giáo Chủ. Giáo Lý của Đạo Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý Tam Giáo và Ngũ Chi đã có từ xưa, hiệp với Thánh Giáo ngày nay của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lập thành một nền Tân Giáo.

Như vậy thì mỗi kỳ đều có một cuộc Ân Xá, nhưng tại sao trong Tam Kỳ Phổ Độ lại gọi là Đại Ân Xá tức là một cuộc ân xá lớn ?

Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ ba nầy ngoài việc ban cho Kinh Tận Độ người sống và luôn cả Chơn Hồn người chết (nghĩa là Độ Sinh và Độ Tử), còn ban cho những Bí Pháp về Tắm Thánh, Giải Oan, Phép Hôn Phối, các Bí Tích về Phép Độ Hồn. Đức Chí Tôn còn dạy Đức Hộ Pháp tạo thuyền Bát Nhã và sắp đặt Nghi lễ Chèo Thuyền.v...v...

Với lòng Từ Bi vô biên vô lượng, Đức Chí Tôn còn cho linh đóng cửa Địa Ngục, bãi bỏ hết những khổ hình đã đặt để từ xưa đến giờ nơi Thập Điện Diêm Cung, để cho các Chơn Hồn kể từ nay, chiếu luật vay trả, phải chịu luân hồi vay vay, trả trả ở tại mặt thế nầy cho đến khi nào sạch hết oan khiên thì sẽ đặng ân thưởng.

* Trong bài Kinh cúng Đức Phật Mẫu có đoạn như sau :

Trùng Huân phục vị Thiên môn,
Ngươn Linh hóa chủng, quỷ hồn nhứt thẳng.
Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.
Vô Địa Ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.

- Trong câu thứ nhứt đoạn kinh nầy dùng chữ trùng huân chớ không có dùng chữ tuần huân, Bà Bát Nương Diêu Trì Cung cho biết là theo hai kỳ Phổ Độ trước thì các Chơn Hồn tuần huân, tức là tuần tự trước sau tùy duyên, tùy phận mà trở về, còn trong tam kỳ Phổ Độ thì Đức Chí Tôn cho về chung một lượt nên mới dùng chữ trùng huân tức là về trùng với nhau.

- Câu thứ nhì “Ngươn Linh hóa chủng, quỷ hồn nhứt thẳng” chỉ rõ là đầu cho Nguyên Nhơn, Hóa Nhơn hay Quỷ Nhơn đều cho đi lên hết không phân biệt hạnh cao hay thấp.

- Câu thứ ba và thứ tư :

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.

Chỉ rõ là từ đây không còn cảnh siêu đọa của các Chơn Hồn, căn quả của mỗi người tạo ra trong mỗi kiếp sanh đã có luật định sẵn là phải chịu nhơn kiếp lưu oan tức là tùy nhơn kiếp mà phải vay trả cho đến khi trả cho sạch hết oan khiên, bằng không thì các oan gia nghiệp quả cứ lưu chuyển mãi thế thôi, hễ tạo nhơn lành thì sẽ hưởng quả lành, còn tạo nhơn ác dữ thì phải trả quả ác và dữ. Nói như vậy có nghĩa là không còn khổ hình cửa xẻ như hồi Nhị Kỳ Phổ Độ nơi cõi Địa Ngục như ở Âm Phủ nữa, mà Địa Ngục sẽ ở tại Trần Gian này để cho mỗi Chơn Hồn phải chịu khổ hình vay trả ở mặt thế này mà thôi.

- Câu thứ năm : “ Vô địa ngục vô quỷ quan” đã nói một cách rõ ràng là trong Tam Kỳ Phổ Độ này không còn Địa Ngục và cũng không còn Quỷ Quan mà tiếng thông thường gọi là Quỷ Sứ, tức là những nhơn viên của Âm Phủ có phận sự tra khảo đánh đập, hành hà các hồn có phạm tội lỗi.

- Qua đến câu chót đã nói : “Chí Tôn Đại xá nhưt trường qui nguyên” thì chỉ rõ Đức Đại Từ Phụ mở Đại Ân Xá cho toàn thể chúng sanh và điu dắt con cái của Ngài trở về hội hiệp cùng Ngài.

Hai tiếng Đại Xá trong đoạn kinh này chỉ rõ cho ta biết tại sao Tam Kỳ Phổ Độ lại được gọi Đại Ân Xá kỳ ba.

Ngoài ra, chẳng những cho đóng cửa Địa Ngục, mà đồng thời Đức Chí Tôn còn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những người đầy đủ công đức đắc đạo trở về hội hiệp cùng với Chí Tôn, như lời dạy sau đây trong bài Kinh Giải Oan:

Đóng Địa Ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương.

Và trong bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp hối :

Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo nhơn,
Phước Linh khai mở nẻo đường Lợi Âm.

Thật ra, trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cũng có cho ân xá, nhưng chỉ đến một mức nào chớ không có mở quá rộng rãi như kỳ Đại Xá này. Trong hai kỳ trước, Đức Chí Tôn mở cơ Phổ Độ để cứu vớt và độ rỗi các Chơn Hồn biết thức tỉnh quày về nẻo chánh, chớ không phải như trong Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn đã ban cho nhơn loại một đặc ân chưa từng có. Từ thử đến bây giờ chưa có lần nào mà Đức Chí Tôn mở rộng cửa như buổi Tam Kỳ Phổ Độ này.

* Cũng trong bài Kinh cúng Đức Phật Mẫu có đoạn :

Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã,
Phước Từ bi giải quả trừ căn.

- Hai câu Kinh này cho biết: Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn đem thuyền Bát Nhã vào trong biển khổ để cứu vớt nhơn sanh, đồng thời ban cho phước đức và lòng từ bi để giải trừ căn xưa quả cũ. Hàm ý rằng: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng điển dẫn dắt các Vị Tiên Khai mở Đạo Cao Đài để giúp chúng sanh tu hành đắc đạo, thoát khỏi vòng luân hồi, giống như Phật Mẫu đem Thuyền Bát Nhã đến chở chúng sanh vượt qua biển khổ.

* Thêm nữa trong bài Kinh Giải Oan có đoạn:

May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương.

Theo hai câu đầu thì nhơn loại rất may mắn gặp thời kỳ này được Đức Chí Tôn chan rưới Hồng Ân bằng cách truyền cho Bí Pháp Giải Oan để rửa sạch tội tiền khiên của mình từ trước. Phép này cũng là một Đại Ân Xá những tội trước, nhưng từ ngày nhập môn trở về sau thì phải ráng giữ đừng gây thêm tội mới cho đến ngày chết, tức là ngày trở về với Đức Chí Tôn “Đại Từ Phụ”.

Một đặc ân rất lớn nữa là trong Tam Kỳ Phổ Độ, chúng sanh chỉ cần “ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng”. Những người không có tín ngưỡng tôn giáo, nhưng làm đủ bốn phận người, công bình chánh trực, khi Chơn Hồn xuất ra khỏi thể xác thì được chuyển kiếp lần lượt theo các nấc thang tiến hóa mà Đấng Thượng Đế đã dạy trong một bài Thánh Giáo, nghĩa là phải luân hồi tái kiếp và tiến hóa lần lượt theo 72 Địa Cầu, lên 3000 Thế Giới, qua khỏi Tam Thiên Thế Giới mới đến Tứ Đại Bộ Châu. Qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên. Như vậy “thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy; nên Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhóm loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng”³¹

Đối với Tín Đồ Cao Đài giữ tròn Luật Đạo thì, sau khi chết, Chơn Hồn được hưởng đầy đủ Kinh Tận Độ và được thọ truyền Bửu Pháp, tức là được hưởng các Bí Tích của Phép Độ Hồn gồm có :

- Phép Xác để tẩy trừ Chơn Hồn bằng nước Cam Lô,
- Phép Đoạn Căn để cắt đứt bảy dây oan nghiệt, giúp cho Chơn Hồn dễ dàng lìa khỏi xác trần,
- Phép Độ Thăng để đưa Chơn Hồn vào cõi Hư Linh.

*Ngoài ra, các Chơn Hồn từng nơi Chơn Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một khi xuất lìa khỏi thể xác thì được phép của Lục Nương Diêu Trì Cung và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đưa phước linh dẫn đường đi, khỏi sợ lạc đường vào Bích Du Cung hay Tam Thập Lục Động của Quỷ Vương, để đi thẳng về với Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, như ý nghĩa của các câu trong bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp hối :

Diêu Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo nhơn,

31- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 61.- in năm 1972.*

Phước Linh khai mở nẻo đường Lôî Âm.

Và có thêm đoạn sau này :

Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ vong.

Cuối cùng Chơn Hồn được đến bái kiến Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn, tùy theo công nghiệp mà được thưởng phẩm trật thiêng liêng, thoát khỏi vòng luân hồi.

Như vậy, chỉ cần một kiếp tu theo Đạo Cao Đài là đủ trở về cùng với Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn.

Với những nhận xét trên, chúng tôi thấy rõ ràng trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã mở một cuộc Ân Xá vĩ đại mà thường gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba để tận độ chúng sanh. Ngoài ra, Đức Chí Tôn còn ban cho người Tín Đồ Cao Đài một ân huệ lớn là con cháu có thể lấy công quả hành đạo để cứu độ ông bà cha mẹ, như Tiên Nương Đoàn Thị Điểm đã dạy trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu :

Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.

Trong lúc Người Tín Đồ Cao Đài còn sanh tiền tại thế này thì Đức Chí Tôn dùng đủ mọi phương diện để độ rỗi và điều dẫn cho được sống nên Đạo, và khi chết rồi thì có đủ Kinh Tận Độ cùng những Bí Pháp để rửa tội và đưa Linh Hồn đi đến nơi đến chốn.

Ai là người hữu duyên, hữu phước được sanh vào thời kỳ này khá sớm mau thức tỉnh quay đầu hướng thiện về cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để được hưởng Hồng Ân của Đức Chí Tôn trong muôn ngàn năm một thuở, nếu để lỡ trễ kỳ Đại Ân Xá này thì không biết mấy muôn ngàn kiếp nữa mới đặng hưởng một lần.

VI- Ma-Ha Thủy PHÉP GIẢI OAN

Phép Giải Oan là một Bí Truyền Chơn Pháp rất mầu nhiệm mà Đức Chí Tôn truyền cho Đức Hộ Pháp, và Đức Hộ Pháp truyền lại cho một số Chức Sắc Thiên Phong hành pháp để hỗ trợ cho công cuộc hành đạo và phổ độ nhơn sanh.

Phần lớn nội dung của bài này được dựa theo quyển Bí Truyền Chơn Pháp của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh.

1.- MA-HA THỦY

Ma-Ha Thủy hay Nước Ma-Ha là một loại nước rất linh diệu, do quý vị Chức Sắc hành pháp làm phép luyện thành, để dùng trong hai bí tích: Tắm Thánh và Giải Oan.

Theo nghĩa đen, Ma-Ha Thủy là nước của con sông rất lớn bên Ấn Độ, gọi là sông Gange, hay sông Hằng Hà. Người ta cho rằng con sông này rất linh thiêng, vì trước kia Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta theo lời dạy của Bồ Tát, đã đến bờ sông này tắm để tẩy trần đạt đạo (Ma-Ha có nghĩa là lớn).

Kể từ ngày tắm nước sông Gange rồi thì mỗi phen trì định xuất thần, Ngài mới đến đặng gần chư Phật, nhập vào đặng Tây Phương Cực Lạc. Ấy là nhờ phép giải oan mà đạt vị.

Như vậy, trước khi đắc quả thành Phật, Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta đã đến sông Gange để tắm nước sông mà tự giải oan.

Đối với Đức Chúa Jêsus cũng vậy, trước khi đắc quả, Ngài cũng phải thọ pháp Giải Oan. Khi được 30 tuổi, Đức Chúa có đến thọ pháp Giải Oan nơi Thánh Jean Baptiste tại bờ sông Jourdain. Khi Thánh Jean hành pháp xong, Đức Chúa từ dưới sông đi lên bờ thì trên không trung hiện ra hào quang sa xuống giữa đầu Chúa và có tiếng phán rằng : “ Này con yêu dấu của TA ! Cả ơn đức của TA để cho người đó ”.

Như vậy, trước khi đấng Chúa Cứu Thế, Đức Chúa Jêsus Christ cũng đã đến sông Jourdain để thọ phép Giải Oan nơi Thánh Jean Baptiste.

2.- PHÉP GIẢI OAN

Phép Giải Oan là một Bí Tích rất quan trọng, giúp cho người Tín Đồ Cao Đài được dễ dàng trong việc tu hành.

Làm người nơi cõi trần mấy ai tránh khỏi nhiễm trần, vì lục đục thất tình mà gây ra nhiều oan nghiệt. Do đó, sau khi một tín đồ đã được lập thế nhập môn rồi thì phải nhờ một vị Chức Sắc hành pháp làm Phép Giải Oan. Phép Giải Oan là một Bí Truyền Chơn Pháp rất linh nghiệm do Đức Hộ Pháp truyền lại cho Chức Sắc hành pháp để làm phép xin Đức Chí Tôn tha thứ cho cởi bỏ tất cả các oan nghiệt của nhiều kiếp trước ; nếu không nó sẽ báo ứng gây ra nhiều tai họa cho cuộc sống hiện tại, có ảnh hưởng rất nhiều đến việc tu hành .

Trong quyển Thiên Đạo, trang 106 (bản in tại Hoa Kỳ), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết về Đại Ân Xá như sau:

“Mỗi kỳ khai đạo là mỗi lần Đức Chí Tôn đại ân xá, nghĩa là ban cho những người vào đạo một ân huệ lớn lao là bôi xóa tất cả tội lỗi của họ đã làm từ mấy kiếp trước. Nhờ vậy người tu mới được rảnh nợ tiền khiên, ra khỏi vòng nhơn quả, chỉ lo lập công bồi đức và trau dồi đạo hạnh cho hoàn toàn là đấng đạo trong một kiếp tu.

Hạ Ngươn này, Đức Chí Tôn khai đạo kỳ ba, nên mới có đại ân xá kỳ ba (troisieme Amnistie de Dieu). Phép “giải oan” và phép “bí tích” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được đem ứng dụng theo sự ban hành luật đại ân xá đó”.

Việc hành Phép Giải Oan cũng gồm có hai giai đoạn :

- Luyện Nước Ma-Ha (Ma-Ha Thủy)

- Dùng Ma-Ha Thủy để hành pháp Giải Oan.

Kinh Giải Oan nói về ý nghĩa của phép Giải Oan, được Đồng Nhi đọc lên trước khi vị Chức Sắc hành pháp.

Sau đây là vài câu tiêu biểu nói lên ý nghĩa của Phép Giải Oan:

Chịu ô trước Chơn thần nặng trĩu
Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm.
Phong trần quen thú cung âm,
Cảnh thặng ngơ ngẩn lạc lằm Phong Đô.
Khối trái chủ nhân lo vay trả,
Mối gây nên nhân quả nợ đời.
Rảnh mình đâu đặng thanh thời,
Thiên Cung lối lối chơi với cõi trần.
May đặng gặp hồng ân chan rưới
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

a.- Luyện Nước Ma-Ha

Múc một tô nước để trước Thiên Bàn, vị Chức Sắc hành pháp đứng trước tô nước, định thần ngó ngay lên Thiên Nhãn, rồi hành pháp biến nước trong tô thành Ma-Ha Thủy. Khi nào vị Chức Sắc nhắm mắt định thần, thấy Thiên Nhãn giáng trên mặt nước thì nước Ma-Ha đã luyện xong.

Sách có dạy: Ma-Ha Thủy năng hủy oan nghiệt tội chuồng chi đọa.

b.- Hành Pháp Giải Oan.

Cầm tô nước Ma-Ha nơi tay mặt, đến trước mặt người được giải oan, biểu cúi đầu xuống, lấy mặt vẽ chữ bùa ngay Nê Hoàn Cung. Vừa vẽ xong liền chụp 5 ngón tay trái lên trên mỏ ác, gọi là ấn Ngũ Hành Sơn, vừa chụp vừa niệm câu chú này “Úm-Ma-Ni Bát-Ri-Hồng”. Đoạn cầm tô nước đổ một giọt xuống mỏ ác mà niệm “Nam Mô Phật”, đổ giọt thứ nhì niệm “Nam Mô Pháp”, rồi trút hết tô nước lên đầu và niệm “Nam

Mô Tăng, Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.
Phép Giải Oan đã hoàn tất.

Người được giải oan lạy Đức Chí Tôn 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm câu chú của Thầy “ Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Xong đứng dậy xá 3 xá

Sự linh diệu của Phép Giải Oan được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các bài Kinh Tận Độ, nội dung như sau :

Kinh Giải Oan:

May gặp đặng hồng ân chan rười,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối:

Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ vong.

Kinh Hạ Huyệt:

Phép Giải Oan độ hồn khỏi tội,
Phước tiêu diêu nắm mỗi trường sanh.

... ..

Nhờ Hậu Thổ xương tòn gìn giữ,
Nghĩa CHÍ TÔN tha thứ tiền khiên.

Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu :

Sấp mình cúi lạy Từ Bi,
Tiền khiên phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.

Kinh Cầu Bà Con và TBCHĐQL :

Ớn Tạo hóa tha tiền khiên trước,
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 96:

Nước mắt chưa lau cơn kiếp trái,
Có công phổ độ giải tiền khiên.

Đó là những câu kinh nói lên ý nghĩa huyền diệu của Phép Giải Oan, một ân huệ rất lớn cho người Tín Đồ Cao Đài trong Đại Ân Xá Kỳ Ba này.

VII- Cam Lô Thủy PHÉP ĐỘ HỒN

Thực hành Lễ Tang, trước khi hành Lễ Động Quan, trong lúc tụng Kinh Cầu Siêu đợt 2, nếu người chết giữ trai giới đúng theo Luật Đạo, Hội Thánh có cho phép một Vị Chức Sắc Hành Pháp đến làm Phép Độ Hồn, giúp cho Chơn Hồn được thanh khiết nhẹ nhàng, dễ dàng lìa khỏi xác phàm và nương theo Bí Pháp của Đạo mà trở về cõi thiêng liêng.

Phép Độ Hồn là một Bí Truyền Chơn Pháp của Đạo Cao Đài dùng để độ cho Chơn Hồn của những vị Tín Đồ Cao Đài vào cõi Hư Linh.

Việc Hành Pháp Độ Hồn gồm có 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Vị Chức Sắc hành pháp dùng nhánh dương liễu rải nước Cam Lô lên xác chết (đang nằm trong quan tài) để tẩy trừ Chơn Hồn, rửa sạch trước kiếp ô sinh oan nghiệt tội chướng chi đọa để cho Chơn Hồn được thanh khiết nhẹ nhàng trở về cõi thiêng liêng. Giai đoạn này được gọi tên là Phép Xác.

Giai đoạn 2: Vị Chức Sắc hành pháp dùng kéo (cầm nơi tay trái) đi vòng quanh quan tài để cắt đứt 7 dây oan nghiệt, độ cho Chơn Hồn khỏi bị oan nghiệt buộc ràng, để cho Chơn Hồn được lìa khỏi xác phàm ô trược. Giai đoạn này được gọi tên là phép Đoạn Căn.

Giai đoạn 3: Vị Chức Sắc hành pháp cầm 9 cây nhang (đã được đốt cháy và không được để tắt cây nào) nơi tay mặt, trực Chơn Hồn của người chết để ngồi trên 9 đầu cây nhang đang đưa Chơn Hồn nương theo 9 mũi nhang mà lên cõi Hư Linh.

Giai đoạn này được gọi là Phép Độ Thăng.

Cơ Tận Độ.- Khi một người vừa từ trần, Chơn Hồn khi mới xuất ra khỏi xác thì còn khờ khạo và hay sợ sệt, chưa định tỉnh sáng suốt, bởi nhuốm mùi trần không nhiều thì ít trong một thời gian khá lâu. Vì vậy mà phải nhờ có Kinh Tận Độ, Phép Độ Hồn và sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng để giúp cho Chơn Hồn lìa khỏi xác trần và trở về cõi Hư Linh.

Nước Cam Lô.- Nước Cam lô là một loại nước rất quý do các Đấng Tiên Phật chế luyện, có công dụng rất linh diệu, có thể giải trừ được tất cả các bệnh tật tai ương, và thậm chí có thể làm cho người chết sống lại. Mỗi chót lá của cây Dương Liễu nơi Lôi Âm Tự và Kim Tự Tháp trên cõi Thiêng Liêng có một giọt sương là sanh mạng của một con người ; hễ giọt sương ấy rơi thì con người phải tuyệt mạng. Đức Quan Âm Bồ Tát cầm nhánh dương liễu nơi tay phải, và cầm Tịnh Bình chứa Cam Lô Thủy nơi tay trái, “thường du Ta-bà thế giới” để “cứu khổ cứu nạn” cho chúng sanh.

Trước khi Hành Pháp Độ Hồn, vị Chức Sắc Hành Pháp phải luyện nước Cam Lô : Dùng nước Âm Dương cúng nơi Thiên Bàn đổ vào một cái chén, rồi vẽ bùa làm phép để luyện thành nước Cam Lô.

Hành Pháp Độ Hồn

Phải có một người phụ lễ cầm các món bí pháp theo vị Chức Sắc hành pháp.

a.- Phép Xác

Vị Chức Sắc đứng ngay đầu quan tài, định thần lấy con mắt vẽ chữ bùa lên đầu người chết, rồi xướng đọc bài Kinh Cầu Siêu. Khi Đồng Nhi tiếp đọc kinh, thì tay trái bắt ấn Hộ Pháp, để chén nước Cam Lô ngay trên ấn, tay mặt cầm nhánh dương liễu, định thần cho tới khi thấy thân người chết (không đặng

phép thấy quan tài), rồi nhúng nhang dương liễu vào Cam Lộ Thủy mà rải lên cùng thi hài ấy. Mỗi khi rải thì phải niệm câu chú : “Cam Lộ thủy năng hủy trước kiếp ô sinh oan nghiệt tội chướng chi đọa”. Hễ cái thân mình biết nước Cam Lộ rải cùng khắp mình của người chết thì thôi.

Xong đi giáp vòng, ra chính giữa đầu quan tài, tiếp tục tụng kinh với Đồng Nhi cho mãn hồi thứ nhất.

Những câu kinh sau đây cho thấy sự linh diệu của nước Cam Lộ :

Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên,
Nước Cam Lộ rửa sạch thuyề độ nhân.
(Kinh Hạ Huyệt)

Cam Lộ rưới giọt nhang dương
Thất tình Lục dục như đường tiêu tan.
(Kinh Đệ 3 Cửu)

Hồ Tiên vội rót tức thì,
Nước Cam Lộ rửa ai bi kiếp người.
(Kinh Đệ 8 Cửu)

Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,
Diệt trần tình Cam Lộ tẩy nhơ.
(Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu qui liễu))

b.- Hành Phép Đoạn Căn

Vị Chức Sắc hành pháp cầm cái kéo nơi tay trái, ngón cái và ngón giữa xỏ vô hai lỗ kéo, còn ngón trỏ thì để vô ngay lỗ kéo cho đủ 3 chấm : Phật, Pháp, Tăng ; rồi cầm chín mũi nhang đốt vè chữ bùa. Nhớ đếm cho đủ 9 cây đặng cho đủ Cửu Tiêu là ảnh hưởng Cửu Thiên Khai Hóa, hễ thiếu tắt một cây thì thất Pháp.

Vị Chức Sắc hành pháp xướng tụng bài Kinh Cầu Siêu lần thứ nhì. Khi Đồng Nhi tiếp tục đọc rồi, liền lấy cái kéo cầm như

khi này, đoạn định thần cho thấy xác chết, đi vòng chung quanh cắt 7 dây oan nghiệt ở nơi : Mõ ác, ngay trán, ngay cổ, ngay tim, ngay bên hông trái, dưới dạ dưới, dưới xương khu, độ cho Chơn Hồn hết bị oan nghiệt buộc ràng, để cho Chơn Hồn được lìa khỏi xác phàm ô trược.

Hết cắt đủ 7 dây rồi thì trao cái kéo cho người hầu lễ, vào đứng tại đầu hàn tiếp tục tụng kinh cùng Đồng Nhi cho mãn hồi thứ nhì.

Những câu kinh sau đây cho thấy các Đấng Thiêng Liêng sẽ trợ giúp cho Chơn Hồn xa lìa xác trần :

Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ Chơn hồn.
(Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối)

Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ,
Nương huyền linh sạch giữ thất tình.
(Kinh Tẩn Liệm)

Cầu các Trán Thần linh trợ lịnh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.
(Kinh Đưa Linh Cữu)

Bảy dây oan nghiệt hết ràng,
Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.
(Kinh Đệ I Cữu)

c.- Hành Phép Độ Thăng

Vị Chức Sắc hành lễ xướng tụng kinh Cầu Siêu lần thứ ba. Khi Đồng Nhi tiếp tụng rồi thì cầm 9 cây nhang bên tay mặt, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay tim, định thần vẽ chữ bùa trên thân người chết, truyền thần vô 9 cây nhang, rồi chờ cho thấy đặng thi hài. Đưa 9 mũi nhang ngay vào Nguyệt Cung (ngay miếng kiếng trước đầu hàn), định thần, trực Chơn Hồn của người chết ngồi trên 9 mũi nhang. Hết thăng thì lên, trầm thì đọa. Rồi giao

9 cây nhang cho người hầu lễ, đứng tụng kinh tiếp cho mãn hồi thứ ba.

Những câu kinh sau đây cho thấy các Đấng sẽ trợ giúp cho Chơn Hồn được thăng lên cõi Hư linh :

Cửa Địa ngục, khá lánh chơn,
Ngọc Hư Cực Lạc đón đường ruổi dong.

.....

Cảnh thăng trởi gót cho mau,
Xa vòng tục lự đặng chầu CHÍ LINH.
(Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối)

Dưới chín lớp liên thân đưa bước,
Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.

.....

Cửa Tây Phương khá bay đến chốn,
Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu,
Tiên phong Phật cốt mỹ miều,
Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều CHÍ LINH.
(Kinh Khi Đã Chết Rồi)

Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.
(Kinh đưa Linh Cữu)

Giải thi lánh chốn đọa đày,
Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.
(Kinh Hạ Huyệt)

Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yếm dục đặng vào cõi Thiên.
(Kinh Khai Cữu)

Kìa Thiên cảnh con đường vọi vọi,
Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lầu.
(Kinh Đệ Nhứt Cữu)

Xa chừng thế giải Địa hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.
(Kinh Đệ Nhị Cửu)

Thanh quang rõ rõ đòi ngàn,
Chơn hồn khoái lạc lên đàng vọng Thiên.
(Kinh Đệ Tam Cửu)

Thiên thiêu trở tiếng nhật khoan,
Đưa linh thẳng đến Niết Bàn mới thôi.
(Kinh Đệ Lục Cửu)

Im lìm kìa cõi Niết Bàn,
Lôi Âm trống thúc lên đàng Thượng Tiâu.
(Kinh Đệ Thất Cửu)

GHI CHÚ:

1.- Những vị giữ Trai Giới không đủ Thập Trai (dù là Chức việc, Hiền Tài,... hay bất cứ phẩm nào) thì khi qui vị phải hành lễ Bạt Tiến, nghĩa là :

- Lúc làm Lễ Cầu Siêu không đọc bài “Ba mươi sáu ...”
- Không làm Phép Độ Hồn
- Không làm Tuần Cửu, Tiểu Tường, hay Đại Tường.

Đến ngày Tuần Cửu, chỉ đọc bài Kinh Cầu Siêu “Đầu vọng bái...” 3 lần, xong tụng Kinh Di Lạc một lần, rồi cầu nguyện.

2.- Chức Sắc Thiên Phong (từ phẩm Giáo Hữu đở lên), khi qui tiên, được làm Phép Độ Thăng nơi Đền Thánh (Không cần làm Phép Xác hay Phép Đoạn Căn), do một vị Thời Quân hành pháp, quan tài đặt trước Chánh Điện (Thời Quân là Chức Sắc Đại Thiên Phong).

3.- Chức Sắc Đại Thiên Phong (Từ phẩm Đầu Sư và Thời Quân đở lên), khi Qui Thiên, được đại liệm vào Liên Đài hình bát giác, thi thể ngồi kiết già, miễn coi ngày giờ. Không có làm Tuần Cửu, không có Hành Pháp Độ Thăng. Hội Thánh sẽ hành

lễ Tiểu Tường, Đại Tường, kỷ niệm hằng năm, và xây Bửu Tháp.

VIII- Sơ Lược Về KINH TẬN ĐỘ VONG LINH

Những khái niệm sau đây, về Nguyên Nhơn, về Luật Tam Thể giúp cho chúng ta dễ hiểu hơn các bài Kinh Tận Độ Vong Linh mà các Đấng Thiêng Liêng đã giảng cơ ban cho.

*** LUẬT TAM THỂ**

Theo giáo lý Cao Đài, mỗi người trong chúng ta sống nơi cõi phàm trần đều có 3 thể xác thân :

- Độ nhứt xác thân là Thể Xác hay Nhục Thể,
- Độ nhị xác thân là Chơn Thần, còn gọi là Chơn Hồn,
- Độ tam xác thân là Linh Hồn, còn gọi là Chơn Linh.

Chơn Thần là xác thân thiêng liêng, bằng khí chất, do Đức Phật Mẫu ban cho. Chơn Thần bao bọc lấy Thể Xác và liên lạc với Thể Xác qua trung gian của 7 dây từ khí gọi là 7 dây oan nghiệt. Linh Hồn là một điểm linh quang do Đức Thượng Đế ban cho, vô hình và bất tiêu bất diệt. Linh Hồn luôn luôn ngự bên trong Chơn Thần và điều khiển Thể Xác qua trung gian của Chơn Thần.

*** NGUYÊN NHƠN**

Nguyên Nhơn là những người mà Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tạo ra ở cõi thiêng liêng từ lúc mới Khai Thiên, tức là từ lúc mới tạo dựng Trời Đất.

Những người nơi cõi trần mà Linh Hồn được Đức CHÍ TÔN ban cho từ lúc mới Khai Thiên cũng được gọi là Nguyên Nhơn. Theo Thánh Giáo Cao Đài, Đức PHẬT MẪU vâng lệnh Đức CHÍ TÔN có cho 100 ức Nguyên Nhơn đầu thai xuống cõi trần để khai hóa các Hóa Nhơn, đồng thời cũng để học hỏi kinh

nghiệm và tiến hóa (Hóa Nhơn là những người mà Linh Hồn do sự tiến hóa từ loài thú cầm đi lên).

Một số không ít các Nguyên Nhơn, khi đã mang xác phàm rồi, thì lại nhiễm trần, quên nguồn gốc và nhiệm vụ đã nhận lãnh lúc đi đầu thai, lại còn gây ra lấm tội lỗi, nên phải bị đọa luân hồi. Đức CHÍ TÔN mới cho các Đấng giáng trần lập đạo để cứu rỗi. Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ có 8 ức Nguyên Nhơn được qui hồi cựu vị. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN giao cho Đức PHẬT MẪU cơ quan siêu thoát, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức Nguyên nhơn trở về cựu vị.

* CƠ TẬN ĐỘ NHƠN SANH

Một trong những Hồng Ân lớn nhất mà Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THUỢNG ĐẾ ban cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Kinh Tận Độ Vong Linh.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, được khai minh ở Việt Nam vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926). Nhưng mãi đến ngày 23 tháng 7 năm Ất Hợi (31-8-1935), các Đấng Thiêng Liêng mới vâng lệnh Đức Chí Tôn bắt đầu giáng cơ ban cho Kinh Tận Độ. Như vậy :

- Kể từ ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) là bắt đầu thời Tam Kỳ Phổ Độ,

- Kể từ tháng 8 năm Ất Hợi (1935), tức là kể từ khi Tân Kinh của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được ban hành, Đức Chí Tôn mới mở cơ tận độ nhơn sanh (theo lời Tựa của Quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo).

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn mở Đại Ân Xá Kỳ Ba để tận độ chúng sanh trước khi chấm dứt một giai đoạn tiến hóa cũ, bắt đầu một giai đoạn tiến hóa mới của nhơn loại. Đức Chí Tôn cho dẹp bỏ cõi Địa Ngục, đưa các tội hồn đến cõi Âm Quang để học đạo. Khi các tội hồn ở cõi Âm Quang đã biết ăn năn sám hối, các Đấng sẽ cho đầu kiếp trở lại cõi trần để trả

quả và cũng để nương theo tôn giáo lo tu hành, lập công bồi đức mà trừ tội lỗi. Đồng thời, Đức Chí Tôn còn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những người đầy đủ công đức đắc đạo trở về hội hiệp cùng với Đức Chí Tôn. Việc đóng cửa Địa Ngục và khai đường Cực Lạc được Ôn Trên cho biết qua các câu kinh sau đây:

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương.
(Kinh Giáo Oan)

Vô Địa ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn Đại Xá nhứt trường qui nguyên.
(Phật Mẫu Chơn Kinh)

Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,
Khai cơ tận độ Cửu tuyền diệt vong.
(Kinh Đại Tướng)

KINH TANG LỄ

I. NGUỒN GỐC KINH TANG LỄ

Các bài kinh dùng trong Tang Lễ là do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và Đức Phật Bà Quan Âm vâng lệnh Đức Chí Tôn, giáng cơ ban cho vào năm 1935, gồm có :

- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- Kinh Tản Liệm
- Kinh Đưa Linh Cửu
- Kinh Hạ Huyệt

Vãng Sanh Thân Chú thì thỉnh bên Phật Giáo.

Kinh Cầu Siêu do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát giáng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu).

Kinh Di Lạc do Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho.

Các bài kinh cúng tế vong linh thì do Chơn Linh Đoàn Thị Điểm giảng cơ ban cho.

Nội dung các bài Kinh Tang Lễ là cho Chơn Hồn biết sắp được từ già cõi trần nhiều trước khi, đồng thời khuyên Chơn Hồn hãy cầu khẩn Đức CHÍ TÔN cùng các Đấng Thiêng Liêng tha thứ tội lỗi và cứu rỗi để được siêu thăng qui hồi cựu vị. Ngoài ra, Chơn Hồn còn được cho biết về những việc sẽ xảy ra trong tiến trình sắp tới.

Một con người lúc còn sống, còn tỉnh táo, mà nếu được đưa đến một thành phố xa lạ thì vẫn thấy bỡ ngỡ và khó khăn để tìm đường đi. Tương tự như thế, Chơn Hồn vừa mới xuất ra khỏi thể xác của một người mới chết, thì còn khờ khạo và hay sợ sệt, chưa định tỉnh sáng suốt, bởi còn nhuốm mùi trần không nhiều thì ít trong một thời gian khá lâu, nên để đi vào cõi vô hình, Chơn Hồn sẽ gặp nhiều khó khăn, không biết đường đi trở về quê xưa cảnh cũ nơi cõi thiêng liêng. Do đó mà đối với một Tín Đồ Cao Đài trong cơn hấp hối, thì có Bàn Trị Sự địa phương đến tụng Kinh Cầu Hồn. Nhờ những âm thanh huyền diệu của những lời Kinh rung động đến Diêu Trì Cung, nên Đức Phật Mẫu mới cử các vị Tiên Nữ, đặc biệt là Lục Nương với Phướn Truy Hồn, đến để gìn giữ Chơn Hồn, và nơi cõi Tây Phương Đức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn dùng Phướn Linh khai mở con đường dẫn đến Lôi Âm Tự :

Diêu Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ Chơn hồn.
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phướn Linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.

(Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối)

Ngoài ra, Chơn Hồn đã sinh hoạt với thể xác trong trọn kiếp sanh, nên Chơn Hồn rất luyến ái với thể xác và luôn luôn muốn bám víu lấy thể xác, không muốn rời xa. Do vậy mà các bài Kinh Tang Lễ thường xuyên nhắc nhở Chơn Hồn là hãy dứt

khoát từ bỏ cõi trần là chốn đọa đầy đầy trước khí, cố lánh xa cõi Địa Ngục, để trở về ngôi xưa vị cũ nơi cõi thiêng liêng. Những ý nghĩa này được thể hiện qua các câu kinh sau đây:

- Trong Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối :

Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống,
Chốn quê xưa giải mộng trần gian,
Dù đường thoát tục nắm phan,
Trông Kinh Bạch Ngọc định thần giải căn...
Cửa Địa ngục, khá lánh chơn,
Ngọc Hư Cực Lạc đôn đường ruổi dong.

- Trong Kinh Khi Đã Chết Rồi :

Quê xưa trở, cõi đọa từ.
Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân...
Cửa Tây Phương khá bay đến chốn,
Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu.
Tiên phong Phật cốt mỹ miều,
Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều CHÍ LINH.

- Trong Kinh Tản Liệm :

Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh,
Xác Đất sanh đến lĩnh phục hồi.

- Trong Kinh Hạ Huyệt :

Đưa tay vịn phép diệu huyền,
Ngọc Hư lập vị Cửu tuyền lánh chơn.
Ngó Cực Lạc theo hườn Xá Lợi,
Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên ...

Ghi Chú:

Lời dạy sau đây của Thất Nương Diêu Trì Cung cho thấy cảnh Tiên hơn cõi tục là thế nào:

“Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên”
(Thài Hội Yến Diêu Trì)

Đức Chí Tôn cũng có dạy với ý nghĩa tượng tự:

“Đứng bậc Đế vương nơi trái địa cầu này (địa cầu 68), chưa
đăng vào bực chót của địa cầu 67”³²

II.- Ý NGHĨA CÁC BÀI KINH TANG LỄ

1). Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

Nội dung bài kinh cho Chơn Hồn biết là sắp rời bỏ cõi trần để
trở về quê xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, với sự
trợ giúp của các vị Tiên Nữ Diêu Trì Cung :

Diêu Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ Chơn hồn.

Đồng thời, bài kinh cũng khuyên Chơn Hồn hãy cầu khẩn Đức
Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng tha thứ tội tình và cứu rỗi
cho được siêu thoát :

Ăn năn sám hối tội tình,
Xét câu Minh thệ gửi mình cõi thăng.
Dầu nghiệt chướng số căn quả báo,
Đừng hỡi kinh cầu đảo Chí Tôn

Ngoài ra Chơn Hồn còn được cho biết là :

Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nần độ vong.

2). Kinh Khi Đã Chết Rồi

Khi người Tín Đồ vừa nhắm mắt từ trần thì Bàn Trị Sự tung tiếp
bài Kinh Khi Đã Chết Rồi.

Qua bài kinh này, Chơn Hồn người quá vãng được cho biết về
những việc sẽ xảy đến trong tiến trình sắp tới.

- Để được vào Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức CHÍ TÔN, sẽ

32- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 60 - in năm 1972.*

phải vượt lên Tam Thập Lục Thiên tức 36 tầng Trời (còn gọi là 36 cõi Thiên Tào) :

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

- Chơn Hồn được khuyên hãy từ bỏ cõi trần vì đó là cõi đọa, để trở lại quê xưa nơi cõi thiêng liêng.

* Tiếp theo, nơi Thánh Thất địa phương, Chức Việc động Chuông Báo Tử: Nam 7 tiếng, Nữ 9 tiếng.

* Trong thời cúng kế tiếp, nơi Thánh Thất địa phương làm Lễ Thượng Sớ Tân Cố và đốt Sớ Cầu Đạo.

3). Kinh Tẩn Liệm

Qua bài Kinh Tẩn Liệm, Chơn Hồn cũng được cho biết về những việc sẽ xảy đến trong tiến trình sắp tới.

- Chơn Hồn sẽ được giải thoát khỏi bẫy dây oan nghiệt để nương vào phép huyền diệu thiêng liêng mà lên đường đi vào Càn Khôn Vũ Trụ :

Dây oan nghiệt dứt rời trái chủ,
Nương huyền linh sạch giữ thất tình.
Càn khôn bước Thánh thượng trình,
Giải xong xác tục mượn hình CHÍ TÔN.

- Chơn Hồn được cho biết là Linh Hồn sẽ được trở về cõi Thượng Thiên, và được khuyên là hãy :

Từ từ Cực Lạc an vui,
Lánh nơi trược khí hưởng mùi siêu thăng.

* Sau đó là phần Thành Phục Phát Tang và Cúng Tế, Đồng Nhi tụng những bài kinh sau đây :

- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liểu và Kinh Cứu Khổ,
- Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị hoặc Khi Vợ Qui Liểu,
- Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liểu, v.v...

* Trong phần Cúng Tế và Cầu Siêu, các Lễ Sĩ tế điện để giúp cho Chơn Hồn dễ siêu thoát, Chúc Sắc Hành Pháp dùng Nước Cam Lộ tẩy trước Chơn Hồn, xong dùng Phép Đoạn Căn cắt đứt Bảy Dây Oan Nghiệt, rồi dùng Phép Độ Thăng đưa Chơn Hồn vào cõi Hư Linh.

4). Kinh Đưa Linh Cửu

Nội dung bài kinh là cầu nguyện với các vị Thần trấn nhậm ở địa phương và các Đấng Phật, Tiên, Thánh trong Tam Giáo, xin giữ cho Chơn Hồn xa lánh xác trần, tránh nẻo Phong Đô mà thẳng đường về Thiên Cảnh :

Cầu các Trấn Thần linh trợ lịnh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.
Nam mô Địa Tạng thi ân,
Đưa đường Thiên cảnh lánh gần Phong Đô.
Nam mô Tam Trấn hư vô,
Oai nghiêm độ rỗi Cao Đồi qui nguyên.
Nam mô Tam Giáo diệu huyền,
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.
Nam Mô Bạch Ngọc Công Đồng,
Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.
Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng Chơn linh.
Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa .

5). Kinh Hạ Huyệ

Qua bài Kinh Hạ Huyệ, Đức Phật Bà Quan Âm có dạy rằng :
Đời sống của con người như là giấc mộng Huỳnh Lương.

Chết tức là cởi bỏ được nhục thể để Linh Hồn trong sạch thoát khỏi cõi trần đầy đọa mà bay vào Càn Khôn Vũ Trụ :

Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn,

Tiếng phồn ba hết thoáng bên tai.
Giải thi lánh chốn đọa đày,
Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.

Nhờ phép Giải Oan giúp cho Linh Hồn được khỏi tội để rồi nương theo Phướn Tiêu Diêu tức Phướn Truy Hồn của Lục Nương mà đến cõi Vĩnh Hằng.

* Sau cùng, Vãng Sanh Thần Chú có tác dụng cầu nguyện cho Linh Hồn Người chết từ bỏ thế giới ô trược này để chuyển sanh về một thế giới khác thanh tịnh hơn và vui hơn, đó là cõi Cực Lạc Thế Giới, do Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo Chủ trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, và nay trong thời Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Đức Di-Lạc Vương Phật làm Giáo Chủ.

KINH TUẦN CỬ **Tiểu Tường & Đại Tường**

I.- LỄ TUẦN CỬ

Tuần Cử là khoảng thời gian 9 ngày và cứ lập đi lập lại đủ 9 lần như thế.

Một Tín Đồ Cao Đài (giữ trai kỳ từ 10 ngày đổ lên), sau khi chết, được làm Tuần Cử tại Thánh Thất sở tại với những nghi thức đặc biệt, ấn định trong Nghi Lễ của Đạo Cao Đài.

Từ Đệ Nhứt Cử tới Đệ Cửu Cử, kỳ nào cũng phải cúng THẦY trước, có dâng Tam Bửu và Thượng Sớ. Cúng THẦY xong, tụng bài Kinh Khai Cử 1 lần, rồi tụng 3 lần bài Kinh Đệ Nhứt Cử, Đệ Nhị Cử hay Đệ Tam Cử,... Sau cùng là tụng Di Lạc Chơn Kinh.

II.- KINH TUẦN CỬ

Các bài Kinh Tuần Cử do Cử Vị Nữ Phật ban cho.

Riêng bài Kinh Đệ Cửu Cử do Đức Phật Mẫu ban cho 4 câu chót.

Bài Kinh Tiểu Tường do Đức Phật Mẫu ban cho.

Bài Kinh Đại Tường do Đức Phật Thích Ca ban cho.

*Theo Bài Thuyết Đạo của Ngài Hồ Bảo Đạo “Giải Thích Kinh Cúng Tuần Cửu” thì, trong Tuần Đệ Nhất Cửu và Đệ Nhị Cửu, Chơn Hồn vẫn còn ở lẫn lộn nơi cõi trần.

Chơn Hồn khi vừa mới xuất ra khỏi thể xác thì còn nặng nề trọng trước, còn chịu ảnh hưởng của xác phàm nên khờ khạo chưa định tĩnh, không nhớ được đường về nơi quê xưa vị cũ ở cõi thiêng liêng. Vì vậy mà bài Kinh Khai Cửu và hai bài kinh Đệ Nhất và Đệ Nhị Cửu nhắc cho Chơn Hồn nhớ lại căn kiếp của mình, nhớ lại con đường về với Đức Chí Tôn.

Nếu không nhờ có Kinh Tận Độ và sự hướng dẫn của các Đấng Thiêng Liêng hỗ trợ (như Lục Nương Điều Trì Cung), thì Chơn Hồn có thể quên mất đường về nơi “chốn quê xưa” phải chịu bơ vơ nơi cõi trần hoặc là phải bị lầm đường lạc lối đến nơi Phong Đô. Trong Kinh Giải Oan có mấy câu nói về ý nghĩa này :

Rảnh mình đâuặng thảnh thơi,
Thiên cung lữ lối chơi với cõi trần.

và:

Phong trần quen thú cung âm,
Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lầ Phong Đô.

Theo Ngài Hồ Bảo Đạo thì chỉ khi đến Tuần Đệ Tam Cửu, Chơn Hồn mới bắt đầu được đưa lên từng Trời thứ nhất là từng Thanh Thiên.

Tiếp theo từng Thanh Thiên là các tầng Trời :

- Huỳnh Thiên: Cửu 4,
- Xích Thiên: Cửu 5,
- Kim Thiên: Cửu 6,
- Hạo Nhiên Thiên: Cửu 7,
- Phi Tường Thiên: Cửu 8,

- Tạo Hóa Thiên: Cửu 9.

* Bài Kinh Khai Cửu nhắc cho Chơn Thần nhớ lại quê xưa cảnh cũ khi còn ở cõi thiêng liêng, đồng thời cũng nhắc cho Chơn Thần nhớ lại cảnh thong dong nhàn hạ buổi xưa, lúc chưa đầu kiếp xuống trần :

Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.

Để giúp Chơn Thần quyết chí trở về “Quê xưa” mà từ bỏ “Cõi đọa” nơi trần thế, bài kinh khuyên Chơn Thần :

- Hãy quên đi cõi trần ai ô trược, cắt đứt các thứ tình cảm và đè nén lòng ham muốn để trở về cõi Thiên.

- Đừng vì những lời than khóc thảm thiết của người thân mà trở lại cõi trần để phải chịu chìm đắm trong kiếp luân hồi.

- Hãy dẹp tan mọi sự việc trên đời và cắt đứt các món nợ trần ràng buộc.

1). Bài Kinh Đệ Nhất Cửu kêu gọi Chơn Thần hãy thức tỉnh để nhớ lại căn xưa (tức tiền duyên) mà cắt đứt mọi món nợ oan nghiệt đã gây ra trong kiếp sống, nương theo ánh sáng thiêng liêng của Đức Chí Tôn, định cái tâm cho được hoàn toàn tốt đẹp mới gìn giữ được ngôi xưa vị cũ ở cõi thiêng liêng :

Khá tỉnh giấc tiền duyên nhớ lại,
Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh.
Đem mình nương bóng Chí Linh,
Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.

2). Bài Kinh Đệ Nhị Cửu nhắc cho Chơn Thần nhớ lại thân tộc thiêng liêng đang chờ đợi. Đức Phật Mẫu đã ban lệnh mở “Tiệc hồng” sẵn sàng đón rước. Chơn Thần như kẻ đi xa chợt nhớ lại quê hương, nhớ cả thân tộc Tông Đường nơi cõi thiêng liêng, nôn nóng trở về “cõi Thiên” không còn quyến luyến “thế giáỉ Địa hoàn” nữa :

Tây Vương Mẫu vườn Đào ươm chín,
Chén trường sanh có lịnh ngự ban.
Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn Thần khá đến hội hàng chư linh.

Hai câu cuối của bài Kinh cho biết Chơn Thần đã xa lần cõi
Trần để bay lên các tầng Trời :

Xa chừng thế giái Địa hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.

3). Đến Đệ Tam Cửu, Chơn Thần được Tam Nương Diêu Trì
Cung đưa lên tầng Thanh Thiên, là tầng Trời nơi đó ánh sáng
đều có màu xanh.

* Ở tầng Thanh Thiên, Chơn Thần được gội rửa Thất Tình Lục
Dục và được ban Sách Trường Xuân.

Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng Đảo,
Động Thiên Thai bảy Lão đón đường.
Cam Lộ rưới giọt nhàn dương,
Thất tình Lục dục như đường tiêu tan.

Đến Cung Như Ý, Chơn Thần được Đức Thái Thượng Lão Quân
đón tiếp. và ban cho một quyển sách gọi là Sách Trường Xuân,
để cho Chơn Thần học hỏi những điều nơi cõi thiêng liêng, biết
trước về sự linh diệu của những tầng Trời sắp sửa đi đến

4). Đến Đệ Tứ Cửu, Chơn Thần được Tứ Nương Diêu Trì Cung
đưa lên tầng Huỳnh Thiên, là tầng Trời nơi đó ánh sáng đều
có màu vàng.

* Ở tầng Huỳnh Thiên, Chơn Thần được tẩy trừ hết quái khí,
trước quang và các oan nghiệt.

Tầng Trời này là tầng Trời mà Chơn Thần phải chịu đựng nặng
nề nhất. Ngài Hồ Bảo Đạo khuyên rằng những ai có thân nhân
qui liễu khi đến Tuần Tứ Cửu cần phải để hết tâm cầu nguyện
cho Chơn Thần được qua dễ dàng.

Chơn Thần được Thuyền Rồng đưa vào Cung Tuyệt Khổ để bái kiến Đức Huyền Thiên Quân, tướng đầu được ban thưởng ân huệ gì đó, nào dè khi gặp thì :

- Ngài dùng Roi Thần đánh cho mấy roi nhá lửa để tẩy trừ quái khí, tức khí độc,

- Tiếp theo Bộ Lôi Công cho Sét đánh bồi thêm để làm tiêu tan hết trước quang, tức khí ô trước,

Cuối cùng lại phải chịu cho Lửa Tam Muội của Lầu Bát Quái đốt cháy hết các oan gia nghiệt chướng.

Trừ quái khí roi thần chớp nhoáng,

Bộ Lôi Công giải tán trước quang.

Cửa lầu Bát Quái chun ngang,

Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.

Ra khỏi cửa “Lầu Bát Quái” Chơn Thần được hoàn toàn thanh khiết. Bấy giờ Chơn Thần đã có thần thông, nên chơn đạp lên núi Thái Sơn nhảy qua tới Cung Đẩu Suất, đến chờ sẵn tại cửa Thiên Môn, tức Cổng Nhà Trời.

5). Đến Đệ Ngũ Cửa, Chơn Thần được Ngũ Nương Diêu Trì Cung đưa lên tầng Xích Thiên, là tầng Trời nơi đó ánh sáng đều có màu hồng.

* Ở tầng Xích Thiên, Chơn Thần được cho biết về các tội phước và các thành quả đạt được trong suốt kiếp sống nơi cõi trần.

- Nơi cõi Xích Thiên Chơn Thần được đưa vào Đài Chiếu Giám (tức Minh Cảnh Đài) để nhìn vào Kính Thần xem cho biết bao nhiêu tội phước đã gây ra trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần :

Đài Chiếu Giám Cảnh Minh nhẹ bước,

Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

- Kế đó, Chơn Thần được đưa vào Cung Ngọc Diệt Hình, mở quyển Kinh Vô Tự để xem thì chữ mới hiện ra, cho biết các thành quả đạt được do công đức tu hành nhiều hay ít lúc còn ở

trần thế :

Lần vào cung Ngọc Diệt Hình,
Khai Kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên.

- Sau cùng, Chơn Thần được nhận một quyển sách, học trong đó thì thông suốt được các lẽ huyền vi và mầu nhiệm của Trời Đất, biết được các phép huyền công biến hóa.

6). Đến Đệ Lục Cửu, Chơn Thần được Lục Nương Diêu Trì Cung đưa lên tầng Kim Thiên, là tầng Trời nơi đó các vị Thần Tiên đều mặc Thiên Phục màu trắng.

* **Ở tầng Kim Thiên**, Chơn Thần được xem qua cho biết cự nghiệp của các kiếp trước, sau đó được xông hương tẩy trừ.

Đến cõi Kim Thiên, Chơn Thần được đưa vào Cung Lập Khuyết để tự xem xét công nghiệp mà định ngôi vị cho mình. Sau đó, Chơn Thần được Minh Vương Khổng Tước chở đến Đài Huệ Hương để được xông hương khử trừ cho Thánh Thể được thanh khiết thơm tho và tẩy trừ hết các mùi ô uế của khí sanh quang :

Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự,
Lãnh Kim sa đặng dự Như Lai.
Minh Vương Khổng Tước cao bay,
Đem Chơn thần đến tận đài Huệ Hương.
Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể,
Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang.

7). Đến Đệ Thất Cửu, Chơn Thần được Thất Nương Diêu Trì Cung đưa lên tầng Hạo Nhiên Thiên, là tầng Trời do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát chứng quản.

* **Ở tầng Hạo Nhiên Thiên**, Chơn Thần được đưa đi bái kiến Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát, rồi được đỡ cái Kim Cô ra.

- Ở Cung Chứng Pháp, Chơn Thần được Đức Chuẩn Đề Bồ

Tát giảng giải về Thiên Thơ, giải thích cho rõ các Thiên Điều tức luật pháp của Trời.

- Ở Động Phổ Hiền, Chơn Thần được dỡ cái Kim Cô ra khỏi đầu, ý nói là được cởi bỏ hết mọi ràng buộc của Luật Đạo như Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui,... bây giờ không còn cần thiết nữa đối với Chơn Thần, vì Chơn Thần đã hòa nhập vào Càn Khôn đạt được Thánh Thể, rũ bỏ hết tất tình lục dục.

Động Phổ Hiền, Thần Tiên hội hiệp,

Dỡ Kim Cô đưa tiếp linh quang.

Từ nơi đây Chơn Thần đã cảm nhận được cõi Niết Bàn hoàn toàn im lặng, và nghe được tiếng trống Lôi Âm thúc giục bay lên từng Trời trên :

Im lìm kìa cõi Niết Bàn,

Lôi Âm trống thúc lên đàng Thượng Tiêu (Thiên).

8). Đến Đệ Bát Cửu, Chơn Thần được Bát Nương Diêu Trì Cung đưa lên từng Phi Tướng Thiên, là từng Trời do Đức Từ Hàng Bồ Tát chưởng quản.

* Ở từng Phi Tướng Thiên, Chơn Thần được giải quả và được rửa sạch cái kiếp sống buồn.

- Ở Cung Tận Thức, Chơn Thần được xem các phép thần thông biến hóa rất huyền diệu. Kế đó Chơn Thần được đưa đến núi Phổ Đà Sơn để bái kiến Đức Từ Hàng Bồ Tát, và được Đức Ngài giải trừ hết các quả kiếp nơi cõi trần.

Cung Tận Thức thần thông biến hóa,

Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.

- Sau cùng, Chơn Thần được đưa đến Cung Diệt Bửu, nơi đây Chơn Thần được rửa sạch hết cái kiếp sống buồn thảm của con người nơi cõi trần bằng nước Cam Lộ rót ra từ bầu rượu Tiên :

Hồ Tiên vội rót tức thì,

Nước Cam Lộ rửa ai bi kiếp người.

9). Đến Đệ Cửu Cửu, Chơn Thần được Cửu Nương Diêu Trì Cung đưa lên tầng Tạo Hóa Thiên, là tầng Trời do Đức PHẬT MẪU chưởng quản.

Ở tầng Trời này có : Cung Diêu Trì, Cung Trí Giác và Kim Bàn là cái bồn bằng vàng dùng chứa các Nguơn Chất để tạo nên Chơn Thần cho các Nguyên Nhơn giáng trần.

* Ở tầng Tạo Hóa Thiên, Chơn Thần được cho dự tiệc Hội Bàn Đào rồi sau đó được đưa ra phán xét.

- Đến tầng Tạo Hóa Thiên, Chơn Thần được Đức PHẬT MẪU ban thưởng cho dự Hội Bàn Đào với trái Đào, trái Hạnh có đặc tính phục hồi sự sống, và được ban thưởng Tiên Tửu :

Hội Bàn Đào Diêu Trì Cung,

Phục sinh đào hạnh rượu hồng thưởng ban.

- Sau khi dự Hội Bàn Đào, Chơn Thần được đưa vào Cung Bắc Đẩu xem căn quả số để biết số phận của mình, rồi được học nghi lễ của Thiên Triều để chờ ngày vào Linh Tiêu Điện bái lễ Đức CHÍ TÔN cho đúng phép. Sau đó, Đức CHÍ TÔN ra sắc lệnh gọi Chơn Thần vào Ngọc Hư Cung để cho biết được thưởng thăng lên hay bị trừng trị đọa xuống :

Cung Bắc Đẩu xem căn quả số,

Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.

Ngọc Hư Cung, sắc lệnh kêu,

Thưởng, phong, trừng trị phân điều đọa thăng.

* Ở Ngọc Hư Cung, sau khi được phán xét, các Chơn Thần được phân ra 2 hạng : hạng thoái hóa và hạng tấn hóa.

- Hạng thoái hóa còn nặng nợ vay trả thì được đưa qua Kim Bồn đầu thai xuống cõi trần, chịu kiếp luân hồi vì công nghiệp chưa đầy đủ, tái kiếp để tiếp tục tu hành và lập thêm công đức.

- Hạng tấn hóa được Đức Chí Tôn ban cho phẩm vị tương xứng, được Đức Phật Mẫu đưa đến Cung Trí Giác để luyện Đạo, trù

tinh thần cho được huần hư nghĩa là luyện cho Tam Bửu Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt đắc đạo thành Phật Tiên. Luyện đạo ở Cung Trí Giác 200 ngày thì đến tuần Tiểu Tường, Chơn Thần trong sạch được đưa lên tầng Trời Hư Vô Thiên do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chưởng quản.

KẾT LUẬN : Nói chung, sau mỗi lần làm Tuần Cửu, Chơn Thần sẽ được lần lượt đưa lên các tầng Trời với sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng, đặc biệt là của Cửu Vị Tiên Nương Điều Trì Cung.

Ở mỗi tầng Trời, Chơn Thần được đưa đi báii kiến các Đấng Thiêng Liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật, quan sát các cảnh thiêng liêng tuyệt đẹp và sự mầu nhiệm ở mỗi tầng Trời. Ngoài ra, Chơn Thần còn được nhận Sách Tiên để học hỏi về các lẽ huyền vi và mầu nhiệm của Trời Đất.

III.- KINH TIỂU TƯỜNG

Kinh Tiểu Tường do Đức Phật Mẫu giáng cơ ban cho, gồm có 12 câu theo thể thơ song thất lục bát.

Lễ Tiểu Tường có mục đích đưa Chơn Thần :

- Lên tầng Hư Vô Thiên để nghe Đức Nhiên Đăng Cổ Phật Thuyết pháp,
- Vào Lôi Âm Tự để báii kiến Đức A-Di-Đà Phật,
- Đến tắm nơi Ao Thất Bửu để gội sạch hết mùi tục lụy của kiếp sanh đặng chuẩn bị lên ngự Tòa sen.

IV.- KINH ĐẠI TƯỜNG

Kinh Đại Tường do Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho, gồm có 12 câu theo thể thơ song thất lục bát.

Nội dung bài Kinh Đại Tường được tóm lược như sau:

Đức Phật Thích Ca cho biết rằng Đức Phật Di Lạc, hiện đang chưởng quản tầng Trời Hổn Ngươn Thiên, là Giáo Chủ Hội

Long Hoa trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là lập ra một Trường Thi Công Quả cho chúng sanh tham dự, rồi giao cho Đức Phật Di Lạc làm Chánh Chủ Khảo để chấm thi đậu rớt.

Do đó, Đức Phật Di Lạc sẽ giáng sanh xuống cõi trần một lần nữa để sửa đổi Chơn Truyền. Đức Ngài thay mặt Đức Chí Tôn thực hiện tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Qui Nguyên Tam Giáo, Phục Nhứt Ngũ Chi”, để lập ra một Xã Hội Đại Đồng cho toàn nhơn loại với cùng chung một tín ngưỡng.

Bài Kinh Đại Tướng và bài Di Lạc Chơn Kinh đều do Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho. Cả hai bài kinh này có ý nghĩa như lời giới thiệu của vị tiền nhiệm đối với người kế vị, và cũng được xem như là văn bản bàn giao nhiệm vụ giữa Đức Phật Thích Ca thời Nhị Kỳ Phổ Độ với Đức Phật Di Lạc thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tìm Hiểu Ý Nghĩa KINH ĐẠI TƯỚNG

Bài Kinh Đại Tướng do Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho, gồm có 12 câu theo thể thơ song thất lục bát. Bài Kinh này còn thường được gọi là Hồn Ngươn Kinh.

Sau khi làm Lễ Tiểu Tướng được 300 ngày (tức đúng 581 ngày kể từ ngày chết) là đến ngày làm Lễ Đại Tướng.

Qua bài Kinh này, Đức Phật Thích Ca cho biết rằng vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di-Lạc Vương Phật hiện đang cai quản từng Trời Hồn Ngươn Thiên sẽ là Giáo Chủ Hội Long Hoa Đại Hội để tuyển phong những người hiền đức có nhiều công nghiệp vào ngôi vị Phật.

Hồn Ngươn Thiên dưới quyền Giáo Chủ,
Di Lạc đương đầu thủ phổ duyên.

Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,
Khai cơ Tận độ Cửu tuyền diệt vong.
Hội Long Hoa tuyền phong Phật vị,
Cõi Tây Phang đuổi quỷ trừ ma.
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trọc tinh.
Thâu các Đạo hữu hình làm một,
Trường thi Tiên, Phật vượt kiếp khiên.
Tạo Đời cải dữ ra hiền,
Bảo sanh nắm giữ diêu huyền CHÍ TÔN.

Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là lập ra một Trường Thi Công Quả cho chúng sanh tham dự, rồi giao cho Đức Phật Di Lạc làm Chánh Chủ Khảo để chấm thi đậu rớt. Do đó, Đức Phật Di Lạc sẽ giáng sanh xuống cõi trần một lần nữa để sửa đổi Chơn truyền. Đức Ngài thay mặt Đức Chí Tôn thực hiện tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Qui Nguyên Tam Giáo và Phục Nhứt Ngũ Chi”, để lập ra một Xã hội Đại đồng cho toàn nhơn loại với cùng chung một tín ngưỡng.

- Sau đây là ý nghĩa của 4 câu Kinh đầu: Đức Di Lạc Vương, Giáo Chủ từng Trời Hỗn Ngươn Thiên, lãnh trách nhiệm thâu nhận và gìn giữ những người có duyên với Phật ở khắp các nơi. Đức Ngài sẽ tái sanh xuống cõi trần để sửa đổi lại cho đúng với chơn truyền tất cả những những giáo pháp của các tôn giáo xưa đã bị người đời canh cải làm sai lạc, mở ra cơ quan tận độ chúng sanh và hủy bỏ cõi Địa Ngục :

Hỗn Ngươn Thiên dưới quyền Giáo Chủ,
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên.
Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,
Khai cơ Tận độ Cửu tuyền diệt vong.

- Đức Phật Di Lạc làm Giáo Chủ Hội Long Hoa để tuyển chọn và phong thưởng những người tu hành đầy đủ công đức lên hàng Phật Vị, và nơi cõi Tây Phương Đức Ngài xua đuổi và trừ

khử loài ma hồn quỷ xác không cho lộng hành thử thách các bậc chơn tu. Đức Ngài sẽ giáng Chơn Linh xuống cõi trần làm một vị Phật Hộ Pháp Di Đà, dùng bửu pháp Giáng Ma Xử để xua đuổi các loài tà ma tinh quái :

Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị,
Cõi Tây Phang đuổi quỷ trừ ma.
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trừ tinh.

- Đức Phật Di Lạc sẽ thâu các Đạo hữu hình làm một (có nghĩa là sẽ gom tất cả các nền tôn giáo lớn trên hoàn cầu thống nhất lại thành một mối, để tạo thành một nền Đại Đạo) và lập ra một trường thi công quả để phong Tiên, Phật. Đức Ngài sẽ tạo lập ra một cảnh đời hiền đức bằng cách giáo hóa người hung dữ thành người hiền lương đạo đức, bảo vệ sự sống và gìn giữ sanh mạng cho chúng sanh và nắm giữ quyền pháp mẫu nhiệm của Thượng Đế :

Thâu các Đạo hữu hình làm một,
Trường thi Tiên, Phật vượt kiếp khiên.
Tạo Đời cải dữ ra hiền,
Bảo sanh nắm giữ diệu huyền CHÍ TÔN.

GHI CHÚ:

Bốn câu kinh sau cùng gợi cho chúng ta ý nghĩa của mấy câu kinh sau đây trong bài Kinh Phật Mẫu :

Hiệp vạn chủng nhưt môn đồng mạch,
Qui thiên lương quyết sách vạn trù.
Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.

Tạm hiểu: Đức Phật Mẫu sẽ hiệp các chủng tộc của nhơn loại thành một nhà, cùng chung một tín ngưỡng, một Đạo, không phân biệt quốc gia chủng tộc, rồi đem Phật Tính về với mỗi con cái của Ngài. Lấy biểu hiệu của Tôn Giáo, như Kinh Xuân Thu

của Đạo Nho, Cây Phất Chủ của Đạo Tiên, Bình Bát Vu của Đạo Phật, Đức Phật Mẫu sẽ gom cả ba Tam Giáo lại thành một nền Đại Đạo để tìm cho ra Chơn Pháp.

Ngoài ra việc thực hiện Đại Đồng trên thế giới cũng được tiên tri trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh như sau :

Hội Nguơn hữu Chí Linh huấn chúng,
Đại Long Hoa nhơn chủng hòa ki (là cơ)
Tam Kỳ khai hiệp Thiên thi,
Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.

Tạm hiểu: Cuối Hạ Nguơn Tam Chuyển bắt đầu Thượng Nguơn Tứ Chuyển, có Đức Chí Tôn đến giáo hóa nhơn sanh, và khai mở Đại Hội Long Hoa là cơ hội để cho các giống dân trên thế giới sống hòa hiệp với nhau (tức là thực hiện Đại Đồng trên thế giới). Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra là phù hợp với thiên thư tiền định, là trường thi Tiên dành cho những người may mắn gặp gỡ và có duyên với Phật, tức là có duyên với nền Đại Đạo.

Ghi Chú:

Đức Hộ Pháp thuyết đạo, có dạy như sau :

“ Đại Long Hoa đã tiên tri là hội ân xá các đảng chơn hồn, không phân chia chủng tộc, nòi giống hiệp nhau về một gốc”. Đức Lý Giáo Tông cũng đã có dạy : “ Mở một mối đạo chẳng phải là sự thương tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối đạo cũng chẳng phải dễ ”³³ .

THAY LỜI KẾT LUẬN

* Đối với một vị Đạo Hữu giữ trai kỳ đủ 10 ngày, từ khi qui vị đến lúc làm Lễ Đại Tường, Bàn Trị Sự đã Thượng Sớ đủ 12 lần (con số 12 là con số riêng của Đức Chí Tôn) :

- 1 lá Sớ Tân Cố khi vừa mới qui vị,
- 9 lá Sớ Tuần Cửu : một lá Sớ cho mỗi kỳ Cúng Cửu,

33- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang.47 - in năm 1972.*

- 1 lá Sớ trong ngày Lễ Tiểu Tường,

- 1 lá Sớ trong ngày Lễ Đại Tường.

* Khi nghiên cứu Kinh Tang Lễ, chúng tôi thấy sự phân công của Đức Chí Tôn rất rõ ràng theo thiên vị của các Đấng ban cho kinh.

1). Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ban cho kinh khi xác tục còn ở tại thế.

2). Đức Quan Âm Như Lai ban cho Kinh Hạ Huyệt khi xác tục sắp sửa được đặt vào lòng đất. Đức Bà cũng ban tiếp cho bài Kinh Khai Cửu.

3). Kinh tuần cửu thì do Cửu Vị Nữ Phật ban cho. Riêng bài Kinh Cửu Cửu thì có Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban cho 4 câu chót, để rồi Mẹ tiếp ban cho bài Kinh Tiểu Tường.

4). Đức Thích Ca Như Lai ban cho bài kinh Đại Tường và bài Di Lạc Chơn Kinh.

5). Đức Hộ Pháp ban cho kinh sinh hoạt đạo sự và Chơn Linh Đoàn Thị Điểm ban cho kinh Tế Lễ.

Nhiệm vụ của các Đấng rất rõ ràng.

IX- Công Quả Hành Đạo CỨU ĐƯỢC ÔNG BÀ CHA MẸ

Theo Giáo Lý Cao Đài thì : Công Quả hành Đạo của người Tín Đồ cứu được Cha Mẹ và Cửu Huyền Thất Tổ.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế mở Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Ngài ban cho nhơn loại nhiều ân huệ rộng lớn. Một trong những ân huệ đó là việc Công Quả Hành Đạo của con cháu có thể cứu độ được Cha Mẹ và Ông Bà.

* Trong Bộ Đạo Sử Nhựt Ký của tác giả Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, Đức Chí Tôn có cho biết :

“Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ”³⁴

* Trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm cho biết là con cháu có thể xin tội cho cha mẹ :

Sấp mình cúi lạy Từ Bi,
Tiền khiên phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.

* Cũng trong bài Kinh Tụng Khi Cha Mẹ Qui Liễu, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm cho biết là Công Quả Lập Đức của Người Con có thể cứu độ được Cha Mẹ :

Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Tề Thiên Đại Thánh giáng đàn có dạy:” Từ đây con phải “thay thế việc cực nhọc cho cha con, đặng cha con có ngày giờ mà hành đạo, vì một người giữ tròn đạo hạnh thì cứu đặng Thất Tổ Cửu Huyền, vậy có đáng quý báu chẳng³⁵ ? ”.

* Ngoài ra, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (phần Thi Văn Dạy Đạo), Ôn Trên cũng có dạy:

Muôn đức ngàn lành không sót một,
Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần.³⁶

Nhưng vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ thì nhóm loại chưa được hưởng ân huệ này.

1.- TRƯỜNG HỢP NGÀI KIỀU MỤC LIÊN

Ngài Mục Kiều Liên đắc quả A-La-Hán mà Mẹ của Ngài vẫn bị đày xuống Địa Ngục.

Ngài Mục Kiều Liên, đệ tử của Đức Phật Thích Ca, tu hành chứng quả A-La-Hán, đạt được Lục Thông (6 phép thần thông

34- Đạo Sử Nhứt KỳSNK, Quyển 1 trang 138.

35- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 49 - in năm 1972.

36- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 101- in năm 1972.

Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông, Lậu tận thông), trong khi mẹ của Ngài là bà Thanh Đề lại bị đày xuống Địa Ngục.

Ngài dùng Thiên nhãn thông thấy bà Thanh Đề đang bị đọa làm ngạ quỷ nơi Âm Phủ. Ngài vận thần thông đem bát cơm đến dâng cho mẹ. Bởi lòng tham lam độc ác trong tiền kiếp nổi bực lên nên khi bà đưa cơm vào miệng thì cơm hóa thành lửa, chẳng ăn được, vẫn phải chịu đói. Ngài Mục Kiều Liên đến bạch với Đức Phật Thích Ca, cầu xin Đức Phật dạy cho cách cứu độ thân mẫu. Đức Phật Thích Ca dạy rằng : Thanh Đề do lòng tham lam độc ác, tạo ra tội lỗi nặng nề, trải qua nhiều kiếp, nay bị đọa vào ác đạo làm loài ngạ quỷ, nên không thể một mình Mục Liên cứu độ được, mà phải nhờ oai thần của chúng tăng nơi mười phương đức lớn mới cứu độ được Thanh Đề. Đức Phật dạy Ngài Mục Kiều Liên là ngày Rằm Tháng Bảy là ngày tự tứ của chư tăng trong 10 phương, sau 3 tháng an cư kết hạ, tinh tấn tu hành, công đức tăng thêm nhiều. Vậy Mục Kiều Liên nên chọn ngày ấy làm lễ Vu Lan Bồn để báo hiếu cho cha mẹ, và cầu xin cho mẹ được giải thoát khỏi nơi ác đạo. Ngài Mục Kiều Liên vâng theo lời Phật dạy, nhờ đó mà thân mẫu của Ngài được thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, và được siêu thăng về cõi giới lành.

Sự việc này được xảy ra vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Ghi Chú:

*- Tự tứ: là tùy ý, tức tự mình khai tội ra trước Giáo Hội mà sám hối. Ngày tự tứ được Giáo Hội Phật Giáo qui định là ngày Rằm tháng Bảy.

*- An cư kết hạ : ở yên kết lại với nhau trong mùa hạ mà lo tu học. Thời gian an cư kết hạ gồm 3 tháng, từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy.

2.- TRƯỜNG HỢP BÀ NỮ ĐẦU SƯ HƯƠNG HIẾU

Công quả hành Đạo của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu cứu được Mẹ và Cửu Huyền Thất Tổ của Bà.

Trong Đàn Cơ ngày 7-1- 1926, Đức Chí Tôn dạy Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu đi hành Đạo, phổ độ nhơn sanh. Nhơn dịp đó, Bà bạch với Đức Chí Tôn như sau:

“ Con muốn đi độ má con nhưng mắc má con ở xa làm sao con đi độ được?”

Đức Chí Tôn mới dạy Bà như sau :

“ - Hiếu ! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi, huống là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn” ³⁷

3.- TRƯỜNG HỢP ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG

Nhờ Công Quả Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông mà song thân của Ngài được siêu thăng nơi Cực Lạc.

Trong một đàn cơ, nhân có Bát Nương Diêu Trì Cung giảng đàn, Đức Q. Giáo Tông Lê Văn Trung hỏi thăm Bát Nương về linh hồn của Thân phụ và Thân mẫu có được siêu thăng không.

Đức Ngài hỏi Bát Nương :

- Thân phụ và Thân mẫu của Qua có được siêu thăng không? Giờ đây ở đâu ?

Bát Nương giảng cơ đáp:

- Em chỉ nói bằng thơ, nếu Anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

Đức Q. Giáo Tông năn nỉ:

- Nếu Qua nói trật thì Em thương tình mà chỉ dẫn để cho Qua học thêm với.

- Bạch Y Quan nay sang Cực Lạc, Bá phụ cùng Bá mẫu đang an.

37- Đạo Sử Bà Nữ Đầu Sư.Hương Hiếu, trang 25..

- Như vậy là Thân phụ và Thân mẫu của Qua trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở nơi Cực Lạc ?

- Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của Anh nên Bá phụ và Bá mẫu được siêu thăng nơi Cực Lạc. (Theo tài liệu của Hiền tài Nguyễn Văn Hồng)

4.- TRƯỜNG HỢP NGÀI NGUYỄN BẢO PHÁP

Công quả hành Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đã cứu được Thân Mẫu của Ngài.

Sau đây, xin trích bài Thánh Giáo của Đức Chí Tôn dạy cách sắp đặt tang lễ cho thân mẫu của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.³⁸ .

***Ngày 21-7 Bính Dần (28-8-1926)**

Thầy sắp đặt tang lễ thân mẫu Ngài Nguyễn Trung Hậu.

THẦY

Các con,

Thầy buồn cho Hậu lắm đó, vì vậy mà hôm qua THẦY không nói chi với nó hết. Nó là môn đệ yêu dấu của THẦY, còn mẹ nó không biết tu là gì thì THẦY mới cho đứng vào đâu ? Các con xúm nhau chôn giùm mẹ nó rồi ít lâu nuôi vợ của nó nữa. Cười ...

Trung, con tức cấp xuống Cần Giuộc biểu Tương về và cả chư môn đệ THẦY hội lại cho đủ mặt. Phải nhớ biểu Lịch lên, nói với nó THẦY cần 4 Chức Sắc Minh Đường cầu kinh cho mẹ Hậu. Phải đủ mặt Lễ Sanh mà làm Đại Lễ cho mẹ nó.

Con Trung, viết một lá sớ như vậy :

“Lịnh Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hứa dữ Địa Tạng Vương Bồ Tát khả thâm chơn hồn thị ... tử ... nhứt ... ngoạt ... niên, giam tại Vọng Thiên

38- Thánh Ngôn Sư Tập, Quyển 1, bài 40 - Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Cung, chờ công quả của Hậu mà thăng lên ”.

Đưa cho Tắc câu chú nó đọc mà đốt sớ, 4 thầy Minh Đường cứ tụng kinh cầu khẩn.

TÁI CẦU

THẦY

Các con cứ vô Hậu, để mọi sự cho Minh Đường lo liệu. THẦY muốn cầu kinh là chủ ý rồi cho hôn của mẹ Hậu nơi Diêm Đình. Luật tại Diêm Đình là Luật Đại Thiên Tôn, cũng là THẦY, nhưng nghiêm nhặt, phải chuộc tội trước mặt chư Thần mới xứng vào Vọng Thiên Cung đặng, bằng chẳng vậy thì án của mẹ Hậu đã phải bị vào cửa thứ 7.

Các con coi THẦY rộng lòng hơn từ cùng các con thế nào ? Phải sợ tội tình cho lắm, nghe.

Các con đi.

***Ngày 27-7 Bính Dần (3-9-1926)**

THẦY

Hậu, con còn lo nhiều nỗi lắm hả ? Mẹ con lúc này đặng an nhàn nơi Vọng Thiên Cung, còn chờ công quả của con. THẦY khuyên con chớ nên tưởng điều rầu buồn lắm, phải lo chung mối Đạo. Chi chi cũng có THẦY, con biết chi mà lo lắng.

Hậu, con nghe, con là môn đệ yêu dấu của THẦY. Vợ con cũng lắm lúc khốn đốn, THẦY sẽ ban ơn.

(Hậu hỏi về việc làm tuần cho mẹ)

- Con cứ mời Tắc, Sang, Cư cùng thỉnh mấy vị bên Minh Đường như buổi trước, biểu chúng nó phải tụng kinh cho mẹ con thì đủ. Tới ngày ấy THẦY sẽ dạy thêm.

Ghi Chú:

Đức Chí Tôn có nói : “ rồi ít lâu nuôi vợ của nó nữa. Cười ... ”.

Đức Chí Tôn nói như vậy vì nhà Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu rất nghèo. Ngài đi hành Đạo, vợ ở nhà chỉ là nội trợ, cơm gạo lo từng buổi...

Đây là đám tang đầu tiên trong Đạo, trước ngày Khai Đạo, chưa có Kinh Tận Độ, nên Đức Chí Tôn dạy phải nhờ quý vị Chức Sắc bên Minh Đường đến tụng kinh. Đây cũng là dịp để cho quý vị Tiền Khai biết rằng công quả hành đạo cứu độ được cha mẹ mình (và cả Cửu Huyền Thất Tổ nữa).

Sau khi Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu tích cực hành đạo chỉ trong khoảng hai năm rưỡi, Linh Hồn của mẹ Ngài được thăng cấp vào Đông Đại Bộ Châu, còn được Đức Chí Tôn cho phép giáng cơ.

***Ngày 10-1 Kỷ Tỵ (19-2-1929)**

Phò loan: Bảo Pháp - Hiến Pháp.

Thân Mẫu của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu được THẦY cho phép giáng cơ.

Mẹ mừng con,

Mẹ cảm ơn con đó. Con đâu có rõ đặng ngày nay Mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay Mẹ đặng vào Đông Đại Bộ Châu. Ấy cũng nhờ ơn của Chí Tôn rất thương mà cho Mẹ vào phẩm ấy. Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho hai con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà Mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho Mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng : Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con.

Nay Mẹ đến khuyên hai con khá lo sao cho tròn phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ông Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì Mẹ rất vui lòng đó, con hiểu ...

Mẹ rất vui thấy lòng con nên Mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe.

Tôi chào nhị vị Thánh (nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa và Bác vật Lưu Văn Lang.

Tôi chẳng biết lấy chi cảm cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây, xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tốt phẩm.

Tôi đây chẳng chi xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay. Ấy cũng nhờ sức con mớiặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết.

Ấy đó, công của nhị vị càng dày thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý.

(Hỏi về việc ông thân tôi)

- Mẹ không dám nói. Thôi, Mẹ lui.³⁹

Ghi Chú: Công Quả Hành Đạo Đạo của con cháu có thể cứu độ được Cha Mẹ và Ông Bà. Ngược lại, tội ác của con cháu cũng có ảnh hưởng xấu đến Cha Mẹ và Ông Bà, như trường hợp của Ông Nguyễn Phát Trước tự Tư Mất. Ngày 9-3-1926, trong một buổi hầu Đàn, Tư mất được Thầy dạy như sau:

“ Người muốn biết đặng cha người thế nào, hỏi nơi người Người làm tội chớ cha người là người trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng. Nhưng mà bị tội giáo tử bất nghiêm đến đổi hại sanh linh đã lắm ; phải tội liên can đó mà thôi, nên ở ngục... mà đợi người đến. Người phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó ”.⁴⁰

***Đám Tang Thứ Nhì Trong Đạo**

Đám tang thứ nhì trong Đạo là đám tang của Ngài Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tương. Đây là vị Chức Sắc cao cấp của Đạo Cao Đài đẳng Tiên sớm nhất, lúc còn rất trẻ, mới 48 tuổi.

39- *Thánh Ngôn Sư Tập, Quyển 1, bài 145 - HT.Nguyễn Văn Hồng*
40- *Huệ Nhãn, quyển Niên số thời thiết, trang 69.*

Đại Lão Sư Nguyễn Đạo Tương (Minh-Sư), thế danh Nguyễn Văn Tương được Đức Chí Tôn ân phong Chưởng Pháp phái Thượng vào ngày 31-8-1926, thọ phong được non ba tháng rưỡi thì qui Tiên vào ngày 11-12-1926.

Về Lễ Tang của Ngài Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tương, Đức Chí Tôn có dạy như sau.

***Ngày 5-11 Bính Dần (9-12-1926)**

THẦY các con

Các con nghe :

Ngày nay đã mất hết một người Môn đệ của THẦY, lại là một Đạo hữu của các con đã cùng các con nghiêng vai gánh vác một trách nhiệm trong Đại Đạo Tam Kỳ.

Tương mãi phần cũng do nơi số mạng tiền định, nó có phước là vì đặng về THẦY trong mấy ngày tốt của kiếp trần ai của nó...

Còn việc an táng nó, các con cũng nên lưu ý chung với nhau mà lo bề Nhơn đạo của các con cho tròn.

Trang, con nói với Trung, Thơ, Tương, Hóa và các Thiên Phong đều có mặt mà đưa nó lên đường, là chỗ nó an giấc ngàn năm, cũng để tiếng đặng một người đạo hạnh vậy. Trừ ra đứa nào phải vắng mặt bận việc thì chế đặng. Còn về sự làm cho rõ ràng trong Đạo hữu, các con nên liệu tính cho kíp. Sự cầu kinh thì do nơi đám tang của mẹ Hậu, đều khác hơn một thí ⁴¹.

***Ngày 7-11 Bính Dần (11-12-1926)**

THẦY

Trung, Lịch ! Hai con phải dụng đại lễ mà an táng Tương nghe. THẦY ngặt một lễ, chẳng thế nào đem Tương vào Tam Thập Lục Thiên, phải để nó nơi Đông Đại Bộ Châu mà chờ Tòa Tam Giáo phát đạt.

41- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang.57 - in năm 1972.

THẦY có để lời cho Thái Bạch Kim Tinh cầu rỗi, nhưng Người giận Tương không công quả, dâng Bộ Công Thiên Thơ ra trống trải lấm, tại nơi Tòa mới cãi chối nổi gì. Người nhứt định không dự đến. ⁴².

***Ngày 9-11 Bính Dần (13-12-1926)**

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT
CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

THẦY dặn con Trung,

Lý Bạch phiền Tương vì trong Sổ không nhiều công quả, Người mới để cho nó chết. Con dặn cả môn đệ coi gương Tương mà giữ mình. ⁴³

Ghi Chú: Theo các bài Thánh Giáo trên, chúng tôi có suy nghĩ như sau.

- Hễ vào Đạo rồi thì phải siêng làm công quả. Đức Lý Giáo Tông rất phiền những Chức Sắc thiếu công quả.
- Khi trong Đạo có đám tang thì hãy cùng nhau chung lo và đi đưa người quá cố đến nơi an giấc ngàn năm, để làm tròn Nhơn Đạo như Đức Chí Tôn đã dạy.

**X- Những Ân Huệ
TRONG ĐẠI ÂN XÁ KỶ BA**

Vào thời Hạ Ngươn này, Đức Chí Tôn khai Đạo Cao Đài, Đức Ngài mở ra Đại Ân xá Kỳ Ba cho các đảng linh hồn và cho chúng sanh, để chúng sanh tu hành để đắc quả. Đức Ngài ban cho nhơn loại nhiều đặc ân như là :

- Được hưởng Phép Tắm Thánh,

42- Thánh Ngôn Sư Tập, Quyển 1, Bài 60- ,Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng).

43- Đạo Sử Nhứt Ký, Quyển 1, trang 246 - Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

- Được hưởng Phép Giải Oan,
- Được hưởng các Bí Tích về Phép Độ Hồn,
- Được hưởng đầy đủ Kinh Tận Độ Vong Linh,
- Được trở về cùng Đức Chí Tôn chỉ trong một kiếp ngộ đạo,
- Độ được Cha Mẹ Ông Bà nhờ vào Công Quả hành đạo,
- Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa Ngục và thả các tội hồn,
- Đức Chí Tôn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những người đắc đạo...

1.-PHÉP TẮM THÁNH

Con nhà Đạo từ một tháng tuổi được đem đến Thánh Thất địa phương để nhờ một vị Chức Sắc hành pháp Tắm Thánh với hai mục đích:

- Trình đưa bé với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng để cho đưa bé được công nhận là con nhà Đạo,
- Tẩy trước Chơn Thần đưa bé cho đưa bé được thông minh sáng suốt.

Dầu kiếp trước là người hung dữ, kiếp này cũng trở nên hiền, dầu kiếp trước sống trong tội lỗi, kiếp này cũng được ban cho đầy đủ các quyền tự chủ để lập vị cao siêu :

Căn xưa ví dữ cũng hiền,

Dầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.

2.- PHÉP GIẢI OAN

Làm người nơi cõi trần mấy ai tránh khỏi nhiễm trần, vì lục dục thất tình mà gây ra nhiều oan nghiệt. Do đó, sau khi một người đã được lập thế nhập môn vào Đạo Cao Đài rồi thì Hội Thánh cho phép người tân Tín Đồ được thọ phép Giải Oan để cầu xin Đức Chí Tôn tha thứ cho cởi bỏ tất cả các oan nghiệt của nhiều kiếp trước ; nếu không nó sẽ báo ứng gây ra nhiều tai họa cho cuộc sống hiện tại, có ảnh hưởng rất nhiều đến việc tu hành .

Những câu kinh sau đây nói lên sự linh diệu của phép Giải

Oan:

- Kinh Giải Oan:

May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

- Kinh Cầu Hồn:

Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ vong.

- Kinh Hạ Huyết :

Phép Giải Oan độ hồn khỏi tội,
Phuơn tiêu diêu nắm mối trường sanh.

3.- BÍ TÍCH VỀ PHÉP ĐỘ HỒN

Đối với người Tín Đồ Cao Đài thuần thành, giữ tròn lời Minh Thệ, gìn giữ đúng luật Đạo, giữ trai kỳ ít nhất là 10 ngày, sau khi chết, Chơn Thần và Linh Hồn được hưởng nhiều ân huệ của Đức Thượng Đế ban cho trong Đại Ân Xá Kỳ Ba này.

Khi qui vị, Chơn Thần được hưởng các phép Bí Tích trong Lễ Tang như sau:

- Phép Xác để tẩy trừ Chơn Thần,
- Phép Đoạn Căn để cắt đứt bảy dây oan nghiệt,
- Phép Độ Thăng để đưa Chơn Thần và Linh Hồn vào cõi Hư Linh.

Ngoài ra, nhờ vào Kinh Tận Độ Vong Linh và sự linh nghiệm của chín bài Kinh Tuần Cửu, Chơn Thần và Linh Hồn sẽ được các Đấng Thiêng Liêng, đặc biệt là Cửu Vị Nữ Phật, hướng dẫn lần lượt vào các tầng Trời của Cửu Trùng Thiên để cuối cùng được Đức Phật Mẫu ban cho dự Hội Bàn Đào nơi Cung Diêu Trì của Đức Phật Mẫu ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên.

Sau đó, Chơn Thần được đưa vào Ngọc Hư Cung để được phán xét cuối cùng. Đức Chí Tôn có dạy :

“Nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng”.

4.- KINH TẬN ĐỘ VONG LINH

Tín Đồ Cao Đài giữ trai kỳ từ 10 ngày trở lên, khi qui vị, được hưởng đầy đủ Kinh Tận Độ Vong Linh. Các bài Kinh Tận Độ dùng trong tang lễ là do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và Đức Phật Bà Quan Âm giáng cơ ban cho, gồm có :

- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- Kinh Tẩn Liệm
- Kinh Đưa Linh Cữu
- Kinh Hạ Huyệ.
- Vãng Sanh Thần Chú thì thỉnh bên Phật Giáo.

- Kinh Cầu Siêu do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát giáng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu), được thỉnh về làm Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- Kinh Di Lạc, do Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật giáng cơ ban cho, tụng chung với bài Kinh Cầu Siêu đạt hiệu quả rất tốt. Trước khi Ổn Trên ban cho Tân Kinh, Kinh Di Lạc được dùng để cầu rỗi cho các linh hồn đặng siêu thăng tịnh độ.

- Kinh Cứu Khổ là bài kinh để tụng lên cầu nguyện với Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện đến cứu độ khi gặp trường hợp tai nạn hiểm nghèo không phương cứu thoát được, hoặc khi bị bệnh rất trầm trọng khó phương cứu chữa. Nếu tụng được một ngàn lần bài Kinh Cứu Khổ thì bản thân mình tránh được tai nạn khổ sở, tụng được mười ngàn lần thì cả nhà mình tránh được tai nạn khổ sở, đúng theo lời câu kinh sau đây “Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn”.

Các bài Kinh Thế Đạo, dùng cúng tế vong linh thì do Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giáng cơ ban cho.

Một khi Chơn Hồn đã xuất ra được khỏi thể xác, thì vì mới lia

khỏi nhục thể nên còn khờ khạo và hay sợ sệt, chưa định tỉnh sáng suốt, bởi còn nhuốm mùi trần không nhiều thì ít trong một thời gian khá lâu, nên chưa biết đường đi trở về quê xưa cảnh cũ nơi cõi thiêng liêng. Vì vậy mà phải nhờ có Kinh Tận Độ và sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng để hướng dẫn Chơn Hồn, đặc biệt là sự trợ giúp của Cửu Vị Tiên Nương Cung Diệu Trì (Cửu Vị Nữ Phật):

- Kêu gọi Chơn Hồn phải định tỉnh để nhớ lại đường về quê xưa nơi cõi thiêng liêng,

- Qua các Tuần Cửu, hướng dẫn Chơn Hồn lên các tầng Trời của Cửu Trùng Thiên để không bị lầm đường lạc lối,

- Luôn luôn nhắc nhở Chơn Hồn là hãy dứt khoát từ bỏ cõi trần, cố lánh xa cõi Địa Ngục mà thẳng về gìn giữ lại ngôi vị xưa nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

5.- NGỘ KIẾP MỘT ĐỜI TU

Những người không có tín ngưỡng tôn giáo, nhưng làm đủ bổn phận người, công bình chánh trực, khi Chơn Hồn xuất ra khỏi thể xác thì được chuyển kiếp lần lượt theo các nấc thang tiến hóa mà Đấng Thượng Đế đã dạy trong một bài Thánh Giáo, nghĩa là phải luân hồi tái kiếp và tiến hóa lần lượt theo 72 Địa Cầu, lên 3000 Thế Giới, qua khỏi Tam Thiên Thế Giới mới đến Tứ Đại Bộ Châu. Qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên... Như vậy “thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy; nên Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhóm loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng”⁴⁴

Đối với Tín Đồ Cao Đài giữ tròn Luật Đạo thì, sau khi chết, Chơn Hồn được hưởng đầy đủ Kinh Tận Độ và các Bí Tích của Phép Độ Hồn, để cuối cùng được đến bái kiến Đức Chí Tôn, và tùy theo công nghiệp mà được thưởng phẩm trật thiêng liêng,

44- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 61- in năm 1972.*

thoát khỏi vòng luân hồi.

Như vậy, chỉ cần một kiếp tu theo Đạo Cao Đài là đủ trở về cùng Đức Chí Tôn.

6.- CỨU ĐỘ ÔNG BÀ CHA MẸ

“Nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa”, luân hồi trong Địa Cầu 68, rồi lần lần mới từ Địa cầu 68 lên Địa cầu 67 “cho tới Đệ nhất Cầu,

Theo Giáo Lý Cao Đài thì Công Quả hành Đạo của người Tín Đồ Cao Đài cứu được Cha Mẹ và Cửu Huyền Thất Tổ, nhưng trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ thì nhóm loại chưa được hưởng ân huệ này.

Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Ngài Mục Kiều Liên, đệ tử của Đức Phật Thích Ca, tu hành chứng quả A-La-Hán, trong khi mẹ của Ngài là bà Thanh Đề lại bị đọa làm ngựa quỉ nơi Âm Phủ. Theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca, Ngài Mục Kiều Liên phải nhờ oai thần của chúng tăng nơi mười phương đức lớn mới cứu độ được bà Thanh Đề.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế mở Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Ngài ban cho nhóm loại nhiều ân huệ rộng lớn. Một trong những ân huệ đó là việc Công Quả Hành Đạo của con cháu có thể cứu độ Cha Mẹ và Ông Bà :

*Trong Bộ Đạo Sử Nhứt Ký, tác giả Hiền tài Nguyễn Văn Hồng (quyển I, trang 138) Đức Chí Tôn có cho biết “Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ”.

*Trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm có cho biết là việc Lập Đức của con giúp được Linh Hồn của Cha Mẹ nơi cõi thiêng liêng :

Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.

*Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Tể Thiên Đại Thánh giáng đàn có dạy: “ Từ đây con phải thay thế việc cực nhọc cho cha con, đặng cha con có ngày giờ mà hành đạo, vì một người giữ tròn đạo hạnh thì cứu đặng Thất Tổ Cửu Huyền, vậy có đáng quý báu chẳng ⁴⁵? ”

Trong Quyển Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, có đoạn cho biết rằng : Công quả hành Đạo của Bà Nữ Đầu Sư đã cứu độ được Mẹ và Cửu Huyền Thất Tổ của Bà.

Trong Đàn Cơ ngày 7-1-1926, Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu đi hành Đạo, phổ độ nhơn sanh. Bà có bạch với Đức Chí Tôn như sau :

- Con muốn đi độ má con nhưng mắc má con ở xa làm sao con đi độ được ?

Đức Chí Tôn mới dạy Bà như sau :

“ - Hiếu ! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi, huống là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn ” (Đạo Sử, trang 25, in Hải Ngoại).

7.- ĐÓNG ĐỊA NGỤC MỞ TẦNG THIÊN

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN mở Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Ngài cho lệnh dẹp bỏ các khổ hình, đóng cửa Địa Ngục, đưa các tội hồn đến cõi Âm Quang để tịnh tâm xét mình và học đạo.

Cõi Âm Quang vừa mới được lập ra trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, thay thế cho cõi Địa Ngục. Nơi đây, có Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn, và Thất Nương Diêu Trì Cung giáo hóa các nữ tội hồn.

Khi các tội hồn đã biết ăn năn sám hối, các Đấng sẽ cho đầu kiếp trở lại cõi trần để trả quả và cũng để lo tu hành, lập công

45- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 49 - in năm 1972).

bồi đức mà trừ tội lỗi.

Đồng thời, Đức Chí Tôn cũng cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những người đầy đủ công đức đắc đạo. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Thích Ca Như Lai có dạy như sau :

“ Chư Sơn nghe dạy: Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành ; Chánh Pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên... Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót, phải ráng sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật. Chư Sơn đắc đạo cùng chẳng là do nơi mình hành đạo. Phép hành đạo Phật Giáo dường như ra sai hết, tương tự gần như biến ‘Tả Đạo Bàn Môn’. Kỳ truyền đã thất, Chư Sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào ; cứ ôm theo luật Thần Tú, thì đương mong mỗi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng... ”⁴⁶

Nay trong Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Chí Tôn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước Chơn Hồn của những người đầy đủ đạo đức, đã một lòng tu niệm, công viên quả mãn.

Việc đóng cửa Địa Ngục và mở cửa Cực Lạc Thế Giới được Ông Trên cho biết qua các câu kinh sau đây :

Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây Phương.
(Kinh Giải Oan)

và:

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.
Vô địa ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.
(Phật Mẫu Chơn Kinh)

46- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 19-20 - in 1972).

8.- TRƯỜNG HỢP CON CHÁU GÂY TỘI

Như chúng ta đã biết, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Công Quả Hành Đạo Đạo của con cháu có thể cứu độ được Cha Mẹ và Ông Bà.

Ngược lại, tội ác của con cháu cũng có ảnh hưởng xấu đến Cha Mẹ và Ông Bà, như trường hợp của Ông Nguyễn Phát Trước tự Tư Mất.

Tư Mất là một tay anh chị thời Pháp thuộc, bị cảnh sát Pháp liệt vào hạng “bandit dangereux, chef de société secrète”

(tạm dịch): Kẻ cướp nguy hiểm, trùm xã hội đen). Ông nhập môn vào Đạo, lại muốn biết tin tức về người cha đã mất.

Ngày 9-3-1926, trong một buổi hầu Đàn, Tư Mất được Thầy dạy:

“ Người muốn biết đặng cha người thế nào, hỏi nơi người...”

Người làm tội chớ cha người là người trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng. Nhưng mà bị tội giáo tử bất nghiêm đến đổi hại sanh linh đã lắm ; phải tội liên can đó mà thôi, nên ở ngục... mà đợi người đến. Người phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó ”⁴⁷

XI- TAM LẬP

Tam Lập gồm có : Lập Ngôn, Lập Đức và Lập Công. Trong Lập Công có 3 cách lập công, gồm Công Phu, Công Quả, Công Trình.

1.- LẬP NGÔN

Ngôn là lời nói, Lập Ngôn là giữ gìn lời nói cho phải Đạo, và dùng lời nói để phổ độ nhơn sanh. Như vậy, việc Lập Ngôn gồm có 2 trình độ :

47- Theo tài liệu của Huệ Nhân - Niên số thời thiết.

-Thứ nhất, Lập Ngôn là cẩn thận trong lời nói, chỉ nói những lời chơn thật, chánh đáng, có đạo đức,...

-Thứ nhì là phải học Đạo đặng thuyết giảng giáo lý của Đạo để người nghe phát tâm hành thiện hay tu hành.

Như vậy, khi nói ra lời nào phải suy nghĩ cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật hay không, có gây thiệt hại hay phiền giận cho ai không.

Bên Tây Phương có câu cách ngôn là: Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần.

Nho Giáo có dạy : Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ táng bang, nghĩa là một lời nói có thể làm cho nước hưng thịnh, một lời nói có thể làm cho nước mất.

Đức Chí Tôn cũng có dạy: “ Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể ”.

Người Tín Đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đúng đắn thì phải nghiêm chỉnh tuân theo giới thứ 5 của Ngũ Giới Cấm là: Ngũ Bất vọng ngữ, nghĩa là cấm: xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận nhau, ăn nói lỗ mãng thô tục, chửi rủa người, nói ra không giữ lời hứa, v.v ... ”.

Trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp có dạy như sau :

“ Minh học để biết Đạo là Lập Đức, nói Đạo cho thân tộc nghe là Lập Công, độ toàn nhơn loại là Lập Ngôn, có làm đủ ba điểm đó mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa ”.

Con đường Cửu Thiên Khai Hóa là con đường tu nơi Cửu Trùng

Đài, đi theo Cửu Phẩm Thần Tiên, đạt phẩm vị lần lượt từ Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần, rồi lên Địa Thánh, Nhơn Thánh, Thiên Thánh, rồi sau cùng lên phẩm Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên (Thiên Tiên tức Phật vị), nghĩa là từ Đạo Hữu lên Chức Việc, Lễ Sanh, rồi Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, rồi sau cùng lên phẩm Đầu Sư, Chưởng Pháp, Giáo Tông.

2.- LẬP ĐỨC

Lập Đức là dùng sự thương yêu để cứu độ chúng sanh. Đức Chí Tôn đã có dạy : “ Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh ”.

Trong Đạo Cao Đài, muốn Lập Đức cho được trọn vẹn thì phải theo con đường Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng của Hội Thánh Phước Thiện. Trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp có dạy như sau: “ Lập vị mình theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi đây, ngoài việc ăn chay, giữ gìn Luật Đạo, tùng theo Chơn Pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng Đức để lập vị ”. Trong Kinh cũng có nói về việc Lập Đức cứu độ cha mẹ như sau :

Thong dong cõi thọ nường hôn,
Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.

3.- LẬP CÔNG

Lập Công là đem sức lực và sự hiểu biết của mình ra làm việc phụng sự nhơn sanh.

Việc Lập Công chia ra làm 3 phần : Công Phu, Công Quả và Công Trình.

***Công Trình.**- Công Trình là lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ giới luật, như : Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, ăn chay theo Luật Đạo, v.v... Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham

muốn của lục đục thất tình, Công trình chú trọng vào việc tu thân.

***Công Phu.**- Công Phu gồm có hai việc : thứ nhất là học tập Kinh Sách để thông hiểu Giáo Lý và Luật Pháp của Đạo, thứ nhì là Cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu vào các thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Việc Cúng Kiếng rất quan trọng vì lúc đó Chơn Thần được hấp thụ thanh điển của Ông Trên.

Thất Nương, một vị Nữ Phật tại Diêu Trì Cung đã dạy : «Lễ bái thường hành tâm đạo khởi».

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy Quý vị Chức sắc Tiên khai như sau :

“ Các em phải lo cúng kiếng thường.

- Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh...

***Công Quả.**- Tất cả những việc làm giúp người giúp đời, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh đều gọi là Công Quả, vì những việc làm này tạo ra một kết quả tốt đẹp nơi cõi thiêng liêng.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có dạy như sau :

Muôn đức ngàn lành không sót một,

Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần.⁴⁸

Đức Chí Tôn khai Đại Ân Xá, mở Đạo kỳ ba này là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đắc Đạo. Đức Chí Tôn có dạy :

“Thầy hằng nói cùng các con rằng: Một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi ... ”.

48- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 101 - in năm 1972..

Người Tín Đồ Cao Đài là những sĩ tử tham dự kỳ thi này nên cần phải luyện tập các môn Lập Ngôn, Lập Đức, Lập Công, đặc biệt là môn Lập Công. Nếu thí sinh không rèn luyện các môn chánh thức này, mà lại xem thường nó, rồi lại đi rèn luyện các môn khác không sử dụng trong kỳ thi như môn Luyện Đạo chẳng hạn, thì rất uổng phí thời gian cho một kiếp sanh may duyên gặp Đạo.

Ghi Chú: Trong thời kỳ Đại Ân Xá này, Đức Chí Tôn miễn cho Nhơn Sanh môn Luyện Đạo, chỉ cần lập công quả cho nhiều thì đủ đắc đạo. Đức Chí Tôn đã từng khẳng định như sau : “Ta nói cho chúng sanh biết rằng : Gặp Tam Kỳ Phổ Độ mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi” (TNHT.I.18). Tu trong thời Tam Kỳ Phổ Độ thì phải lập đức, làm công quả, phổ độ chúng sanh,.v.v...

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy:

“Trong các con có nhiều đứa lằm tưởng hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết : nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao ”⁴⁹

Hai trường hợp đắc đạo của Phối Thánh Phạm Văn Màng và Phối Thánh Bùi Ái Thoại là những ví dụ điển hình cho thấy rằng công quả và đức hạnh đầy đủ có thể giúp cho đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

49- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, Trang 80-81 - in năm 1972.

4.-BÀI NGŨ NGUYỆN VÀ TAM LẬP

Khi tụng kinh Cúng Tứ Thời xong, phải đọc năm câu nguyện sau đây theo giọng Nam Xuân :

Nam mô

Nhứt nguyện: Đại Đạo hoàng khai.

Nhì nguyện : Phổ độ chúng sanh.

Tam nguyện: Xá tội đệ tử.

Tứ nguyện : Thiên hạ thái bình.

Ngũ nguyện : Thánh Thất an ninh.

Trước hết, xin tìm hiểu ý nghĩa của chữ Nguyện. Chữ Nguyện dùng ở đây có thể được hiểu theo hai nghĩa : Nghĩa tiêu cực (thụ động) và nghĩa tích cực (chủ động).

* Nghĩa Tiêu Cực

Hiểu theo nghĩa tiêu cực (thụ động), thì Nguyện có nghĩa cầu xin cho được, như là : Cầu nguyện, Nguyện vọng, Nguyện ước. Ví dụ : Tam Nguyện xá tội đệ tử.

* Nghĩa Tích Cực

Hiểu theo nghĩa tích cực (chủ động), thì Nguyện có nghĩa mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được một điều gì, như là : Tự nguyện, Tình nguyện, Chí nguyện.

Ví dụ:

- Nguyện hy sinh vì Tổ Quốc
- Nguyện trung thành với Hội Thánh.

Trong 5 Câu Nguyện trên, chữ Nguyện trong hai câu đầu phải được hiểu theo nghĩa tích cực là mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được. Chữ Nguyện trong ba câu sau được hiểu theo nghĩa thụ động là cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Trên cơ sở đó chúng tôi tìm hiểu ý nghĩa của Bài Ngũ Nguyện như sau:

Sau mỗi thời cúng, chúng ta đều phải đọc bài Ngũ Nguyện.

Nếu chúng ta thực hiện được 5 điều nguyện này thì chúng ta có được Tam lập là Lập Ngôn, Lập Đức, Lập Công. Trong Lập công có : Công phu, công quả, công trình.

1.-Nhứt Nguyện: Đại Đạo hồng khai

Đại Đạo: nói tắt của Đại Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hoàng khai: mở mang cho rộng lớn ra.

Câu Nhứt Nguyện Đại Đạo hồng khai có nghĩa : Điều nguyện thứ nhứt của con là quyết tâm làm cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được mở mang rộng khắp.

Muốn thực hiện điều nguyện này, chúng ta phải thuyết giảng giáo lý, truyền bá kinh sách của Đạo, đó là Lập Ngôn.

2.-Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh

Phổ: bày ra rộng khắp.

Độ: cứu giúp.

Chúng sanh: Tất cả các loài vật có sự sống gồm: Vật chất, kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại.

Phổ độ chúng sanh : cứu giúp tất cả chúng sanh cho được giải thoát (cứu giúp tất cả chúng sanh không có chọn lựa)..

Câu Nhì Nguyện phổ độ chúng sanh có nghĩa : Điều nguyện thứ nhì của con là quyết tâm cứu giúp tất cả chúng sanh cho được giải thoát.

Muốn thực hiện điều nguyện này, phải phụng sự chúng sanh, đưa chúng sanh về đường đạo đức, đó là Công Quả (tức Lập Công).

Ngoài ra, muốn độ chúng sanh, trước hết phải biết tự độ lấy mình. Cùng nhau tạo dựng một Thánh Thất để có nơi cùng chung đảnh lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, cũng là một hình thức phổ độ chúng sanh, một hình thức lập công quả.

3. Tam nguyện: Xá tội đệ tử

Xá tội: tha thứ tội lỗi, không trách phạt nữa.

Đệ tử: học trò, môn đệ. Đức CHÍ TÔN xưng là THẦY, gọi các tín đồ Cao Đài là đệ tử.

Câu Tam Nguyện xá tội đệ tử có nghĩa: Điều nguyện thứ ba của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội cho chúng con. Sau khi tích cực thực hiện được hai điều nguyện thứ nhất và thứ nhì, thì mới dám xin xá tội cho chúng đệ tử.

Đối với Đức Thượng Đế, người Tín Đồ Cao Đài tự coi mình là người có tội, là vì có tội nên mới sanh ra trên thế gian này là nơi sông mê bể khổ.

Muốn được tha tội, phải biết ăn năn sám hối khi làm lỗi và lập hạnh giữ gìn giới luật tu hành như Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, ăn chay theo Luật Đạo, v.v... đó là Công Trình (tức Lập Công).

4. Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình

Thiên hạ: Thiên là Trời, hạ là dưới, Thiên hạ là dưới Trời, có nghĩa là toàn thể nhân loại. Trong Tượng Tam Thánh vẽ trước Đền Thánh và các Thánh Thất có các chữ “ Thiên Thượng Thiên Hạ ” và được dịch ra tiếng Pháp là “Dieu et Humanité” có nghĩa là Thượng Đế và Nhơn loại.

Thái bình : Thái là rất, đến chỗ tuyệt cao, Bình là yên ổn, Thái bình là rất bình yên thịnh trị, không còn loạn lạc hay giặc giã.

Câu tứ Nguyện thiên hạ thái bình có nghĩa : Điều nguyện thứ tư của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ cho tất cả chúng sanh được sống yên ổn hòa bình.

Muốn cho thiên hạ, trong đó có bản thân mình, được thái bình an lạc, phải thường xuyên cúng kiếng để cầu xin với Ông Trên, đó là Công Phu (tức Lập Công).

5. Ngũ nguyện: Thánh Thất an ninh

Thánh Thất: Thất là nhà ở, Thánh ở đây được dùng để chỉ những gì thuộc về Đức Chí Tôn, ví dụ như Thánh ngôn, Thánh giáo, Thánh ý ; Thánh Thất là nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, và là nơi hội họp, sinh hoạt, hành đạo, tu học của tín đồ Cao Đài. Từ “Thánh Thất” ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng gồm cả Điện Thờ Phật Mẫu, Đền Thánh, các Thánh Thất, và cả Hội Thánh cùng với vạn linh, vì an ninh là nhu cầu cần thiết cho mọi người, mọi giới và mọi lãnh vực.
An Ninh: bình an, yên ổn, yên lành.

Câu Ngũ Nguyện Thánh Thất an ninh có nghĩa: Điều nguyện thứ năm của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ toàn cả Hội Thánh và Tín Hữu đều được an ninh (Từ Thánh Thất được hiểu theo nghĩa rộng).

Muốn cầu nguyện cho Thánh Thất được an ninh, phải sống và hành động cho hợp lòng người, thuận ý Trời, đó là Lập Đức. Theo trên chúng tôi thấy rằng khi thực hiện được 5 Điều Nguyện sau Đền Cúng thì chúng ta có đủ Tam Lập, là : Lập Ngôn, Lập Công, Lập Đức.

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo có dạy như sau :

“Ai không xuất thân hành đạo, nghĩa là không có công quả phổ độ thì không vào tịnh được, vì không đủ Tam Lập”

HẾT

DANH SÁCH
Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm Trợ In Kinh Sách
(Từ ngày 01-01-2013 đến ngày 20-11-2013.

STT	Đồng đạo - Cơ sở- Thân hữu	USD
01	Andy Lejou, Las Vegas, NV	50.00
02	Cố Nguyễn Thị Cánh, Cần Thơ, VN.	50.00
03	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX.	140.00
04	CTS Châu Huệ Ên, NSW, Úc	100.00
05	CTS Nguyễn Thị Huệ, Wichita, KS	20.00
06	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	30.00
07	Gia đình HT Nguyễn Trung Đạo, San Diego, CA	1500.00
08	Hồ Sơn Thành, San Jose, CA	30.00
09	Hồ Thị Hoa, Tempe, AZ	50.00
10	Hồ Thị Đậm, Louisville, KY.	20.00
11	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	80.00
12	Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI	600.00
13	HT Bùi Văn Nho, Riverside, CA.	100.00
14	HT Huỳnh Công Khanh, St. Petersburg, FL	30.00
15	HT Huỳnh Văn Bớt, Russellville, KY.	220.00
16	HT Lê Thành Hưng, Huntsville, AL.	40.00
17	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX	150.00
18	HT Nguyễn Huỳnh Giàu, San Jose, CA	100.00
19	HT Nguyễn Tấn Phát, Kitchener, Canada	100.00
20	HT Nguyễn Tấn Phước, Surrey, BC, Canada	30.00
21	HT Nguyễn Tấn Tạo & HTDP Nguyễn Thị Kim Châu, Gretna, LA.	100.00
22	HT Nguyễn Thành Nghiệp. NSW, Úc	100.00
23	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	20.00
24	HT Trần Huyền Quang, Marrero , LA	20.00
25	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA	30.00

26	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	60.00
27	HTDP Ngô Thiện Đức, Westminster, CA	20.00
28	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
29	HTDP Phan Công Tranh & HTDP Đỗ Thị Inh, Houston, TX	100.00
30	HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA	30.00
	HTDP Thái Nguyệt Lâm, NSW, Úc	200.00
31	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	20.00
32	HTDP Võ Ngọc Diệp, Fort Worth, TX	20.00
33	Huỳnh Văn Nhựt, Renton, WA	50.00
34	Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA	20.00
35	Lê Văn Bé, Arlington, TX	30.00
36	Lê Văn Đáng, Harvey, LA	20.00
37	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL	200.00
38	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	20.00
39	Lý Quang Tú & Nguyễn Hồng Phượng, San Jose, CA	40.00
40	Van Doyle, Brandon, FL	50.00
41	Đặng Châu, Wichita, KS	40.00
42	Đặng Mỹ Cho, Campell, CA	20.00
43	Đào Thị Ánh, Houston, TX	30.00
44	Ngô Kim Thành, Port St Lucie, FL	40.00
45	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, San Jose, California	200.00
46	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	100.00
47	Nguyễn Hoàng Việt, Kennesaw, GA	20.00
48	Nguyễn Minh, Harvey, LA	20.00
49	Nguyễn Ngọc Phước, Morrow, GA	100.00
50	Nguyễn Thị Thu Trang, Mississauga, Canada (300 đôla Canada)	282.99
51	Nguyễn Thị Dung, Houston, TX	100.00
52	Nguyễn Thị Thương, Elk Grove, CA	40.00
53	Nguyễn Văn Trung, Kitchener, Canada	100.00

54	Đoàn văn Giáp, Lake City, GA.	30.00
55	Phạm Thị Minh Hải, Victoria, Úc	300.00
56	Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA	40.00
57	Phạm Thị Niệm, Victoria, Úc	50.00
58	Phạm Văn Hơn, Fargo, ND	100.00
59	PTS Hồ Văn Tri, Carrollton, TX	90.00
60	Qu. Đầu Tộc Lê Thị Hồng Ngọc, NSW, Úc.	50.00
61	Quang Thomas Đỗ, San Antonio, TX	20.00
62	Thánh Thất Houston (Đường Synott) TX	200.00
63	Thánh Thất Đường Nhơn, Seattle, WA.	50.00
64	Thánh Thất San Antonio, TX	50.00
65	Trần Công Định, Alameda, CA.	20.00
66	Trần Thị Ngọc Cang, Oakland, CA.	30.00
67	Trần Văn Mỹ, Portland, OR.	50.00
68	Trương Thị Anh Đào, Oakland, CA	20.00
69	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	20.00
70	Trương Thị Nhàn, Baton Rouge, LA.	100.00
71	Trương Văn Thì, Seattle, WA	20.00
72	Thông sự Mai Văn Liêm, Arlington, TX.	20.00
73	Thông sự Nguyễn Thị Ánh, San Diego, CA.	50.00
74	Võ Văn Mia, San Antonio, TX	20.00

Tổng cộng: 7032.99

Tổng cộng tiền yểm trợ In Kinh Sách từ ngày 1-1-2013 đến ngày 20-11-2013 là **Bảy ngàn không trăm ba mươi hai đôla chín mươi chín xu (US\$ 7032.99).**

San Jose, ngày 20-11-2013
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Lược Sử Khai Đạo
Soạn giả: HT Nguyễn Trung Đạo

SÁCH BIỂU - KHÔNG BÁN
Book Not For Sale

Hình bìa: Bình Từ

Thực hiện
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
(Ấn hành tháng 12-2013 tại Hoa Kỳ)

*- Góp ý, thỉnh kinh sách, xin quý đồng đạo, thân hữu, cơ sở vui lòng liên lạc

HT. Nguyễn Ngọc Dũ
Điện thoại: 408-238-6547
Email: dutani@comcast.net

HT. Nguyễn Đăng Khích
Điện thoại: 408-926-9186.
Email: tn_ndk@yahoo.com

*- Sách & Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại in ấn và phát hành đều được **Biểu Không, Không Bán.**

Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
Tháng 12-2013



**Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo
(1934)**

-Sanh năm 1934 tại Sài Gòn, Việt Nam, là con trai út của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.

-Thọ phong Hiền Tài do Thánh Lệnh số 4/BQN-TU/DSHT ngày 6-3 năm Nhâm Tý (18-4-1972).

I-* Lúc còn ở Việt Nam.

1- Về phần Đời:

*- Giáo sư Toán Trung Học Đệ I và Đệ II Cấp tại các Trường Trung học Cấp Tiến, Tân Khoa, Huỳnh Khương Ninh, Les Lauriers, Marie Curie . . v . . v . .

*-Giám Đốc Trường Trung Tiểu Học Thuần Đức ở Gia Định.

2- Về phần Đạo:

Thủ bốn Ban Tạo Tác Thuyền Bát Nhã Thánh Thất Phú Nhuận, Gia Định.

II-* Định cư tại Hoa Kỳ (1991)

*-**Từ năm 1995**- Trưởng Nhiệm Giáo Lý Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Ban Thế Đạo Nam California.

*-**Từ năm 2006**: Trưởng Ban Khảo Cứu Vụ Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại.

*- **Ngày 1-11-1998**: CTS Hường Đạo San Diego, California.

*- **Từ Ngày 19-9-1999**: Quyền Đầu Tộc Tộc Đạo San Diego, California.

*- Đã biên soạn hơn 10 đầu sách lớn nhỏ về Đạo Cao Đài.

